

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đoàn Thị Thanh Vân

TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MUỖI
Ở XỨ NGHỆ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

**TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MƯỜI
Ở XỨ NGHỆ**

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



PGS.TS Phạm Lan Oanh

NGHIÊN CỨU SINH



Đoàn Thị Thanh Vân

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Mai Thị Thùy Hương

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu được nêu trong luận án là trung thực, khách quan và chưa từng được ai công bố. Những luận điểm mà luận án kế thừa của những tác giả đi trước đều được trích dẫn nguồn chính xác, cụ thể. Các số liệu, tài liệu nêu ra trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả Luận án



Đoàn Thị Thanh Vân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC BẢNG, HÌNH.....	v
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN	15
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	15
1.1.1. <i>Khái quát các nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ</i>	15
1.1.2. <i>Các nghiên cứu về Ông Hoàng Mười</i>	29
1.2. Cơ sở lý luận	38
1.2.1. <i>Các khái niệm cơ bản</i>	38
1.2.2. <i>Các lý thuyết nghiên cứu áp dụng trong đề tài</i>	45
1.2.3. <i>Khung phân tích của luận án</i>	51
1.3. Đánh giá tổng quan	52
Tiểu kết.....	54
Chương 2. HÌNH TƯỢNG ÔNG HOÀNG MƯỜI VÀ KHÔNG GIAN THỜ PHỤNG.....	55
2.1. Hình tượng Ông Hoàng Mười.....	55
2.2. Không gian thiêng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ	64
2.2.1. <i>Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An</i>	64
2.2.2. <i>Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Chợ Củi</i>	70
2.2.3. <i>Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Cả</i>	74
2.2.4. <i>Bài trí điện thờ</i>	76
2.3. Nhận xét chung	80
2.3.1. <i>Quá trình hình thành hình tượng đa tầng</i>	80
2.3.2. <i>Địa phương hóa và tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử</i>	89
Tiểu kết.....	92
Chương 3. THỰC HÀNH NGHI LỄ VÀ BIỂU TƯỢNG GIÁ ĐỒNG ÔNG HOÀNG MƯỜI.....	94
3.1. Thực hành nghi lễ thờ phụng Ông Hoàng Mười.....	94
3.1.1. <i>Việc thờ phụng thường xuyên trong năm tại đền</i>	94
3.1.2. <i>Lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười</i>	96
3.1.3. <i>Nghi lễ hầu đồng</i>	102
3.1.4. <i>Nghi lễ giá đồng Ông Hoàng Mười</i>	109

3.1.5. Nghệ thuật giá đồng Ông Hoàng Mười	111
3.2. Biểu tượng giá đồng Ông Hoàng Mười	123
Tiểu kết.....	129
Chương 4. BIẾN ĐỔI THỰC HÀNH, GIÁ TRỊ VÀ BÀN LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MUỖI.....	131
4.1. Biến đổi không gian thờ tự và nghi lễ.....	131
4.1.1. Đền thờ Ông Hoàng Mười tại tỉnh Nghệ An.....	132
4.1.2. Đền Chợ Củi	137
4.1.3. Đền Cả	143
4.1.4. Một số nhận xét	146
4.2. Biến đổi trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười	148
4.2.1. Biến đổi trong diễn ngôn về Ông Hoàng Mười.....	148
4.2.2. Biến đổi trong vai trò của nhà nước và chính sách về di sản.....	153
4.2.3. Giao thoa và tái định vị giữa cộng đồng và nhà nước trong bảo vệ tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười	156
4.3. Giá trị văn hóa tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười	158
4.3.1. Giá trị biểu tượng và tâm linh.....	158
4.3.2. Giá trị lịch sử và bản sắc địa phương.....	160
4.3.3. Giá trị nghệ thuật và sáng tạo dân gian	160
4.3.4. Giá trị xã hội - cộng đồng và duy trì bản sắc Xứ Nghệ	161
4.3.5. Giá trị phát triển du lịch văn hóa - tâm linh	162
4.4. Bàn luận học thuật.....	163
4.4.1. Tín ngưỡng như một thực hành văn hóa	163
4.4.2. Diễn ngôn thiêng và cơ chế quyền lực	166
4.4.3. Biểu tượng và cấu trúc ý nghĩa	169
4.4.4. Sáng tạo văn hóa trong thực hành tín ngưỡng Ông Hoàng Mười.....	171
4.4.5. Những vấn đề đặt ra.....	173
Tiểu kết.....	175
KẾT LUẬN.....	177
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ	182
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	183
PHỤ LỤC.....	197

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. AL	:	Âm lịch
2. BQT	:	Ban Quản trị
3. CB	:	Chủ biên
4. ĐH	:	Đại học
5. GS	:	Giáo sư
5. H	:	Hà Nội
6. HCM	:	Hồ Chí Minh
7. KDL	:	Khu du lịch
8. KHXH	:	Khoa học xã hội
9. NCS	:	Nghiên cứu sinh
10. Nxb	:	Nhà xuất bản
11. PGS	:	Phó giáo sư
12. TDTT	:	Thể dục thể thao
13. Tp	:	Thành phố
14. tr	:	trang
15. TS	:	Tiến sĩ
16. TTVH	:	Trung tâm văn hóa
17. UBND	:	Ủy ban nhân dân
18. VH TT	:	Văn hóa Thông tin
19. VH TTDL	:	Văn hóa, Thể thao, Du lịch
20. VHVN	:	Văn hóa Văn nghệ

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

Bảng 1: Bảng tổng hợp diễn biến điệu thức trong các làn điệu.....	117
Bảng 2. Bảng tổng hợp về đặc điểm cấu trúc làn điệu giá văn Ông Hoàng Mười.....	118
Hình 1: Sơ đồ khung lý thuyết tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười.....	49
Hình 2: Sơ đồ hướng tiếp cận khung phân tích văn hóa học.....	51
Hình 3: Sơ đồ khung phân tích tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười.....	52
Hình 4: Sơ đồ điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện Đền Ông Hoàng Mười Nghệ An.....	77
Hình 5: Sơ đồ điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện Đền Chợ Củi.....	78
Hình 6: Sơ đồ điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện Đền Cả.....	79

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là một hiện tượng văn hóa dân gian tiêu biểu trong đời sống tinh thần của người Việt, phản ánh sâu sắc thế giới quan, vũ trụ quan và hệ giá trị văn hóa truyền thống được hình thành và tích lũy qua nhiều thế hệ. Với cấu trúc thần điện phân tầng phức hợp, hệ thống tín ngưỡng này bao gồm các thực hành gắn với những nhân vật linh thiêng như Thánh Mẫu, Quan lớn, Châu Bà, Ông Hoàng, Cô, Cậu..., thể hiện rõ tính linh hoạt, tính đa nghĩa và khả năng thích ứng cao của niềm tin dân gian Việt Nam trước những biến đổi lịch sử – xã hội. Không chỉ tồn tại như một hình thức sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ còn vận hành như một diễn ngôn văn hóa đặc thù, nơi lưu giữ ký ức tập thể, chuyển tải hệ giá trị đạo đức – thẩm mỹ và góp phần kiến tạo bản sắc văn hóa vùng miền.

Việc UNESCO ghi danh *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2016 đã khẳng định giá trị đặc sắc, sức sống bền bỉ cũng như tính đại diện của loại hình tín ngưỡng này trong bức tranh đa dạng của văn hóa thế giới. Sự kiện này đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác nghiên cứu khoa học, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh đương đại.

Trong những thập niên gần đây, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đã thu hút sự quan tâm đáng kể của giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong nước cũng như nhiều học giả quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn các công trình đã công bố chủ yếu tiếp cận từ góc độ tôn giáo học, dân tộc học hoặc mô tả sinh hoạt nghi lễ, tập trung vào không gian hầu đồng tại các đền phủ, hệ thống biểu tượng nhân vật thờ, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Do đó, trong tổng thể thành tựu nghiên cứu hiện nay vẫn còn tồn tại những khoảng trống khoa học, nhất là đối với việc khảo cứu chuyên sâu, có hệ thống các nhân

vật linh thiêng mang tính khu vực, gắn với những không gian văn hóa cụ thể và quá trình địa phương hóa tín ngưỡng.

Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, mặc dù tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười đã được đề cập trong một số bài báo khoa học, luận văn và luận án, song các công trình này phần lớn mới dừng lại ở việc giới thiệu hiện tượng văn hóa trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ hoặc mô tả hoạt động thờ tự Ông Hoàng Mười gắn với một số di tích riêng lẻ. Những nghiên cứu mang tính tổng thể, tiếp cận liên ngành và đặt tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong mối quan hệ động với không gian văn hóa Xứ Nghệ, với các quá trình lịch sử, xã hội và truyền thông đương đại vẫn còn tương đối hạn chế.

Trong hệ thống thần điện Tam phủ, Ông Hoàng Mười là một trong những nhân vật linh thiêng nổi bật, gắn bó mật thiết với không gian văn hóa Xứ Nghệ, đặc biệt là tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh. Hình tượng Ông Hoàng Mười là sự kết tinh giữa yếu tố lịch sử, truyền thuyết và biểu tượng văn hóa địa phương, đóng vai trò như một “trực biểu tượng” trung gian, kết nối tín ngưỡng dân gian với bản sắc văn hóa khu vực. Việc thờ tự Ông Hoàng Mười không chỉ phản ánh nhu cầu tâm linh của cộng đồng cư dân tại chỗ mà còn là phương thức gìn giữ, tái tạo và chuyển tải ký ức văn hóa Xứ Nghệ qua các thế hệ.

Đặc biệt, thông qua các thực hành nghi lễ, diễn xướng hầu đồng, lễ hội và hoạt động thờ tự, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười cho thấy rõ xu hướng địa phương hóa và quá trình thích nghi mạnh mẽ trong bối cảnh xã hội hiện đại. Kể từ khi lễ hội thờ Ông Hoàng Mười tại Nghệ An được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (năm 2019), các thực hành liên quan đã có những biến đổi đáng kể: quy mô tổ chức ngày càng mở rộng, yếu tố sân khấu hóa trong nghi lễ ngày càng rõ nét, và du lịch tâm linh phát triển nhanh chóng. Song song với những chuyển biến tích cực đó là những thách thức không nhỏ liên quan đến việc bảo đảm tính thiêng, tính bền vững và chiều sâu văn hóa của di sản.

Những vấn đề như ranh giới giữa diễn xướng nghi lễ và biểu diễn mang tính thương mại, hay tác động của không gian số đến việc tái định nghĩa các giá trị thiêng, đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc tiếp cận và lý giải hiện tượng này từ góc nhìn văn hóa học.

Nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ từ các tiếp cận biểu tượng học, phân tích diễn ngôn, nghiên cứu thực hành văn hóa và truyền thông số cho phép nhận diện tín ngưỡng này không chỉ như một thiết chế tín ngưỡng truyền thống, mà còn như một thực thể biểu tượng sống động, liên tục được tái tạo trong những không gian văn hóa mới. Trong bối cảnh tín ngưỡng dân gian Việt Nam đang trải qua những chuyển dịch sâu sắc, việc khảo cứu quá trình tái hiện, biến đổi và lan tỏa của các hình thức biểu đạt truyền thống trong môi trường số có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Việc xây dựng và phát triển kho dữ liệu số về lễ hội, biểu tượng và diễn xướng nghi lễ thờ Ông Hoàng Mười không chỉ góp phần bảo tồn di sản mà còn tăng cường khả năng kết nối giữa các thế hệ, các vùng miền và cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, tôi lựa chọn đề tài *Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ* làm hướng nghiên cứu cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học tại Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam. Việc tiếp cận tín ngưỡng này như một thực hành văn hóa đang vận động không chỉ góp phần làm rõ cơ chế địa phương hóa của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, mà còn đóng góp thêm những luận cứ khoa học cho việc nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và phát triển bền vững.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm phân tích, lý giải và hệ thống hóa các giá trị văn hóa tiêu

biểu của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười tại Xứ Nghệ - một thực hành văn hóa trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu làm rõ vai trò của tín ngưỡng này trong việc kiến tạo bản sắc văn hóa vùng và duy trì ký ức cộng đồng trong bối cảnh hiện đại. Luận án hướng đến đóng góp thêm vào nền tảng lý luận và thực tiễn cho công tác bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại Việt Nam theo hướng bền vững và phù hợp với biến đổi xã hội đương đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể.

Tổng quan tình hình nghiên cứu: Khảo sát và hệ thống hóa một số các công trình trong và ngoài nước tiêu biểu liên quan đến tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung và tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười nói riêng; từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu để tiến hành xác lập cơ sở lý luận và lựa chọn khung lý thuyết - phương pháp luận phù hợp cho cách tiếp cận văn hóa học.

Làm rõ vị trí và giá trị tín ngưỡng: Phân tích vị trí và giá trị của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười thông qua việc lý giải mối liên hệ giữa yếu tố lịch sử - huyền thoại - ký ức cộng đồng trong quá trình kiến tạo hình tượng và biểu tượng linh thiêng.

Khám phá không gian văn hóa - lịch sử: Làm rõ sự hình thành và vận động của hình tượng Ông Hoàng Mười trong không gian văn hóa Xứ Nghệ, gắn với các yếu tố xã hội, chính trị và tín ngưỡng địa phương, góp phần duy trì sự hiện diện của hình tượng này trong tâm thức cộng đồng.

Khảo sát thực hành nghi lễ và biểu hiện nghệ thuật: Nghiên cứu các hình thức thực hành tín ngưỡng đặc trưng như lễ rước, hầu đồng, hát văn... nhằm phân tích giá trị biểu tượng, tính nghệ thuật trình diễn, cấu trúc nghi lễ và chức năng xã hội của các diễn xướng dân gian gắn với Ông Hoàng

Mười tại địa phương.

Đánh giá tác động của bối cảnh đương đại: Phân tích ảnh hưởng của các quá trình hiện đại hóa, truyền thông hóa đối với thực hành thờ Ông Hoàng Mười. Luận án tập trung làm rõ cách thức tái cấu trúc không gian linh thiêng và bản sắc cộng đồng dưới sự tương tác giữa các chủ thể gồm Nhà nước, cộng đồng thực hành và các yếu tố liên quan.

Bàn luận về những vấn đề đặt ra: Từ những phân tích đã nêu, NCS đưa ra các bàn luận trên nền tảng tiếp cận các lý thuyết văn hóa học và gắn với thực tiễn quản lý văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi hiện nay.

3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Trên cơ sở nhận diện bối cảnh lý luận và thực tiễn của tín ngưỡng dân gian Việt Nam đương đại, luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu trọng tâm.

Câu 1: Ông Hoàng Mười được định vị như thế nào trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, xét từ góc nhìn lý luận và thực hành hiện nay?

Câu 2: Hình tượng Ông Hoàng Mười được kiến tạo và duy trì như nào trong không gian văn hóa – lịch sử vùng Nghệ An, Hà Tĩnh? Những yếu tố văn hóa – xã hội, lịch sử - huyền thoại nào đã góp phần định hình và lưu truyền hình tượng Ông Mười trong tâm thức cộng đồng?

Câu 3: Các thực hành nghi lễ đặc trưng như: lễ rước, hầu đồng, hát văn... phản ánh những chiều cạnh giá trị nào của di sản văn hóa phi vật thể? Các nghi lễ này biểu đạt ra sao các giá trị biểu tượng, thẩm mỹ và cấu trúc trình diễn trong bối cảnh văn hóa dân gian vùng Xứ Nghệ?

Câu 4: Trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và truyền thông hóa, các thực hành thờ Ông Hoàng Mười đã biến đổi theo những chiều hướng nào? Mối quan hệ và tương tác giữa các chủ thể như Nhà nước, cộng đồng thực hành và các lý thuyết nghiên cứu văn hóa ảnh hưởng ra sao đến quá trình tái định

hình không gian linh thiêng và bản sắc tín ngưỡng?

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích các hiện tượng văn hóa liên quan, luận án xây dựng các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết 1: Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một cấu phần đặc thù trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, phản ánh sự kết hợp giữa thế giới quan dân gian và bản sắc địa phương, đồng thời là biểu hiện cụ thể của cơ chế linh thiêng hóa không gian và nhân vật thờ trong tín ngưỡng Việt Nam.

Giả thuyết 2: Hình tượng Ông Hoàng Mười được kiến tạo trên nền tảng giao thoa giữa huyền thoại, lịch sử và ký ức cộng đồng, thể hiện tiến trình địa phương hóa thần điện và sự thiêng hóa nhân vật trong quá trình cấu trúc tín ngưỡng dân gian Xứ Nghệ.

Giả thuyết 3: Các thực hành nghi lễ và hình thức diễn xướng gắn với Ông Hoàng Mười là không gian biểu đạt đa tầng, nơi hội tụ các yếu tố biểu tượng linh thiêng, nghệ thuật trình diễn, cấu trúc lễ nghi, đồng thời phản ánh cơ chế tiếp nhận - bảo lưu - sáng tạo trong văn hóa dân gian.

Giả thuyết 4: Những biến đổi trong thực hành tín ngưỡng hiện nay là kết quả của quá trình *giao thoa và tái định vị* giữa các hệ hình giá trị: giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính thiêng và tính thế tục, giữa cộng đồng địa phương và cơ chế quản lý nhà nước - thị trường. Quá trình *tái định vị* này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản theo hướng thích ứng và bền vững trong xã hội đương đại.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười bao gồm: thực hành nghi lễ thờ cúng, nghi lễ hầu đồng, biểu tượng thần thánh, không gian thiêng, niềm tin cộng đồng cùng với các hoạt động liên quan của chính

quyền và người dân. Những thực hành này được tiếp cận như một hiện tượng văn hóa đặc sắc, phản ánh cấu trúc biểu tượng cũng như cơ chế vận hành của di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh xã hội đương đại.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu: Luận án tập trung khảo sát ba địa điểm tiêu biểu gắn với tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười tại vùng Xứ Nghệ, gồm:

Đền Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;

Đền Chợ Củi ở xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;

Đền Cả ở phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ba địa điểm này đều là những ngôi đền lớn, quan trọng, thể hiện rõ nét đặc trưng địa phương hóa trong thực hành thờ Ông Hoàng Mười tại không gian văn hóa Xứ Nghệ.

Theo Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 17/4/2024 của Chính phủ, kể từ ngày 01/7/2025, địa giới hành chính tại các khu vực trên đã thay đổi: xã Hưng Thịnh được sáp nhập vào thành phố Vinh (nay là phường Hưng Thịnh); xã Xuân Hồng thuộc thành phố Hồng Lĩnh (nay là phường Xuân Hồng); và thị xã Hồng Lĩnh được nâng cấp thành thành phố Hồng Lĩnh.

Trong phạm vi luận án này, chúng tôi vẫn sử dụng tên gọi địa danh theo đơn vị hành chính trước thời điểm điều chỉnh, nhằm đảm bảo sự thống nhất với nguồn tư liệu dân gian, hồ sơ khảo sát thực địa và dữ liệu phỏng vấn được thu thập trong quá trình nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu tập trung vào giai đoạn từ sau năm 2016 đến năm 2025 - thời kỳ chứng kiến nhiều biến đổi đáng chú ý trong nhận thức, quản lý và thực hành di sản, đặc biệt là sau sự kiện Lễ hội Ông Hoàng Mười tại Nghệ An được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (năm 2019).

Nội dung nghiên cứu: Trên cơ sở tiếp cận văn hóa học, luận án triển khai các nội dung chính sau:

Phân tích quá trình hình thành và phát triển hình tượng Ông Hoàng Mười trong mối liên hệ với không gian văn hóa - lịch sử vùng Xứ Nghệ gồm tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Làm rõ những giá trị văn hóa nghệ thuật trong các thực hành nghi lễ gắn với Ông Hoàng Mười, đặc biệt là trong hát văn và hầu đồng.

Phân tích ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa, truyền thông hóa. Xác định các yếu tố văn hóa - xã hội tác động đến việc duy trì, chuyển hóa và tái tạo nghi lễ trong bối cảnh hiện đại.

Phân tích quá trình giao thoa và tái định vị giữa các chủ thể (Nhà nước - cộng đồng - thị trường) trong công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười hiện nay.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không giới hạn trong khuôn khổ của nghiên cứu văn hóa dân gian, văn hóa học hay lịch sử tôn giáo/tín ngưỡng, mà được nhìn nhận như một hiện tượng văn hóa đa tầng, vận hành trong tương tác giữa cấu trúc xã hội, ký ức cộng đồng và không gian thiêng. Đây là một thực hành văn hóa phức hợp, đòi hỏi tiếp cận liên ngành, kết hợp các công cụ phân tích và khung lý thuyết từ Văn hóa học, Nhân học, Xã hội học, Ký ức học và Di sản học.

Tiếp cận của luận án đặt trọng tâm vào việc giải mã các lớp nghĩa văn hóa - biểu tượng, thông qua việc phân tích tổng thể các yếu tố cấu thành nên thực hành tín ngưỡng, bao gồm: nhân vật linh thiêng, nghi lễ, không gian thiêng, cộng đồng thực hành và các mối quan hệ xã hội – chính trị chi phối quá trình thực hành. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất tiếp cận di sản như một quá

trình, trong đó tín ngưỡng không chỉ là sản phẩm truyền thống tĩnh tại, mà là một hình thái văn hóa luôn được kiến tạo lại, giao thoa và tái định vị trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Luận án lựa chọn cách tiếp cận văn hóa học như một lăng kính trung tâm để tích hợp các hướng tiếp cận khác, nhằm làm rõ tính phức hợp, tính linh hoạt và khả năng duy trì bản sắc của tín ngưỡng dân gian trong xã hội đương đại.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sinh đã kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đảm bảo tính khoa học toàn diện trong nghiên cứu. Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu là tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một thực hành văn hóa sống động, tồn tại trong không gian động và có khả năng thích ứng cao với bối cảnh lịch sử - xã hội. Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện và chiều sâu học thuật, luận án vận dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn hóa học, nhân học và nghiên cứu di sản.

Tổng hợp và phân tích tài liệu: Phương pháp này được sử dụng nhằm khảo sát, tổng hợp và phân tích các nguồn tư liệu viết liên quan đến đối tượng nghiên cứu, bao gồm: Văn bản châu văn hầu Thánh để phân tích ngôn ngữ biểu tượng, diễn ngôn về thần tích và hình tượng Ông Hoàng Mười; Thần phả, sắc phong, văn khấn cổ... để tái dựng tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử và căn cứ cho quá trình thiết lập không gian thờ tự; Hồ sơ xếp hạng di tích và di sản (cấp tỉnh, quốc gia) nhằm đánh giá vai trò quản lý nhà nước và quá trình thể chế hóa thực hành tín ngưỡng; Tài liệu báo chí - truyền thông nhằm nhận diện cách truyền thông đại chúng tái kiến tạo hình ảnh Ông Hoàng Mười và lễ hội liên quan trong thời hiện đại.

Việc phân tích tài liệu giúp NCS tìm ra cơ sở lý thuyết và hệ thống hóa thông tin nền tảng trước khi tiến hành khảo sát thực địa.

Khảo sát thực địa: NCS sử dụng như một phương pháp tiếp cận trực tiếp,

cho phép quan sát, ghi nhận và tham gia vào các thực hành tín ngưỡng ngay tại cộng đồng. Qua đó, NCS có thể nhận diện chính xác tiến trình tổ chức nghi lễ, vai trò và tương tác giữa các chủ thể tham gia, cũng như những biến đổi đang diễn ra trong không gian thờ tự - cả về hình thức, nội dung lẫn bối cảnh xã hội - văn hóa đi kèm.

Quan sát tham dự: NCS vận dụng như một hình thức khảo sát thực địa chuyên sâu, thông qua việc trực tiếp tham gia và quan sát các thực hành tín ngưỡng tại 3 địa điểm nghiên cứu. Phương pháp này cho phép ghi nhận một cách toàn diện tiến trình tổ chức nghi lễ, mức độ và hình thức tham gia của cộng đồng, cũng như các yếu tố trình diễn trong thực hành tín ngưỡng, từ cách bài trí không gian thờ tự đến hành vi tín ngưỡng của các đối tượng tham dự.

Đặc biệt, nghiên cứu tập trung quan sát nghi lễ hầu đồng giá Ông Hoàng Mười – một nghi thức tiêu biểu trong hệ thống thờ Mẫu Tam phủ - nhằm nhận diện các yếu tố biểu tượng và trình diễn như: phục trang, âm nhạc, lời văn châu, điệu bộ, ngữ điệu và sự tương tác giữa thanh đồng, công chúng và thần linh. Qua đó, NCS không chỉ tiếp cận các lớp nghĩa trong nghi lễ, mà còn giải mã được những diễn ngôn tiềm ẩn về quyền lực, giới tính, bản sắc và niềm tin tín ngưỡng đang được tái cấu trúc trong bối cảnh đương đại.

Phỏng vấn sâu và phỏng vấn trực tuyến: NCS triển khai song song với quá trình điền dã, nhằm tiếp cận đa chiều các quan điểm, kinh nghiệm và diễn giải từ các nhóm chủ thể khác nhau liên quan đến thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười. Phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng, với sự lựa chọn người tham gia có chủ đích, bảo đảm tính đa dạng về vai trò xã hội, mức độ gắn bó với tín ngưỡng, cũng như quan điểm cá nhân trong quá trình thực hành và tiếp nhận di sản. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh còn kết hợp phương pháp điều tra đặt ra câu hỏi tổng hợp kết quả định tính để làm sáng tỏ nội dung niềm tin của cộng đồng đối với tín ngưỡng.

Các nhóm phỏng vấn bao gồm:

Thanh đồng và thủ nhang - những người trực tiếp thực hành và tổ chức nghi lễ, nắm giữ tri thức nghi lễ truyền thống và đóng vai trò trung gian giữa thế giới linh thiêng và cộng đồng thực hành;

Ban quản lý di tích và đại diện chính quyền địa phương - đại diện cho yếu tố thể chế và quản lý văn hóa, điều phối hoạt động lễ hội và không gian thờ tự trong khuôn khổ chính sách văn hóa hiện hành;

Người hành hương và cư dân địa phương - cung cấp những góc nhìn xuất phát từ ký ức cộng đồng, niềm tin cá nhân và trải nghiệm thực hành tín ngưỡng, phản ánh các biến đổi trong cảm nhận và hành xử nghi lễ qua thời gian;

Nhà nghiên cứu, người làm truyền thông số (youtuber, facebooker, nhà sáng tạo nội dung) - góp phần làm rõ quá trình tái hiện, truyền thông và biến đổi hình ảnh tín ngưỡng trong không gian số và thị trường văn hóa đại chúng hiện nay.

Phỏng vấn được thực hiện trực tiếp tại các địa điểm thờ tự, trong không gian diễn ra lễ hội, cũng như tại nơi sinh hoạt thường nhật của các cá nhân liên quan, với quá trình ghi chép cẩn trọng các phát ngôn, hành vi và ngữ cảnh đi kèm. Song song đó, nghiên cứu sinh cũng tiến hành các cuộc phỏng vấn trực tuyến qua điện thoại và ứng dụng mạng xã hội khi cần lấy ý kiến mở rộng từ cộng đồng ngoài địa phương khảo sát.

Với các video do các nhà sáng tạo nội dung đăng tải trên nền tảng YouTube và Facebook, nghiên cứu sinh tiến hành tải đường link, chuyển nội dung video sang dạng văn bản (gõ băng), từ đó đưa vào hệ thống tư liệu trích dẫn trong luận án và phục vụ đối chiếu với dữ liệu phỏng vấn trực tiếp, được trình bày đầy đủ trong phần phụ lục.

Toàn bộ dữ liệu phỏng vấn được mã hóa theo chủ đề, phân loại theo nhóm chủ thể và nội dung phản ánh, sau đó được xử lý thông qua tiếp cận diễn

ngôn và biểu tượng học. Cách tiếp cận này giúp làm rõ các cơ chế tạo nghĩa, sự dịch chuyển diễn ngôn và quá trình giao thoa - tái định vị giá trị trong bối cảnh thực hành tín ngưỡng đương đại.

Phân tích diễn ngôn: NCS sử dụng nhằm làm rõ cách cộng đồng kiến tạo, duy trì và điều chỉnh ý nghĩa gắn với hình tượng Ông Hoàng Mười thông qua các loại văn bản, ngôn từ và hành vi nghi lễ. Phân tích văn chầu giúp nhận diện cách cộng đồng định nghĩa, tôn vinh và trình hiện Ông Hoàng Mười như một vị thánh “văn võ song toàn”. Ngôn ngữ hành lễ - bao gồm lời khấn, sấm lễ và các ngữ đoạn xung tụng trong hầu đồng - được tiếp cận như những diễn ngôn thiêng mang nhiều lớp nghĩa: linh thiêng, bản sắc, chính trị và thẩm mỹ. Bên cạnh đó, các diễn ngôn trên báo chí và mạng xã hội được đưa vào phân tích nhằm làm rõ sự tương tác, va chạm và chuyển hóa giữa diễn ngôn truyền thống và diễn ngôn truyền thông hiện đại.

Phương pháp này cho phép nhận diện các cơ chế tạo nghĩa, cấu trúc quyền lực biểu tượng, cũng như quá trình cộng đồng liên tục điều chỉnh, thích ứng và tái định vị hình ảnh nhân vật thờ tự trong bối cảnh đương đại.

Phương pháp so sánh - đối chiếu liên vùng: NCS vận dụng nhằm đối chiếu thực hành nghi lễ và không gian thờ tự Ông Hoàng Mười tại ba địa điểm khác nhau thuộc vùng Xứ Nghệ. Cụ thể, luận án khảo sát ba mô hình tiêu biểu với sự khác biệt về chủ thể tổ chức và cơ chế quản lý:

Đền Ông Hoàng Mười (Nghệ An), do ban quản lý di tích trực tiếp điều phối;

Đền Chợ Củi (Hà Tĩnh), do ban dịch vụ công ích quản lý sau quá trình chuyển giao từ thủ nhang sang chính quyền;

Đền Cả (Hà Tĩnh), do thủ từ và cộng đồng địa phương tổ chức thực hiện.

Việc so sánh các mô hình này giúp làm nổi bật sự khác biệt trong cách thiết lập quyền linh, tổ chức nghi lễ và vận hành không gian tín ngưỡng. Qua đó, luận án bước đầu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi trong

thực hành thờ Ông Hoàng Mười như: vai trò của Nhà nước, truyền thông và thị trường. Đồng thời, phương pháp này cũng gợi mở khả năng thích nghi linh hoạt của cùng một hệ thống thần điện trong những bối cảnh xã hội – hành chính khác nhau.

Việc kết hợp phương pháp này cùng với các phương pháp khác trong nghiên cứu góp phần bảo đảm tính khách quan, tăng độ tin cậy của dữ liệu và tạo nền tảng cho việc phân tích sâu hơn ở các chương sau về khả năng thích ứng, biến đổi và quản lý di sản trong bối cảnh đương đại.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Đóng góp về mặt lý luận

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu tiếp cận hiện tượng tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ dưới góc nhìn văn hóa học, đặt trong mối quan hệ nội tại với hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ và bối cảnh biến đổi xã hội đương đại. Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các lý thuyết về biểu tượng, diễn ngôn và thực hành văn hóa, luận án mang lại một số đóng góp lý luận như sau:

Góp phần làm sáng tỏ cơ chế thiêng hóa và quá trình kiến tạo hình tượng Ông Hoàng Mười như một thiết chế văn hóa – tâm linh tiêu biểu, có vai trò duy trì ký ức cộng đồng và bản sắc địa phương trong cấu trúc thần điện của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Gợi mở cách tiếp cận thực hành tín ngưỡng như một hình thức “trình diễn văn hóa” (cultural performance), nơi diễn ra quá trình giao thoa và tái định vị giữa các cực giá trị: truyền thống và hiện đại, cộng đồng và thể chế, ký ức tập thể và diễn ngôn chính thống.

Bổ sung khung lý luận liên ngành cho nghiên cứu tín ngưỡng dân gian trong xã hội đương đại, với tư cách là một cấu trúc văn hóa linh hoạt, luôn được tái định nghĩa thông qua các tương tác xã hội, truyền thông đại chúng và cơ chế quản trị di sản.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Trên cơ sở khảo sát thực địa tại ba địa điểm thờ Ông Hoàng Mười tiêu biểu ở tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, luận án cung cấp hệ thống tư liệu định tính cập nhật, phản ánh sinh động các chiều cạnh văn hóa, nghi lễ và xã hội của tín ngưỡng dân gian trong giai đoạn sau khi được ghi vào danh sách là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (2019). Các đóng góp thực tiễn bao gồm:

Góp phần nhận diện vai trò văn hóa - xã hội của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, đặc biệt trong việc duy trì ký ức cộng đồng, tái cấu trúc không gian linh thiêng, kết nối cư dân tại chỗ và cư dân hành hương, đồng thời phản ánh năng lực thích ứng và sáng tạo của văn hóa địa phương trong thời kỳ hiện đại.

Cung cấp cơ sở dữ liệu thực chứng và hệ thống phân tích khoa học, góp phần hỗ trợ xây dựng các chính sách bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong mối liên hệ với truyền thông đương đại và yêu cầu phát triển bền vững.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu (14 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (14 trang) và Phụ lục (79 trang), cấu trúc của Luận án gồm 04 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận (40 trang).

Chương 2. Hình tượng Ông Hoàng Mười và không gian thờ phụng (39 trang).

Chương 3. Thực hành nghi lễ và biểu tượng giá đồng Ông Hoàng Mười (37 trang).

Chương 4. Biến đổi thực hành, giá trị và bàn luận về tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười (46 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

Chương 1 trình bày tổng quan hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt và hình tượng Ông Hoàng Mười trong cấu trúc thần điện. Thông qua việc phân tích các tài liệu học thuật tiêu biểu, đặc biệt là sau khi *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* được UNESCO ghi vào danh sách là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (năm 2016), chương này xác định rõ khoảng trống nghiên cứu mà luận án hướng tới - đó là sự thiếu vắng các khảo cứu chuyên sâu về tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, đặc biệt tại các không gian vùng Nghệ An và Hà Tĩnh, nơi hình tượng này được gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hóa địa phương.

Bên cạnh đó, chương cũng giới thiệu hệ thống cơ sở lý luận và khái niệm công cụ được vận dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu, bao gồm: Lý thuyết biểu tượng (symbol theory), Lý thuyết diễn ngôn (discourse theory), Lý thuyết thực hành văn hóa (cultural practice theory) và khung tiếp cận văn hóa học về di sản.

Các nền tảng lý luận này không chỉ giúp định hướng phương pháp tiếp cận hiện tượng tín ngưỡng, mà còn góp phần xem xét tín ngưỡng như một hệ thống thực hành văn hóa sống động, gắn bó mật thiết với cộng đồng địa phương và không ngừng tái cấu trúc, vận động trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Khái quát các nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ - một hình thức thờ phụng dân gian đặc trưng của người Việt - đã trở thành đối tượng nghiên cứu trọng tâm của nhiều học giả trong nước và quốc tế, đặc biệt kể từ khi được UNESCO ghi vào danh sách là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016. Việc được ghi danh không chỉ khẳng định giá trị văn hóa - tâm linh sâu sắc của tín

ngưỡng này trong đời sống tinh thần cộng đồng người Việt, mà còn mở ra những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu về di sản văn hóa sống dưới góc nhìn văn hóa học, nhân học và di sản học.

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam - nay là Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam là cơ quan xây dựng Hồ sơ *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* trình UNESCO đã cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nam Định hoàn tất các công việc trong đề án xây dựng hồ sơ quốc gia trình UNESCO. Viện đã công bố một bộ sách dày gồm 4 tập: tập 1 (*Tuyển tập những bài hát văn*), Nxb Thế Giới, H, 2017, dày 799 trang [74]; tập 2 (*Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt qua tư liệu Hán Nôm*), Nxb Thế Giới, H, 2019, dày 599 trang [75]; tập 3 (*Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, những công trình nghiên cứu*), Nxb Thế Giới, H, 2019, dày 799 trang [76]; tập 4 (*Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, những công trình của tác giả nước ngoài*), Nxb Thế Giới, H, 2021, sách dày 599 trang [77]. Cả bộ sách này đều được in khổ lớn 16x24 cm. Trước đó, hai cơ quan này đã xuất bản kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb Thế Giới, H, 2016, sách dày 792 trang khổ 16x24 cm, giới thiệu 54 tham luận của 54 tác giả, trong đó có 8 tác giả ngoài nước. Năm 2017, Viện xuất bản cuốn sách *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, hành trình đến di sản nhân loại*, Nxb Thế Giới, H, sách dày 286 trang khổ 14,5 x 20,5cm.

Đánh giá tổng thể, bộ sách do Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nam Định công bố là bộ sách rất dày dặn, chứa đựng những công trình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt. Hiện tại, chưa có bộ sách nào về di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại ở Việt Nam vượt qua được bộ sách này về nhiều phương diện, trong đó, ít nhất là phương diện dung lượng công trình. Thông qua nội dung khoa học thể hiện trong bộ sách, NCS kế thừa, học hỏi được rất nhiều tri thức đáng giá. Trên

tinh thần kế thừa di sản nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước thể hiện trong bộ sách và các tài liệu liên quan, NCS chỉ đề cập sơ lược và rất chủ quan về những nghiên cứu nước ngoài và trong nước liên quan tới tổng quan tình hình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ dưới đây.

Ở chiều quốc tế, nhiều học giả đã có những đóng góp quan trọng trong việc tiếp cận tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ như một hiện tượng di sản sống động, vận động mạnh mẽ trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Đáng chú ý là công trình *Phù thuật và tín ngưỡng An Nam* của Paul Giran cũng cung cấp một điểm nhìn lịch sử - nhân học. Trong tác phẩm này, Paul Giran khẳng định: “Vây là người An Nam rõ ràng sở hữu một nét độc đáo riêng, dưới sự đô hộ và ảnh hưởng của Trung Hoa, họ chỉ phát triển đúng theo hướng tiến hóa tự nhiên của mình... Cùng một tín ngưỡng là tín ngưỡng Tam phủ lại đồng thời tồn tại ở miền Nam Trung Hoa và An Nam; nhưng trong khi ở miền Nam Trung Hoa nó gần như bị lãng quên, thì ngược lại ở An Nam nó lại hết sức phát triển... Chính vì thế chúng tôi luôn tự cho phép coi tín ngưỡng Tam phủ... là một sản phẩm độc đáo của tư duy tôn giáo An Nam. Và chúng tôi đã tìm thấy cái hồn An Nam dưới những vẻ bề ngoài xa lạ bao quanh xứ sở này” [22, tr.199].

Công trình *Performing the Divine: Mediums, Markets and Modernity in Urban Vietnam (Thực hành tính thiêng: Thanh đồng, thị trường và tính hiện đại trong bối cảnh đô thị Việt Nam)* [147] của Kirsten W. Endres nghiên cứu thực hành lên đồng và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ trong bối cảnh đô thị Việt Nam đương đại, làm rõ cách tính thiêng được trình diễn và tái cấu trúc thông qua nghi lễ. Tác giả phân tích mối quan hệ giữa tín ngưỡng, thị trường và hiện đại hóa, cho thấy quá trình thương mại hóa không triệt tiêu mà góp phần tái tạo và duy trì tính thiêng của thực hành tín ngưỡng. Công trình nhấn mạnh khả năng thích ứng và sức sống của tín ngưỡng dân gian Việt Nam như một di sản văn hóa sống trong bối cảnh hiện đại.

Trong bài viết “Con nhà Thánh đệ tử của thầy, các thanh đồng Việt Nam sau đôi mới” tác giả Viveca Larsten – Kirsten W.Endres có viết về tình hình Đô thị Việt Nam đương đại các thanh đồng của đạo Tứ phủ tạo thành một cộng đồng, cùng thuộc một bản hội, một ngôi đền nhất định. Đồng thầy và đệ tử có sự phụ thuộc lẫn nhau. Đồng thầy giúp các đệ tử mặt tâm linh, đạo đức... Thanh đồng đóng góp duy trì hoạt động của đền, bản hội... [77, tr.322]. Qua đó, chúng ta thấy hoạt động của bản hội tín ngưỡng Tam, Tứ phủ cũng có tổ chức và người lãnh đạo rõ ràng.

Bài viết “Khi di tích, hiện vật và thực hành tôn giáo trở thành di sản văn hóa: Tiếp cận lý thuyết và thực hành” tác giả Oscar Saleminck đã viết: “Năm 2010 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã cố gắng sàng lọc một số thực hành nhất định liên quan tới lên đồng dựa trên luận cứ thực hành này là những thực hành mê tín dị đoan và vì thế không được phép tổ chức ở những điểm di sản đã được nhà nước công nhận”. Tác giả cũng thể hiện quan điểm quan ngại rõ ràng của mình qua nội dung phần kết bài “Yêu cầu của Việt Nam đặt thực hành nghi lễ đạo Mẫu hài hòa về thẩm mỹ và đẩy sức sống lên bề danh hiệu di sản văn hóa của UNESCO có thể phải trả một cái giá cao khi biến nó thành một sự tránh né các nội dung tôn giáo, biến thực hành này thành đối tượng can thiệp của các lực lượng đến từ bên ngoài và vì thế tước quyền của các thành viên tôn giáo của chính nó hay không” [72, tr.705;707].

Công trình *Modernity and Re-enchantment* của Philip Taylor [150] cũng đưa ra cách nhìn mới về sự phục hưng của các tín ngưỡng dân gian trong xã hội Việt Nam hiện đại. Ông nhấn mạnh rằng đạo Mẫu không chỉ là sự tiếp nối truyền thống, mà còn là một hình thức tái tạo bản sắc và thương lượng với hiện đại của các cộng đồng địa phương, đặc biệt trong bối cảnh xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế khu vực.

Những công trình nêu trên đã góp phần định vị tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ như một hệ thống biểu tượng bản địa, vừa giàu tính thiêng, vừa mang khả

năng thích nghi cao, đặc biệt trong tiến trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa và tái cấu trúc bản sắc văn hóa dân tộc.

Bên cạnh các nghiên cứu mang tính lý luận và tiếp cận quốc tế, nhiều công trình trong nước cũng đã góp phần khẳng định chiều sâu văn hóa và sức sống bền bỉ của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ như một hệ thống tín ngưỡng đặc sắc của người Việt.

Trong số các công trình nền tảng, đáng chú ý là tác phẩm *Đạo Mẫu Việt Nam - Tín ngưỡng và lễ hội* của Ngô Đức Thịnh [102, tr.65,66]. Tác giả đã viết “Mẫu là quyền năng sáng tạo vũ trụ duy nhất nhưng lại hóa thân thành Tam vị, Tứ vị để cai quản các miền khác nhau của vũ: Mẫu Thiên, Mẫu Thoải, Mẫu Địa, Mẫu Thượng Ngàn”. Ngoài ra, trong điện thần Tứ phủ, Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện muộn nhất nhưng lại là thần chủ của đạo Mẫu. Bà vừa là Tiên, vừa là người mang biểu tượng gắn kết giữa thần linh và đời thường. Mẫu Liễu Hạnh với trang phục màu đỏ, ngồi vị trí trung tâm, chính giữa thể hiện vai trò của Mẫu trong điện thờ Tứ phủ.

Trong công trình *Phủ Quảng Cung trong hệ thống đạo Mẫu Việt Nam*, Nguyễn Công Oánh nhấn mạnh tính chất bản địa - tích hợp - năng động của đạo Mẫu. Tác giả cho rằng: “Đạo Mẫu vốn là tín ngưỡng bản địa của dân tộc Việt, nhưng nó thể hiện một khả năng tích hợp tôn giáo tín ngưỡng cao... Hiếm có một tôn giáo tín ngưỡng nào lại có một khả năng tích hợp văn hóa như là đạo Mẫu... Nó không chỉ có sức sống trong điều kiện chế độ phong kiến quân chủ... mà còn tiềm ẩn và bùng phát trong xã hội đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay... Đạo Mẫu không chỉ là một tín ngưỡng tôn giáo mà còn là văn hóa... thực sự là một bảo tàng sống của văn hóa Việt Nam.”.. [105, tr.18,19].

Quan điểm của Nguyễn Công Oánh đã mở rộng cách hiểu về đạo Mẫu như một thực thể văn hóa tổng hợp, mang khả năng tích hợp liên văn hóa, đồng thời tự vận động và thích nghi mạnh mẽ trong các điều kiện xã hội – lịch sử khác nhau. Từ đó, đạo Mẫu không chỉ là một hình thức tín ngưỡng truyền thống,

mà còn là một “bảo tàng sống” phản ánh lối sống, ước vọng và tư duy văn hóa của người Việt xưa và nay [86].

Cùng với đó, trong bài viết “Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian ở Việt Nam”, GS Đinh Gia Khánh đã chỉ ra chiều sâu dân gian và tính linh hoạt của tục thờ Mẫu trong văn hóa Việt. Theo ông, hình tượng Mẫu Liễu Hạnh - với vai trò là một biểu tượng trung tâm - không chỉ gắn với tín ngưỡng dân gian mà còn tạo nên một cơ cấu thần linh đặc sắc, kéo hệ thống thần điện từ cõi siêu nhiên cao xa trở về gần gũi với đời sống nhân gian. Việc đưa thần linh “trở về với đời thường”, theo GS Đinh Gia Khánh, chính là nét độc đáo khiến đạo Mẫu trở thành một thiết chế văn hóa dân gian vừa thiêng liêng vừa trần thế, bám rễ sâu trong tâm thức cộng đồng [76, tr.19-34].

Trong bài viết “Thánh mẫu Liễu Hạnh trong dòng tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta” của tác giả Nguyễn Minh San đã khẳng định: Mẫu Liễu của thế kỷ XVI là vị Mẫu có chân trong đạo Tam, Tứ phủ. Hệ thống ban thờ, điện thờ Mẫu tại các đền phủ rất đa dạng. Bà là Thánh Mẫu cuối cùng được tôn phong trên nước ta, là sự tiếp nối của dòng tín ngưỡng Mẫu trước đó. Bà là biểu tượng sinh động đời thường, nhưng lại rất phi thường. Mẫu có đức hiếu nghĩa của Nho giáo, pháp thuật của Đạo, quy y theo Phật nhưng không Đạo nào kìm hãm bà được. Bà được tôn vinh, không bị trừng phạt. Mẫu Liễu Hạnh là bất tử. Đền thờ Mẫu Liễu Hạnh luôn được dân khói hương, tưởng nhớ và cầu mong [76, tr.210- 219].

Những công trình kể trên đã góp phần định vị đạo Mẫu Tam phủ không chỉ là một tín ngưỡng dân gian, mà còn là một hệ biểu tượng văn hóa tích hợp, nơi thể hiện rõ tính nữ quyền, tính linh hoạt nghi lễ và khả năng thích ứng xã hội cao, làm nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu tiếp nối, trong đó có luận án này.

Bên cạnh hệ thống nghiên cứu về đạo Mẫu Tam phủ như một thực thể tôn giáo - tín ngưỡng tổng thể, một số công trình đã tập trung đi sâu vào cấu trúc thần điện Tứ phủ, trong đó có các phân tích về hình tượng Ông Hoàng Mười - một trong những nhân vật được tôn kính và thờ phụng rộng rãi, đặc biệt

tại vùng Xứ Nghệ.

Trong công trình *Tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Thanh Hóa - bản sắc và giải pháp phục vụ du lịch*, do Nguyễn Xuân Phi và Hà Huy Tâm chủ biên, các tác giả đã giới thiệu hệ thống thần linh trong đạo Mẫu được sắp xếp theo trật tự phân cấp từ Tam tòa Thánh Mẫu đến các hàng Quan, Châu, Cô, Cậu, trong đó Ông Hoàng Mười được xác định thuộc Thập vị Thủy Tề và gắn với Địa phủ - đại diện cho lớp thần linh trấn giữ vùng đất Xứ Nghệ. Các ông Hoàng khác cũng được phân chia rõ theo phủ và vị trí, góp phần tái khẳng định tính hệ thống, phân tầng và bản địa hóa của thần điện Tứ phủ. Công trình cũng chỉ ra sự khác biệt giữa dạng thức thờ Mẫu ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ: nếu ở Bắc Trung Bộ, tín ngưỡng cơ bản vẫn mang hình thức của hệ thống Tam phủ - Tứ phủ như ở miền Bắc, thì tại Trung Bộ và Nam Trung Bộ (từ Huế đến Ninh Thuận, Bình Thuận), hình thức thờ nữ thần hiện diện phổ biến hơn, nhưng không có sự tham gia rõ rệt của Tam phủ - Tứ phủ trong cấu trúc thờ tự [87].

Ở góc độ văn hóa - dân gian, tác phẩm *Tục thờ Thánh Mẫu ở Việt Nam (Tháng Tám tiệc Cha, Tháng Ba tiệc Mẫu)* của tác giả Vũ Ngọc Khánh cung cấp những mô tả chi tiết về các ông Hoàng trong đạo Mẫu, đặc biệt là các trường hợp như Hoàng Bơ, Hoàng Bảy và Hoàng Mười. Tác giả khẳng định rằng hầu hết các phủ, điện thờ đức Thánh Mẫu đều có tượng hoặc bàn thờ dành cho Ông Hoàng Mười và Ông Hoàng Bảy, trong khi các Ông Hoàng khác thường ít hiện diện. Phần viết về Ông Hoàng Mười trong công trình này đặc biệt nhấn mạnh đến sự tích, huyền thoại và quá trình lịch sử hóa - địa phương hóa thần thánh. Các truyền thuyết dân gian tại vùng chợ Củi (Hà Tĩnh) xem Ông Hoàng Mười là người đã giúp đánh đuổi giặc Minh, giành thắng lợi trong các cuộc chiến với Chiêm Thành và sau đó được thờ tại đền Chiêu Trưng, trước khi nhập triều Thánh Mẫu tại Hưng Nguyên (Nghệ An) [52].

Tác giả cũng nêu truyền thuyết cho rằng Quan Hoàng Mười là Lý Nhật Quang (hiệu Uy Minh Vương) - một vị hoàng tử nhà Lý, từng làm tri châu

Nghệ An, có công đánh dẹp giặc và được nhân dân lập đền thờ tại núi Quả Sơn (Đô Lương). Những mô tả này cho thấy rõ xu hướng ghép nối giữa nhân vật lịch sử và hình tượng thần thánh, phản ánh cơ chế linh thiêng hóa và bản địa hóa mạnh mẽ trong tâm thức tín ngưỡng dân gian. Quan điểm dân gian cũng cho rằng mười ông Hoàng là mười người con của Vua cha Bát Hải Động Đình, được phân công trấn giữ các vùng miền khác nhau, trong đó Ông Hoàng Mười gắn với văn hóa biển, đất Nghệ và mang lý lịch trần gian rõ rệt - một biểu hiện tiêu biểu cho cơ chế “thần hóa người” trong cấu trúc thần điện của đạo Mẫu.

Các công trình nói trên đã góp phần làm rõ vai trò, biểu tượng và quá trình kiến tạo hình tượng Ông Hoàng Mười - từ một nhân vật lịch sử được huyền thoại hóa đến một vị thánh địa phương hóa - gắn liền với hệ thống thần điện Tam phủ và mang ý nghĩa đặc biệt trong cấu trúc tín ngưỡng Xứ Nghệ. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để luận án tiếp tục đi sâu phân tích hình tượng này như một thiết chế văn hóa - tâm linh, phản ánh bản sắc vùng và cơ chế vận hành của di sản văn hóa phi vật thể trong xã hội đương đại.

Bên cạnh các công trình mang tính hệ thống về tín ngưỡng thờ /đạo Mẫu và cấu trúc thần điện Tam/Tứ phủ, nhiều nghiên cứu gần đây đã tập trung làm rõ hơn vị trí, hình tượng và giá trị biểu tượng của các Ông Hoàng, trong đó Ông Hoàng Mười được xác định là một trong ba vị thường xuyên giáng đồng và có ảnh hưởng sâu rộng trong thực hành tín ngưỡng.

Trong công trình *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, tác giả Nguyễn Ngọc Mai khẳng định rằng mặc dù hệ thống các Ông Hoàng trong đạo Mẫu khá phong phú, nhưng chỉ có ba vị Hoàng tiêu biểu thường giáng đồng là: Ông Hoàng Bơ (gốc miền nước), Ông Hoàng Bảy (Bảo Hà) và Ông Hoàng Mười (Xứ Nghệ). Tác giả cho rằng tuy lai lịch lịch sử của các Ông Hoàng chưa được xác lập rõ ràng, nhưng về mặt huyền thoại và thần thoại, họ đều được xem là con trai của vua Long Thần Bát Hải Động Đình. Đáng chú ý, qua hệ thống văn châu và giá đồng, người ta có thể hé lộ những lớp biểu tượng tiềm ẩn, cho thấy

sự pha trộn giữa cấu trúc nghi lễ, truyền thuyết dân gian và biểu tượng vùng miền trong quá trình kiến tạo hình tượng thần linh [60, tr.124].

Ở góc độ lịch sử hình thành tín ngưỡng, GS.TS Bùi Quang Thanh, trong bài viết “Sự hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam/Tứ phủ và nghi lễ hầu đồng”, cho rằng từ giữa thế kỷ XV, không gian tín ngưỡng thờ Mẫu tại vùng Sơn Nam Hạ đã bắt đầu hình thành một hệ thống điện thần Mẫu Tam/Tứ phủ. Theo ông, tín ngưỡng này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Đạo giáo Trung Hoa, được cung đình hóa và quy chế hóa khá sớm, trong khi đó cộng đồng vẫn duy trì một hệ thống văn hóa bản địa có khả năng tự thích nghi và phát triển độc lập trước sức ép từ các tư tưởng tôn giáo lớn như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Việc định hình hệ thống thần điện quy củ, đa dạng và chặt chẽ theo thứ bậc là đặc trưng quan trọng của giai đoạn hoàn thiện tín ngưỡng này [93].

Một góc nhìn đáng chú ý khác đến từ tác giả Chí Kiên, trong cuốn *Đồng Quan*, người đã khắc họa sâu sắc hình ảnh Ông Chín Còn Môn – một trong mười vị hoàng thái tử vương quan trong hệ thống đạo Mẫu – qua góc nhìn biểu tượng học kết hợp văn hóa vùng miền. Tác giả Chí Kiên miêu tả ông như một nhà nho Xứ Nghệ điển hình, với hình ảnh mặc áo the, đội khăn xếp, chân đi guốc mộc, tay cầm ô đen, dáng đi khoan thai, đỉnh đạc. Ông được xem là hiện thân của một trí thức nho phong, một chàng thư sinh 16 - 17 tuổi giành giải thi Đình, có tài thi ca sánh với Lý Bạch, Đỗ Phủ. Trong không gian lên đồng, ông vừa hóa thân thành một “tiên nho”, vừa giữ bóng dáng cụ thể của người Nghệ trí thức truyền thống - phản ánh sự kết hợp giữa thần thoại - văn học - bản sắc địa phương trong quá trình kiến tạo hình tượng [54, tr.334 - 335].

Cũng trong tác phẩm này, tác giả cho rằng Đạo Mẫu - hay Đạo Thánh Mẫu - có nguồn gốc rất xa xưa, gắn bó mật thiết với quá trình hình thành và phát triển dân tộc Việt Nam, không chỉ như một hiện tượng tôn giáo mà còn như một cấu trúc bản sắc văn hóa tộc người sâu xa và bền vững [54, tr.252 - 253].

Những công trình nói trên cho thấy rằng hình tượng Ông Hoàng Mười - cùng với các Ông Hoàng tiêu biểu khác - không chỉ là một thành tố trong hệ thống thần điện, mà còn là một biểu tượng bản sắc vùng gắn với lịch sử - huyền thoại - tâm thức cộng đồng, góp phần tạo nên chiều sâu linh thiêng và nghệ thuật cho thực hành đạo Mẫu trong không gian văn hóa Việt.

Ngoài các nghiên cứu tập trung vào cấu trúc thần điện và biểu tượng cá nhân của các ông Hoàng, nhiều công trình gần đây đã mở rộng tiếp cận sang khía cạnh thực hành nghi lễ, tổ chức bản hội, vai trò của cộng đồng, góp phần soi sáng vị trí sống động của hình tượng Ông Hoàng Mười trong hệ thống đạo Mẫu từ góc độ di sản và sinh hoạt cộng đồng.

Công trình *Bản hội trong đạo Mẫu - Tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi* của Mai Thị Hạnh [29] đã phân tích sâu về bản chất xã hội - tôn giáo của bản hội trong đạo Mẫu. Tác giả khẳng định rằng mặc dù hoạt động thờ phụng gắn với thế giới thần linh, nhưng các bản hội đạo Mẫu lại thể hiện những đặc điểm khác biệt so với các hình thức tín ngưỡng dân gian khác. Trong đó, “chón tổ” - điện thờ của một đồng thầy nơi tín đồ làm lễ nhập đạo - được xem như một không gian thiêng cá nhân hóa, nơi gắn bó mật thiết về tâm linh. Các hoạt động thờ phụng trong đạo Mẫu mang tính chu kỳ và được tổ chức linh hoạt, với bốn dịp lễ lớn hàng năm: lễ đầu năm (tháng Giêng), vào hạ (tháng Tư), tán hạ (tháng Bảy), lễ cuối năm (tháng Chạp). Điểm đáng lưu ý là nghi lễ “đi lễ xa” - trong đó người tín đồ hành hương đến các điện thờ nổi tiếng như đền Ông Hoàng Mười, đền Cô Chín - không chỉ là một hành động thờ phụng mà còn là một hành vi thiêng, nhằm tái kết nối với thần linh, cộng đồng bản hội và không gian thiêng trong quá khứ. Đây cũng là biểu hiện cụ thể của niềm tin vào sự linh ứng cá nhân hóa, làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa tín đồ - thần linh - cộng đồng thực hành.

Gắn với đó là vai trò trung tâm của đồng thầy, không chỉ với tư cách là người tổ chức nghi lễ, mà còn là người định hướng đức tin, giữ vai trò trung

gian giữa thế giới con người và thần linh trong các bản hội. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong không gian thực hành thờ Ông Hoàng Mười, nơi người tín đồ tìm kiếm sự “gần gũi linh thiêng” thông qua nghi lễ giáng đồng, với các mẫu giá giáng thường gặp là Ông Hoàng Mười - người được cho là rất “gần dân”, “dễ cầu dễ ứng”.

Tiếp nối góc nhìn về cộng đồng thực hành tín ngưỡng, Nguyễn Thị Hiền - trong bài viết “Nhận diện vai trò của cộng đồng đối với di sản” [38] - đã khẳng định: “Cộng đồng là chủ thể của di sản”, đồng thời nhấn mạnh đến vị trí trung tâm nhưng thường bị xem nhẹ của cộng đồng trong các chính sách văn hóa hiện nay. Dưới ánh sáng của Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, tác giả cho rằng việc xác định rõ khái niệm cộng đồng di sản là điều cần thiết, từ đó đảm bảo vai trò chủ động của họ trong công cuộc gìn giữ, chuyển giao và thích ứng với biến đổi văn hóa.

Tư tưởng này tiếp tục được cụ thể hóa trong công trình *Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể* [37] khi tác giả dẫn chứng các chính sách quốc gia cần tích hợp di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) vào các chiến lược phát triển bền vững. Trong đó, thực hành thờ Mẫu, với sự tham gia trực tiếp của các bản hội, đồng thầy và cộng đồng con nhang đệ tử, cần được xem là một hệ sinh thái văn hóa gắn liền với chính sách phát triển bền vững ở cấp vùng và địa phương.

Như vậy, những nghiên cứu này đã mở rộng cách nhìn từ biểu tượng cá nhân sang cấu trúc cộng đồng và cơ chế xã hội của tín ngưỡng, trong đó Ông Hoàng Mười hiện lên không chỉ như một vị thánh trong thần điện, mà còn là trung tâm của mạng lưới thiêng nơi cộng đồng kiến tạo niềm tin, thực hành nghi lễ và tái cấu trúc bản sắc vùng thông qua các hành vi tôn giáo cụ thể như hầu đồng, lễ tạ, đi lễ xa và hành hương tín ngưỡng.

Bên cạnh các tiếp cận lý luận tổng thể, nhiều công trình học thuật chuyên sâu đã tập trung vào các khía cạnh đặc thù của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ,

bao gồm vấn đề nghi lễ, trị liệu, đồng thầy, biểu tượng Mẫu Liễu Hạnh và nguồn gốc tôn giáo - văn hóa của hệ thần điện Tam/Tứ phủ.

Nguyễn Thị Hiền đã triển khai công trình nghiên cứu về số phận đồng thầy, trị liệu tâm linh và nghi lễ lên đồng xuyên quốc gia, góp phần quan trọng vào việc lý giải tín ngưỡng này như một hiện tượng văn hóa sống với chức năng xã hội, trị liệu và cố kết cộng đồng. Trong bài viết *Bệnh âm: Chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt*, tác giả cho rằng cùng với lễ hội và các nghi lễ khác trong đạo Mẫu thì lên đồng là một nghi lễ chính, mang tính văn hóa và tôn giáo phức hợp, mang đậm tính tâm linh. Đồng thầy cầu mong những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình, xã hội, con nhang, đệ tử và có khi còn hầu đồng để chữa bệnh âm. Đó là cách chữa bệnh tâm linh. Với mục đích cầu cho được khỏe mạnh, khỏi bệnh, làm ăn có lộc có tài là những mong ước tốt đẹp, thiện mỹ. Niềm tin của con người vào các vị Thánh - đấng siêu nhiên linh thiêng sẽ giúp họ thoát khỏi bệnh tật, ốm đau. Vậy hầu đồng là một hình thức “trình diễn thiêng”. Trong đó, lễ hầu đồng được xem như một không gian thiêng có khả năng giải phóng ảm ức, khẳng định bản ngã và tái lập trật tự tâm linh cho các cá nhân trong xã hội hiện đại [76, tr. 603-629].

Ở chiều lịch sử và thư tịch, Kiều Thu Hoạch đã có những đóng góp quan trọng trong việc hiệu đính thuật ngữ và hệ thống hóa thư tịch cổ liên quan đến đạo Mẫu. Trong bài viết về nghi lễ lên đồng, ông đã phân biện việc lạm dụng ngôn ngữ tâm linh trong các ấn phẩm gần đây, đồng thời đưa ra các dẫn liệu Hán Nôm tiêu biểu như *Nội đạo tràng*, *An Nam phong tục sách*, để khẳng định rằng khái niệm “Tam phủ” trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu đã xuất hiện trong thư tịch từ rất sớm, phản ánh tính bản địa và liên tục văn hóa của hệ thống tín ngưỡng này trong lịch sử Việt Nam [43].

Đáng chú ý, Chu Xuân Giao đã triển khai nhiều hướng nghiên cứu công phu về biểu tượng Mẫu Liễu Hạnh cũng như nguồn gốc thần điện đạo Mẫu, với các bài viết đáng kể như: “*Về kết cấu kép ở trung tâm truyền thuyết hệ thần*

Liễu Hạnh” [24], “*Vũ trụ quan Phật giáo phản ánh trong nhóm sắc phong sớm nhất cho Liễu Hạnh công chúa*” [26], “*Hình ảnh Mẫu Liễu và phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX*” [25]. Các nghiên cứu của ông đã chỉ ra quá trình vận động biểu tượng Mẫu qua hơn hai thế kỷ, trong đó tín ngưỡng Mẫu vừa tiếp thu ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo phương Đông, vừa gọi liên hệ đến mô hình nữ thần Hy Lạp - La Mã qua lăng kính so sánh văn hóa phương Tây. Đặc biệt, ông đề xuất cân nhắc lại cách gọi hiện tại của di sản, thay vì “tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ”, nên sử dụng tên gọi “tín ngưỡng Tam Tứ phủ” để phản ánh đầy đủ tính cấu trúc và biến thể của hệ thống thần điện.

Những công trình nêu trên cho thấy sự phát triển ngày càng đa dạng và liên ngành trong nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu: từ nhân học biểu tượng, thư tịch học, phân tâm học, nghiên cứu giới, nghiên cứu văn hóa so sánh đến chính sách quản lý di sản. Đây là nền tảng học thuật quan trọng để luận án tiếp cận hiện tượng thờ Ông Hoàng Mười trong hệ Tam phủ - Tứ phủ với tư cách là một thực hành văn hóa có chiều sâu lịch sử, biểu tượng và đương đại.

Luận án tiến sĩ Nguyễn Đạt Thức về *Tín ngưỡng thờ mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Giày qua tư liệu Hán Nôm* đã tổng hợp, nhận diện giá trị của các tư liệu Hán Nôm trong không văn hóa chung của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ để khảo lại lịch sử, địa chính văn hóa thờ Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Giày trước năm 1945, để củng cố cơ sở cho việc nghiên cứu tín ngưỡng này từ góc nhìn văn hóa học...[112]

Từ sau năm 2016, khi tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, nhiều công trình nghiên cứu đã mở rộng cách tiếp cận đối với đạo Mẫu, nhấn mạnh đến sự biến đổi của thực hành tín ngưỡng trong môi trường đô thị, vai trò của nhà nước trong quản lý di sản, và tác động của truyền thông hiện đại. Có thể kể đến luận văn thạc sĩ Nguyễn Thị Minh Thu với đề tài *Mạng lưới xã hội trong tín ngưỡng thờ Mẫu* [108], hay các bài viết chuyên sâu của Kiều Thu Hoạch,

Chu Xuân Giao, Nguyễn Thị Thu Trang trên các tạp chí khoa học uy tín như Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Dân tộc học.

Theo giáo sư Ngô Đức Thịnh tổng quát về mô hình Đạo Mẫu Việt Nam gồm ba lớp kế tiếp: Nữ thần, Mẫu thần, Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Tục thờ Nữ thần có từ lâu đời, thời nguyên thủy, một số Nữ thần được cung đình hóa, lịch sử hóa thành Mẫu thần. Mẫu Tam phủ, Tứ phủ thực sự được hình thành và phát triển phải sau thế kỷ XV. Đây là thời kỳ xuất hiện Thánh Mẫu Liễu Hạnh - Thần chủ của Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ [102, tr 43-45]. “Tứ phủ gồm ba phủ trong Tam phủ: Thiên, Địa, Thoải. Sau có thêm phủ Thượng Ngàn - Nhạc phủ”. Tam phủ, Tứ phủ bắt nguồn từ quan niệm vũ trụ luận nguyên sơ, dần yếu tố Âm trong lưỡng cực Âm Dương phân hóa thành Địa phủ, Thoải phủ, Nhạc phủ. Đạo Mẫu - nơi thờ phụng chính Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Bà vừa là Thiên thần vừa là Nhân thần luôn được thờ ở vị trí trung tâm, trang phục màu đỏ, hóa thân thành Địa Tiên Thánh Mẫu - Bà mẹ Đất, cai quản đời sống sinh vật. Trong Đạo Mẫu bao gồm nhiều vị Thánh được thờ phụng phân chia thành các phủ, các hàng theo quy định chặt chẽ. Các vị Thánh từ hàng quan Lớn trở xuống không hoàn toàn cố định [102, tr 62-66].

Xếp theo thứ tự từ trên cao nhất của điện thần xuống vị trí thấp hơn sẽ gồm: Phật Bà Quan Âm; Vua cha Ngọc Hoàng; Tam tòa Thánh Mẫu (Mẫu Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải); Quan Lớn (Ngũ vị, thường là Quan đệ Nhất đến quan đệ Ngũ, các vị này hay giáng đồng. Có 5 -10 vị quan lớn); Hàng Châu (Tứ vị Thánh Bà đại diện cho 4 phủ, số lượng các vị Châu Bà này có thể gấp 3 lần ($4 \times 3 = 12$ vị)); Hàng Ông Hoàng (10 vị quan Hoàng); Hàng Cô (Thập nhị vương Cô, từ cô đệ Nhất (cô Cả) đến cô 12 (cô bé); Hàng Cậu (10 cậu, là những bé nam chết trẻ từ 1 đến 9 tuổi); Ngũ Hổ; Ông Lót.

Như vậy, trong hệ thống các vị Thánh của Đạo Mẫu rất đa dạng về lứa tuổi, thành phần. Trong đó các Thánh hàng Ông Hoàng gồm 10 vị. Theo quan sát thực tế tại một số phủ thờ Mẫu thì thường có một số vị Ông Hoàng được xuất hiện

trong các ban thờ của phủ, trong đó có Đức Thánh Hoàng Mười. Qua đó, chúng tôi nhận thấy Ông Hoàng Mười đã có được vị trí quan trọng, ngài đã giành được sự ngưỡng mộ của cộng đồng con nhang, đệ tử theo Đạo Mẫu.

Những công trình nghiên cứu này đã góp phần mở rộng chiều kích học thuật của đạo Mẫu từ bình diện dân gian - nghi lễ sang các vấn đề đương đại như: ngôn ngữ Hán Nôm, huyền thoại hóa nhân vật thờ tự, mối liên hệ với Phật giáo và Đạo giáo, cũng như quá trình toàn cầu hóa di sản bản địa trong thời đại truyền thông và du lịch văn hóa.

Đặc biệt, bộ hồ sơ quốc gia đề cử *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* trình UNESCO, là một tài liệu hệ thống hóa có giá trị, thể hiện sự phối hợp giữa giới nghiên cứu và cơ quan quản lý văn hóa, cộng đồng thực hành trong việc xác lập tính đại diện, sức sống và giá trị nhân văn của tín ngưỡng này.

Tuy nhiên, bên cạnh hệ thống công trình đề cập đến cấu trúc thần điện, nghi lễ hầu đồng hay vai trò xã hội của đạo Mẫu, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu liên quan đến các nhân vật cụ thể trong hệ thống thần điện Tam phủ - Tứ phủ, đặc biệt là các vị Ông Hoàng. Trong số đó, Ông Hoàng Mười – dù hiện diện thường xuyên trong thực hành nghi lễ và để lại dấu ấn đậm nét tại khu vực Bắc Trung Bộ - vẫn chưa được tiếp cận như một chủ đề nghiên cứu độc lập, có chiều sâu văn hóa học và khảo sát thực địa riêng.

Chính khoảng trống học thuật này là cơ sở để luận án lựa chọn tiếp cận hình tượng Ông Hoàng Mười từ góc nhìn văn hóa học, nhằm góp phần làm rõ biểu tượng tính đa dạng, khả năng thích ứng, và sắc thái địa phương trong các thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, từ đó cung cấp thêm tư liệu và góc nhìn mới trong lĩnh vực nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể.

1.1.2. Các nghiên cứu về Ông Hoàng Mười

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến sau công cuộc

Đổi mới (từ năm 1986), tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười - đặc biệt tại các địa phương như Nghệ An và Hà Tĩnh - đã có những biểu hiện phục hưng rõ nét, thu hút đông đảo khách thập phương về chiêm bái, hành lễ tại các đền thờ gắn với danh thần này. Cùng với thực hành tín ngưỡng, các công trình nghiên cứu bước đầu đã tập trung vào việc làm sáng tỏ truyền thuyết, lịch sử, không gian thiêng và nghi lễ gắn với nhân vật Ông Hoàng Mười, tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu này vẫn mang tính miêu tả địa phương, chưa phát triển thành hệ thống lý luận chuyên sâu.

Trong số các công trình xuất bản sớm có thể kể đến cuốn *Đền Củi linh thiêng và huyền diệu* [17], giới thiệu tổng quan vị trí địa lý, lịch sử và kiến trúc của đền Chợ Củi (Hà Tĩnh) - một trong những trung tâm tín ngưỡng lớn thờ Ông Hoàng Mười. Nội dung sách mô tả cấu trúc thờ tự trong đền như cung cấm thờ Tam tòa Thánh Mẫu, ban Ngũ vị Tôn Ông, cung Châu Mười và ban thờ Trần Triều, góp phần phác họa không gian điện thần đậm sắc thái Bắc Trung Bộ.

Tác phẩm *Đền Ông Hoàng Mười* [18] tiếp tục làm rõ vị trí, lịch sử và hệ thống thờ tự của đền chính thờ Ông Hoàng Mười tại xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Sách cung cấp những thông tin khái lược về đạo Mẫu và các vị thần linh liên quan, phản ánh mối liên hệ giữa hệ thống thần điện Tứ phủ và tín ngưỡng dân gian địa phương.

Trong bài viết “Ông Hoàng Mười nhìn từ góc độ văn hóa dân gian” [23], Ninh Viết Giao tiếp cận nhân vật từ góc nhìn biểu tượng dân gian và truyền thuyết địa phương. Ông mô tả quá trình thần thánh hóa Ông Hoàng Mười thông qua văn châu, điện thần và sự tích lưu truyền tại xã Hưng Nguyên (Nghệ An) và đền Chợ Củi (Hà Tĩnh), cho thấy sự lai ghép giữa yếu tố lịch sử - văn hóa - tín ngưỡng trong việc hình thành hình tượng đức thánh.

Ngoài ra, các bài viết trên báo chí như: “Linh thiêng lễ hội đền Ông Hoàng Mười” của An Phạm Ngân, Thành Chung [63] và bài cùng tên của Thanh Thủy [110] đều hướng đến việc giới thiệu khái quát về cảnh quan, môi

trường đền thờ, tục rước kiệu, quy mô và thời gian tổ chức lễ hội hằng năm, cho thấy sự lan tỏa và ảnh hưởng của lễ hội trong cộng đồng dân cư sở tại và du khách thập phương.

Một trong những công trình có tính học thuật đáng chú ý là luận văn thạc sĩ văn hóa học của Nguyễn Thị Thanh Giang (2015) [20], với đề tài *Đền thờ ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*. Công trình này tập trung đi sâu vào khảo sát không gian tín ngưỡng, hệ thống thờ tự và vai trò của đền Ông Hoàng Mười trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương, thể hiện nỗ lực bước đầu trong việc chuyển hướng nghiên cứu từ mô tả sang phân tích văn hóa học.

Bài viết “Một số kiến nghị nhằm nâng cao giá trị của nghi thức thờ Thánh Hoàng Mười ở đền Chợ Củi từ sự nghiên cứu nguồn gốc xuất xứ” tác giả Vũ Thế Khanh, Nguyễn Thị Thúy Hằng khẳng định: Đức Thánh Hoàng Mười là nhân vật quan trọng trong hệ thống thần điện tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt. Ông là nhân vật huyền thoại, giáng trần để giúp đời. Ngoài ra các tác giả còn viết Ông Hoàng Mười không chỉ là con thứ mười mà còn là người tài đức vẹn toàn. “10” mang nghĩa tròn đầy, viên mãn, toàn diện... [80, tr.144].

Tuy vậy, có thể nhận thấy rằng phần lớn các nghiên cứu hiện nay mới dừng lại ở mức giới thiệu thông tin, sưu tầm truyền thuyết và mô tả sự kiện – chưa thật sự phân tích sâu sắc về hình tượng Ông Hoàng Mười dưới góc nhìn lý thuyết văn hóa học, biểu tượng, di sản hay lý thuyết trình diễn như cách tiếp cận với nhân vật như Thánh Mẫu Liễu Hạnh chẳng hạn. Khoảng trống này cho thấy nhu cầu cần thiết của những nghiên cứu chuyên sâu, mang tính học thuật và lý luận để xác lập rõ nét hơn vai trò, vị thế, biểu tượng và giá trị di sản của nhân vật Ông Hoàng Mười trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ và trong dòng chảy văn hóa dân gian Việt Nam hiện nay.

Từ sau công cuộc Đổi mới năm 1986, đời sống tín ngưỡng tại Việt Nam nói chung và tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười nói riêng đã có điều kiện phục

hung mạnh mẽ trong bối cảnh chính sách văn hóa được nói lỏng, quyền tự do tín ngưỡng được thừa nhận và nhu cầu tâm linh của cộng đồng ngày càng tăng cao. Các nghiên cứu trong giai đoạn này thể hiện sự chuyển hướng từ tiếp cận dân gian - truyền thống sang phân tích tín ngưỡng như một hiện tượng văn hóa - xã hội vận động trong dòng chảy hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Trong khuôn khổ Hội thảo khoa học *Giá trị lịch sử, văn hóa của di tích đền Ông Hoàng Mười huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An* [72], nhiều bài viết đã góp phần khẳng định vai trò của Quan Hoàng Mười trong đời sống văn hóa địa phương, đồng thời chỉ ra những yếu tố hỗn dung giữa tín ngưỡng địa phương và các dòng tôn giáo lớn.

Trong đó, bài tham luận của Nguyễn Thị Duyên và Phan Thị Anh với tiêu đề “Tìm hiểu về Đền Hoàng Mười” giới thiệu những đặc trưng nổi bật của di tích đền Hoàng Mười, đặc biệt nhấn mạnh đến sự hỗn dung văn hóa – tín ngưỡng giữa Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu. Hình tượng *Song Đồng Ngọc Nữ* và cách bài trí thờ tự tại đền cũng được phân tích như một biểu hiện của sự vận động và biến đổi linh hoạt trong không gian tín ngưỡng. Ông Hoàng Mười ở đây được lịch sử hóa, địa phương hóa sâu sắc khi hội tụ các đặc tính tâm linh, văn hóa và bản sắc Xứ Nghệ [72, tr. 12 - 21].

Bàn Quỳnh Giao trong bài viết “Ông Hoàng Mười từ truyền thuyết đến tín ngưỡng thờ Thánh của người dân Nghệ An” đã tiếp cận Ông Hoàng Mười như một hiện tượng tín ngưỡng sống động có sức lan tỏa trong cả văn hóa nghi lễ và tâm thức cộng đồng. Tác giả khẳng định: “Tín ngưỡng thờ Thánh Ông Hoàng Mười không chỉ phản ánh đậm nét trong nghi lễ hầu đồng, mà còn thể hiện mối liên hệ mật thiết giữa con người và thế giới tâm linh” [72, tr. 31 - 41]. Qua đó, bài viết nhấn mạnh giá trị nhân văn và chức năng cố kết cộng đồng của tín ngưỡng này trong xã hội đương đại.

Đỗ Thị Nụ trong bài viết “Đền Hoàng Mười - những giá trị di sản văn hóa tiêu biểu” đã tập trung mô tả kiến trúc, sự tích và lễ hội tại đền thờ Ông

Hoàng Mười ở làng Xuân Am, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Tác giả ghi nhận hình tượng Ông Hoàng Mười là biểu tượng phù hợp với tâm lý và phong cách sống của người Xứ Nghệ - “có văn có võ, có trí có dũng, yêu thiên nhiên, không màng danh lợi”. Ngoài ra, bài viết còn phân tích chi tiết hai kỳ lễ lớn tại đền (15 tháng 3 và mùng 10 tháng 10 âm lịch) với các nghi thức rước sắc, diễn xướng hầu đồng và lễ hội dân gian. Tác giả đồng thời chỉ ra cả những giá trị lẫn bất cập trong thực hành tín ngưỡng hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp phát huy di sản theo hướng trở thành điểm đến văn hóa - tâm linh tiêu biểu của Nghệ An [72, tr.95 - 109].

Đặng Thị Thu Hà, trong bài viết “Huyền thoại hóa và tín ngưỡng hóa lịch sử nhìn từ truyền thuyết về Quan Hoàng Mười”, đã vận dụng cách tiếp cận lịch sử - văn hóa để giải thích quá trình đồng nhất Quan Hoàng Mười với các nhân vật có thật trong lịch sử Việt Nam như Lý Nhật Quang, Nguyễn Xí, Lê Khôi, Nguyễn Duy Lạc - những người có công trạng tại Nghệ An. Tác giả nhận định rằng chính sự hòa nhập giữa huyền thoại và lịch sử đã giúp hình tượng Quan Hoàng Mười có sức sống lâu bền, lan tỏa trong cộng đồng và trở thành biểu tượng văn hóa linh thiêng được tôn vinh trong đạo Mẫu. Sự kết hợp giữa tín ngưỡng hóa và tôn giáo hóa cũng được đặt ra như một xu hướng tiếp diễn cần tiếp tục nghiên cứu [72, tr.48-56].

Hồ Mạnh Hà với bài viết “Tính cách Nghệ’ của đức thánh Hoàng Mười qua một số bài hát Châu Văn trong nghi lễ hầu đồng Tam phủ Tứ phủ” đã tiếp cận nhân vật từ phương diện âm nhạc nghi lễ. Thông qua việc phân tích các làn điệu châu văn ca ngợi Ông Hoàng Mười, tác giả cho rằng hình tượng Ông mang đậm “tính Nghệ”: nho nhã, tài hoa, thấu hiểu dân tình, có khí phách của bậc quân tử Xứ Nghệ. Các giá trị đó được biểu đạt sống động qua nghi lễ và ngôn ngữ nghệ thuật, tạo nên sự cộng hưởng giữa tín ngưỡng và bản sắc vùng miền [72, tr 42 - 47].

Tác giả Mai Phương Ngọc trong bài viết “Tìm hiểu tục thờ Ông Hoàng

Mười ở Xứ Nghệ, nhìn từ di tích đền Chợ Củi (Nghị Xuân, Hà Tĩnh) và đền Ông Hoàng Mười (Hung Nguyên, Nghệ An)” đã giới thiệu khái quát về đạo Mẫu và nhân vật Ông Hoàng Mười - được xem là con Vua Cha Long Thần Bát Hải Đại Vương ở hồ Động Đình. Theo đó, Ông Hoàng Mười hiện được thờ tự tại hai ngôi đền chính: đền Củi (Nghị Xuân, Hà Tĩnh) và đền Ông Hoàng Mười (Hung Nguyên, Nghệ An). Cả hai ngôi đền đều có lịch sử lâu đời, tọa lạc ở thế đất đẹp với thế phong thủy “tiền thủy hậu sơn” - trước mặt là sông, sau lưng là núi. Đối tượng thờ chính ở cả hai di tích là Ông Hoàng Mười [72, tr.87 - 93].

Dưới góc nhìn của các học giả, đặc biệt là quan điểm “lịch sử hóa” và “địa phương hóa”, hình tượng Ông Hoàng Mười được xem như là sự kết tinh từ nhiều nhân vật lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung là ông luôn được tái hiện với hình tượng gần gũi, gần bó, phù hợp với tâm lý và phong cách sống của người dân Xứ Nghệ: vừa văn vừa võ, trí dũng song toàn, yêu thiên nhiên, say mê văn chương, không màng danh lợi, sống anh hùng mà giản dị.

Tác giả Vũ Ngọc Khánh nhận định rằng đền Ông Hoàng Mười tại Nghệ An mới là nơi thờ chính vị thần này, còn đền Chợ Củi ở Hà Tĩnh chủ yếu thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, trong đó Ông Hoàng Mười được phối thờ với tư cách là quân gia của Mẫu. Người dân thường đến hai đền này lễ bái đặc biệt vào các dịp lễ hội lớn trong năm như: ngày 3/3 âm lịch (giỗ Mẫu Liễu Hạnh), ngày 20/8 âm lịch (giỗ Đức Thánh Trần Hưng Đạo), và ngày 10/10 âm lịch (giỗ Ông Hoàng Mười). Đây là những dịp không chỉ mang tính nghi lễ mà còn thể hiện nhu cầu tìm kiếm chỗ dựa tinh thần, mong cầu bình an và may mắn trong cuộc sống. Trong các lễ hội này, nghi thức hầu đồng được tổ chức long trọng, thu hút đông đảo thiện nam tín nữ. Không gian lễ hội trở thành nơi bồi đắp niềm tin, định hướng con người hướng thiện, đồng thời gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc [52].

Trong bài viết “Bàn thêm về danh phận của bà đồng trong lễ hầu bóng ở đền thờ của Đức Thánh Hoàng Mười tại Nghệ An”, tác giả Nguyễn Tá Nhí đã

nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của bà đồng trong các nghi lễ hầu bóng tại đền Ông Hoàng Mười - làng Xuân Am, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Theo tác giả, bà đồng còn được gọi bằng nhiều danh xưng như: bà cốt, chàng cốt, cốt đực, đồng cốt... và trong một số trường hợp còn được gọi là vu cô. Việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam, kể từ khi được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, càng đòi hỏi phải nhìn nhận đúng đắn và toàn diện vai trò của các ông đồng, bà đồng trong các nghi lễ hầu đồng - đặc biệt tại những không gian linh thiêng tiêu biểu như đền Ông Hoàng Mười Nghệ An [72, tr.118 - 128].

Trong bài viết “Hoàng Mười trong thực hành nghi lễ lên đồng hầu bóng và nhân vật lịch sử”, tác giả Nguyễn Ngọc Mai đã trình bày chi tiết về hình thức thực hành giá Ông Hoàng Mười trong nghi lễ hầu đồng - một thành tố quan trọng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ. Theo quan sát của tác giả, giá Ông Hoàng Mười xuất hiện thường xuyên, gần như là cố định trong các canh hầu đồng, và thường theo sau giá các Quan lớn và giá các Châu. Trang phục hầu dành cho giá Ông Hoàng Mười chủ yếu có màu vàng, với hoa văn thêu nổi họa tiết hình tròn, phân bố đều trên thân áo và tay áo. Một số thanh đồng nữ còn mặc thêm áo the đen phủ bên ngoài áo thêu, tạo nên tính biểu tượng và nghi lễ trang trọng [72, tr.71 - 86].

Trong trình diễn, giá đồng thuộc hàng các Ông Hoàng thường đi kèm các động tác múa cờ, múa hèo, hoặc tay cờ tay kiếm. Riêng giá Ông Hoàng Mười có điểm đặc biệt là phần đề thơ du xuân (bút đề thơ trên quạt) - hành vi nghi lễ thể hiện tài năng văn chương và trí tuệ của ngài. Lời văn hát chầu trong giá này thường nhấn mạnh đức tính văn võ song toàn, sự anh minh và cốt cách thanh cao của Ông. Bên cạnh việc miêu tả nghi lễ, tác giả còn đề cập đến vấn đề “thần thánh hóa nhân vật lịch sử”, theo đó Ông Hoàng Mười được liên hệ đến một số nhân vật có thật trong lịch sử như Lê Khôi thời nhà Lê, hay Lý Nhật Quang thời Lý Thái Tổ - những nhân vật được cộng đồng dân gian tôn vinh qua biểu tượng tín ngưỡng.

Tác giả Bùi Quang Thanh trong bài viết “Từ sự hình thành sinh hoạt hầu

đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đến các lớp văn hóa trong hệ thống truyền thuyết gắn với Ông Hoàng Mười ở Nghệ Tĩnh” đã đi sâu phân tích bối cảnh văn hóa - xã hội làm nền cho sự hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu. Theo tác giả, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ/Tứ phủ của người Việt bắt đầu phát triển từ khoảng giữa thế kỷ XV, là kết quả của quá trình tích hợp nhiều nguồn văn hóa trong và ngoài nước. Trong môi sinh văn hóa đó, hệ thống các Ông Hoàng - đặc biệt là Ông Hoàng Mười - đã được sáng tạo như những vị thần chủ mang đậm tính biểu trưng và gắn liền với không gian văn hóa điện thờ đạo Mẫu. Bài viết nhấn mạnh rằng việc tiếp cận các di sản này cần thông qua lăng kính văn hóa dân gian thay vì cách tiếp cận lịch sử thuần túy. Chính con đường văn hóa dân gian sẽ giúp nhận diện rõ hơn giá trị nhân sinh, quy luật truyền nối và sự tiếp biến của di sản tín ngưỡng trong dòng chảy văn hóa dân tộc [72, tr.141 - 155].

Tác giả Phan Xuân Thành trong bài viết “Tục thờ Ông Hoàng Mười trong mối liên hệ với tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ” đã khảo cứu vai trò của Ông Hoàng Mười như là một vị quan đứng thứ mười trong hệ thống thần điện của đạo Mẫu. Theo rất nhiều tài liệu, cũng như các bài tham luận học thuật trước đó, Ông Hoàng Mười được xem là con trai thứ mười của Vua Cha Bát Hải Động Đình - một vị thần tối cao trong vũ trụ thần linh của đạo Mẫu. Bài viết cũng mô tả chi tiết các đối tượng thờ tự tại đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An và đền Cũ ở Hà Tĩnh, nơi thường xuyên tổ chức nghi lễ hầu đồng như một cách kết nối với thần linh, thể hiện lòng thành và mong cầu được phù hộ độ trì, ban lộc phát tài [72, tr.157 - 161].

Nghi lễ hầu đồng tại hai đền này bao gồm các yếu tố: múa cổ truyền, hát chầu văn, dâng lễ vật, đốt vàng mã và trang phục truyền thống màu vàng đặc trưng. Do đó, không chỉ mang giá trị của một di tích văn hóa vật thể, đền Ông Hoàng Mười còn là một không gian tín ngưỡng giàu tính biểu tượng và là nơi bảo tồn nhiều giá trị di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến lễ hội, nghệ thuật trình diễn và du lịch tâm linh. Tác giả tin rằng, trong tương lai, đền Ông Hoàng Mười sẽ tiếp

tục trở thành một điểm đến hấp dẫn đối với du khách hành hương cũng như những người quan tâm đến văn hóa dân gian và tín ngưỡng bản địa tại Xứ Nghệ.

Bài viết “Ông Hoàng Mười Nghệ An: từ ngôi đền làng Xuân Am, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đến điện thần Tứ phủ” của tác giả Nguyễn Thị Yên cung cấp nhiều thông tin giá trị về quá trình thiết lập và phát triển không gian thờ tự Ông Hoàng Mười tại khu vực Bắc Trung Bộ. Theo tác giả, các vị Ông Hoàng như Ông Hoàng Mười, Ông Hoàng Bảy, Ông Hoàng Bơ... hiện diện rộng khắp trong hệ thống đền phủ của đạo Mẫu Tam phủ - Tứ phủ. Tuy nhiên, nơi thờ tự chính và có vai trò trung tâm trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười vẫn là các đền tọa lạc tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Đặc biệt, ba ngôi đền chính thờ Ông Hoàng Mười trong khu vực đều nằm tại vị trí ngã ba sông - yếu tố phong thủy linh thiêng, thường thấy trong kiến trúc tín ngưỡng Việt Nam [72, tr.223 - 239].

Tại nhà thờ họ Nguyễn ở Nghệ An hiện còn lưu giữ 19/21 đạo sắc phong cổ kính dành cho các vị thần làng, trong đó có Ông Hoàng Mười. Đền thờ Ông Hoàng Mười được xây dựng vào năm 1634 và trùng tu vào năm 1995. Trong đợt trùng tu này, vị trí thờ tự cũng có sự thay đổi: thay vì thờ Đức Thánh Hai tại cung cấm như trước, bài vị Ông Hoàng Mười đã được đưa vào trung tâm chính điện và đặt tại thượng điện. Ngoài ra, trong không gian thờ còn có ban thờ Song Đồng, Ngọc Nữ, được địa phương hóa thành hình tượng Mẫu Thoải - phản ánh sự dung hợp, sáng tạo trong thực hành tín ngưỡng địa phương.

Cạnh đền còn có khu lăng mộ Ông Hoàng Mười, được xây dựng năm 1997 và nâng cấp năm 2000. Theo một dị bản phổ biến, thần Nguyễn Duy Lạc - một vị tướng có công giúp vua Lê, chúa Trịnh dẹp loạn - trước khi qua đời đã dâng hiến cho làng 100 quan tiền và 2 mẫu ruộng. Cảm kích trước tấm lòng và công lao của ông, người dân đã lập đền thờ phụng như một hậu thần, và dần dần nhân vật này được đồng nhất với Ông Hoàng Mười trong không gian tín ngưỡng đạo Mẫu. Ngày giỗ của Ông - mùng 10 tháng 10 âm lịch - trở thành lễ

hội chính của đền, kết tinh các hình thức thờ tự truyền thống như tín ngưỡng thủy thần, tín ngưỡng nông nghiệp và đạo Mẫu, qua đó định hình một phong cách linh thiêng mang đặc trưng văn hóa Xứ Nghệ.

Các công trình nghiên cứu được đề cập trong phần này đều tập trung làm sáng rõ diễn trình *thần thánh hóa* các nhân vật lịch sử, mối liên hệ giữa nhân vật thờ tự với ký ức cộng đồng, tính chất địa phương hóa của thực hành tín ngưỡng, cũng như ảnh hưởng ngày càng gia tăng của du lịch tâm linh đến việc kiến tạo hình tượng thánh thần trong văn hóa đương đại.

Tổng thể, các nhà nghiên cứu đã dày công tiếp cận, giới thiệu và phân tích từ nhiều khía cạnh khác nhau hình tượng Ông Hoàng Mười - một vị thần vừa mang bản chất *nhiên thần*, vừa là *nhân thần*, vừa là biểu tượng anh hùng dân tộc, vừa đại diện cho trí tuệ và khí chất người Xứ Nghệ. Trong hệ thống thần linh đạo Mẫu Tam phủ, ông đứng ở hàng thứ tư - hàng các Ông Hoàng - và là vị cuối cùng trong hàng Ông Hoàng (Ông Hoàng Mười - “con út”).

Trong các buổi hầu đồng, giá Ông Hoàng Mười thường xuyên giáng về, với trang phục màu vàng, lễ vật phong phú và hình thức kết hợp giữa hát chầu văn, múa nghi lễ và sân khấu tín ngưỡng dân gian. Những trình diễn này tạo nên không gian huyền ảo, linh thiêng nhưng cũng rất sinh động, qua đó khắc họa một cách sinh động hình tượng vị quan mẫu mực - trí tuệ, tài hoa, gần dân và thương dân - trong tâm thức cộng đồng Xứ Nghệ.

Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã góp phần làm rõ sự tái cấu trúc tín ngưỡng Ông Hoàng Mười trong bối cảnh đổi mới, cho thấy sự tương tác giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa tín ngưỡng dân gian và chính sách văn hóa đương đại. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận học thuật đối với hình tượng Ông Hoàng Mười trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm tín ngưỡng dân gian

Tín ngưỡng là một sản phẩm văn hóa do con người quan hệ với tự nhiên xã hội và chính bản thân mà hình thành. Tín ngưỡng là niềm tin về những điều linh thiêng, những sức mạnh huyền bí, vĩ đại mà con người chỉ cảm nhận được mà khó có thể nhận thức được [27].

Tín ngưỡng dân gian là hình thức tín ngưỡng được hình thành, phát triển trong cộng đồng dân cư nông thôn và đô thị truyền thống, có nguồn gốc từ nhu cầu tinh thần - tâm linh của con người trước thiên nhiên, xã hội và các hiện tượng siêu nhiên. Tín ngưỡng dân gian thường không có giáo lý chặt chẽ, không có tổ chức giáo hội, mà tồn tại dựa trên hệ thống thực hành linh hoạt, gắn liền với đời sống cộng đồng.

Tín ngưỡng là cách thể hiện niềm tin của con người và cộng đồng vào thế giới thiêng. Thế giới thiêng thay đổi tùy theo quan niệm của mỗi thời đại, mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau. Tín ngưỡng được hiểu có nội dung phát triển ở trình độ thấp hơn tôn giáo, nhưng nhiều khi, đối với người dân, niềm tin tưởng quan trọng hơn việc tuân theo niềm tin đó thuộc về tôn giáo hay tín ngưỡng [85].

Bài viết trên khẳng định: “Tín ngưỡng dân gian là một thực thể văn hóa, một loại hình của văn hóa dân gian Việt Nam”. Vì thế, nói đến một tín ngưỡng dân gian là phải nói tới 4 thành tố chính của nó:

- Nhân vật thờ và huyền thoại về nhân vật thờ
- Nơi thờ cúng và điện thần của tín ngưỡng
- Hèm/trò diễn, trò chơi liên quan đến nhân vật phụng thờ
- Lễ vật và nghi lễ thờ cúng [85].

Bốn thành tố trên của tín ngưỡng dân gian có mối quan hệ mật thiết và chi phối lẫn nhau. Mỗi loại hình tín ngưỡng dân gian lại có mức độ chi phối hay quan hệ khác nhau: Đối với tín ngưỡng thờ Mẫu nhân vật thờ là Mẫu, đối với tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười thì nhân vật thờ là Ông Hoàng Mười. Nơi thờ của Ông là trong các phủ thờ Mẫu hoặc các đền thờ riêng Ông Hoàng Mười

ở Xứ Nghệ... Tín ngưỡng dân gian là dòng chảy liên tục của những thực hành biểu tượng, trong đó con người giao tiếp với thế giới vô hình để kiến tạo ý nghĩa cho đời sống hữu hình.

1.2.1.2. Khái niệm tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã được định hình từ thế kỷ XV, là một hệ thống tín ngưỡng dân gian đặc sắc của người Việt, trong đó trung tâm là thờ thánh Mẫu Liễu Hạnh [71, tr.212, 496, 512]. Tín ngưỡng thờ phụng các vị Thánh Mẫu đại diện cho các yếu tố tự nhiên và vũ trụ: Thiên phủ (trời), Địa phủ (đất), Thủy phủ (nước), và Nhạc phủ (núi rừng), cấu thành hệ thống Tam phủ hoặc Tứ phủ.

Tín ngưỡng thờ Mẹ của người Việt/ Đạo Mẫu là tín ngưỡng Tứ phủ [99, tr.16, 25]. Ban đầu người ta gọi là Tam tòa Thánh Mẫu có thể ứng với quan niệm Tam phủ (Thiên, Nhạc, Thoải), sau thêm Mẫu Địa thành Tứ phủ. Có quan niệm cho rằng Mẫu Địa đồng nhất với Mẫu Liễu Hạnh, lại có quan niệm đồng nhất Mẫu Thiên với Mẫu Liễu Hạnh được người trần tôn vinh thờ cúng hơn các Mẫu khác...[98, tr.17].

Ngô Đức Thịnh trong các công trình nghiên cứu như: *Đạo Mẫu Việt Nam, Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam, Đạo Mẫu và các hình thức Shaman giáo trong các tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á...* tác giả tập trung nghiên cứu về Đạo Mẫu trên các phương diện tín ngưỡng tôn giáo, các giá trị văn hóa đã được tích hợp xung quanh loại hình tín ngưỡng dân gian này, những nét tương đồng và khác biệt trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở ba miền Bắc - Trung - Nam. Ngoài ra, một số công trình còn đi vào trình bày một cách có hệ thống các khía cạnh thần tích, truyền thuyết, điện thần, các nghi lễ thờ cúng và lễ hội. Giải thích nguyên nhân của sự phát triển loại hình tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Theo đó, loại hình văn hóa gốc nông nghiệp, tâm lý trọng nghĩa tình có thể được xem là nguyên nhân cơ bản. Các công trình đã miêu tả bao quát được diện mạo của hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu thần ở Việt Nam

cũng như tìm ra dấu vết các lớp bồi văn hóa theo không gian và thời gian của loại hình tín ngưỡng đặc trưng gốc Việt. Bên cạnh đó, còn có nhiều công trình nghiên cứu về tín ngưỡng Tam phủ, Tứ phủ với nội dung miêu thuật, bàn luận về thực hành tín ngưỡng, cũng như những hoạt động lễ hội.

Tín ngưỡng thờ Mẫu cũng đã trải qua hơn nửa thế kỷ đặc biệt từ sau thời kỳ đổi mới tới nay, đó là một tín ngưỡng bản địa ít nhiều chịu ảnh hưởng của ngoại lai, tín ngưỡng lấy việc tôn thờ Mẫu (mẹ) làm thần tượng với các quyền năng sinh sôi bảo bọc, và che chở cho con người. Nói cách khác đó là sự Nhân thần hóa tôn thờ tự nhiên. Một tín ngưỡng mà ở đó để được giới tính hóa mang khuôn hình của người mẹ, đã là nơi mà ở đó người phụ việc phụ nữ Việt Nam gửi gắm bao ước vọng giải thoát của mình khỏi những thành kiến ràng buộc của xã hội nho giáo [102, tr.27].

Ở Bắc Bộ, tục thờ nữ thần và mẫu thần có sự phân biệt tương đối rõ ràng, thể hiện ngay từ tên gọi và hệ thống thờ tự. Trong khi đó, ở Nam Bộ, ranh giới giữa hai lớp thần linh này lại kém rạch ròi hơn. Chẳng hạn, các vị như Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Ngọc (Thiên Y Anna), Linh Sơn Thánh Mẫu Bà Đen thường được tôn xưng là *Thánh Mẫu* và được nhìn nhận như những mẫu thần. Tuy nhiên, trong hệ thống thờ Ngũ Hành, đặc biệt là Bà Thủy Long, Bà Hỏa, lại khó xác định rõ các vị này là nữ thần hay mẫu thần. Tương tự, các trường hợp thờ Bà Suối Tiên, Chúa Ngọc, Chúa Xứ, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thiên Hậu, Bà Thủy, Bà Hồng, Nữ Oa... cho thấy sự đan xen giữa yếu tố nữ thần và mẫu thần, khiến việc phân lớp trở nên phức tạp và linh hoạt.

Nam Bộ là vùng đất mới trong tiến trình Nam tiến của người Việt; khi di cư vào đây, cộng đồng người Việt vừa mang theo các truyền thống tín ngưỡng từ quê gốc, vừa tiếp nhận và dung hợp với tín ngưỡng của cư dân địa phương sinh sống từ trước. Sự giao thoa đó đã tạo nên một bức tranh đa dạng không chỉ về văn hóa nói chung mà còn về đời sống tín ngưỡng nói riêng. Theo các nhà nghiên cứu, chính tính dung hợp và linh hoạt này đã làm nên một sắc thái đặc

thù của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ. Trên nền tảng ấy, cùng với Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ và tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, các thực hành như nghi lễ hầu bóng, cũng như chu kỳ lễ hội dân gian với quan niệm “*tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ*”, đã và đang dần phổ biến trong đời sống tín ngưỡng Nam Bộ.

Về diễn xướng như lễ hầu đồng hầu bóng ở Bắc Bộ và Nam Bộ đã được nhiều công trình nghiên cứu đề cập tới đó là nghi lễ nhập hồn nhiều lần của các thần linh vào thân xác các ông đồng, bà đồng nhằm cầu sức khỏe tài lộc công danh, đó là một dạng thức của Saman giáo, tồn tại ở nhiều nước trên thế giới. Để thực hiện nghi thức mang tính Saman này nó sản sinh và tích hợp các hiện tượng văn hóa nghệ thuật như hát Vần và nhạc châu Vần, múa... Tạo nên một sân khấu tâm linh tượng trưng cho sự tái sinh và hiện diện của thần linh Tam phủ, Tứ phủ thông qua thân xác ông bà đồng. Múa trong hầu bóng là múa của thần linh, biểu tượng của sự tái hiện các thần linh trong thân xác ông bà đồng [102, tr.57].

Các vị thánh trong đạo Mẫu không chỉ phân thành các hàng mà còn phân thành các phủ. Phủ trong đạo Mẫu mang nhiều ý nghĩa khác nhau trước nhất phủ trong Tam phủ, Tứ phủ mang nghĩa rộng và bao quát, tương ứng với các miền khác nhau trong vũ trụ như: Thiên phủ (miền trời), Địa phủ (miền đất), Thoải phủ (thủy phủ, miền sông biển), và Nhạc phủ (miền rừng núi). Vị thần đứng đầu mỗi phủ như vậy là một vị thánh Mẫu: Mẫu Thượng Thiên cai quản Thiên phủ, Mẫu Địa (Địa Tiên Thánh Mẫu) cai quản Địa phủ, Mẫu Thoải (cai quản Thoải phủ) Mẫu Thượng Ngàn cai quản Nhạc phủ. Giúp việc cho bốn vị thánh Mẫu con có nhiều vị thánh thuộc các hàng Quan, hàng Châu, hàng ông Hoàng, hàng Cô, hàng Cậu... cũng phân theo bốn phủ như các vị Thánh Mẫu kể trên.

Hiện nay chưa ai có thể trả lời chắc chắn Tam phủ và Tứ phủ của đạo Mẫu có từ bao giờ. Tuy nhiên, có thể tin rằng Tam phủ có trước, Tứ phủ và việc tồn tại phủ thứ tư (Nhạc phủ) là một nét đặc thù của Đạo giáo Việt Nam. Có thể quan niệm Tam phủ và Tứ phủ đều bắt nguồn từ quan niệm vũ trụ luận

nguyên sơ là âm và dương, dần dần yếu tố âm trong lưỡng cực âm dương phân hóa thành Địa phủ, Thoải phủ, Nhạc phủ [102, tr.63].

Mẫu là quyền năng sáng tạo vũ trụ duy nhất, nhưng lại hóa thân thành đơn vị, tứ vị Thánh Mẫu cai quản các miền khác nhau của vũ trụ: Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn.

Giúp việc cai quản cho các vị Thánh Mẫu bao gồm rất nhiều các vị thánh, thần linh, các quan, các chúa như: các Quan lớn, các vị Thánh Chúa, Thánh Châu bà, Quan Hoàng... được xếp theo thứ bậc, quy định chặt chẽ.

Như vậy, Ông Hoàng Mười nằm trong hệ thống điện thần thờ Mẫu Tứ phủ ở Việt Nam. Ông thuộc hàng thánh thứ 6. Theo truyền thuyết, Hoàng Mười là một nhân vật huyền thoại, con của vua cha Bắc Hải Động Đình thần nước, tức Thiên thần. Trong điện thần Tứ phủ thì nơi nào có điện thờ Mẫu là nơi đó có bàn thờ các Ông Hoàng trong đó có Ông Hoàng Mười.

Trong các đền thờ, điện thờ có các nghi vật, nghi trượng, đều được trang trí bằng những biểu tượng tứ linh hoặc tứ quý. Có thể nói rằng tính biểu tượng của hệ thống này được bộc lộ một cách rõ nghĩa nhất và chặt chẽ nhất, sở dĩ như vậy là do đại bộ phận chúng là những biểu tượng của xã hội toàn diện chứ không phải là những biểu tượng mang tính cục bộ, địa phương.

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ có những đặc điểm nổi bật dưới đây.

Cấu trúc thần điện rõ ràng: Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải và hệ thống thần linh dưới quyền như các Quan Hoàng, Châu Bà, Cô, Cậu.

Trung tâm nghi lễ là hầu đồng: nơi thanh đồng trở thành “phương tiện” để các vị thánh giáng về, thể hiện quyền năng và ban phát phúc lộc.

Tính nghệ thuật cao: kết hợp trang phục, âm nhạc châu văn, múa thiêng, màu sắc và trình diễn.

Như vậy, chúng ta thấy tín ngưỡng thờ Mẫu/ đạo Mẫu Việt Nam là một dạng hình văn hóa tâm linh tổng hợp, nơi hội tụ nhu cầu thẩm mỹ, tín ngưỡng, tâm lý và cộng đồng.

1.2.1.3. Khái niệm Ông Hoàng trong hệ thống thờ Mẫu

Trong hệ thống thần điện Tam phủ, Tứ phủ, Ông Hoàng là một hàng thánh nam đứng sau các hàng Thánh Mẫu, Thánh hàng Quan lớn và các vị Thánh hàng Châu. Thánh hàng Ông Hoàng gồm mười vị (Thập vị Quan Hoàng), mỗi vị được cho là cai quản một phương, có quyền năng riêng và gắn với một vùng địa lý, một tính cách hoặc một chức năng bảo trợ.

Ông Hoàng thường được đồng nhất hoặc liên tưởng với:

Nhân vật lịch sử được thần thánh hóa (như Ông Hoàng Mười là Lê Khôi, Nguyễn Xí, hoặc Lý Nhật Quang, Nguyễn Duy Lạc).

Thần linh địa phương của các dân tộc thiểu số (như Ông Hoàng Bảy vùng biên giới Lào Cai - Yên Bái).

Biểu tượng văn hóa mang đặc trưng giới tính, phẩm hạnh, tính cách (Hoàng Chín gắn với “âm phủ”, Hoàng Bảy gắn với rượu - hoa - kiếm...).

Mỗi Ông Hoàng cũng có văn chầu riêng, hình tượng hóa vị thánh trong trí tưởng tượng dân gian, là nơi cộng đồng ký thác nguyện vọng, ký ức và lòng tin. Trong nghi lễ hầu đồng, Ông Hoàng “giáng đồng” là nam giới, là những vị tướng có phẩm chất “văn võ song toàn”. Hàng Ông Hoàng là hiện thân của quyền lực phái nam trong hệ thống thần điện thờ Mẫu – một sự cân bằng biểu tượng giữa âm và dương. Ông Hoàng Mười, Ông thứ mười trong Thập vị, Ông được thờ phụng đặc biệt ở vùng Xứ Nghệ, gắn với không gian văn hóa tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Ông hiện lên như một hình mẫu quân tử, người hiền tài, thanh sạch và tài hoa, đồng thời là biểu tượng linh thiêng của cộng đồng cư dân Xứ Nghệ.

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười: trong phạm vi luận án, NCS quan niệm tín ngưỡng dân gian thờ Ông Hoàng Mười, hay còn gọi là Quan Hoàng Mười thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, trong đó tập trung tại những ngôi đền lớn ở Xứ Nghệ, gồm tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Những người có niềm tin tâm linh thực hành nhiều nghi lễ cầu xin Ông Hoàng Mười phù hộ, che chở cho họ được bình an, mạnh khỏe, làm ăn, công danh phát đạt, nhiều tài

lộc, học hành thi cử may mắn...

1.2.1.4. Giới thiệu khái quát về không gian văn hóa Xứ Nghệ

Xứ Nghệ là tên gọi chung của vùng đất Hoan Châu xưa, nay bao gồm hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Theo dòng lịch sử hành chính, danh xưng “Nghệ An” xuất hiện từ thời Lý (năm 1030), trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới và tên gọi như trại Nghệ An, phủ Nghệ An, thừa tuyên Nghệ An, rồi Xứ Nghệ An dưới triều Lê Thánh Tông (1490). Đến năm 1831, vua Minh Mệnh tách Xứ Nghệ thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Hai tỉnh này được hợp nhất thành Nghệ Tĩnh (1976) rồi lại tách ra từ năm 1991 cho đến nay [133].

Không gian văn hóa Xứ Nghệ được nhận diện không chỉ qua địa lý hành chính, mà còn như một cấu trúc địa – văn hóa đặc thù của Việt Nam. Theo GS Trần Quốc Vượng, Xứ Nghệ là vùng đất căn cỗi mà kiêu hãnh, nơi giao thoa giữa các dòng văn hóa Bắc – Trung, giữa đồng bằng và miền núi, giữa truyền thống bền chặt và khả năng đổi mới linh hoạt. Khí chất cư dân nơi đây – khắc khổ, trọng nghĩa tình, trọng đạo lý – đã thấm sâu vào các biểu hiện văn hóa, đặc biệt là trong hệ thống tín ngưỡng dân gian [117, tr.281-289].

Trong không gian đó, ba di tích mà luận án khảo sát – Đền Ông Hoàng Mười (Nghệ An), Đền Chợ Củi và Đền Cả (Hà Tĩnh) – không chỉ là địa điểm thờ tự đơn lẻ, mà là những trung tâm tín ngưỡng phản ánh chiều sâu biểu tượng và sự kết nối vùng của hệ thống thờ Ông Hoàng Mười. Việc định vị hệ thống đền thờ này trong bối cảnh địa văn hóa Xứ Nghệ cho phép luận án nhìn nhận một cấu trúc di sản sống động, giàu tiềm năng thích ứng và biểu đạt bản sắc trong xã hội đương đại.

1.2.2. Các lý thuyết nghiên cứu áp dụng trong đề tài

Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ góc nhìn văn hóa học - một ngành học liên ngành chuyên khảo sát hệ giá trị, thực hành biểu tượng và cơ chế vận hành của đời sống văn hóa trong không gian xã hội cụ thể. Để phân tích tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một hiện tượng văn hóa, tác giả vận

dụng ba hệ thống lý thuyết nền tảng: lý thuyết biểu tượng, lý thuyết diễn ngôn và lý thuyết thực hành văn hóa.

Thứ nhất, lý thuyết biểu tượng: Tác giả Đinh Hồng Hải trong bài viết “Cấu trúc luận trong nghiên cứu biểu tượng: Từ ký hiệu học đến nhân học biểu tượng” cho rằng *biểu tượng* trong tiếng Việt là từ gốc Hán có 2 nghĩa: Một là hình tượng tượng trưng; Hai là hình thức của nhận thức cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh còn giữ lại trong trí nhớ khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt... Như vậy, đây là nền tảng quan trọng để tiếp cận các yếu tố nghi lễ, hình ảnh, lời văn châu và hành vi tôn giáo như những biểu hiện mang tính tượng trưng, góp phần tái tạo ý nghĩa văn hóa [32]. Nhà nhân học Clifford Geertz trong tác phẩm *The Interpretation of Cultures* [141, tr. 89 - 94] cho rằng: “Văn hóa là một hệ thống các ký hiệu mà con người sử dụng để truyền đạt, duy trì và phát triển tri thức cũng như thái độ đối với cuộc sống”. “Văn hóa không chỉ là những hành vi sự kiện quan sát được mà còn là những biểu tượng mang ý nghĩa sâu sắc”. Biểu tượng văn hóa, theo Geertz, chính là phương tiện giúp con người diễn đạt và truyền đạt kinh nghiệm sống trong cấu trúc ý nghĩa. Như vậy muốn hiểu được những giá trị văn hóa tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười cần phải đi sâu phân tích diễn giải ý nghĩa các biểu tượng, thực hành, các hình thức biểu đạt khác nhau trong hoàn cảnh cụ thể chứ không chỉ là mô tả bên ngoài.

Vận dụng quan điểm này, NCS tiếp cận giá đồng Ông Hoàng Mười không chỉ như một nghi thức tín ngưỡng/tôn giáo, mà là hệ thống biểu tượng tích hợp: ký ức lịch sử (đồng nhất với các nhân vật như Lê Khôi, Lý Nhật Quang...), biểu tượng quyền linh (qua giáng đồng, ban lộc), và bản sắc cộng đồng (trong trang phục, âm nhạc, vũ đạo). Ví dụ, chi tiết bút đề thơ rê quạt - một động tác riêng biệt trong giá đồng Ông Hoàng Mười - mang tính biểu tượng cao, thể hiện phẩm chất văn võ song toàn được cộng đồng Xứ Nghệ tôn vinh.

Hơn thế nữa, biểu tượng Ông Hoàng Mười cho thấy khả năng thích ứng trong bối cảnh hiện đại: vừa bảo tồn trong nghi lễ truyền thống, vừa tái tạo

trong truyền thông số và du lịch. Ông Hoàng Mười, vì vậy, có thể được xem như một *lieu de mémoire* - “nơi chốn ký ức”, theo cách gọi của Pierre Nora [148, tr.7 - 24], nơi cộng đồng gửi gắm tưởng niệm và bản sắc.

Thứ hai, lý thuyết diễn ngôn: các luận điểm của Michel Foucault trong *The Archaeology of Knowledge* [143, tr.49 - 54] và *Power/Knowledge* [144, tr.78 - 82] đã phát triển khái niệm diễn ngôn như một cấu trúc quyền lực sản sinh tri thức. “Diễn ngôn là một phương thức đặc biệt để nói về và cắt nghĩa về thế giới. Diễn ngôn là không gian của ý nghĩa, đồng thời cũng là phương thức tạo nghĩa giúp con người hiểu về bản thân và thế giới”. Diễn ngôn không đơn thuần là ngôn ngữ, mà là cách mà xã hội tổ chức tri thức và quy định cái gì được coi là đúng/sai, thiêng/tục, trung tâm/ngoại biên trong xã hội, điều đó là sự thể hiện quyền lực của diễn ngôn.

Vận dụng lý thuyết diễn ngôn, luận án phân tích cách các văn bản châu văn, bài thuyết minh, nghi thức lễ hội và cả các sản phẩm truyền thông đại chúng đã cấu thành nên hình ảnh Ông Hoàng Mười như một hình tượng vừa linh thiêng, vừa gần gũi, vừa lịch sử, vừa huyền thoại. Diễn ngôn về Ông Hoàng Mười không phải là bất biến mà liên tục được thương thuyết và tái cấu trúc qua thời gian - dưới ảnh hưởng của quyền lực nhà nước (qua các hoạt động xếp hạng di tích, lễ hội), của cộng đồng thực hành (qua nghi lễ hầu đồng, truyền khẩu), và của truyền thông đương đại (qua phim ảnh, mạng xã hội, du lịch tâm linh). Từ đó, NCS nhìn nhận hình tượng Ông Hoàng Mười như một kết quả của sự va chạm và hòa giải giữa các diễn ngôn dị biệt: truyền thống và hiện đại, chính thống và dân gian, địa phương và toàn cầu. Cấu trúc diễn ngôn này giúp lý giải sự đa nghĩa và linh hoạt của hình tượng Ông Hoàng Mười trong đời sống tín ngưỡng đương đại.

Thứ ba, lý thuyết thực hành văn hóa: Pierre Bourdieu - nhà xã hội học Pháp với công trình kinh điển *Outline of a Theory of Practice* [137, tr. 72 - 85] và *The Logic of Practice* [138, tr.52-60] cho rằng các thực hành văn hóa không

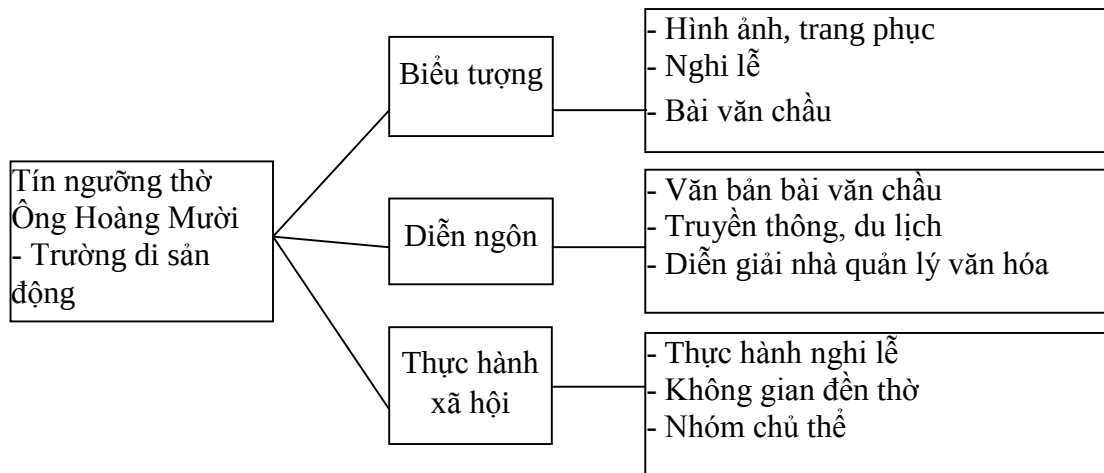
đơn thuần là hành vi cá nhân hay sản phẩm của lý trí, mà là kết quả của *habitus* - một hệ thống cấu trúc tâm lý - xã hội vô thức hình thành từ trải nghiệm lịch sử và điều kiện sống của mỗi nhóm xã hội. *Habitus* vận hành như một “trí khôn văn hóa”, điều hướng cách con người hành xử, tin tưởng và thực hiện nghi lễ mà không cần ý thức đầy đủ về động cơ hay quy tắc.

Cộng đồng tại chỗ tái hiện hành vi tín ngưỡng như mặc áo vàng, bút đề thơ, châu văn xung tụng ... mà không nhất thiết phải trải qua đào tạo chính quy. Ngoài ra, khái niệm *field* (trường) - không gian xã hội nơi các hành vi được định vị và định nghĩa - cũng được vận dụng để phân tích không gian đền Ông Hoàng Mười như một “trường tín ngưỡng” nơi các tác nhân như thủ nhang, thanh đồng, du khách, nhà quản lý văn hóa tương tác và thương thuyết với nhau.

Vận dụng lý thuyết này, luận án phân tích các thực hành nghi lễ gắn với Ông Hoàng Mười - như hầu đồng, rước lễ, trình diễn phục trang, xung tụng và dâng văn châu - như là biểu hiện cụ thể của *habitus* cộng đồng vùng Xứ Nghệ. Những hành vi lặp đi lặp lại trong không gian ngôi đền tạo thành một cơ chế tái tạo bản sắc địa phương, đồng thời thể hiện mối quan hệ giữa thân thể/trình diễn - niềm tin - không gian thiêng trong văn hóa Việt.

Quan điểm của Bourdieu cũng cho phép luận án lý giải cách mà các chủ thể như thanh đồng, thủ nhang, người hành hương, ban quản lý di tích... không chỉ *tuân thủ* mà còn *tái tạo* nghi lễ theo cách riêng, linh hoạt, thích nghi với các điều kiện kinh tế - truyền thông - quản lý hiện đại. Việc sử dụng trang phục mới, lược giản hoặc mở rộng thời gian lễ hội, kết hợp yếu tố trình diễn... là các dạng “chiến lược thực hành” (strategies of practice) nhằm duy trì tính liên tục của tín ngưỡng trong môi trường xã hội thay đổi.

Như vậy, từ góc nhìn thực hành văn hóa, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không chỉ là di sản được thụ hưởng, mà còn là một quá trình tương tác, diễn giải và sáng tạo không ngừng giữa truyền thống và hiện đại, giữa cấu trúc văn hóa và hành vi cá nhân - cộng đồng.



Hình 1: Sơ đồ khung lý thuyết tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười
(Nguồn: NCS)

Tóm lại, ba lý thuyết này bổ trợ cho nhau, giúp luận án tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười từ nhiều tầng nấc: biểu tượng - quyền lực diễn ngôn - thực hành xã hội, từ đó làm rõ tính động, tính đa nghĩa và tính thích ứng của di sản này trong bối cảnh hiện đại.

Khung phân tích của luận án được cấu trúc dựa trên sự tích hợp ba lý thuyết chính - biểu tượng, diễn ngôn, và thực hành văn hóa - nhằm tiếp cận hiện tượng thờ Ông Hoàng Mười như một trường di sản động, cụ thể như sau.

Tầng biểu tượng: Phân tích các yếu tố biểu tượng trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười (như hình ảnh, trang phục, nghi lễ bút đề thơ, bài văn châu...) để làm rõ cách cộng đồng kiến tạo và duy trì ký ức lịch sử, bản sắc vùng miền và niềm tin linh thiêng. Dựa theo Clifford Geertz [141], các biểu tượng giúp giải mã ý nghĩa văn hóa sâu xa ẩn chứa trong thực hành tín ngưỡng.

Tầng diễn ngôn: Giải mã cách các diễn ngôn (văn bản hầu đồng, bản văn châu, truyền thông du lịch, diễn giải của nhà quản lý văn hóa...) kiến tạo nên hình ảnh Ông Hoàng Mười, đồng thời chỉ ra sự thương thuyết giữa các chủ thể như nhà nước - cộng đồng - nghệ nhân - khách hành hương. Dựa theo Michel Foucault [143], [144], diễn ngôn là nơi biểu hiện quyền lực và xác lập hệ chuẩn

tri thức văn hóa.

Tầng thực hành xã hội: Khảo sát thực tiễn thực hành nghi lễ và quản lý không gian đền thông qua hành vi của các nhóm chủ thể (thanh đồng, thủ nhang, ban quản lý, khách hành hương...). Vận dụng lý thuyết thực hành văn hóa của Pierre Bourdieu [137], luận án xem những thực hành này như biểu hiện của *habitus* - vốn văn hóa nội tại - vận hành trong *field* (trường tín ngưỡng) có cấu trúc quyền lực động.

Tích hợp: Ba tầng này liên kết chặt chẽ với nhau trong một khung văn hóa học thống nhất, giúp luận án lý giải tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không chỉ là sản phẩm truyền thống, mà còn là *một cấu trúc văn hóa đa lớp*, đang được giao thoa và tái định vị, tái cấu trúc và chuyển hóa trong bối cảnh hiện đại hóa, số hóa và phát triển du lịch.

Phân tích là hiện tượng tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, được xem xét qua năm chiều cạnh chính:

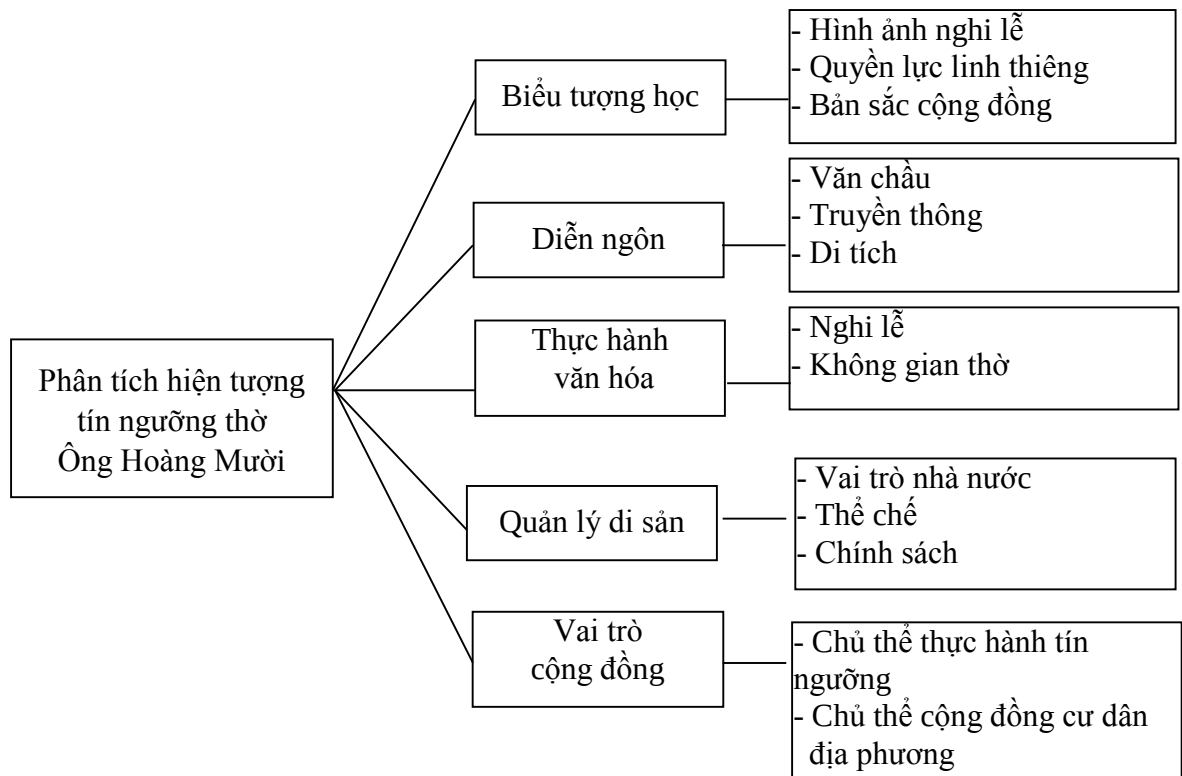
Biểu tượng học (Clifford Geertz): làm rõ hệ thống hình ảnh, nghi lễ và ký hiệu đại diện cho quyền lực linh thiêng và bản sắc cộng đồng.

Diễn ngôn (Michel Foucault): giải mã cách các diễn ngôn kiến tạo hình ảnh Ông Hoàng Mười, từ châu văn, truyền thông đến xếp hạng di tích.

Thực hành văn hóa (Pierre Bourdieu): khảo sát nghi lễ và không gian thờ như các thực hành xã hội trong “trường tín ngưỡng”.

Quản lý di sản: phân tích vai trò của nhà nước, thể chế và chính sách văn hóa trong việc điều phối, can thiệp và định hình không gian linh thiêng.

Vai trò cộng đồng: nhấn mạnh tính chủ thể thực hành tín ngưỡng, cộng đồng cư dân sở tại trong việc duy trì, thích nghi và thương thuyết các giá trị di sản.

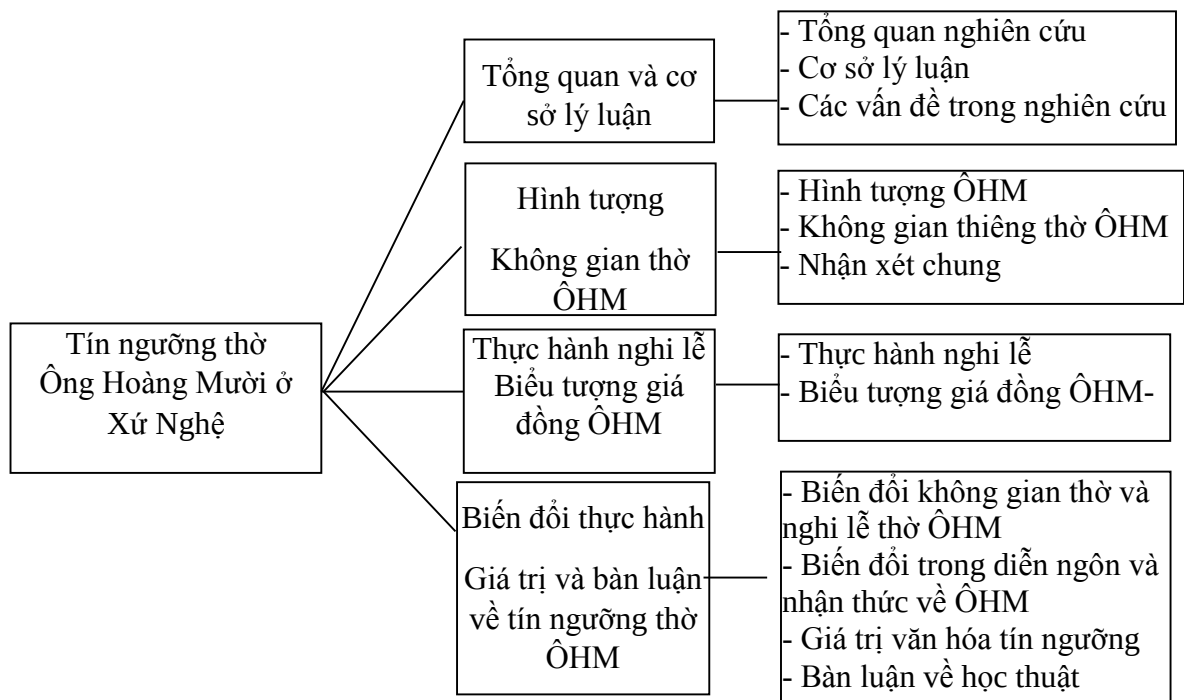


Hình 2: Sơ đồ hướng tiếp cận khung phân tích văn hóa học (Nguồn: NCS)

Năm hướng tiếp cận này hợp thành khung phân tích văn hóa học, giúp luận án lý giải các tầng nghĩa - từ biểu tượng, diễn ngôn đến thể chế và cộng đồng - trong tiến trình bảo tồn, tái tạo và thích ứng của di sản tín ngưỡng Ông Hoàng Mười.

1.2.3. Khung phân tích của luận án

Kết hợp khung lý thuyết tiếp cận vấn đề với các phương pháp nghiên cứu trên NCS tổng hợp khung phân tích của luận án như sau:



Hình 3: Sơ đồ khung phân tích tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười (Nguồn: NCS)

1.3. Đánh giá tổng quan

Từ việc tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu đã trình bày ở trên, có thể nhận thấy rằng tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã và đang nhận được sự quan tâm sâu rộng, đa chiều từ giới nghiên cứu trong nước và quốc tế. Đặc biệt, kể từ sau khi thực hành tín ngưỡng này được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016, lĩnh vực nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu đã có những bước phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu.

Có thể phân loại các công trình nghiên cứu hiện nay theo ba xu hướng chính.

Thứ nhất: Phân tích hệ thống thần điện và biểu tượng - tập trung vào cấu trúc điện thần, vai trò của các vị thần linh, đặc biệt là Mẫu và các vị Chầu.

Thứ hai: Khảo sát vai trò xã hội và quá trình biến đổi trong thực hành tín ngưỡng - hướng đến nghiên cứu mối liên hệ giữa thực hành tín ngưỡng và đời sống cộng đồng, cũng như các chuyển biến dưới tác động của hiện đại hóa, đô thị hóa, du lịch hóa.

Thứ ba: Tổng hợp, hệ thống hóa và mở rộng lý thuyết - với sự tham gia của

các nhà nghiên cứu liên ngành trong và ngoài nước, mở ra hướng tiếp cận mới từ nhân học, tôn giáo học, biểu tượng học, di sản học đến nghiên cứu trình diễn.

Những đóng góp quan trọng của các học giả trong nước và quốc tế đã đặt nền móng cho việc nhận diện tín ngưỡng thờ Mẫu như một hình thái tôn giáo dân gian linh hoạt, có khả năng thích ứng cao trong bối cảnh xã hội - văn hóa đương đại. Các khái niệm học thuật như “trình diễn thiêng” (sacred performance), “kinh tế tâm linh” (spiritual economy), “di sản động” (living heritage)... đã mở rộng phạm vi nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu từ khuôn khổ dân tộc học truyền thống sang các tiếp cận liên ngành hiện đại.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy một khoảng trống rõ rệt trong hệ thống nghiên cứu hiện tại: trong khi các vị Thánh Mẫu và các Châu Bà được nghiên cứu khá toàn diện, thì tuyến nhân vật trung gian - đặc biệt là các Ông Hoàng - vẫn chưa nhận được sự quan tâm tương xứng. Trong số đó, Ông Hoàng Mười, một nhân vật có ảnh hưởng sâu sắc tại vùng Xứ Nghệ, gắn liền với không gian thiêng đặc thù, ký ức cộng đồng và thực hành nghi lễ sống động, lại chưa có công trình khoa học chuyên sâu nào tiếp cận một cách hệ thống từ góc nhìn văn hóa học. Phần lớn tư liệu hiện có chỉ là những bài viết mang tính mô tả trong các kỷ yếu hội thảo địa phương, các luận văn thạc sĩ hoặc bài viết báo chí..., chưa thực sự đầy đủ nền tảng lý luận để lý giải sâu sắc các vấn đề như: vai trò biểu tượng của Ông Hoàng Mười trong hệ thống điện thần; cấu trúc nghi lễ liên quan đến giá đồng Ông Hoàng Mười; sự thương thảo hay còn được gọi/hiểu với những từ tương tự như là thương thuyết/ thảo luận/ thoả thuận/ đối thoại/ tham vấn... bằng khái niệm *giao thoa và tái định vị* giá trị, vị trí, nội dung quản lý và thực hành tín ngưỡng giữa Nhà nước - cộng đồng - cá nhân người thực hành; hay sự biến đổi của hình tượng này trong bối cảnh truyền thông thời hiện đại và du lịch tâm linh phát triển mạnh mẽ.

Chính từ khoảng trống nghiên cứu đó, trên cơ sở các công trình đã có của các tác giả đi trước, NCS đã hình thành lý do và động lực khoa học để lựa

chọn *Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ* làm đối tượng nghiên cứu, nhằm tiếp cận hiện tượng này từ góc nhìn văn hóa học - trong nỗ lực hiểu đúng, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị của các thực hành tín ngưỡng như một phần sống động trong đời sống tinh thần dân tộc.

Tiểu kết

Chương 1 đã hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, cho thấy đây là lĩnh vực thu hút sự quan tâm ngày càng sâu rộng của giới nghiên cứu, đặc biệt từ sau khi *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tuy nhiên, qua khảo sát có thể nhận thấy rằng các nghiên cứu về hệ thống nhân thần trong Đạo Mẫu, nhất là tuyến Ông Hoàng – đặc biệt là hình tượng Ông Hoàng Mười – vẫn còn thiếu những công trình chuyên sâu, có tính hệ thống và tiếp cận từ góc độ văn hóa học.

Trên cơ sở tổng hợp các nền tảng lý luận và phương pháp nghiên cứu, NCS vận dụng cách tiếp cận liên ngành, đặt trọng tâm vào khung phân tích văn hóa học để khảo sát thực hành tín ngưỡng tại một số điện thờ tiêu biểu. Qua đó, luận án bước đầu làm rõ tiến trình kiến tạo hình tượng Ông Hoàng Mười trong mối quan hệ đan xen giữa yếu tố huyền thoại, yếu tố lịch sử và quá trình địa phương hóa trong không gian văn hóa Xứ Nghệ, đồng thời khẳng định vai trò văn hóa – xã hội của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong chỉnh thể tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.

Xuất phát từ thực tế phần lớn các tài liệu hiện có về Ông Hoàng Mười còn mang tính mô tả, phân tán và thiếu nền tảng lý luận thống nhất, luận án lựa chọn tiếp cận hình tượng Ông Hoàng Mười như một biểu tượng văn hóa đặc trưng, vận dụng các lý thuyết về biểu tượng, diễn ngôn và thực hành văn hóa, kết hợp với khảo sát thực địa. Đây là cơ sở khoa học để luận án góp phần bổ sung khoảng trống học thuật trong nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười nói riêng và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đương đại nói chung.

Chương 2

HÌNH TƯỢNG ÔNG HOÀNG MƯỜI VÀ KHÔNG GIAN THỜ PHỤNG

2.1. Hình tượng Ông Hoàng Mười

Ông Hoàng Mười là một trong Thập vị Ông Hoàng thuộc hệ thống điện thần Tam phủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Theo truyền thuyết và thực hành dân gian, Hoàng Mười là con trai thứ mười của Vua cha Bát Hải Động Đình, là vị thánh văn võ song toàn, cai quản vùng Trung đô dọc Nghệ An, Hà Tĩnh. Như một người dân từng kể lại: “Ông Hoàng Mười là con vua Cha Bát Hải, được sắc phong giữ đất Nghệ An” [Phỏng vấn 1]. Trong văn châu có những thông tin cụ thể về lý lịch các ông Hoàng, bao gồm cả ông Hoàng Mười:

*Vua cha Bát Hải Động Đình
Sinh ông Hoàng Cả anh linh ra đầu
Hoàng Đôi ông sinh ra sau
Thiên hạ đảo cầu ông ngự đền Vương
Tiếng ông lừng lẫy bốn phương ùng ùng
Hoàng Tư làm chúa thủy cung
Hoàng Năm giữ sổ đền rồng vua cha
Hoàng Sáu hóa phép càn ra
Vua sai ông trấn Hải Hà Nam Ninh
Quan Hoàng Đệ Nhất đào tiên
Nổi một trận gió đổ cây lốc nhà
Ông làm bão giạt mưa sa
Hành phong gió vũ đổ nhà lốc cây
Hoàng Tám chính trực lòng ngay
Lĩnh vua một đấu để rầy cứu dân
Hoàng Chín yếu diệu thanh tân
Vua sai ông trấn ở trong đền Cờn*

*Hoàng Mười trấn thủ Nghệ An
Ở huyện Thiên Bản làm quan phủ Dày
Mười ông đã được làm quan*

Lịnh sắc Ngọc Hoàng lên chốn lâm sơn [103, tr.252]

Ông Hoàng Mười được vua Cha giao trấn giữ miền Trung Đô, từ Thanh Hóa đến Quảng Bình. “Theo truyền thuyết, Ông cai quản Nghệ An, từng đánh giặc và bị thương, sau đó bơi qua sông rồi mất” [Phỏng vấn 4]. Trong tâm thức dân gian, ông là vị thánh văn võ song toàn, hiện thân của trí tuệ, đạo lý và lòng trung nghĩa. Khi giáng đồng, Ông Hoàng Mười mặc áo màu vàng, cưỡi ngựa trắng, tay cầm bút lông hoặc thanh kiếm, cờ - biểu tượng kết hợp giữa trí dũng và tài năng văn chương. Giá đồng Ông Hoàng Mười đặc biệt khác với các giá Ông Hoàng khác là thường có cảnh bút đề thơ trên quạt, thể hiện vai trò người bảo trợ cho văn chương và đạo nghĩa.

Đáng chú ý, trong hệ thống tích hợp giữa thần linh và nhân vật lịch sử - một đặc điểm phổ biến trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam - Ông Hoàng Mười được đồng nhất với nhiều danh tướng lịch sử của vùng Xứ Nghệ. Hoàng Mười được nhân thần hóa, lịch sử hóa, địa phương hóa trở nên gần gũi, thân quen với các nhân vật, vị tướng trong lịch sử bao gồm: Lý Nhật Quang, Lê Khôi, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc.

Lý Nhật Quang (995-1057): Ông là hoàng tử thứ tám của vua Lý Thái Tổ, tước Uy Minh hầu, được ghi nhận là một vị quan thanh liêm, chính trực. “Năm 1039, vua Lý cử ông vào Nghệ An thu thuế. Ông hoàn thành mọi việc một cách tốt đẹp”, ông không lạm thêm thuế và được dân chúng vùng này hết lòng kính mến. “Năm 1041, vua Lý phong ông làm Tri châu Nghệ An. Trong những năm cai trị Nghệ An, ông cho lập trại Bà Hòa (Nam Tĩnh Gia – Thanh Hoá), đặt trạm canh phòng ở các nơi hiểm yếu, lại dựng các kho lương thảo sẵn sàng phục vụ các cuộc hành quân. Mùa xuân năm 1044, vua Lý đem quân đi đánh Chăm-pa, khi qua Nghệ An, ông cho người chở quân lương theo đầy đủ... Những năm sau đó, ông

ra sức phát triển kinh tế trong châu. Ông là nhà khai hoang nổi tiếng đầu tiên của đất nước ta. Theo sử cũ, ông đã mở thêm được 5 châu, 22 trại, 56 sách. Năm 1055, ở địa phương có giặc cướp, ông đem quân dẹp yên” [126].

Một số truyền thuyết tại Nghệ An và Hà Tĩnh xem Lý Nhật Quang là hiện thân của Ông Hoàng Mười do phẩm chất “văn võ song toàn”, gần dân, thương dân, và có công khai hóa vùng đất Trung Bộ [72, tr.33, 34].

Ở đây, cộng đồng không chỉ thần thánh hóa một vị quan “phụ mẫu chi dân” mà còn gắn ông với hệ thống thần điện Mẫu - nơi hội tụ cả *uy quyền chính trị* và *quyền năng linh thiêng*. Văn châu mô tả Ông Hoàng Mười là người “Cư xử nhẹ nhàng, xử thế minh bạch”, “quan trường liêm chính”, rất gần với hình ảnh Lý Nhật Quang trong dã sử.

Dị bản này cho thấy quá trình chính trị hóa thần thánh - nơi đây hình tượng thánh thần phản ánh lý tưởng quản trị, công lý và đạo đức dân gian, trong đó Ông Hoàng Mười trở thành biểu tượng của quyền lực vừa mềm mại vừa đạo nghĩa.

Lê Khôi (1400 - 1446), tự Vũ Mục, là một danh tướng kiệt xuất và công thần khai quốc của nhà Lê sơ. Ông là con trai của Lê Trừ, anh thứ hai của Lê Lợi, và là cháu gọi vua Lê Thái Tổ bằng chú. Ngay từ thời khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Khôi đã nổi danh là vị tướng dũng mãnh, lập nhiều chiến công hiển hách như các trận Bồ Ải, Khả Lưu, hay góp sức vào chiến thắng vang dội tại Chi Lăng - Xương Giang. Sau khi nhà Lê thành lập, ông được phong Kỳ Lân Hồ Vệ Tướng Quân và giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trấn thủ Hóa Châu, Trấn phủ sứ lộ Nghệ An và Nhập nội Tham dự triều chính.

Sử sách ghi nhận Lê Khôi có công lớn trong việc trấn thủ phương Nam, bảo vệ vững chắc vùng biên viễn Nghệ Tĩnh. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, ông mất năm 1446 khi đang dẹp loạn ở miền biển Hà Tĩnh, thọ quốc nạn tại cửa biển Nam Giới (nay thuộc Hà Tĩnh) [41, tr.77-79]. Sau khi mất, ông được vua đời Quang Thuận truy phong Chiêu Trưng Đại Vương và được nhân dân lập

đền thờ tại núi Long Ngâm (Hà Tĩnh), đặc biệt là tại Đền Cả (Hong Lĩnh, Hà Tĩnh) - còn gọi là Đền Dinh Đô.

Trong tín ngưỡng dân gian, đặc biệt là ở Nghệ An – Hà Tĩnh, hình tượng Lê Khôi được đồng nhất hoặc gắn chặt với Ông Hoàng Mười.

Truyền thuyết cho rằng Lê Khôi là võ tướng oai dũng và là chính trị gia giỏi, thương dân. Năm 1430, được cử vào trấn tại Châu Hoá (Thừa Thiên), ông bãi trạm gác, bỏ việc xét hỏi nghiêm ngặt, chiêu mộ dân lưu tán, khuyến khích làm ruộng, trồng dâu. Dân biên giới bị bắt đều được đổi đãi tử tế, giáo dục rồi cho về. Trong một năm mọi việc đều tốt đẹp, đức độ, tiếng lành về ông rộng khắp.

Năm 1443, Lê Khôi được triều đình cử làm đốc trấn Nghệ An. “Lúc ông mới đến, sĩ phu, dân chúng đứng chật hai bên đường trông đón, giơ tay đến trán mừng reo rằng: *Chúng tôi mong ông lâu rồi! Nay trời mới giáng phúc cho dân tôi đấy ư?* Ông làm quan ở Nghệ An được vài năm, chính sự công bình, kiện cáo rõ ràng, mùa được, dân khỏe, tiếng ca tụng công đức vang khắp đường ngõ [132].

Năm 1446, Lê Khôi làm tiền quân, vượt biển đến đất Chiêm. “Khi tiến tới cửa Thị Nại, quân Chăm hỏi: *Có phải là ông Tư Mã đấy chăng?* Ông tiến ra cất mũ cho tướng Chăm nhìn rõ mặt, họ liền hạ khí giới đầu hàng” [57].

Sau khi mất, ông hiển linh phù hộ cho dân chúng vùng Hồng Lĩnh, chữa bệnh, giúp mùa màng, xua tà ma, và dần trở thành thần bảo trợ vùng đất. Việc thờ ông trong vai trò Quan Hoàng Mười thể hiện rõ sự lịch sử hóa thần linh, một hiện tượng phổ biến trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam - nơi nhân vật lịch sử được thần hóa qua truyền khẩu, lễ nghi và văn bản châu văn. Như một người dân từng kể lại: “Ông Hoàng Mười là con vua Cha Bát Hải, được sắc phong giữ đất Nghệ An” [Phỏng vấn 1]. Người dân cho biết đền Dinh Đô xưa kia nằm ở ngã ba sông, nơi thuyền bè giao thương tấp nập và gắn bó mật thiết với tục thờ Quan Hoàng Mười [Phỏng vấn 5].

Nguyễn Xí (1397 - 1465), một công thần khai quốc triều Lê, người xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, được xem là biểu tượng trung quân ái quốc, có

tài thao lược và đức độ. Một số tư liệu dân gian, đặc biệt tại khu vực miền tây Nghệ An, tin rằng Ông Hoàng Mười chính là hóa thân của Nguyễn Xí, nhấn mạnh sự liên kết với lòng trung quân, đức độ và cội nguồn Xứ Nghệ.

Cuối năm 1424, Lê Lợi và nghĩa quân chuyển căn cứ vào Nghệ An. Nguyễn Xí được giao cầm đầu một đội quân giải phóng quê hương. “Đầu năm 1425, ông có mặt trong các trận đại thắng Khả Lưu, Bồ Ải (Anh Sơn – Nghệ An), mở đường xuống đồng bằng Xứ Nghệ”.

Theo dân gian tương truyền Nguyễn Xí vào trấn giữ đất Nghệ An, ông chăm lo đời sống người dân, thương dân bão lũ cuốn trôi nhà cửa nên ông sai người lên rừng đốn gỗ, mở kho lương cứu tế dân. Một lần đi thuyền trên sông tới chân núi Hồng Lĩnh phong ba nổi lên nhấn chìm thuyền, ông đã hóa ở khúc sông này. Trong khi mọi người đang thương tiếc ông thì trời quang có sắc mây vàng hiện lên, thi thể ông nổi lên, mặt mũi tươi tắn hồng hào như lúc sống, khi vào đến bờ đột nhiên đất xung quanh đùn lên và bọc lấy ông. Trên trời hiện lên đám mây ngũ sắc có hình Thiên binh Thiên tướng rước ông về trời [72, tr.34, 35].

Trong dị bản này, Ông Hoàng Mười không chỉ là thần linh bảo trợ, mà còn là biểu tượng văn hóa vùng miền - hiện thân của “khí chất Nghệ”: cương trực, trung thành, uyên bác và nghĩa tình. Dù không phổ biến như dị bản Lê Khôi hay Lý Nhật Quang, cách đồng nhất với Nguyễn Xí cho thấy mức độ cá thể hóa tín ngưỡng - nơi người dân gắn bó mật thiết với một nhân vật lịch sử địa phương để hình thành cấu trúc thần điện riêng biệt.

Nguyễn Duy Lạc (1558-1639): Trong nhận thức của cộng đồng cư dân tại địa phương, hình tượng Hoàng Mười không nhất thiết được đồng nhất với vị thần gốc trong hệ thống Đạo Mẫu như con của Vua Cha Bát Hải Long Vương, mà thường được gắn với một nhân vật lịch sử cụ thể của quê hương. Theo ký ức và truyền tụng dân gian, Hoàng Mười có khi được gọi là Nguyễn Hoàng Mười, có khi lại được xem như sự hóa thân của Nguyễn Duy Lạc – một nhân vật có công lao thực sự, từng được triều đình phong sắc và ghi nhận. Cách

lý giải này phản ánh rõ xu hướng địa phương hóa hình tượng thánh, trong đó yếu tố lịch sử và ký ức cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo và hợp thức hóa niềm tin.

Tại Thư viện nghiên cứu chữ Hán Nôm hiện còn lưu giữ bản *thần tích* của thôn Xuân Am, phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (ký hiệu ABB1/6), mang nhan đề “*Tuấn sản siêu loại Hiền Đức đại vương sự tích*”. Văn bản cho biết: “Đại Vương họ Nguyễn, tự là Duy Lạc. Ngài tinh thông binh pháp, giỏi võ nghệ, phò giúp vua Lê, chúa Trịnh, giữ chức Đô chỉ huy sứ; được phái đi dẹp loạn ở vùng Thuận Quảng, lập nhiều chiến công, sau được thăng chức Đô chỉ huy sứ, Phiêu Kỵ tướng quân”. Tư liệu này không chỉ cung cấp cơ sở lịch sử cho việc nhận diện nhân thân Nguyễn Duy Lạc mà còn cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa nhân vật lịch sử và hình tượng linh thiêng được cộng đồng tôn thờ trong tín ngưỡng dân gian.

Bài văn cúng ông Hoàng Mười có đoạn:

Kim tru thủy bộ chữ dinh

Tiếng Ông dạy khắp phủ thành miền Trung

Nghệ An đất thánh vậy vùng

Quảng Bình, Thuận Hóa tận cùng Quảng Nam

Sông Hàn cửa biển Hội An

Sông Hương, xứ Huế còn vang tên người.

Trong quan niệm của cộng đồng cư dân địa phương, Nguyễn Duy Lạc được nhìn nhận không đơn thuần như một nhân vật lịch sử, mà chính là một trong những hóa thân lịch sử của Ông Hoàng Mười trong đời sống tín ngưỡng. Theo truyền tụng dân gian, với vai trò là vị quan võ có công với triều đình và quê hương, Nguyễn Duy Lạc đã hiến cúng cho thôn dân 100 quan tiền và hai mẫu ruộng, tạo nguồn lực lâu dài để duy trì hương khói tại đền thờ, chăm lo việc học hành cho con em trong làng và bảo đảm lương thực cho lực lượng binh lính địa phương. Những hành động này được cộng đồng ghi nhận như biểu hiện

cụ thể của đức độ, quyền uy và tinh thần bảo trợ – những phẩm chất vốn gắn liền với hình tượng Ông Hoàng Mười trong hệ thống tín ngưỡng dân gian.

Sau khi Nguyễn Duy Lạc qua đời, dân làng vì vừa mến đức, vừa kính sợ uy linh đã suy tôn ông làm hậu thần, nguyện phụng thờ lâu dài. Trong cách hiểu của cộng đồng, sự phụng thờ này không tách rời khỏi tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, mà được xem như một sự tiếp nối, cụ thể hóa hình tượng thánh trong không gian lịch sử – xã hội của địa phương. Ở chiều ngược lại, Ông Hoàng Mười trong tâm thức dân gian được xem là vị thánh ban phát tài lộc, phúc lộc cho con người, phản ánh rõ vai trò che chở và bảo trợ cho đời sống trần thế. Chính sự tương đồng về chức năng, phẩm chất và lý tưởng vì *dân*, vì *nước*, vì *cộng đồng* đã tạo nên mối liên hệ hữu cơ giữa hai hình tượng này.

Từ góc nhìn văn hóa học, việc coi Nguyễn Duy Lạc là hóa thân của Ông Hoàng Mười cho thấy một cơ chế phổ biến trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam: hình tượng thánh không tồn tại như một thực thể trừu tượng bất biến, mà thường được hiện thân qua những nhân vật lịch sử cụ thể, tiêu biểu cho đạo đức, công trạng và uy linh của cộng đồng. Như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định, việc gắn một anh hùng, một bậc tiền nhân địa phương như Nguyễn Duy Lạc với hình tượng Ông Hoàng Mười không chỉ là kết quả của quá trình nhân thần hóa, mà còn là cách cộng đồng “gia tăng niềm tự hào địa phương, chứ không có gì đáng phải hoài nghi” [72, tr. 18, 230, 231].

Hỏi: Theo Cậu, Ông Hoàng Mười là ai trong tín ngưỡng dân gian?

Trả lời: Ông Hoàng Mười là một vị thiên thần, không phải người thường. Nếu là vị thần mà bị chém đầu hay chết chìm thì không thể gọi là thần được. Có truyền thuyết nói ông là con vua cha Bắc Hải, thuộc Thủy phủ. Ông mặc áo vàng, Mười - tượng trưng cho sự trọn vẹn, tròn đầy.

Hỏi: Ông Hoàng Mười có lai lịch như thế nào?

Trả lời: Ông ra đời cách đây trên 600–700 năm, trấn thủ vùng Hoan

Châu, Nghệ An. Khi đất này bị giặc Chiêm xâm lấn, ông cùng các tướng lĩnh đánh đuổi giặc. Có người tin rằng ông giáng sinh vào các danh tướng như Lê Khôi, Nguyễn Xí, Lý Nhật Quang. Tuy nhiên, họ không phải là Ông Hoàng Mười, mà chỉ là hóa thân, tái sinh của ông.

Hỏi: Vai trò của ông trong hệ thống tín ngưỡng như thế nào?

Trả lời: Ông là con thứ Mười của vua cha Bát Hải. Cái tên “Mười” tượng trưng cho sự viên mãn. Ông không chết mà tam sinh tam hóa - sinh ra ba lần. Ông phù trợ cho đất này trở nên linh thiêng, giúp vua và các tướng đánh giặc. Ông không có mộ, vì là thiên thần sinh hóa [Phòng văn 30].

Như vậy, NCS nhận thấy Ông Hoàng Mười trước tiên là một vị nhiên thần nhưng đã được người dân Nghệ An, Hà Tĩnh lịch sử hóa, địa phương hóa với các vị tướng tài giỏi, có công xây dựng và bảo vệ quê hương như: Lê Khôi, Lý Nhật Quang, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc. Những con người hàng ngàn năm nay đã định cư trên một vùng đất thiên nhiên khắc nghiệt, đời sống vật chất thiếu thốn, khó khăn và giặc giã liên miên. Họ đã tìm cho mình một vị thần để chở che về phương diện tinh thần là nhu cầu chính đáng, cần thiết. Nhờ có thần linh bảo hộ mà họ được tiếp thêm sức mạnh để chung lưng đấu cật, cùng nhau vượt qua những khó khăn của cuộc sống. Đây là một biểu hiện về giá trị nhân sinh quan rất cụ thể, rất thực tế và cũng rất Xứ Nghệ. Tuy nhiên, việc dung hợp các danh thần địa phương đồng nhất với Ông Hoàng Mười, đưa vào điện thần Tam phủ mà không làm thay đổi hình tượng Hoàng Mười là điều rất đáng lưu ý. Ông Hoàng Mười hội tụ đầy đủ tính cách của một bậc đại nhân, đại chí, đại dũng, là hiện thân những giá trị cao đẹp của con người Xứ Nghệ. Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười đã tôn thêm cho người dân Xứ Nghệ có truyền thống đạo đức đẹp đẽ của con người “uống nước nhớ nguồn” qua sự tôn vinh ngưỡng mộ những bậc danh thần, lương tướng có công với quê hương đất nước nên theo thời gian đã đồng nhất với ông một cách rất tự nhiên.

Việc lịch sử và địa phương hóa các nhân vật lịch sử dưới một góc độ khác, khuynh hướng lịch sử hình tượng Ông Hoàng Mười là sản phẩm văn hóa của cư dân hiện hữu trên vùng đất Xứ Nghệ. Sự dung hợp diễn ra rất tự nhiên, thống nhất, không có sự xung đột trong việc tranh giành của cộng đồng cư dân nơi đây về nguồn gốc của các nhân vật lịch sử địa phương đã phản ánh điều kiện hoàn cảnh lịch sử văn hóa đặc biệt của Xứ Nghệ. Điều đó tạo nên những sắc thái riêng, tạo nên cái độc đáo trong thống nhất, đa dạng của nền văn hóa dân tộc.

Sự linh thiêng của Ông Hoàng Mười không chỉ nằm ở các truyền thuyết hay hình tượng biểu tượng, mà còn được củng cố qua thực hành tín ngưỡng sống động. Hiện nay, ba nơi thờ tự lớn của Ông Hoàng Mười tại Xứ nghệ là Đền Ông Hoàng Mười, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An và Đền Chợ Củi, xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, đền Dinh Đô /Đền Cả tại Trung Lương, tỉnh Hà Tĩnh - nơi thờ Ông Hoàng Mười dưới hình thức cộng đồng tự quản. Các nghi lễ thờ Ông Hoàng Mười như lễ hội lớn nhất là ngày 10/10 âm lịch gồm có nhiều hoạt động như: rước sắc phong, hầu đồng, dâng lễ... đều thu hút đông đảo con nhang đệ tử và khách hành hương, góp phần bảo tồn không gian thiêng và duy trì bản sắc địa phương. “Đền Hoàng Mười nằm ở vị trí ngã ba sông, phía sau là bờ đê, xưa thấp nay được đắp nền cao tránh lụt” [Phỏng vấn 5].

Ông Hoàng Mười vì thế không chỉ là nhân vật tín ngưỡng mà còn là biểu tượng đa tầng: vừa thiêng liêng trong tâm thức dân gian, vừa mang dáng dấp lịch sử - văn hóa cụ thể của vùng đất Trung Đô. Nhận diện và phân tích biểu tượng Ông Hoàng Mười trong hệ thống điện thần Tam phủ, vì vậy, không chỉ giúp hiểu rõ hơn về cấu trúc thờ Mẫu Tam phủ, mà còn mở ra cách tiếp cận toàn diện đối với một thiết chế văn hóa dân gian đang vận động trong xã hội đương đại.

Tóm lại, qua nghiên cứu hình tượng Ông Hoàng Mười chúng ta thấy ẩn chứa trong đó nhiều giá trị nhân văn cao đẹp, từ góc nhìn văn hóa học phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan của người dân Xứ Nghệ.

2.2. Không gian thiêng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ

Không gian thờ tự Ông Hoàng Mười ở Nghệ An và Hà Tĩnh là những địa điểm thiêng liêng phản ánh sự giao thoa giữa tín ngưỡng dân gian, lịch sử văn hóa và sự hình thành cộng đồng. Trong đó, ba ngôi đền thờ tự lớn gồm Đền Ông Hoàng Mười (Hung Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An), Đền Chợ Củi (Nghị Xuân, Hà Tĩnh) và Đền Cả/ Dinh Đô Quan Hoàng Mười (Trung Lương, Hà Tĩnh) đã trở thành nơi cổ kết ký ức cộng đồng, thể hiện niềm tin linh thiêng và thực hành tín ngưỡng sống động của cư dân vùng Bắc Trung Bộ. Điều đó còn thể hiện niềm tin của người dân địa phương, du khách hành hương đi lễ ngày một đông đã phản ánh sự ngưỡng mộ, tư tưởng đạo đức trọng đức, trọng tài, tôn kính những phẩm chất cao đẹp, trọng nghĩa của người dân Việt Nam.

2.2.1. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An

Đền Ông Hoàng Mười, còn gọi là Mỏ Hạc linh từ, Đền Xuân Am, thuộc xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An - nơi được xem là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, mang đậm dấu ấn văn hóa lịch sử Xứ Nghệ. Đền nằm ở vị trí bằng phẳng, khuôn viên thoáng mát. Trước mặt đền là sông Mộc, sau đền là sông Vĩnh tạo thế chim Hạc nên đền còn có tên: Mỏ Hạc Linh từ.

Xưa kia, Hưng Nguyên thuộc bộ Hàm Hoan nước Văn Lang. Thời Bắc thuộc thuộc huyện hàm quận Cửu Chân. Thời hậu Lê, làng Xuân Am thuộc xã Âm Công, huyện Hưng Nguyên phủ Anh Đô. Thời Nguyễn thôn Xuân Am thuộc tổng Yên Đỗ phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Năm 1936 - 1939, xã Âm Công gọi là xã Yên Pháp, huyện Hưng Nguyên. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, xã Yên Pháp chia thành xã Yên Xuân và xã Phụng Hoàng. Sau cải cách ruộng đất, xã Phụng Hoàng chia thành bốn xã nhỏ: Hưng Mỹ, Hưng Phúc, Hưng Lợi, Hưng Thịnh thuộc huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An. Từ năm 1976 đến 1990, tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh sáp nhập lại thành Nghệ Tĩnh, làng Xuân Am xã Hưng Thịnh huyện Hưng Nguyên thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh. Từ năm 1991 đến

nay, Nghệ Tĩnh tách thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Đền Xuân Am thuộc tỉnh Nghệ An. Xã Hưng Thịnh chia thành 16 xóm cư dân, gọi tên thứ tự từ số một đến số 16 xóm làng Xuân Am thuộc xóm 12 nhưng nhân dân vẫn quen gọi là làng Xuân Am [90].

Trước đây, với đặc điểm địa hình đồng chua nước mặn, thường bị lũ lụt hạn hán người dân nơi đây có cuộc sống vất vả, khó khăn. Từ khi có đê 42 dọc sông Lam cuộc sống người dân dần khá hơn.

Xã Hưng Thịnh là vùng đất màu mỡ được sông Lam bồi đắp phù sa, thuận lợi về giao thông. Người dân làm nông là chủ yếu song vẫn có các nghề phụ, nghề thủ công truyền thống, buôn bán nhỏ. Nhìn chung đời sống người dân nơi đây khá ổn định.

Theo các nguồn tư liệu dân gian và ghi chép địa phương, ngôi đền được khởi dựng vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, trên nền móng của một miếu cổ thờ vị thánh Hoàng Mười - người được nhân dân vùng Trung Đô tôn kính là vị thần anh linh bảo hộ.

Đền Ông Hoàng Mười được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh và lễ hội được nâng cấp thành di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2019, đền chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Văn hóa - Thể thao Nghệ An.

Đền được trùng tu nhiều lần, mang dáng dấp công trình hành chính hóa di sản: quy hoạch sân, đài lễ, ban thờ, bảng quy tắc hành lễ, nội quy hầu đồng...

Hồ sơ di tích cho biết, ban đầu đền chỉ là một kiến trúc đơn sơ bằng gỗ lợp lá, do nhân dân trong vùng quyên góp dựng lên để thờ phụng vị thần linh thiêng từng hiển linh che chở dân làng. Đền xây dựng 1634 thời hậu Lê, trên mảnh đất bằng phẳng diện tích 10.615 m². Trước đây, đền có quy mô bề thế với các công trình kiến trúc như: Tam quan, có voi quỳ, hổ phục. Cửa Tả, cửa Hữu với đôi cột sừng sững, ba tòa nhà hạ điện, trung điện và thượng điện uy nghi, sân vườn và khu mộ.

Trải qua thời gian và với niềm tin ngày càng sâu rộng của cộng đồng,

ngôi đền được tôn tạo và mở rộng nhiều lần, đặc biệt là các đợt trùng tu lớn vào những năm 1923, 1995 và gần đây nhất là năm 2010. Kiến trúc hiện nay của đền mang dáng dấp kiểu thức đình đền truyền thống Bắc Bộ kết hợp yếu tố đặc trưng vùng Trung Bộ, gồm các hạng mục: nghi môn, tắc môn, đài Trung thiên, lầu cô, lầu cậu, sân đền, nhà khách, ba tòa hạ, trung, thượng điện xếp theo hình chữ Tam và khu vực miếu mộ. Ngoài ra, di tích còn có sân lễ hội, khu vực để xe và hàng quán phục vụ khách hành hương.

Nghi môn quay mặt ra dòng sông, phía trước là bên đền xây bậc cấp để có thể xuống sông lấy nước và khách hành hương đi thuyền lên xuống dễ dàng.

Nghi môn 4 cột, 2 cột nanh tạo cổng chính và hai cột trụ tạo cửa Tả cửa Hữu.

Mặt trước cột nanh nhân câu đối bằng chữ Hán có nội dung:

Lê triều hiển hách trung lương tướng

Nam quốc phương danh thượng đẳng thần.

Qua cổng nghi môn là một tắc môn hình chữ nhật nhưng vát hai đầu phía trên. Mặt trước tắc môn đắp nổi hình hổ phục, khắc hai hàng chữ nho (chữ đen nền đỏ) có nội dung:

Nhất xứ anh hùng nhất võ lương

Hổ thần tin tức địch phi thường.

Mặt trong tắc môn đắp nổi hình rồng lượn trong những đám mây trắng, rồng màu vàng, miệng đang phun nước, trong dòng nước đỏ cá chép lượn theo sóng cuộn. Sân đền khá rộng, bằng phẳng, lát gạch.

Lầu cô nằm phía hữu sân đền. Lầu có bốn mái, bốn đầu đao bằng bê tông hình rồng cách điệu. Mái gắn ngói vẩy.

Lầu cậu đối diện với lầu cô, phía bên tả sân, diện tích nhỏ hơn. Lầu cậu cũng tạo bốn mái, bốn đầu đao hình rồng cách điệu. Bờ nóc gắn biểu tượng lưỡng long triều nguyệt, lợp ngói vẩy.

Giữa sân đền xây cột tiền đài hay còn gọi là đài trung thiên. Trên cột đặt tám bê tông hình vuông để bát hương công đồng. Phía ngoài là một tám bê tông

hình vuông dùng làm nơi đặt lễ cúng trời đất.

Hạ điện gồm ba gian hai hồi. Gian giữa xây một bàn thờ bằng bê tông theo kiểu hương án gỗ hai cấp là bàn thờ Vua cha Bát Hải Đại Vương. Trên đó đặt tượng Vua Cha và ngũ vị tôn ông. Tượng vua cha Bát Hải ngồi chính giữa ở cấp trên cao, 2 tượng tôn ông đứng chầu hai bên. Ba tượng còn lại đứng ở cấp dưới. Trên xà dọc theo bức đại tự *Minh Tâm Thiện Tài*, nền đỏ, viền vàng chạm lộng xung quanh.

Hai cột cái trước bàn thờ vua cha Bát Hải có treo đôi câu đối bằng gỗ, nội dung:

Cao Sơn hải hoạt sinh thánh đức

Nghĩa cứu thiên trường hiếu kính tâm.

Hai cột con phía sau là bàn thờ treo đôi câu đối bằng gỗ chữ Hán nội dung:

Đế Thích long chương khai thái vận

Thiên sinh thần võ rực hồng đồ.

Trên xà dọc phía ngoài gian giữa được treo một quả chuông đồng nặng 110 kg.

Gian hữu là cung sơn trang, đặt ba tượng ngồi, sáu tượng đứng trên bàn thờ xây.

Gian tả là cung thờ đặt 9 tượng Quan Hoàng bằng gỗ. Bài trí 5 tượng ở cấp trên thế ngồi. Quan Hoàng Cả ngồi ngay chính giữa, 4 tượng chia hai bên. Cấp dưới đặt bốn tượng đứng.

Trên xà treo bức đại tự *Đức Lưu Quang* chất liệu gỗ sơn mài.

Tòa trung điện xây tường bít đốc, gian giữa lát gạch tạo nơi ngồi hành lễ. Cả 3 gian đều được xây bàn thờ. Gian hữu thờ tứ vị chầu bà, gian giữa thờ Phật - Ngọc Hoàng, thánh Mẫu. Gian tả thờ đức thánh Trần Hưng Đạo và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Gian giữa: Đây là nơi thờ mang tính chính thống của đạo Mẫu, đồng thời thể hiện quan niệm Tam giáo đồng nguyên của người Việt.

Trên bàn thờ xây gian giữa, phía trên cùng sát tường được đặt 3 tượng Phật ngồi trong khám kính. Hàng thứ hai từ trên xuống trong bàn thờ này là Ngọc Hoàng và hai vị Nam Tào, Bắc Đẩu hai bên. Hàng thứ 3 là ba tượng Tam tòa thánh Mẫu, ngồi ngoài cùng để gần với dân chúng hơn.

Trên xà dọc theo bức đại tự nền đỏ, chữ vàng với 4 chữ Hán lớn: *Anh Dục Tứ Chung*.

Phía dưới bàn thờ còn có bàn thờ ngũ hổ, cũng đặt một bát hương sứ, một đôi cọc nền đồng, chuông, mõ để tụng kinh.

Gian hữu là cung thờ tứ vị Châu Bà.

Gian tả phía trên xà dọc treo bức đại tự *Đức Lưu Quang* trên nền vàng chữ đen (Sơn then thép vàng).

Trên bàn thờ xây hai cấp đặt tượng của hai vị anh hùng dân tộc.

Cấp trên (trong long ngai) là tượng Đức thánh Trần Hưng Đạo Đại Vương.

Cấp dưới là bức tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh - người anh hùng giải phóng dân tộc thế kỷ XX.

Ngăn cách cung ngoài và cung trong (cung cấm) là bức tường có 3 cửa. Cửa giữa chỉ mở trong những ngày lễ trọng cho nhân dân và du khách chiêm ngưỡng tượng ông Hoàng Mười đặt trong cung cấm.

Tòa thượng điện là nơi thờ chính của đền. Xà dọc treo bức đại tự *Minh Tâm Thiệu Tài*. Xà ngang là đôi thanh/bạch xà quay đầu vào trong cung cấm.

Phía dưới xây một bàn thờ để đặt các đồ như: bát hương, cọc nền, mâm để vàng bạc, bình hoa và các cây lá vàng lá bạc.

Bên dưới bàn thờ xây vòm cuốn, để 4 ngựa vàng cùng châu vào linh tượng của ông Hoàng Mười và một giá treo quả chuông đồng cỡ nhỏ, mõ để hành lễ.

Bên phải phần ngoài tòa thượng điện để dàn bát bửu, tàn, lọng, chiêng, trống, chuông đồng và chiếc kiệu bát cống dùng trong ngày lễ hội rước Ông Hoàng Mười từ đền về làng và từ làng ra đền.

Trong tòa thượng điện là cung cấm, đây là cung thờ những vị thần chính tại

đền, các vị có sắc phong từ thời phong kiến còn giữ được. Chính giữa cung cấm là bàn thờ Ông Hoàng Mười uy nghi, linh thiêng nhưng vẫn gần gũi, ấm áp.

Cấp dưới có 2 tượng thị nữ đứng châu.

Bên trái cung cấm là nơi thờ Bà Chúa bản đền Song Đồng Ngọc Nữ, được sắc phong Thượng đẳng thần.

Bên phải cung cấm là cung thờ hai vị quan địa phương. Theo nhân dân thì đây là Đức Thánh Ba và Đức Thánh Tư mà sắc phong là: “Thái Bảo phúc quận công tôn thần gia tặg đoan trúc tôn thần và Phụ Quốc thượng tướng quân tôn thần ra tặg đoan trúc tôn thần”.

Tượng Thái Bảo phúc quận công mặc áo xanh ngồi bên trái, đầu đội mũ hai tay đặt hờ trên đùi.

Tượng Phụ Quốc thượng tướng quân mặc áo đỏ, ngồi bên phải hai bàn tay đặt ngựa trên đùi, đầu đội mũ cánh buồm.

Miếu mộ: Phần mộ sau khi tôn tạo cách sân đền 50m về hướng Đông Nam. Mộ nằm hướng Nam đầu gối về núi Dũng Quyết. Trước đây là mộ đất sau nhiều lần tôn tạo quy mô ngày một bề thế và khang trang hơn. Mộ xây nổi, phần mộ nằm trong lòng miếu hình chữ nhật, phần nổi lên so với mặt nền cao 0,5 m, dài 2,25 m, rộng 1,19 m.

Phía ngoài mộ đặt một bàn thờ chân quỳ dạ cá. Phía sau mộ đặt một bàn thờ gọi là lầu bia những vật dụng quen thuộc của Ông Hoàng Mười. Phía trong cùng, sau bàn thờ Hương án, xây một khám thờ. Trong khám đặt tượng Ông Hoàng Mười ngồi trong ngai sơn son thiếp vàng lồng khám kính. Toàn bộ phần mộ, bàn thờ, khám thờ được đặt trong lòng miếu.

Phần miếu trong cuốn thư đắp nổi 4 chữ Hán: *Lăng Đức Hoàng Mười*.

Bao quanh mái là tường rào, mặt trước mở 3 cửa do cột nanh và cột quyết tạo thành (dạng nghi môn). Hai cột nanh tạo cửa chính giữa. Bên phải cổng đặt con ngựa tía trên xe song long có bánh sắt. Bên trái miếu đặt một bia công đức nội dung ghi ngày tháng khởi công, hoàn thành khắc bia. Ngoài ra còn có gậy

hèo, cờ, kiếm, nón thờ, cờ nhà Phật, quần, áo, mũ, hài và một số đồ tế khí khác.

Kết cấu tổng thể của đền dựa trên trục thần đạo hướng ra sông Lam - dòng sông được coi là linh khí, tạo thành thế phong thủy “tiền thủy hậu sơn”. Các hạng mục công trình được bố trí đăng đối, gắn kết bằng hệ thống sân vườn thoáng rộng với hàng cau, cây đa cổ thụ, ao sen tạo nên không gian tâm linh thanh tịnh và uy nghi. Trên nóc đền trang trí hình lưỡng long châu nguyệt, phượng châu, hạc đứng - những họa tiết phổ biến trong kiến trúc mỹ thuật đình đền truyền thống.

Tòa đại bái là nơi diễn ra các nghi thức chính trong lễ hội và các hoạt động dâng lễ thường nhật, được xây dựng ba gian hai chái, với hệ khung gỗ lim chạm khắc rồng phượng, hoa văn “tứ linh” tinh xảo. Hậu cung là không gian linh thiêng nhất, nơi đặt ngai thờ và tượng Ông Hoàng Mười - được tạo hình uy nghi, trang phục sắc vàng, tay cầm bút lông tượng trưng cho văn tài, hoặc thanh kiếm tượng trưng cho võ lược. Hai bên có bài vị các vị thánh và Quan khác, thể hiện cấu trúc đa tầng của hệ thống điện thần Tam phủ.

Ngoài ra, trong khuôn viên đền còn có các công trình phụ trợ như: nhà trưng bày hiện vật, bia đá ghi công đức các đời trùng tu, khu nhà khách đón tiếp thanh đồng và khách hành hương... Tất cả tạo thành một tổ hợp kiến trúc tín ngưỡng quy mô lớn, khép kín [90].

Từ năm 2016 đến nay, với sự vào cuộc của chính quyền địa phương, Đền Ông Hoàng Mười không chỉ là nơi thờ tự mà còn là di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh, được đầu tư trùng tu theo định kỳ và quản lý bởi Ban quản lý di tích kết hợp với cộng đồng, thanh đồng, con nhang đệ tử. Việc tổ chức lễ hội, kiểm soát tiền công đức, bảo vệ cảnh quan được thực hiện minh bạch, góp phần duy trì không gian thiêng và nâng cao ý thức giữ gìn di sản trong đời sống đương đại.

2.2.2. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Chợ Củi

Di tích đền Chợ Củi thuộc xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tên cũ là thôn Tháp Sơn, xã Tam Sơn, huyện Nghi Xuân. Đây là một xã

vùng đồng bằng, nghề sinh sống chủ yếu của người dân là nông nghiệp. Xã Xuân Hồng phía Đông giáp dãy núi Ngũ Mã, phía Tây giáp dòng sông Lam, phía Bắc giáp xã Xuân An, phía Nam giáp xã Xuân Lam.

Đền Chợ Củi, tên chữ là “Khu Độc Linh Từ,” tọa lạc tại thôn Trung Sơn, xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh - nơi được xem là vùng địa linh tụ khí nhờ vị trí phong thủy lưng tựa núi Hồng Lĩnh, mặt hướng sông Lam.

Ngôi đền có lịch sử hơn 500 năm, được khởi dựng vào thời Lê Trung Hưng thờ Tam tòa Thánh Mẫu; Ông Hoàng Mười - vị danh tướng được nhân dân thần thánh hóa, lịch sử hóa và suy tôn như một biểu tượng linh thiêng đưa vào thờ trong chính cung. Ngoài ra, đền còn thờ các vị thánh khác trong hệ thống Mẫu Tam phủ như Châu Mười, Ngũ vị tôn quan, cùng các nhân thần như Trần Hưng Đạo...

Tên gọi “Chợ Củi” bắt nguồn từ khu chợ cổ nằm cạnh đền, nơi từng diễn ra hoạt động buôn bán củi và than trước đây từ vùng núi xuống hạ du. Tên gọi này không chỉ gắn với hoạt động kinh tế truyền thống mà còn phản ánh sự hòa quyện giữa không gian tâm linh và sinh hoạt cộng đồng cư dân vùng ven sông Lam.

Đền Chợ Củi gần trục quốc lộ 1A, thuận tiện cho việc giao thương và hành hương. Với vị trí trung chuyển giữa Bắc - Trung góp phần làm cho đền có vị thế quan trọng trong hệ thống thờ Tam phủ tại miền Trung. Kiến trúc đền được phục dựng theo lối hiện đại, có các công trình phụ trợ phục vụ khách hành hương như bãi xe, khu bán lễ vật, phòng nghỉ.

Đền Chợ Củi thuộc di tích kiến trúc tôn giáo danh thắng, là một trong bát cảnh đẹp của huyện Nghi Xuân xưa. Hồ sơ di tích và thực địa cho thấy ngôi đền bố cục hình chữ Tam gồm các công trình: (1) Công trình phụ gồm: Đường vào di tích, hồ bán nguyệt, sân, miếu bia, lầu Cô, lầu Cậu. (2) Công trình chính: Sân nhà hạ điện, nhà trung điện, nhà thượng điện.

Cổng đền Chợ Củi được xây dựng chính diện với nhà hạ, trung điện, chất liệu đá, vôi, vữa. Cửa đại ở chính giữa, hai bên là hai cửa tiểu tạo thành nghi

môn (còn gọi là Tam quan theo cách gọi của địa phương). Cửa đại hai tầng, nối từ tầng một sang tầng hai. Cột nanh xây nối với cửa tiểu tạo nên vẻ đẹp thẩm mỹ kiến trúc, sự linh thiêng cho ngôi đền. Trên đỉnh cột nanh đắp hai con nghê chầu vào nhau đắp bằng gạch, đá, vôi, vữa.

Hồ bán nguyệt xây trước sân đền, cách cửa tam quan 8m, rộng 4m có tường rào bao quanh. Chính giữa hồ có cửa lên xuống rộng 1m, giữa hồ có cấp 1 bồn đá tạo cảnh. Sân đền chữ nhật, hai bên có đắp dải bao quanh.

Miếu thờ phía trong có 2 pho tượng, ở giữa là thân gỗ đặt tượng cô Chín - Miếu cô Chín. Phía sau miếu 1m, bên trái, hành lang sân là 2 ban quan Tả, quan Hữu với 2 pho tượng to lớn nhưng do thời gian, và chiến tranh nên chỉ còn dấu tích, phế tích. Bia ở bên góc phải sân vườn.

Miếu Cô, miếu Cậu có cấu trúc giống nhau. Trước sân hạ điện nối với các cấp xây một cổng lớn chính diện với sân nhà hạ trung, thượng điện, giữa cổng lên xuống xây một trụ hương. Nhà hương là nơi để cho du khách thập phương làm thủ tục lên hương và lễ. Cổng cùng với hệ thống miếu Cô, miếu Cậu tạo thành một vành đai khép kín.

Miếu cô Chín mới được xây dựng gần đây, kiến trúc 3 gian, mặt trước có ghi câu đối chữ Hán: “Kính thành am triêm công đức thánh, Thần hôn dạ nhật sự tất thành”. Dịch nghĩa: “Thành kính nhận ân huệ công đức thánh, Sớm tối ngày đêm việc tất thành”.

Gian giữa là cung thờ cô Chín. Trên pho tượng mái sau có bức đại tự 4 chữ Hán sơn son thiếp vàng “Cửu tinh linh từ” nghĩa là “đền thiêng Chín Giếng”. Trên hai cột gỗ, hai bên có treo câu đối bằng chữ Hán gỗ: “Vạn lý hải hà nguyên Cửu Tinh, Nhất hồ thiên địa kết Tam Sơn”. Dịch nghĩa: “Sông biển vạn dặm nguồn, Cửu Tinh đất trời một hồ nối Tam Sơn”.

Gian bên tả là cung thờ cô Bơ, tượng thờ bằng gỗ. Gian bên hữu là cung thờ Cô Đôi, tượng thờ sơn màu.

Công trình chính nhà hạ điện (nhà bái đường) hướng Tây Bắc. Nhà hạ

điện kiểu kiến trúc khác với nhà trung, thượng điện, trên cao có dòng chữ Hán “Thánh Mẫu linh từ” - “Đền thiêng thánh Mẫu”. Nhà hạ điện hai cột trụ đỡ mái nhà khắc hai câu đối “Vạn cổ tinh thần. Ưc niên miếu vũ” - mặt trước khốp câu “Mã lĩnh cung triều chung tú khí. Xuân đài chiêm ngưỡng lại đồng nhân”.

Nhà trung điện: Kiến trúc theo cách vừa liên hoàn vừa tách biệt, không gian thoáng rộng.

Hạ điện: Bài trí nội thất tại gian giữa có hai câu đối trên ván gỗ được sơn son thiếp vàng: “Thập phương Hải hội thần tiên Phật Tam giáo Nguyên đồng thích đạo nhân”.

Gian giữa là bàn thờ sáu pho tượng làm bằng gỗ mít sơn son thiếp vàng. Trên bệ có một bàn hương gỗ nhỏ đặt pho tượng gỗ mít, người dân gian thường gọi là tượng Lê Khôi. Hai bên có hai pho tượng nhỏ đứng.

Nhà thượng điện diện tích nhỏ và cao hơn hạ điện, trung điện, có ba gian gỗ lim. Ban giữa đặt điện thờ Tam tòa thánh Mẫu. Bên trái có bàn thờ Châu Mươi. Bàn phải đặt một long ngai. Phía trước có ban thờ Quan Hoàng Mươi [9].

Tổng thể kiến trúc đền mang phong cách Bắc Trung Bộ, bao gồm các hạng mục như: cổng nghi môn (địa phương gọi là cổng tam quan), hồ bán nguyệt, sân tế, hạ điện, trung điện, thượng điện, tả vu - hữu vu và hậu cung. Toàn bộ hệ thống điện thờ bài trí ba tòa điện chính tạo thành hình chữ Tam - biểu tượng cho sự phân tầng thiêng liêng trong hệ thống Tam Phủ. Trong đó, trung tâm là điện thờ Ông Hoàng Mươi với tượng thánh uy nghiêm - biểu trưng cho quyền uy và đức độ của ngài.

Đền từng trải qua nhiều lần trùng tu lớn vào các năm 1990, 2003 và 2018-2020, do chính quyền địa phương phối hợp với cộng đồng công đức. Quá trình trùng tu đảm bảo nguyên tắc giữ gìn kiến trúc truyền thống bằng vật liệu bản địa như gỗ lim, đá xanh, ngói mũi hài - góp phần bảo tồn tính chất nguyên bản của công trình [9].

Ngày nay, đền Chợ Củi trở thành điểm đến tâm linh - du lịch hấp dẫn.

Với giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng tiêu biểu, đền đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia năm 1993.

2.2.3. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Cả

Đền Cả còn gọi là đền Dinh Đô Quan Hoàng Mười, Dinh Đô Linh Từ, đền Hoàng Mười. Đền tọa lạc tại khối phố Hầu Đền, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Không giống như Đền Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, tỉnh Nghệ An - nơi mang tính chính danh hóa, hay Đền Chợ Củi - không gian đại chúng hóa mạnh mẽ. Đền Cả phản ánh một mô hình thờ tự mang tính địa phương sâu sắc, được cộng đồng cư dân tại chỗ trực tiếp quản lý, duy trì và thực hành lễ nghi một cách bền vững, qua nhiều thế hệ. “Đền Dinh Đô nằm trong kinh đô xưa – Kinh đô Ngàn Hồng. Câu hát văn có nói: “Đền Hoàng lập ở nơi mô – Đền Hoàng lập ở chôn Kinh đô” [Phòng văn 30].

Đền tiếp giáp với xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An và các xã Xuân Lam, Xuân Lĩnh của huyện Nghi Xuân, Yên Hồ, Đức Vĩnh Thuận huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh. Đây là địa phương có điều kiện tự bốn mặt bốn mặt đều có núi sông bao bọc: phía Bắc có sông Lam, phía Nam có sông Minh, phía Tây của sông La, phía Đông có núi Hồng Lĩnh, còn đê La Giang chạy cắt ngang qua phường, cùng với cống Trung Lương hợp thành hệ thống ngăn lũ, điều tiết nước phục vụ sản xuất cho các huyện phía Bắc của Hà Tĩnh là Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà. Quốc lộ 1A chạy dọc qua phường từ Bắc vào Nam với chiều dài 2 km.

Phường Trung Lương có 10 tổ dân phố với 1620 hộ và 6275 nhân khẩu. Là một địa phương có nền văn hóa lâu đời có nghề rèn đúc Vân Chàng nổi tiếng trong cả nước, có lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Minh, hằng năm thu hút rất đông nhân dân trong và ngoài phường đến xem.

Theo ký ức dân gian và truyền ngôn địa phương, Đền Dinh Đô có lịch sử hình thành từ lâu đời. Trước những năm 50 thế kỷ XX đền vẫn hiện hữu nơi đây. Khoảng đầu những năm 1960 đền bị lũ lụt cuốn trôi. Năm 2000 đền bị phé

tích không còn. Năm 2015 người dân địa phương cùng chính quyền và cựu PQH [Phỏng vấn 20], [Phỏng vấn 30] đã đứng lên kêu gọi nhân dân cùng đóng góp công đức khôi phục lại đền. Ban đầu đền là nơi thờ Ông Hoàng Mười và thần rắn (Tam lang). Sau này được cộng đồng mở rộng, tôn tạo thành nơi phối thờ nhiều vị thánh nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh tại chỗ.

Đền xây dựng trên khu đất khoảng 10.246,6 m², phía trước đền là dòng sông Lam, phía sau đền là đê La Giang. Kiến trúc ngôi đền khá giản dị, chủ yếu bằng vật liệu gỗ và gạch ngói truyền thống, với bố cục không gian gồm nghi môn, sân đền, tả vu, hữu vu, nhà bái đường và hậu cung. Tuy không cầu kỳ về quy mô, nhưng đền được chăm sóc thường xuyên, sạch sẽ, âm cúng, mang tính gắn bó sâu sắc với cộng đồng sở tại.

Nghi môn: xây dựng theo kiểu vừa truyền thống vừa hiện đại, gồm hai cửa, mỗi cửa có hai trụ nanh cao, bên trên có hộp đèn, hình tứ phương vươn ra bốn phía. Ở giữa có tạc hình quan tả, quan hữu và cặp ngựa châu, hổ phù... Trước nghi môn có bể nước nhân tạo, giữa đặt hòn non bộ và trồng cây xanh tạo cảnh quan, bóng mát cho di tích.

Mặt trước của nghi môn đắp dòng chữ: *Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười*.

Lầu cô, lầu cậu thiết kế theo kiểu hình hộp chữ nhật, hai tầng tám mái đặt đối xứng nhau trước sân hành lễ. Có một cửa chính và hai cửa hai bên.

Hạ điện được xây dựng bằng xi măng sắt thép, thiết kế theo lối giả gỗ, gồm ba gian hai hồi, bốn mái vuốt cong có gắn đầu đao, đỉnh nóc gắn lưỡng long châu nguyệt. Hạ điện có 10 cột cái, 4 cột quân. Gian giữa hạ điện thờ Vua cha Bát Hải, bên phải thờ quan Hoàng, Hoàng Bơ, Hoàng Bẩy, Hoàng Chín, bên trái thờ Tứ phủ Châu Bà.

Trung điện cũng được xây dựng bằng xi măng, sắt thép, thiết kế theo lối giả gỗ, gồm ba gian, hai mái. Xây tường bít đốc, đỉnh nóc gắn lưỡng long triều nguyệt. Trung điện có 6 cột cái, 8 cột quân. Trước mặt trung điện có bố trí ba

cửa đi. Trung điện có ba bàn thờ, trong đó gian giữa thờ Công đồng gồm có Vua cha Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Ngũ vị tôn ông, Lý Nhật Quang, Nguyễn Xí, Lê Khôi, Bạch xà Tam Lang. Bên phải thờ đức thánh Trần, bên trái thờ 3 vị chúa Mường. Phía trước tả hữu trung điện đặt bàn thờ chúa sơn trang.

Thượng điện được thiết kế tương tự như trung điện. Gian giữa thờ quan Hoàng Mười, bên phải thờ tam tòa thánh Mẫu, bên phải phối thờ bà Lê Thị Ngọc Dung con gái nuôi của vua Lê Lợi, có công lớn được phong là “Biển Quốc Đoan Trang, Chính Phục Từ Hoa Chính Phương Nương đại vương”.

Ban thờ Ông Hoàng Mười, vị thần chủ đặt tại vị trí trung tâm của thượng điện gồm tượng thờ rất uy nghi, long ngai, bài vị, câu đối, đại tự sơn son thiếp vàng ca ngợi công đức của ngài.

Đền mới được khôi phục nên các hiện vật cổ không còn, hiện vật trong đền mới, phần lớn đều do nhân dân trong và ngoài tỉnh cung tiến hiến tặng [90].

2.2.4. Bài trí điện thờ

Hiện nay, theo khảo sát thực tế tại điện thờ tại cả 3 đền thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ đều phân chia thành 3 khu vực chính: Thượng điện, Trung điện, Hạ điện.

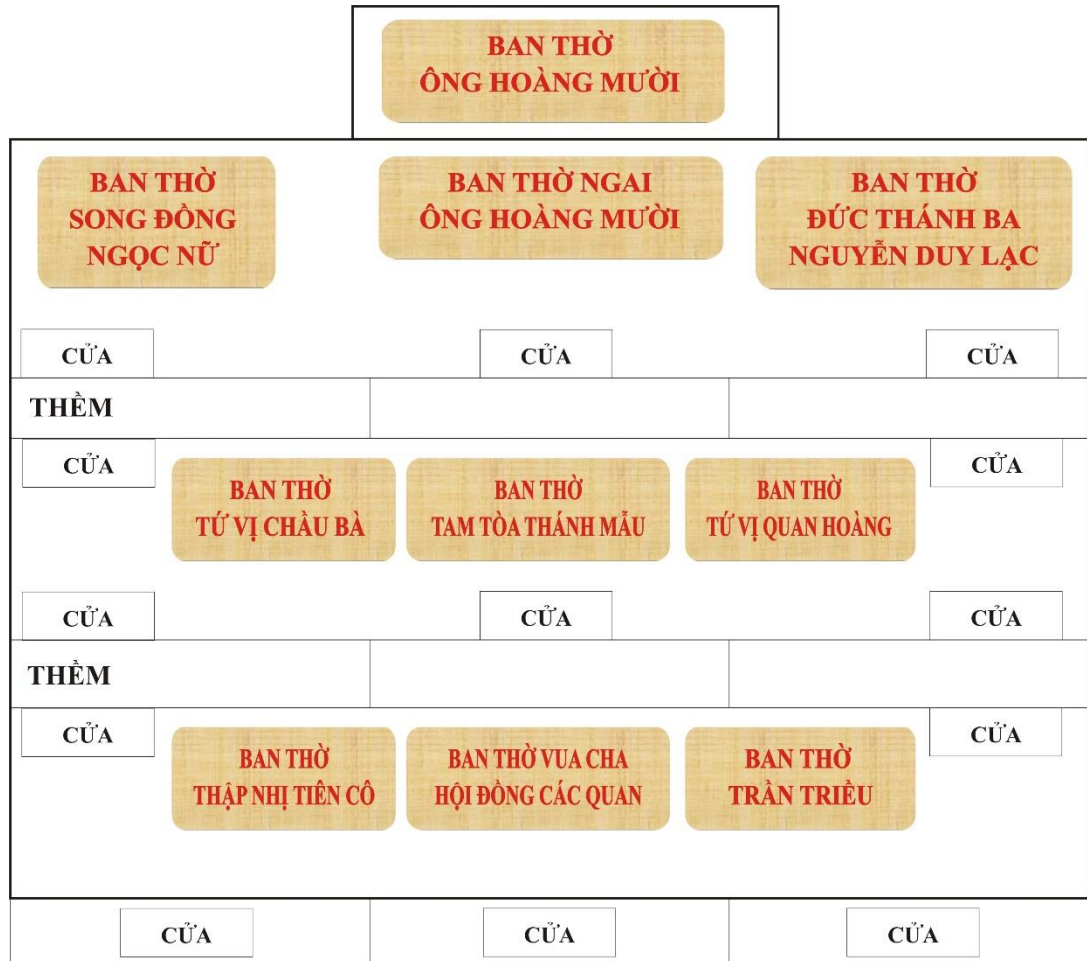
+ Đền Ông Hoàng Mười Nghệ An

Thượng điện, Cung cấm: Đặt tượng Ông Hoàng Mười. Trước mặt cung cấm: Bài trí bát hương, bài vị thờ Ông Hoàng Mười. Từ trong nhìn ra, bên tả (trái) cung cấm là: Ban thờ quan địa phương, Đức Thánh Tư (Nguyễn Duy Lạc), Đức Thánh Ba; bên hữu (phải) cung cấm là: Ban thờ Bà Chúa bản đền - Song Đồng Ngọc Nữ (đương cảnh Thành hoàng, Bà Chúa bản đền) bà đã giúp dân qua thiên tai và còn đại diện cho tương lai, sự sống sinh sôi.

Trung điện: Ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu ở trung tâm Trung điện; Nhìn từ bên trong ra, bên hữu (phải) là ban thờ Tứ vị Châu Bà. Phía bên tả (trái) là Tứ phủ Ông Hoàng.

Hạ điện: Gian giữa thờ Vua Cha Ngọc Hoàng, các Quan, phía trước là ngũ

vị Tôn Quan. Từ trong nhìn ra, bên tả (trái) là ban thờ Trần Triều. Bên hữu (phải) thờ Thập Nhị Tiên Cô.



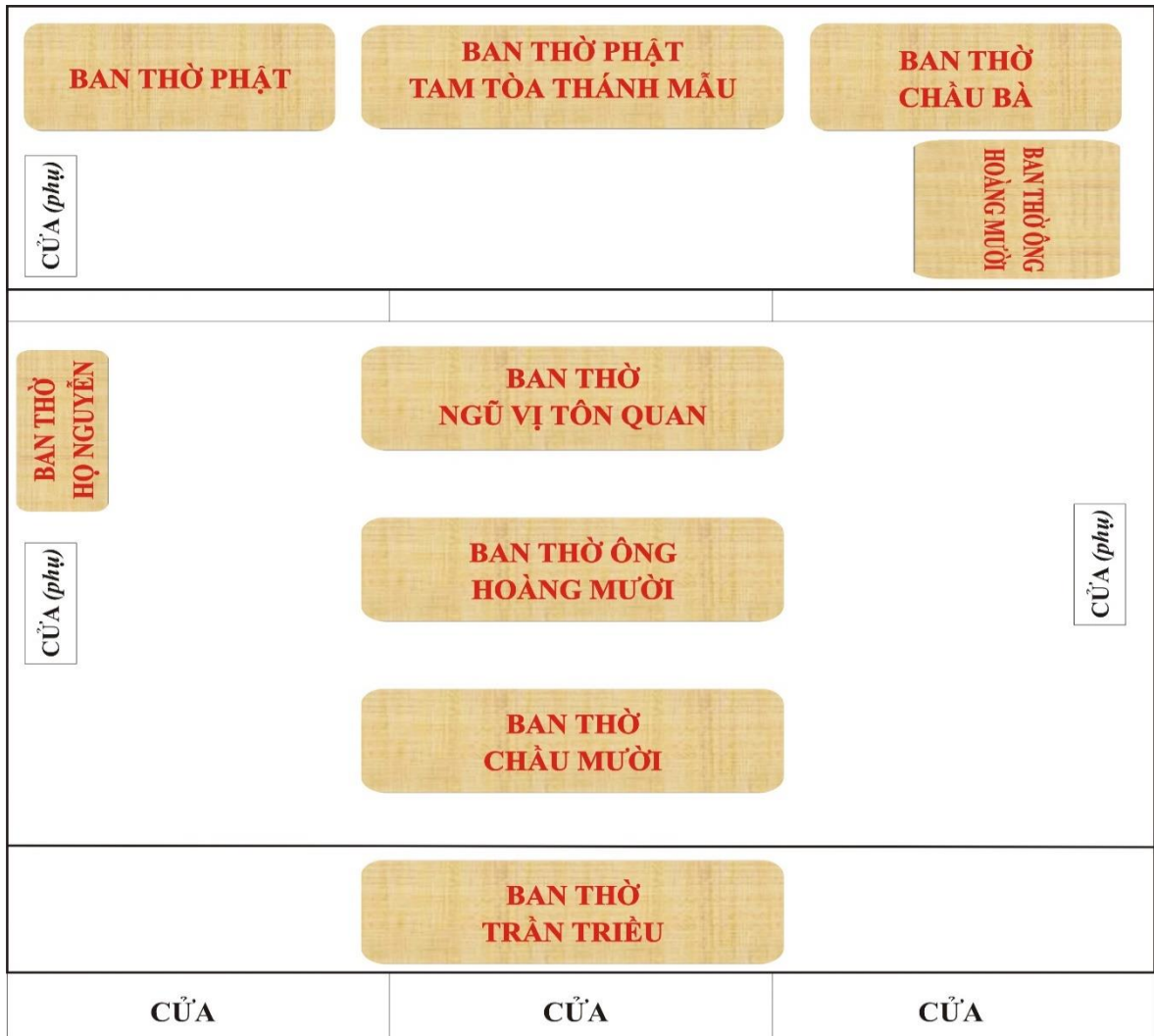
Hình 4: Sơ đồ các điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện
đền Ông Hoàng Mười, tỉnh Nghệ An

Hướng điện thờ: Đông Nam. (Nguồn: NCS)

+ *Đền Chợ Củi*. Thượng điện đặt ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu ở trung tâm Thượng điện. Bên hữu (phải) ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu là ban thờ Châu Bà. Bên tả (trái) ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu là ban thờ Phật. Phía trước là ban thờ Châu Bà là ban thờ Ông Hoàng Mười.

Trung điện: Giữa gian có đặt ban thờ Châu Mười. Sau ban thờ Châu Mười là ban thờ Ông Hoàng Mười. Sau ban thờ Ông Hoàng Mười là ban thờ Các vị Quan lớn. Từ trong nhìn ra, bên hữu (phải) là ban thờ họ Nguyễn.

Hạ điện: Chính giữa là ban thờ Đức Thánh Trần Triều.



Hình 5: Sơ đồ các điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện đền Chợ Củi

Hướng điện thờ: Tây Bắc. (Nguồn: NCS)

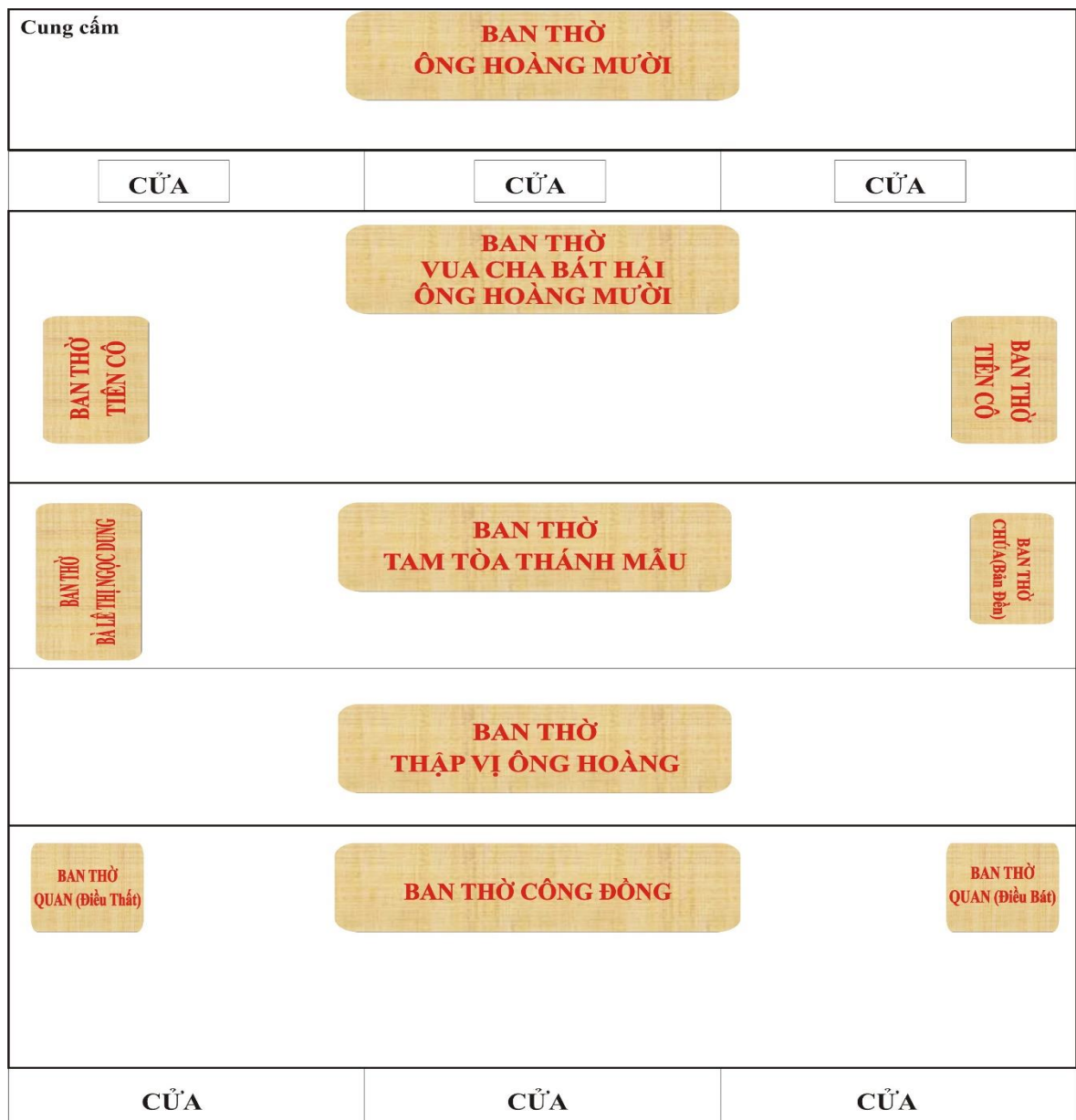
+ *Đền Cả*: Trong cung cấm đặt tượng thờ Ông Hoàng Mười

Thượng điện: Đặt ban thờ Vua Cha Bát Hải, Ông Hoàng Mười. Hai bên là ban thờ Tiên Cô.

Trung điện: Gian chính giữa thờ Tam tòa Thánh Mẫu. Ban thờ hai bên là: Bà Chúa bản đền, Bà Lê Thị Ngọc Dung - con gái nuôi của vua Lê Lợi.

Gian tiếp theo thờ thập vị Ông Hoàng.

Hạ điện: Gian giữa thờ Vua Cha, hội đồng các quan (công đồng). Hai bên là ban thờ: Quan lớn.



Hình 6: Sơ đồ các điện thờ thượng điện, trung điện, hạ điện đền Cả

Hướng điện thờ: Tây Nam. (Nguồn: NCS)

Trên là cấu trúc các ban thờ ở khu vực chính của 3 ngôi đền hiện nay. Cả ba ngôi đền đều có miếu thờ Cô, miếu thờ Cậu phía ngoài, trước khi vào Hạ điện. Bên cạnh đó mỗi đền lại có các ban thờ các vị Thánh khác trong hệ thống Tứ phủ: đền Ông Hoàng Mười Nghệ An có khu lăng mộ Ông Hoàng Mười, đền Chợ Củi có ban thờ Cô Đôi, Cô Chín...

2.3. Nhận xét chung

2.3.1. *Quá trình hình thành hình tượng đa tầng*

2.3.1.1. *Hình ảnh Ông Hoàng Mười qua văn châu, truyện kể dân gian*

Truyền thuyết dân gian Nghệ An và Hà Tĩnh kể rằng: Các danh tướng Lê Khôi và Nguyễn Xí có lần chinh phạt thắng giặc Chiêm Thành khi trở về đã qua khu vực đền Củi bây giờ dừng chân vào lễ tạ. Như vậy, có thể suy nghĩ rằng đền Củi nhìn về khởi nguyên vốn đã được người dân tạo lập có thể để thờ Thủy thần. Thời điểm danh tướng Lê Khôi trấn thủ Nghệ An nơi đây chưa có dấu vết của sinh hoạt thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ. Lê Khôi mất năm 1446, Nguyễn Xí mất năm 1465 thánh Mẫu Liễu Hạnh giáng sinh lần thứ nhất xuống đất Quảng Nạp, Ý Yên, Nam Định năm 1434 và hóa vào 1473 cho nên tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ chỉ có thể được hình thành bồi đắp từ cuối thế kỷ XV và từ đó lan tỏa ra các vùng miền cả nước. Như vậy lớp văn hóa tín ngưỡng thứ hai hiện đang trộn lẫn trong truyền thuyết dân gian gắn với gốc tích Ông Hoàng Mười chính là biểu tượng về tín ngưỡng thờ Thủy thần là một vị thần tượng trưng cho thần chống bão lụt của người dân địa phương.

Về vị trí địa lý nơi đây vốn là vùng đất hay xảy ra lũ lụt, gieo rắc bệnh tật ảnh hưởng đến đời sống nhân dân (là khu vực tả hữu sông Lam thuộc Nghi Xuân, Hưng Nguyên). Người Việt đã sáng tạo và bồi đắp cho truyền thống văn hóa của dân tộc mình bằng cách lựa chọn những nhân vật lịch sử có thật hoặc có trong huyền thoại để tôn thờ những không gian thiêng đối với các ông Hoàng nói chung và ông Hoàng Mười nói riêng. Người dân luôn đồng quan điểm hướng đến những biểu tượng các vị quan, tướng tài đức vẹn toàn, vì dân vì nước. Họ đã lựa chọn các nhân vật trong lịch sử và huyền thoại hóa các nhân vật đó thành thần thánh, rước vào làm chủ điện thờ trong không gian linh thiêng. Như vậy, hình tượng Ông Hoàng Mười đã được bồi đắp thêm một lớp văn hóa mới trong lịch sử đó là tri ân các anh hùng dân tộc.

Với quan điểm trên của các nhà khoa học đi trước, NCS xin tiếp thu, kế

thừa và có một số nhận định theo hướng: các dị bản nêu trên phản ánh quá trình hình thành hình tượng Ông Hoàng Mười theo hướng *đa tầng - sống động - địa phương hóa*. Việc đồng nhất Ông Hoàng Mười với các nhân vật lịch sử cho thấy một số đặc tính.

Tính địa phương: Các nhân vật được người dân nơi đây đồng nhất với hình tượng Ông Hoàng Mười đều là những người tài giỏi, gần bó hoặc có công lao với vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, cho thấy cộng đồng sở tại đã chủ động “định vị” vị thần trong không gian địa lý - lịch sử của chính mình.

Tính chọn lọc văn hóa: Những vị tướng đồng nhất với hình tượng Ông Hoàng Mười phải là những nhân vật có tài, đức, phẩm chất, tính cách phù hợp với đặc tính các vị thánh của đạo Mẫu (văn võ song toàn, thương dân, hiển linh) mới được chấp nhận là hiện thân của Quan Hoàng Mười.

Tính cộng đồng kiến tạo: Hình tượng Ông Hoàng Mười không phải do một hệ thống giáo lý áp đặt, mà là kết quả của trí tưởng tượng tập thể, cộng đồng định hình qua nghi lễ, truyền khẩu và không gian thờ tự.

Sự tồn tại song song của nhiều dị bản của Ông Hoàng Mười cho thấy tín ngưỡng dân gian mang tính linh hoạt, mở và đa nghĩa. Điều này cũng phản ánh rõ khái niệm “thần thoại hiện đại” - khi hình tượng thần linh không cố định mà luôn được tái cấu trúc để phục vụ nhu cầu tinh thần - văn hóa - chính trị của từng thời kỳ và cộng đồng.

Hình tượng Ông Hoàng Mười trong tâm thức cộng đồng Xứ Nghệ được kiến tạo qua ba kênh chính: (1) văn châu, (2) truyện kể dân gian, và (3) ký ức cộng đồng. Đây là những hình thức biểu đạt và lưu giữ biểu tượng văn hóa một cách linh hoạt, phản ánh không chỉ chức năng thiêng mà còn là sự hiện thân của lý tưởng đạo đức, phẩm chất cá nhân và đặc trưng vùng miền trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hình ảnh Ông Hoàng Mười trong văn châu: Văn châu (hay còn gọi là châu văn) là một thể loại âm nhạc tín ngưỡng đặc trưng của đạo Mẫu, được sử

dụng trong các nghi lễ hầu đồng để “dẫn lối” cho các vị thánh giáng đồng. Trong hệ thống văn châu Tam Phủ, Văn châu Ông Hoàng Mười có vị trí riêng biệt, phản ánh đầy đủ nhân cách, tính cách và quyền năng của vị thánh này.

Các đặc điểm nổi bật trong văn châu Ông Hoàng Mười bao gồm. Hình ảnh người quan văn võ song toàn:

*Hoàng Mười là vị anh tài
Văn hay chữ tốt, võ tài lừng danh.*

Câu hát nhấn mạnh sự toàn diện của Ông Hoàng Mười - không chỉ giỏi binh lược mà còn thông tuệ văn chương, cho thấy đây là mẫu hình lý tưởng của “người quân tử Xứ Nghệ”.

Phẩm chất thanh liêm, gần dân:

*Áo the đội mào cân đai
Ngự về cửa đền bên ngai tối linh.
...Người thanh, tâm sáng, trí minh
Xét soi việc thế, phân minh mọi điều.*

Hình tượng này thể hiện rõ sự tiếp nối lý tưởng của các vị quan thanh liêm trong văn hóa truyền thống, đồng thời phản ánh lý tưởng trị quốc an dân và lòng nhân ái.

Tính cách phóng khoáng, tài hoa:

*Quan Hoàng Mười tính hay vui vẻ
Ai lui tới cũng chẳng nề chi
Ai làm lỗi Người cũng từ bi
Lấy công đạo dạy răn làm phải.*

Ông Hoàng Mười hiện lên như một nhân vật gần gũi, cởi mở, bao dung, đúng với tinh thần dân gian “thánh cũng là người” - biểu tượng vừa siêu nhiên vừa đời thường.

Gắn với không gian Xứ Nghệ:

Ngự về Nghệ Tĩnh linh thiêng

Đền thờ nghi ngút khói hương sáng ngời.

Nhiều bản văn châu khải định không gian thiêng gắn với địa phương, cho thấy sự địa phương hóa rõ nét của hình tượng Ông Hoàng Mười.

Hai vai nặng gánh cương thường

Sông Lam sóng cả buồm giương một chèo.

Văn châu không chỉ là diễn ngôn nghệ thuật mà còn là một “mã văn hóa” - nơi cộng đồng định nghĩa thần linh thông qua lời ca, âm nhạc, hình ảnh và cảm xúc. Văn châu về Ông Hoàng Mười vì thế không đơn thuần là mô tả mà qua đó còn là một cách kiến tạo và củng cố biểu tượng linh thiêng trong tâm thức cộng đồng.

Truyện kể dân gian và truyền thuyết địa phương: Bên cạnh văn châu, hình tượng Ông Hoàng Mười còn được ghi dấu trong nhiều truyền thuyết dân gian, truyện kể miệng lưu truyền tại các địa phương Nghệ An - Hà Tĩnh. Các dị bản thường xoay quanh ba tuyến nội dung.

Ông Quan hiển linh giúp dân trừ tà, chữa bệnh: Ở nhiều làng ven sông Lam, người dân kể rằng khi gặp dịch bệnh, hạn hán hay “tà ma nhập làng”, dân làng đã cầu cứu Ông Hoàng Mười, lập đàn cầu đảo và được ông hiển linh cứu giúp. Những truyện kể này củng cố niềm tin về một vị thánh có quyền năng hộ quốc an dân, tạo nên “vòng bảo hộ vô hình” cho cộng đồng.

Khái niệm về sức khỏe và bệnh tật ở Việt Nam: có những người bị bệnh Dương là do cơ địa phải đi bệnh viện khám chữa uống thuốc. Có những người bị bệnh Âm, theo tín ngưỡng có thể cúng bái cầu cũng xin thần linh phù hộ hoặc nguyên nhân gây bệnh. Cách chữa bệnh âm cũng thuộc phụ thuộc vào lời tiên đoán và nghi lễ của các thầy trong dân gian, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cách chữa bệnh âm trong lên đồng của các ông đồng bà đồng nhằm có sức khỏe tài lộc, thế giới tưởng tượng và nghi lễ đã giải quyết được một số vấn đề mang tính tâm linh của con người, phản ánh sự thật về khía cạnh văn hóa tôn giáo như học giả đã nêu [76, tr.662, 627, 628].

Ông độ trì cho người yếu thế: Một số truyền thuyết kể rằng ông thường hiện thân trong giấc mơ của người nghèo, người góa bụa, binh lính lạc đường... để chỉ đường, ban lộc. Điều này củng cố hình ảnh một vị thần gần gũi, từ bi, không phân biệt đẳng cấp – khác với hình mẫu thần linh mang tính đe dọa.

Ông Quan giáng thế, cải trang vì hành: Truyện dân gian thường kể rằng Ông Hoàng Mười có lần hóa thành người lái đò, hoặc ông đồ để thử lòng người. Những chi tiết này mang đậm yếu tố thần thoại nhân dạng, vừa kỳ ảo vừa mang thông điệp đạo đức: “ở hiền gặp lành”, “trên cao vẫn luôn dõi theo nhân gian”.

Dưới góc nhìn biểu tượng học, các truyền thuyết này chính là phương tiện để cộng đồng diễn giải thế giới, củng cố trật tự xã hội và luân lý dân gian thông qua một hình tượng linh thiêng được nhân cách hóa cao độ.

Như vậy, bất kể được đồng nhất với nhân vật lịch sử nào, Ông Hoàng Mười trong tâm thức cộng đồng vẫn là một nhân vật huyền thoại mang tính gần gũi, thân quen, được nhân dân tôn sùng và quý trọng, phù hợp sâu sắc với tâm lý và phong cách văn hóa Xứ Nghệ. Đó là hình tượng của người chí khí nam nhi, mang cốt cách anh hùng ngang dọc, hội đủ *tài văn, tài võ*, có chí lớn và lòng dũng cảm, đồng thời luôn trăn trở vì cuộc sống bình an của dân chúng, *sống vì dân, vì đời* hơn là vì danh lợi cá nhân.

Bên cạnh phẩm chất anh hùng, hình tượng Ông Hoàng Mười còn hàm chứa những nét đẹp tinh tế của con người Xứ Nghệ: yêu thiên nhiên, trọng nghĩa tình, say mê văn chương, mang dáng dấp của một tâm hồn tài hoa như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, đồng thời phảng phất nét phóng khoáng, tinh nghịch và giàu cá tính của Hồ Xuân Hương. Chính sự kết hợp hài hòa giữa chí khí, tài năng, nhân cách và cảm xúc thẩm mỹ ấy đã làm nên một hình tượng thánh độc đáo, trong đó các giá trị văn hóa – đạo đức – thẩm mỹ của vùng đất Nghệ An được kết tinh một cách trọn vẹn. Có thể nói, trong hệ thống tín ngưỡng dân gian, hiếm có hình tượng nào hội tụ đầy đủ những phẩm chất và phong cách ấy như Ông Hoàng Mười Nghệ An.

2.3.1.2. Hình ảnh Ông Hoàng Mười qua ký ức cộng đồng và hình tượng linh thiêng

Ông Hoàng Mười hiện diện trong ký ức cộng đồng Xứ Nghệ không chỉ qua nghi lễ hay lời kể, mà còn trong hành vi sống, thực hành tín ngưỡng và lựa chọn thờ tự. Từ các buổi hầu đồng, lễ rước, đến cách người dân gọi ông là “Đức Ông”, “Ông Mười” một cách kính cẩn nhưng thân thuộc - tất cả tạo nên một hệ biểu tượng đa tầng bởi ký ức cá nhân và cộng đồng. “Tôi đi lễ Ông Hoàng Mười để cầu sức khỏe, bình an cho con cháu, năm nào cũng đi vài lần” [Phỏng vấn 26]. Nhiều người kể rằng Ông Hoàng Mười từng hiển linh phù hộ cho dân vùng Hồng Lĩnh, chữa bệnh, giúp mùa màng, xua tà ma - từ đó hình thành hình ảnh ông như một thần bảo hộ, gần gũi và thiết thực.

Ông Hoàng Mười như người trong nhà: Với nhiều người cao tuổi ở Trung Lương Hà Tĩnh, Hưng Thịnh hay Hồng Lĩnh, Ông Hoàng Mười là thần linh có thật, sống trong đền, nghe thấy lời cầu khẩn và “cho lộc - phạt lỗi” công bằng. Họ xem ông như một thành viên trong cộng đồng - vừa siêu linh vừa thân cận. Ông Hoàng Mười không chỉ là biểu tượng trong điện thờ mà là “người nhà” trong đời sống tinh thần người dân. Một cụ cao niên tại Trung Lương nói: “Ông Mười sống trong đền, linh lắm. Ai làm đúng thì ông cho lộc, ai sai thì bị phạt. Nhưng ông không dữ, ông hiền, dạy người ta sống tử tế” [Phỏng vấn 26].

Biểu tượng của khí chất Nghệ: Ông Hoàng Mười được xem là đại diện cho “cái chất Xứ Nghệ”, cương trực, tài hoa, nghĩa tình. Trong tâm thức dân gian, ông là hình ảnh mẫu mực của một người lãnh đạo đạo đức - điều mà người dân gửi gắm trong bối cảnh xã hội nhiều biến động.

Ký ức gắn với trải nghiệm cá nhân: Sự duy trì tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười gắn liền với sinh hoạt của cộng đồng dân cư sở tại và mà lan tỏa qua hành vi hằng ngày của cá nhân. “Hằng ngày, người trông đền thực hiện quét dọn, lau chùi và thắp hương đều đặn để giữ sự tôn nghiêm” [Phỏng vấn 27]. Đặc biệt, “Người đến lễ Ông Hoàng Mười rất đông, gồm đủ mọi thành phần trong xã hội

như: nam nữ, già trẻ, doanh nhân, công chức...” [Phỏng vấn 27].

Lời kể của một khách hành hương: “Tôi đi lễ ở đây đầu năm và cuối năm, không theo đạo nào cả. Tôi làm kinh doanh nên thường cầu sức khỏe, tài lộc và buôn bán thuận lợi” [Phỏng vấn 16]. Những chia sẻ này thể hiện rõ tín ngưỡng Hoàng Mười là sự tổng hòa giữa tâm linh dân gian và nhu cầu thực tiễn của đời sống hiện đại.

Rất nhiều người hành hương kể về “duyên Quan” - khi được ông cứu giúp, ban lộc, hóa giải khó khăn. Dạng ký ức cá nhân này tích tụ thành ký ức cộng đồng, hình thành nên niềm tin bền vững vượt qua thế hệ. Với những người trẻ hơn, ký ức về Ông Hoàng Mười thường đi kèm những trải nghiệm tâm linh cá nhân: “Lúc tôi mất việc, mẹ tôi đi cầu xin Ông Mười. Một tháng sau tôi có việc mới. Không biết có phải ông giúp thật không, nhưng tôi tin như thế” [Phỏng vấn 12]. Ký ức riêng tư ấy, qua năm tháng, đọng lại thành ký ức cộng đồng - một hình thức truyền sinh thiêng liêng trong văn hóa dân gian.

Dưới góc nhìn ký ức học (memory studies), Ông Hoàng Mười không đơn thuần là nhân vật tín ngưỡng mà là trục tâm linh giúp cộng đồng gắn kết, duy trì bản sắc và hồi phục năng lượng tinh thần trong xã hội hiện đại.

Hình tượng Ông Hoàng Mười là kết tinh của nhiều lớp biểu tượng: từ thần linh bảo trợ đến anh hùng lịch sử, từ người văn võ toàn tài đến tấm gương đạo đức mẫu mực. Những biểu tượng này không tồn tại tách biệt, mà đan xen, giao thoa trong cả văn bản (văn châu, truyền thuyết) và hành vi tín ngưỡng của cộng đồng. Có thể phân tích bốn tầng nghĩa biểu tượng nổi bật dưới đây.

Võ tướng - Người bảo vệ vùng biên Xứ Nghệ: Trong nhiều văn bản truyền tụng và thần phả, Ông Hoàng Mười được mô tả như một vị võ tướng trấn thủ phương Nam, người có công lớn trong việc bảo vệ vùng Nghệ An, Hà Tĩnh khỏi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi và an dân.

*Binh thư thao lược tinh thông,
Ra quân dẹp loạn giữ trong yên ngoài.*

... *Guom thiêng chống đất chỉ trời*
Đánh Đông dẹp Bắc việc ngoài binh nhung
Thanh xuân một đảng anh hùng
Tài danh ông nổi khắp vùng trời Nam.

(*Trích văn châu Ông Hoàng Mười*)

Hình ảnh võ tướng của ông không mang tính bạo lực hay chiến binh đơn thuần, mà là biểu tượng sức mạnh chính nghĩa, bảo vệ dân sinh, phản ánh vai trò trấn thủ - một mẫu hình “quân tử dụng võ” trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Đây là hình tượng tiêu biểu cho tinh thần yêu nước gắn với địa phương - một biểu tượng anh hùng địa phương.

Trời Nam có đức Hoàng Mười
Phong tư nhất mực tuyệt vời không hai
Nền chí dũng bậc thiên tài
Văn thao võ lược tư trời thông minh.

(*Trích văn châu Ông Hoàng Mười*)

Nhà thơ - Hào hoa, phong nhã và uyên bác: Một tầng biểu tượng khác của Ông Hoàng Mười là nhà thơ, người tài hoa và đậm chất nghệ sĩ. Trong các buổi hầu đồng, Ông thường hiện lên trong hình ảnh mặc áo dài, đầu đội khăn xếp, tay cầm quạt, ngâm thơ đối đáp, xin chữ, vẽ hoa cho thanh đồng và tín chủ.

Ngài văn hay chữ tốt, cầm kỳ thi họa tinh thông,
Tài hoa dẫu giữa kinh thành cũng khó ai bì kịp.
... Tiêu dao di dưỡng tang tình
Thơ tiên một túi Phật kinh trăm tờ
Khi phong nguyệt lúc bi từ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.

(*Truyền khẩu trong các giá hầu Ông Hoàng Mười*)

Điều này cho thấy Hoàng Mười không chỉ là người thao lược chiến trận mà còn là đại diện cho tầng lớp trí thức tinh anh, biểu hiện lý tưởng “văn võ

kiêm toàn” - một mẫu hình lý tưởng trong cấu trúc thần điện đạo Mẫu, vốn đề cao tính đa năng, linh hoạt và trí tuệ.

Bạc quân tử - Mẫu hình đạo đức và chính trực: Tín ngưỡng dân gian Việt Nam có truyền thống nhân cách hóa thần linh theo mẫu hình lý tưởng đạo đức. Ông Hoàng Mười, trong tâm thức cộng đồng, chính là hiện thân của người quân tử Nho gia - chính trực, ngay thẳng, liêm khiết và giàu lòng từ bi.

Xét xử công minh, thương dân độ thế

Giúp người thiện lương, uốn kẻ gian tà.

... Ngâm câu thế sự vô thường

Tác son mượn nước cành dương tưới nhuần

Vắng người vắng cả mùa xuân

Nhớ người vì nước, vì dân, vì đời.

(Văn châu Ông Hoàng Mười)

Ông Hoàng Mười vì thế không chỉ là “quan” theo nghĩa chức vị, mà còn là biểu tượng của một nền hành chính lý tưởng - nơi quan lại phải có đức, có tài và biết lo cho dân. Biểu tượng này mang tính hướng đạo và giáo huấn, nhất là trong bối cảnh xã hội đương đại nhiều biến động về giá trị.

Thế gian nhớ miệng Hoàng cười

Nhớ khăn Hoàng chít, nhớ lời Hoàng ban.

(Văn châu Ông Hoàng Mười)

Ông quan hiền đức - Thân hộ mệnh gần gũi, bao dung: Trong ký ức cộng đồng Xứ Nghệ, hình ảnh Quan Hoàng Mười gần gũi như một “người ông”, “người thầy”, “đáng minh quân”. Ông không chỉ được tôn kính trong lễ nghi mà còn hiện diện trong đời sống tinh thần như một điểm tựa đạo đức và tâm linh.

Quan Mười vui tính, gần gũi, dễ thương

Ai đến kêu cầu, Người thương Người độ.

(Truyền khẩu hành hương, phỏng vấn thực địa - Nghệ An, 2023)

Với tầng biểu tượng này, Ông Hoàng Mười trở thành thần linh có tính

người, không xa vời như thần thoại, mà gần gũi, thân thiện, sẵn sàng che chở và hướng dẫn. Đây là biểu hiện đặc trưng của “linh thiêng mềm” trong tín ngưỡng Việt - nơi thần linh và con người không bị phân cách bởi khoảng cách quyền năng, mà gắn kết bằng niềm tin, cảm xúc và thực hành tín ngưỡng sống.

2.3.2. Địa phương hóa và tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử

2.3.2.1. Quá trình địa phương hóa hình tượng Ông Hoàng Mười

Trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, các vị thần linh thường mang đậm yếu tố địa phương. Điều này thể hiện rõ trong hình tượng Ông Hoàng Mười - vị thánh được gắn kết mật thiết với vùng đất Xứ Nghệ, đặc biệt là Nghệ An. Từ một nhân vật có gốc tích lịch sử (Lê Khôi hoặc Lý Nhật Quang) với công lao bảo vệ biên cương phía Nam, xây dựng chăm lo cho cuộc sống của người dân, hình ảnh Ông Hoàng Mười đã được người dân tiếp nhận, suy tôn và dần “địa phương hóa” để trở thành vị thần hộ mệnh của vùng.

Sự địa phương hóa thể hiện ở ba khía cạnh rõ nét.

Thứ nhất, không gian thờ tự mang tính tập trung vùng miền. Trong hệ thống đền phủ trải dài cả nước, nơi thờ Ông Hoàng Mười tập trung chủ yếu ở Nghệ An và Hà Tĩnh, với ba ngôi đền lớn là: đền Ông Hoàng Mười (Hưng Nguyên, Nghệ An), đền Cũ (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), và đền Dinh Đô - Đền Cả (Hong Lĩnh, Hà Tĩnh). Các đền đều nằm ở vị trí địa linh - ngã ba sông, lưng tựa núi - thể hiện sự lựa chọn kỹ lưỡng trong quan niệm phong thủy dân gian, góp phần củng cố niềm tin về linh thiêng của vị thánh.

Thứ hai, truyền thuyết dân gian và ký ức cộng đồng tại địa phương đã định hình rõ nét hình ảnh ông. Trong tâm thức người Nghệ, Ông Hoàng Mười không chỉ là một vị thần linh mà còn là biểu tượng văn hóa đặc trưng của vùng. Ông mang phong cách của người Xứ Nghệ - văn võ song toàn, yêu thơ phú, trọng nghĩa tình, sống thanh cao không màng danh lợi. Hình tượng ấy không tách rời với bối cảnh lịch sử - xã hội của Nghệ Tĩnh, nơi giàu truyền thống yêu

nước, học văn và kiên cường trước nghịch cảnh. Việc cộng đồng Nghệ Tĩnh thờ phụng Ông Hoàng Mười như một “người trong làng” - được lưu giữ sắc phong, dựng lăng mộ, viết châu văn - chính là quá trình nội tại hóa tín ngưỡng vào không gian sinh hoạt văn hóa địa phương.

Thứ ba, phong cách hầu đồng của các thanh đồng khi trình giá Ông Hoàng Mười cũng mang đặc trưng địa phương. Từ trang phục màu vàng, cách bút đề thơ, đến âm nhạc hát văn đều gọi nên phong cách đỉnh đặc, phong lưu, mà vẫn hào sảng - rất đặc trưng cho vùng Xứ Nghệ. “Hầu đồng là sự tái hiện các vị thần. Khi người đồng mặc áo vàng là biết giá Ông Hoàng Mười; khi nghe hát văn là biết Thánh giáng. Đó là văn hóa tín ngưỡng rất đẹp của dân tộc – vừa tâm linh, vừa nghệ thuật, đa màu sắc” [Phỏng vấn 30]. Nhiều thủ nhang và thanh đồng tại Nghệ An chia sẻ rằng “ông vừa là quan vừa là người thầy”, “vừa linh thiêng lại gần gũi như người cha”, cho thấy biểu tượng Ông Hoàng Mười đã thấm sâu trong đời sống tâm linh và đạo đức cộng đồng.

So sánh với các Ông Hoàng khác như Ông Hoàng Bảy (Lào Cai - Yên Bái), Ông Hoàng Hai (Hưng Yên), có thể thấy quá trình địa phương hóa là một đặc trưng chung của hệ thống thờ Mẫu, nhưng Ông Hoàng Mười nổi bật bởi mật độ di tích, chiều sâu ký ức cộng đồng, và sự gắn bó chặt chẽ với bản sắc vùng. Không chỉ là biểu tượng thiêng liêng, ông còn trở thành một “dấu ấn văn hóa Xứ Nghệ” trong lòng người dân.

Quá trình địa phương hóa ấy không tách rời với tiến trình lịch sử hóa và thần thánh hóa, mà còn cho thấy cơ chế chọn lọc - thích nghi - sáng tạo của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát triển tín ngưỡng. Đây cũng là biểu hiện sinh động của năng lực tự tổ chức văn hóa của cư dân địa phương, góp phần làm nên sự phong phú của di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam trong thời hiện đại.

2.3.2.2. Tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử

Song hành với quá trình địa phương hóa, hình tượng Ông Hoàng Mười còn trải qua một tiến trình thần thánh hóa - tức là quá trình một nhân vật có thật

trong lịch sử được chuyển hóa thành đối tượng thờ tự linh thiêng, mang đầy đủ tính chất thần thánh trong không gian tín ngưỡng.

Trong trường hợp của Ông Hoàng Mười, tiến trình này thể hiện rõ qua ba giai đoạn.

Thứ nhất, giai đoạn lịch sử hóa thần linh - xuất hiện từ các truyền thuyết dân gian và các ghi chép trong sử sách địa phương. Ông Hoàng Mười thường được đồng nhất với tướng Lê Khôi - cháu vua Lê Thái Tổ, người có công trấn thủ phương Nam, tử trận ở Cửa Sót (Hà Tĩnh) và được thờ tại đền Cả trên núi Nam Giới. Hình ảnh của ông trong sử sách và dân gian đều là một danh tướng văn võ song toàn, liêm chính, nhân nghĩa - những phẩm chất lý tưởng của một vị thánh trong tín ngưỡng dân gian.

Thứ hai, giai đoạn thần thánh hóa nhân vật lịch sử thông qua nghi lễ - diễn ra mạnh mẽ khi ông được đưa vào hệ thống thần linh của tín ngưỡng thờ Mẫu với danh xưng Ông Hoàng Mười. Việc đưa những danh tướng có thật (Nguyễn Xí, Lê Khôi, Nguyễn Duy Lạc) vào hệ thống thần điện cho thấy cơ chế “thần hóa” phổ biến trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, trong đó cộng đồng nâng tầm nhân vật lịch sử lên thành linh thần để thờ cúng, thể hiện niềm tin về sự linh ứng và khả năng phù trợ của người quá cố - lúc này đã trở thành tổ tiên linh thiêng của cộng đồng. Các nghi thức hầu đồng, châu văn, sắc phong, khởi dựng và nâng cấp đền/lăng mộ và khăn cầu đều đóng vai trò như những phương tiện “thần hóa” - vừa gắn kết quá khứ với hiện tại, vừa thiêng hóa hình tượng một cách cộng đồng hóa.

Thứ ba, giai đoạn biểu tượng hóa và tái sản sinh trong bối cảnh đương đại. Ông Hoàng Mười ngày nay không chỉ hiện diện trong các nghi lễ truyền thống mà còn được tái hiện trong các sáng tạo văn hóa mới như thơ ca, nghệ thuật trình diễn, du lịch tâm linh, truyền thông số. Trong các canh hầu đồng, giá Ông Mười luôn xuất hiện, với phong cách trình diễn đặc trưng như múa cờ, hình ảnh múa bút, đề thơ trên quạt, ca ngợi tài văn võ song toàn, phong thái

thanh cao, yêu nước thương dân. Qua đó, Ông Hoàng Mười trở thành biểu tượng đa nghĩa: vừa là nhân thần - anh hùng văn hóa dân tộc, vừa là nhiên thần - vị thánh hộ quốc an dân, vừa là biểu trưng cho phong cách người Nghệ - hào sảng, nghĩa tình, thanh cao mà gần gũi.

Chúng ta có thể thấy tiến trình thần thánh hóa này cũng phản ánh khả năng thích ứng và sáng tạo của tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Việc thần thánh hóa một nhân vật không chỉ là hành vi tâm linh, mà còn là sự xây dựng, khắc họa lên một biểu tượng văn hóa - nơi lịch sử, ký ức, tín ngưỡng và nghệ thuật cùng hội tụ. Trong trường hợp Ông Hoàng Mười, tiến trình này được thúc đẩy mạnh mẽ bởi cộng đồng thực hành tại Nghệ An, Hà Tĩnh, với hệ thống di tích, nghi lễ và châu văn phong phú, đóng vai trò như chất keo gắn kết cộng đồng với cội nguồn tâm linh và bản sắc văn hóa địa phương.

Tóm lại, NCS thấy qua việc thực hành văn hóa tín ngưỡng tại các đền thờ ở Xứ Nghệ đã thể hiện rõ sự thần thánh hóa Ông Hoàng Mười, là minh chứng rõ nét cho cơ chế “nhân thần hóa” trong tín ngưỡng dân gian, đồng thời cho thấy vai trò trung tâm của cộng đồng trong việc kiến tạo và bảo tồn di sản. Đây cũng chính là một chiều cạnh quan trọng mà luận án khai thác để lý giải sâu hơn vai trò biểu tượng và chức năng văn hóa của Ông Hoàng Mười trong hệ thống thờ Mẫu Tam phủ hiện nay.

Tiểu kết

Các truyền thuyết về Ông Hoàng Mười có thể được xem như một “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt không gian và thời gian, kết nối các lớp giá trị lịch sử, huyền thoại và văn hóa địa phương, qua đó khắc họa hình tượng một nhiên thần được lịch sử hóa, địa phương hóa và thiêng hóa. Hình tượng ấy hiện thân qua nhiều vị tướng tài ba, yêu nước, thương dân, phản ánh bức tranh đa dạng của đời sống văn hóa tinh thần cư dân Xứ Nghệ, đồng thời tạo nên môi trường thuận lợi để bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Dù được thờ tự tại ngôi đền nào trong hệ thống ba đền tiêu biểu, Ông

Hoàng Mười vẫn luôn giữ vị trí trung tâm – hoặc được thờ chính cung, hoặc ở cung riêng – thể hiện sự tôn kính đặc biệt của cộng đồng, khác biệt rõ rệt so với nhiều không gian thờ tự khác ở vùng đồng bằng Bắc Trung Bộ. Trong tâm thức cộng đồng và du khách hành hương, Ông Hoàng Mười là một biểu tượng phức hợp, dung hòa giữa lịch sử hiện thực và huyền thoại linh thiêng, giữa bản sắc địa phương và sự thống nhất trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Trong bối cảnh đương đại, hình tượng Ông Hoàng Mười không chỉ giữ vai trò kết nối tín ngưỡng với cộng đồng mà còn góp phần quan trọng vào phát triển văn hóa bền vững, thể hiện năng lực thích ứng của tín ngưỡng dân gian trước quá trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Ông không hiện lên như một “Ông Hoàng” thiên về nghi lễ phô trương, mà như một vị thánh công chính, gần gũi, thường được cầu xin tài lộc, bình an, trừ tà, giải hạn. Tính linh ứng được truyền dẫn qua các câu chuyện dân gian, văn châu và thực hành hầu đồng đã tạo nên mạng lưới tưởng tượng và gắn kết cộng đồng liên vùng.

Không gian thờ Ông Hoàng Mười tại Nghệ An và Hà Tĩnh, với cấu trúc truyền thống và cảnh quan đặc trưng Xứ Nghệ, từ đền thờ chính đến các đền phối thờ, đã hình thành một mạng lưới tâm linh mang tính cộng đồng cao. Kiến trúc, cảnh quan và nghi lễ nơi đây không chỉ làm nổi bật tính thiêng mà còn khẳng định giá trị di sản văn hóa của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong đời sống tinh thần đương đại.

Chương 3

THỰC HÀNH NGHI LỄ VÀ BIỂU TƯỢNG GIÁ ĐỒNG ÔNG HOÀNG MƯỜI

3.1. Thực hành nghi lễ thờ phụng Ông Hoàng Mười

3.1.1. Việc thờ phụng thường xuyên trong năm tại đền

+ *Việc thờ phụng thường xuyên của nhà đền*

Theo phỏng vấn nhân viên ban quản lý di tích, nhân viên trông coi đền hàng ngày họ đều quét dọn, lau bàn thờ, bát hương và thắp hương [Phỏng vấn 27]. Các ngày mùng 1 và 15 âm lịch hàng tháng, ngày kỵ của các vị Thánh thờ trong đền cũng tổ chức lễ chu đáo. Ngày kỵ thường có lễ chay và lễ mặn: mâm xôi, gà, rượu, hoa quả, trầu cau, chè thuốc, tiền vàng mã... Nghi lễ khấn cúng mời các vị Thánh thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho người dân bình an, khỏe mạnh, làm ăn may mắn... rồi lễ tạ, hóa vàng, sớ.

+ *Việc lễ bái của người dân trong năm*

Hiện nay, người dân đi lễ tại các ngôi đền này rất đông, đặc biệt vào các ngày đầu tháng, ngày rằm âm lịch và ngày cuối tuần, thứ bảy, chủ nhật. Thành phần đi lễ gồm các lứa tuổi thanh niên, trung niên, người cao tuổi, người có chức quyền, doanh nghiệp, người buôn bán, đặc biệt có học sinh sinh viên...

Bên cạnh các nghi lễ cộng đồng, cá nhân có thể thực hiện lễ hầu theo căn duyên riêng. Một số đồng thầy chia sẻ: “Ngày hầu giá Ông Mười thì thường chọn thứ Bảy, Chủ nhật, vì nhiều người có thời gian về phủ” [Phỏng vấn 18]. Thực hành nghi lễ vì vậy vừa có tính định kỳ, vừa mang tính linh hoạt, thích ứng với đời sống hiện đại.

Người dân đi lễ đều cầu bình an, mạnh khỏe, công việc hanh thông, thương gia cầu buôn may bán đắt, học sinh, sinh viên cầu thi cử học hành đỗ đạt, may mắn. Có người trực tiếp cầu khấn, có những người viết sớ cầu xin, nhờ thầy khấn lễ cho.

Có những người đi lễ cá nhân, gia đình, có khi do công ty tổ chức cho đi

lễ tâm linh, có những nhóm tổ chức thành bản hội có thầy đi lễ cho hoặc mời thầy tại đền cầu, kêu lễ giúp...[Phỏng vấn 7; 13; 20].

Hỏi: Cô đi lễ đền Cũ từ đâu và từ mấy giờ?

Trả lời: Cô đi từ Thanh Hóa, xuất phát lúc 4 giờ sáng, đến đền Cũ lúc 7 giờ. Đoàn đi một xe 29 chỗ.

Hỏi: Đoàn đi lễ vào dịp nào và có thường xuyên không?

Trả lời: Năm nào vào dịp giỗ Quan Hoàng Mười, từ mùng 1 đến mùng 10 tháng 10 âm lịch, đoàn cũng tổ chức đi lễ. Đoàn đủ mọi lứa tuổi.

Hỏi: Việc đi lễ xuất phát từ căn số hay tín tâm?

Trả lời: Đoàn đi lễ theo tâm chứ không ai có căn số. Trước đi lễ là chính, sau kết hợp du lịch.

Hỏi: Dự kiến hành trình hôm nay như thế nào?

Trả lời: Sau khi lễ ở đền Cũ, đoàn sẽ đi thăm lăng mộ Hoàng Mười, rồi về quê Bác [Phỏng vấn 7].

+ Lễ vật dâng cúng

Các lễ vật dâng cúng rất phong phú đa dạng. Có khách chỉ giọt dầu, nén nhang, thành tâm cầu khẩn xin các vị Thánh của đền đặc biệt là Ông Hoàng Mười phù hộ độ trì cho gia đình mạnh khỏe, bình an, may mắn, nhiều lộc tài... Lời khẩn cầu mộc mạc, giản dị. Có khách cầu khẩn rất bài bản, hoặc nhờ thầy đi theo đoàn hay thầy tại đền cầu khẩn giúp. Đồ lễ dâng cúng tùy theo tâm lễ chay, lễ mặn, hoa, quả, trầu cau, chè, thuốc, rượu... và đặc biệt các mâm đồ lễ tại các đền thờ Ông Hoàng Mười ở đây còn có vớ và bút. Nhiều người muốn xin lộc ông về đường học hành thi cử, công danh đỗ đạt cho bản thân hoặc người thân. Bên cạnh đó các đoàn, người dân đi lễ nơi đây còn cung tiến Hoàng Mười rất nhiều vàng mã, có đoàn đi 35 người thì có 30 người dâng mã ngựa... [Phỏng vấn 25-35]. “Hỏi: Đoàn chuẩn bị đồ lễ như thế nào? Trả lời: Hương hoa, trà quả đầy đủ. Chị em trong đoàn mỗi người đóng góp một ít. Đồng thầy ở làng là người tổ chức và hướng dẫn đoàn đi” [Phỏng vấn 7].

Như vậy, việc cúng lễ tại các đền Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ rất đông du khách cả địa phương và khách thập phương (Năm 2024 khoảng 130.000 lượt du khách đi lễ tại đền Chợ Củi) [68, tr.68]. Việc cúng lễ, đồ lễ dâng cúng đều là tùy tâm của khách, theo điều kiện cá nhân, nhu cầu công việc, hoặc theo các thầy cúng tư vấn [Phỏng vấn 2;27]; [Hình 8;10;11;23;24;25]. Sau khi cầu cúng xong du khách thường nhờ thầy hoặc tự xin đài xem Thánh chứng, phán cho có được việc thuận lợi hay không?

Cá nhân tôi đã tiến hành khảo sát, hỏi khách đi lễ tại 3 ngôi đền về việc niềm tin về sự phù hộ, độ trì khi cầu nguyện Ông Hoàng Mười nói riêng, các vị thánh thờ tại đền nói chung phù hộ, ban cho họ có kết quả như sau: Rất tin 88%; không tin: 1%; Tin bình thường: 11%.

Với kết quả trên cho thấy niềm tin Ông Hoàng Mười cũng như các vị Thánh thờ tại 3 ngôi đền linh thiêng là rất lớn, gần 90%. Du khách đi lễ với lòng thành tâm và khi về ai cũng hoan hỉ, tin tưởng Thánh Hoàng Mười và các vị Thánh thờ trong đền linh thiêng sẽ phù hộ cho sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm. Phỏng vấn 3 người khách đến lễ tại đền Hoàng Mười Nghệ An đều xác nhận điều này. “Em cầu cho công việc làm ăn có lộc, gặp may mắn. Mẹ cháu đi lễ nhiều, một năm có khi đi chục lần. Còn em thì chỉ đi Hoàng Mười một lần thôi” [Phỏng vấn 17]. “Đi lễ là một truyền thống văn hóa, lịch sử. Tôi mong Ông phù hộ cho dân nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp, gia đình mạnh khỏe, biết đường biết lối” [Phỏng vấn 18]. “Tôi làm ở công ty, hôm nay được nghỉ nên đi lễ. Tôi thường đi vào ngày mừng 1 Tết, ngày rằm hoặc chủ nhật. Nghe nói đền linh thiêng nên đến cầu phúc, bình an và làm ăn thuận lợi” [Phỏng vấn 19].

3.1.2. Lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười

Hàng năm ngày 10 tháng 10 âm lịch là ngày kỵ của Ông Hoàng Mười, tại cả 3 ngôi đền ở Xứ Nghệ đều tổ chức lễ hội, lễ giỗ Hoàng Mười long trọng. Thời gian từ ngày khai hội đến ngày tạ lễ hội trong suốt tháng 10 âm lịch. Ngày chính hội thường là ngày 9, 10 tháng 10 âm lịch. Trong tháng lễ hội (còn gọi là

tháng tiệc) Ông Hoàng Mười rất đông du khách đi lễ và đặc biệt là khách có căn số theo đạo Mẫu đi hầu đồng tại đền Ông Hoàng Mười Xứ Nghệ. Tháng hội này tại cả 3 ngôi đền đều có các canh hầu đồng diễn ra suốt ngày đêm. Vào những ngày chính hội thường ban quản lý đền thường không xếp lịch hầu đồng cho khách, dành không gian cho tất cả các du khách gần xa đi lễ hoặc các hoạt động tổ chức nghi lễ của nhà đền, ban quản lý di tích.

+ Đền Ông Hoàng Mười

Lễ hội đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An diễn ra vào ngày 9, 10 tháng mười âm lịch bao gồm phần lễ và phần hội. Toàn bộ hoạt động tổ chức lễ hội do ban quản lý di tích kết hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư tại làng, xã, huyện tổ chức.

Dưới đây là phần kịch bản tổ chức lễ hội đền Ông Hoàng Mười Nghệ An năm 2023. Lễ hội diễn ra trong 02 ngày 21-22/11/2023 (tức ngày 09 - 10/10 AL). Lễ hội bao gồm nhiều nội dung nhất trong 5 năm gần đây [51].

Phần lễ: Lễ Mộc dục và Khai tiệc tháng Hội (sang canh đêm 29/9 và sáng 01/10 AL). Lễ truyền thống gồm: Lễ Khai quang, Lễ rước, Lễ yết cáo, lễ Đại tế, Lễ tạ.

Phần hội: Diễn ra trong 02 ngày, bắt đầu từ 7 giờ 30 phút ngày 21 - 22/11/2023 (ngày 9, 10 AL). Các môn thể thao: Đua thuyền, Bóng chuyền nam, Bóng chuyền nữ, nhảy dân vũ. Trưng bày các gian hàng sản phẩm làng nghề, sản phẩm Ocop, đặc sản địa phương. Trao quà từ thiện. Tổ chức đêm khai hội. Thả đèn hoa đăng trên sông Mộc 10/11/2023.

Trình tự phần lễ:

Lễ Mộc dục và Khai tiệc tháng Hội: BQL Đền chịu trách nhiệm. Thời gian từ 20h00 phút ngày 12/11/2023 (29/9AL). Tại lăng mộ Ông Hoàng Mười.

Khai tiệc tháng hội: Thời gian 07h30 phút ngày 13/11/2023 (01/10 AL).

Lễ khai quang: Thời gian 6h30 phút ngày 21/11/2023 (09/10AL). Vật phẩm: Lễ vật, văn khai quang, nước ngũ vị, gương soi 01 cái, 01 cành tre.

Lễ rước sắc: Thời gian 13h30 ngày 21/11/2023 (09/10AL). Từ nhà thờ họ Nguyễn làng Xuân Am đi ra đền Ông Hoàng Mười. Huy động lực lượng rước đường (bộ 200 người); lực lượng rước trên sông Mộc (84 người); thuê trang phục cho lực lượng rước trên sông; Thuê 02 thuyền rồng và 20 thuyền ba ván.

Lễ yết cáo: Thời gian 15h00 ngày 21/11/2023 (09/10 AL). Tại Đền.

- Vật phẩm: Hương đăng, trà tửu, mâm ngũ quả, cỗ mặn, gạo muối.

Nội dung chúc văn yết cáo: Kính thỉnh các vị thần ở đền Ông Hoàng Mười về chứng giám Lễ hội, xin phép được mở Lễ hội phù hộ cho trời quang mây tạnh, lễ hội vui tươi, an toàn, thành công tốt đẹp [Phụ lục 4.1].

Lễ Đại tế: Thời gian 8h00 đến 10h00 ngày 22/11/2023 (10/10/AL).

- Tiễn lễ vào các cung, lễ tuyên sắc, lễ khai Ấn, nghi lễ truyền thống.

Nội dung chúc văn chính tế: Kính thỉnh các vị thần ở đền Ông Hoàng Mười giáng lâm lễ hội, đền, thượng hưởng, cảm tất thông cầu tất ứng. Cẩn cáo [Phụ lục 4.2].

Lễ tạ: Thời gian 18h00 ngày 22/11/2023 (10/10 AL).

Lễ rước sắc về nhà thờ họ Nguyễn.

Trình tự phần hội:

Khai mạc giải thể thao: Thời gian 7h30 ngày 21/11/2023. Bóng chuyền nam, nữ. Nhảy dân vũ. Môn đua thuyền. Tổng kết trao giải thể thao: 11h00 phút ngày 22/11/2023. Trao quà từ thiện.

Tổ chức Đêm khai hội: 19h30 phút 21/11/2023: Trống hội. Chương trình sử thi chào mừng Lễ hội.

Thả đèn Hoa đăng trên sông Mộc: 21h30 phút ngày 21/11/2023 (09/10AL).

Trung bày sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề, sản phẩm Ocop từ sáng 20/11/2023.

Trong 5 năm gần đây, trừ thời gian lễ hội dừng hoạt động do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, có thể thấy lễ hội được sự quan tâm sâu sắc của

tất cả xã hội từ lãnh đạo các cấp, các tầng lớp người dân tham gia đủ lứa tuổi: từ các bô lão, già làng đến các em nhỏ, thanh niên, trung niên đều rất nhiệt tình với lòng thành kính. Việc chuẩn bị lễ hội kỹ lưỡng, người được tham gia công việc vui mừng, tự hào khi được góp phần sức của mình vào hoạt động trang trọng của địa phương, chứng tỏ niềm tin tuyệt đối với Đức Hoàng Mười Nghệ An. Bên cạnh những hoạt động tổ chức lễ hội quy mô, trang trọng của chính quyền và người dân địa phương thì chúng ta không thể không đề cập đến phần tham gia tích cực thực hành nghi lễ tín ngưỡng, thờ cúng của du khách đi lễ.

+ *Đền Chợ Củi*

Hằng năm, đền Củi có 3 ngày đại lễ, bao gồm: Ngày 3/3 Âm lịch, giỗ Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh; Ngày 20/8 Âm lịch giỗ Hưng Đạo Đại Vương; Ngày 10/10 Âm lịch giỗ Đức Quan Hoàng Mười.

Từ tháng 1 năm 2024, đền Chợ Củi do chính quyền địa phương, ban quản lý CIDL phụ trách lễ giỗ được tổ chức cụ thể như sau:

Mục đích: Tổ chức Lễ giỗ và các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao năm 2024 nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tưởng nhớ công đức của các vị phúc thần; đồng thời thông qua lễ hội để tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ; động viên, tập hợp nhiều tổ chức, lực lượng xã hội tích cực bảo tồn và phát huy, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế, xã hội.

Ngày 20/8/2024 Âm lịch: Giỗ Hưng Đạo Đại Vương.

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý DVCI tổ chức thực hiện.

Thời gian: 8h30 phút, chủ nhật, ngày 22/9/2024 (20/8 âm lịch).

Ngày 10/10/2024 Âm lịch: Giỗ Đức Quan Hoàng Mười. Quy mô lễ giỗ và các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức theo quy mô cấp huyện [50].

Đơn vị thực hiện: UBND huyện, các phòng ban và các đơn vị liên quan.

Thời gian: diễn ra từ ngày 5/11/2024 - 10/11/2024 (ngày 5 tháng 10 - 10 tháng 10 năm Giáp Thìn).

Di tích Đền Chợ Củi là niềm tự hào của người dân Hà Tĩnh về những giá trị lịch sử văn hóa truyền thống, sự biết ơn đối với những người có công lao to lớn đánh đuổi giặc, giữ bình yên cho nhân dân. Đó là đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc biết uống nước nhớ nguồn, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa từ bao đời.

Như vậy, với việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ và các vị Thánh được thờ phụng tại đền Chợ Củi đã phản ánh tâm tư, tình cảm, niềm mong ước của người dân Hà Tĩnh cũng như du khách thập phương trong cả nước. Điều đó thể hiện những giá trị của đời sống văn hóa tâm linh luôn hướng tới những điều tốt đẹp của cuộc sống, ca ngợi giá trị nhân văn uống nước nhớ nguồn, tình yêu quê hương đất nước của dân tộc Việt Nam. Những điều đó cần được và bảo tồn phát huy trong bối cảnh xã hội đang hội nhập, hiện đại hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

+ *Đền Cả*

Lễ hội tổ chức tại đền Cả năm 2023 do UBND thị xã Hồng Lĩnh tổ chức.

Lễ hội Đền Cả - Dinh đô Quan Hoàng Mười là điểm khởi đầu kết nối tua du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh. Do đó, cùng các điểm DTLSVH tâm linh và các địa danh truyền thống trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh được khởi động, quảng bá cho các đoàn du lịch tour, tuyến đến từ nhiều tỉnh thành trong nước. Lễ hội Đền Cả được tổ chức vào những ngày đầu tháng 10 âm lịch, chính lễ là ngày 10/10 âm lịch, ngày kỵ của “Đức Thánh Minh”/Quan Hoàng Mười trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Mục đích lễ hội là để tưởng nhớ công lao đóng góp của Đức Quan Ông Hoàng Mười và các vị thần được thờ tại Đền đã có công trong việc trấn giữ và bảo vệ người dân khỏi nạn giặc giã thiên tai, tôn vinh công trạng, đồng thời cầu cho đồng bào an lạc, mùa màng tốt tươi. Lễ hội thường gồm nhiều hoạt động và trò chơi dân gian như: Bơi cầu, đi cầu kiều, chọi gà, xích đu.v.v. Các hoạt

động văn hóa, văn nghệ, lễ cấp sắc (lễ rước nước), lễ rước phụng nghinh Thánh Hoàng Mười vân du, lễ tế dân gian, hội thi gói bánh chưng dâng Thánh,...

Lễ rước nước trên sông Lam: 2 thuyền được trang trí cờ, lọng, kiếm kích, tái hiện khung cảnh Quan Hoàng Mười xung trận trên sông nước.

Lễ rước bộ vân du gồm dàn kiệu, cờ, lọng rợp trời, đoàn rước hàng trăm người, sắc phục truyền thống với nhiều thành phần, đoàn... dựng lại cảnh Quan Thánh thắng trận.

Ngoài ra, lễ hội còn có hội văn nghệ với sự có mặt của nhiều ca, nghệ sỹ ca, múa, bắn pháo hoa. Ban Quản lý Đền kết nối với nhiều nhà hảo tâm cả nước hỗ trợ tặng quà cho trên 300 người có hoàn cảnh khó khăn trong thị xã.

Lễ hội Đền Cả: gồm lễ tế Thánh theo nghi thức dân gian, các cá nhân, tổ chức đã dâng lên mâm lễ tại gian chính điện. Nghi thức tế tự cung đình, chúc văn lễ tế trước Thánh Hoàng Mười, các bậc tiên hiền có công với dân, với nước và lời nguyện cầu được Thánh phù hộ cho quốc thái dân an.

Ban Tổ chức Lễ hội phục vụ bà con nhân dân, du khách thập phương hàng ngàn suất cơm chu đáo, tạo nên sự ấm cúng, đoàn kết của Hội làng địa phương.

Lễ hội đền Cả - Dinh đô Quan Hoàng Mười phường Trung Lương năm 2023 đã thành công tốt đẹp dưới sự lãnh đạo của chính quyền địa phương và cộng đồng người dân địa phương và du khách đi lễ hội.

Năm 2024 UBND thị xã Hồng Lĩnh tổ chức lễ hội Đền Cả được UBND thị xã Hồng Lĩnh tổ chức trang trọng sáng ngày 9/11/2024. Lễ hội đền Cả được tổ chức với các hoạt động chính: Hội thi gói 1.800 bánh chưng dâng Thánh; Lễ rước nước (cấp thủy); Lễ cung rước Quan Hoàng vân du; nghi lễ Nhà nước; lễ tế dân gian [97]; [109]; [114].

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười được thể hiện đa dạng qua nhiều hình thức nghi lễ như lễ giỗ truyền thống, lễ hội đầu năm, lễ tạ cuối năm, trình đồng mở phủ, và đặc biệt là hầu đồng. Trong đó, lễ hội lớn nhất diễn ra vào ngày mùng 10 tháng 10 âm lịch tại Đền Ông Hoàng Mười (Nghệ An), Đền Cửi, Đền

Cả (Hà Tĩnh). “Lễ hội chính là vào tháng 10 âm lịch, dân khắp nơi đổ về đền Cũ, kéo dài cả tuần, đông nhất là lễ giỗ Ông Mười” [Phỏng vấn 13]. Có thể thấy, tại 3 đền thờ Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh hàng năm đều có tổ chức long trọng ngày kỵ của Ông Hoàng Mười vào đầu tháng 10 âm lịch với sự chỉ đạo, của chính quyền địa phương, ban quản lý di tích cùng người dân địa phương cũng như du khách hành hương tham gia nhiệt tình đã tạo nên lễ hội tâm linh có quy mô hoành tráng, trang trọng.

Lễ hội thể hiện một trong những hiện tượng văn hóa phổ biến của người Việt, có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội. Lễ hội đã góp phần không nhỏ vào việc lưu giữ những nội dung mang giá trị lịch sử, những hình thức văn hoá mang đậm dấu ấn thời đại, qua đó phản ánh rõ nét đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của con người qua từng thời kỳ.

Với những giá trị văn hóa, nghệ thuật độc đáo và đa dạng lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười tại Nghệ An, Hà Tĩnh - điểm đến du lịch văn hóa tâm linh ngày càng thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân, du khách chiêm bái, tham quan.

3.1.3. Nghi lễ hầu đồng

Trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, nghi lễ hầu đồng giữ vai trò trung tâm, là không gian trình diễn thiêng nơi thánh thần giáng trần và ban phát phúc lộc cho con nhang đệ tử. Giá hầu Ông Hoàng Mười là một trong những giá đồng quan trọng, thường xuất hiện trong các canh hầu và luôn thu hút sự chú ý đặc biệt từ cộng đồng.

Thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở 3 đền thờ Xứ Nghệ trên không thể thiếu được nghi thức hầu đồng. Như phần trên đã nói thời gian các vị thánh nhập vào thanh đồng thực hiện lễ dâng hương, múa, làm việc thánh, ban phát lộc, nghe nhạc, thơ... gọi là một giá đồng. Trong nghi thức hầu đồng, giá đồng Ông Hoàng Mười là một trong những giá đồng quan trọng, ông thường giáng trong các canh hầu. Trang phục thường mang màu vàng, thêu hoa văn

rồng, mang kiếm, bút, quạt.

Hành vi Ông Hoàng Mười giáng đồng mang phong cách nhã nhặn, thi ca, văn võ kiêm toàn. Múa bút là một nghi cử đặc trưng trong giá này, thể hiện tài văn chương của Quan.

Trong lĩnh vực âm nhạc, các nghiên cứu về hát chầu văn của các nhà nghiên cứu như Trần Quang Hải, Bùi Trọng Hiền, Đặng Hoàn Loan, Hồ Thị Hồng Dung... đã cung cấp hệ thống kiến thức phong phú về điệu thức, nhạc cụ, lối trình diễn hát văn. Song, việc gắn kết âm nhạc chầu văn với biểu tượng các Ông Hoàng trên vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu cần bổ sung.

Các giá đồng Ông Hoàng thường xuất hiện từ quan sát thực tế cũng như cuốn sách *Sắc phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* tác giả Đoàn Thị Tình viết: Có tất cả thập vị ông Hoàng (mười ông Hoàng), nhưng chỉ có ba ông Hoàng hay ngự đồng trong đó có Ông Hoàng Mười [88, tr.127]. Mẫu Liễu Hạnh phân công Ông Hoàng Mười làm quan đất Phủ Dày. Dưới góc nhìn văn hóa học - kết hợp lý thuyết biểu tượng, diễn xướng, di sản học đây cũng là cách tiếp cận nhằm làm sáng rõ tính đa dạng và sức sống nội sinh giá trị văn hóa, nghệ thuật của nghi lễ thờ Ông Hoàng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ Việt Nam đương đại.

Trong hệ thống Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ hầu đồng là một nghi lễ rất quan trọng của tín ngưỡng thể hiện qua các giá đồng. Giá đồng Ông Hoàng Mười giữ một vai trò đặc biệt. Ông vừa là nhiên thần, nhân thần, võ tướng được thần thánh hóa, Ông vừa là hiện thân trong các nguyên lý vũ trụ thuộc cõi Địa phủ, gắn bó mật thiết với cộng đồng cư dân Nghệ An, Hà Tĩnh. Giá đồng Ông Hoàng Mười vì thế không chỉ mang chức năng lễ nghi mà còn là hình thức biểu đạt biểu tượng, truyền tải ký ức lịch sử, lý tưởng đạo đức và bản sắc địa phương.

Việc nhận diện và phân loại giá trị của hầu đồng giá Ông Hoàng Mười có thể tiến hành dựa trên hai trục: phân tầng hệ thống thần danh - phủ thuộc, và đặc trưng biểu hiện theo vùng miền, không gian nghi lễ.

Hầu đồng là nghi thức nhập hồn các vị thánh tín ngưỡng Tam phủ, Tứ phủ thờ phụng vào người hầu đồng. Trong hầu đồng có thể nói là không thể thiếu được Hát Vần còn gọi là Hát Châu Văn.

Xưa kia, “Đồng” là từ Hán chỉ người con trai ngây thơ, trong trắng dưới 15 tuổi (thanh đồng), là ghế để bóng của các vị thánh nhập vào. Ngày nay, các thanh đồng ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Các vị Thánh giáng đồng thường làm việc quan, phán truyền, ban phát lộc, hoặc nhảy múa... Thời gian Thánh nhập đồng, làm việc, ban lộc... gọi là một giá đồng. Một buổi hầu đồng thường gồm nhiều giá, khoảng từ 10 đến 22, 30 giá tùy theo thanh đồng. Thời gian một buổi hầu đồng có thể là 2, 3 tiếng, cũng có khi tới 5, 7 tiếng, hoặc có thể suốt một đêm...

Hầu đồng được diễn ra vào nhiều dịp trong năm: đầu năm mới, đầu mùa, tất niên, các ngày tiệc của Thánh... Trước khi hầu, các thanh đồng (ông đồng, bà đồng) phải chọn ngày giờ đăng kí trước với chủ nhang, làm bữa cơm cúng thết đãi người tới dự khi kết thúc buổi hầu: mời bạn, các con nhang đệ tử, người thân, 2 người hầu dâng (dưng) giúp thanh đồng thay trang phục, dâng lễ, và mời cung văn hát... Ngoài ra, thanh đồng còn phải thông qua chủ nhang làm lễ cúng chúng sinh và lễ Thánh. Lễ vật dâng cúng chúng sinh gồm vàng mã, cháo, gạo, muối, bánh, trái, thức ăn, tiền xu bỏ vào nước... Lễ vật dâng cúng Thánh cũng là sớ, đồ mã, thức ăn, hoa, quả, bánh kẹo, rượu... đặc biệt phải có đồ mặn như thịt gà, vịt, lợn, cua, ốc, tôm, cá... tượng trưng cho tam phủ [Hình 8;11;24;25;26]. Cúng xong người ta đốt vàng mã.

Hình thức cầu cúng, sắm sửa lễ vật rất đa dạng, tùy theo nhu cầu và điều kiện tài chính của từng người... Có người đi theo bản hội thì một người sẽ chuẩn bị đồ lễ và viết sớ cho cả đoàn, có người đi riêng thì tự chuẩn bị lễ vật để cầu xin những điều cụ thể như học hành, thi cử, sức khỏe, làm ăn...” [Phỏng vấn 28].

Các lễ vật dâng cúng trong buổi hầu cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng và tốn kém. “Lễ Phật thì xôi chè; Thánh và hội đồng Quan thì xôi giò, ngan hoặc vịt

(tam sinh); hạ ban có thịt sống và 7 quả trứng, tùy khả năng từng người. Một mâm vàng kim ngân, đàn mã dăng ngựa. Có sớ văn, đàn sớ Phật, Tam tòa Thánh Mẫu...” [Phỏng vấn 33].

Tùy theo tính chất của buổi lễ và bản mệnh, điều kiện kinh tế của thanh đồng mà các giá văn hầu có thể thay đổi dẫn đến đồ lễ dâng cũng có khác nhau để đáp ứng sở thích, yêu cầu của bóng Thánh giáng đồng như: khi hầu các giá hàng Quan, Ông Hoàng thường có rượu, trà, thuốc, đao, kiếm..., các giá hàng Châu, hàng Cô thường có hoa, quả, khăn mặt, nước hoa, quạt, đuốc..., giá hàng Cậu có khi có cả đồ chơi... Khi vị Thánh nào giáng đồng có các lễ vật là vàng mã thì hóa luôn sau khi vị Thánh đó thăng. “Có đủ lễ: dâng trà, quả thực, bánh kẹo, rượu bia, nước ngọt... Đối với giá Ông Mười thì trang phục gồm áo, khăn xếp, cờ, quạt, bút đề thơ (du xuân văn cảnh)... Vàng mã có ngựa” [Phỏng vấn 39].

Thông thường gồm: mâm hoa quả, bánh kẹo, tiền vàng, trầu cau, hương hoa. Những người lễ giải hạn thì chuẩn bị thêm mã hình nhân thể mạng, mâm xôi gà, bánh chưng, trứng, rượu, gạo muối... Những người kinh doanh buôn bán lớn thì sắm lễ lớn hơn: mâm xôi gà, hoa quả, bánh kẹo, rượu bia, thuốc lá... tất cả đều thể hiện lòng thành [Phỏng vấn 28].

Cũng như nhiều dân tộc trên các quốc gia khác, dân tộc Việt rất coi trọng trang phục của mình trong những ngày hội, lễ, tết... Điều đó càng thể hiện rõ nét trong buổi lên đồng. Trước khi hầu đồng, mỗi thanh đồng đều phải chuẩn bị cho mình những bộ trang phục có màu sắc sặc sỡ, họa tiết cầu kỳ, khăn, đai, trang sức, vòng ngọc, thẻ ngà..., đạo cụ đúng theo tính cách, đặc trưng từng vị thánh mà họ hầu. Trang phục dùng nhiều lần của buổi hầu là khăn phủ diện màu đỏ dùng chung cho tất cả các giá, trùm lên khi Thánh nhập đồng hay thăng đồng. Màu sắc của trang phục phải theo quy định Tứ phủ: đỏ, xanh, trắng, vàng... Mỗi vị Thánh đều có một bộ trang phục, đạo cụ riêng. Giúp lên khăn áo cho các thanh đồng là người hầu dâng. Họ là những người đã từng hầu đồng nên rất thông thạo từ việc thắp

hương, dâng các loại vũ khí, quạt, đao, rơm, trà, thuốc...

Thánh giáng đồng có 2 hình thức: giáng trùm khăn (còn gọi là hầu trắng mạn) và hầu mở khăn.

Các giá Thánh Mẫu hầu theo hình thức trùm khăn là Mẫu giáng đồng rồi thăng luôn không làm việc hay ban phát lộc.

Các vị Thánh giáng đồng mở khăn dành cho các Thánh hàng quan trở xuống. Song trong một buổi hầu số lượng các giá xuất hiện thường không đầy đủ 36 giá mà phụ thuộc vào tính chất, nhu cầu, bản mệnh của con đồng. Hãn hữu có một số trường hợp Thánh không giáng đồng, nhập đồng người hầu đành tung khăn phủ diện rồi chiêu hầu đồng.

Khi Thánh giáng đồng, nhập đồng, thanh đồng dùng tay ra hiệu, nếu là Thánh nam ngồi xếp chân vuông, dùng các ngón tay trái, ví dụ: Khi quan đệ nhất giáng sẽ đưa 1 ngón tay trái để ra dấu, quan đệ tam sẽ đưa 3 ngón tay trái ra dấu... Các vị Thánh nữ hàng mẫu ngồi xếp chân vuông, hàng châu, hàng cô thì ngồi quỳ dùng ngón tay phải ra dấu rồi tung khăn phủ diện. Cô bé, cậu bé thì ra dấu bằng ngón tay út. Lúc này người hầu dâng khăn trương thay trang phục, hóa trang sao cho phù hợp với vị Thánh nhập giúp con đồng. Các vị Thánh cùng một hàng thường cùng kiểu trang phục nhưng khác nhau về màu sắc, đạo cụ, hoặc những chi tiết hợp với gốc tích của họ.

Tiếp theo đó thanh đồng làm lễ dâng hương. Tay trái thanh đồng cầm một bó hoặc vài nén hương rút một nén hương lên trước bó hương gọi là khai quang để xua đi cái trần tục, ma quỷ, chết chóc, làm trong sạch để dâng các vị Thánh. Sau đó, thanh đồng cầm hương đến trước bàn thờ làm lễ. Thánh nam giáng thì thanh đồng quỳ lạy, giơ cao bó hương trước trán. Thánh nữ thì quỳ dâng hương, rập trán xuống đất ba lần. Mỗi lần lạy sẽ thỉnh một tiếng chuông. Mùi thơm của hương, hoa, quả, nước hoa... kết hợp với màu sắc sắc sỡ của trang phục, sự nhộn nhịp của âm nhạc Hát Văn... tạo nên một không gian sống động, linh thiêng.

Ngoài ra, góp phần tăng thêm sự hấp dẫn cho sân khấu linh thiêng này còn phải kể đến nghệ thuật múa trong các giá đồng. Những động tác múa này đơn giản, phản ánh sinh hoạt hàng ngày của người dân lao động như: múa chèo đò, múa kiếm, múa hái hoa, múa cung... ta có thể gọi đó là múa thiêng. “Giá ông Mười thì có múa quạt, múa cờ, nhiều nơi múa kiếm, hát văn cũng rất rộn dập” [Phỏng vấn 17].

Dưới đây là một số điệu múa được dùng trong các giá văn.

Các vị Thánh hàng Quan thường có múa kiếm, đao, kích, múa hèo, cờ... cung văn hát, đàn những làn điệu hát đồn, lưu thủy, trống trận đặc biệt có sử dụng trống cái, thanh la tạo nên không khí tung bừng, náo nhiệt. Múa kiếm, múa đao, múa kích thường hai tay quay tròn đạo cụ trước mặt, sang 2 bên theo tiếng trống đồn dập, có lúc tay cầm kiếm giấu sau lưng, chân nhún bước tiến rồi lùi theo nhạc. Ngoài ra còn có động tác gác kiếm lên vai, bắt chéo kiếm trước mặt...

Các vị Thánh hàng Châu thường có múa môi, múa quạt âm nhạc sử dụng điệu Xá thượng, Xá giây lệch. Múa môi (môi làm bằng giấy bản tẩm nến hoặc dầu lạc xoắn lại). Khi múa con đồng 2 tay cầm 4 môi lửa múa chéo trước ngực, guộn tay, dang tay, khi đưa môi lên cao, khi xuống thấp, kết hợp với nhảy múa... với miệng hú, trên nền nhạc tung bừng, có lúc lại nhịp nhàng tạo thêm không khí linh thiêng, huyền bí. Có khi múa môi kết hợp với múa quạt, tay cầm môi, tay cầm quạt bắt chéo trước ngực, guộn môi và quạt khi đưa lên cao, khi xuống thấp. Kết hợp với các động tác trên, chân nhảy nhỏ, hoặc nhún theo nhịp nhạc.

Các Thánh hàng ông Hoàng thường có múa hèo, múa cung, múa cờ, múa trùy theo nhịp điệu Lưu thủy, Bỏ bộ, trống trận... Múa cung, người hầu đồng dùng một dây cung bằng tre, một nén hương tượng trưng cho tên bắn, rồi cầm cung quay quanh người mình và nhảy hoặc quỳ xuống, rút nén hương bắn. Hèo là cây gậy ngắn có gắn quả nhạc để biểu hiện động tác đi ngựa, lúc các ông co chân, nhảy bước nhỏ, lúc vác lên vai...

Các Thánh hàng Cô có múa mỗi, múa quạt, múa chèo đò, múa hái hoa... theo nhịp của làn điệu Bỏ bộ, Lưu thủy, điệu Xá... Múa chèo đò dùng mái chèo có buộc dây đỏ ở đầu, hay dùng dải vải đỏ thay mái chèo. Con đồng cầm mái chèo múa động tác như chèo thuyền trên sông, người ngả nghiêng theo mái chèo, lúc chập mái chèo cầm một tay là chèo đơn, lúc mở mái chèo ra hai tay là chèo kép.

Các vị Thánh hàng Cậu thường có múa hèo, múa lân theo nhạc điệu Lưu thủy, Bỏ bộ, nhạc trống sư tử.

Nhìn chung, múa lên đồng khá đơn giản do các động tác múa hầu như đều mô phỏng các hoạt động thực tế của con người trong cuộc sống lao động hàng ngày, trong chiến trận của các vị Thánh được diễn ra trước bàn thờ Thánh linh thiêng. Nó đã góp phần làm cho buổi hầu bóng trở nên sinh động, hấp dẫn như một sân khấu chuyên nghiệp.

Sau khi múa xong, các vị Thánh ngồi xuống nghe nhạc, thơ, phán truyền, ban phát lộc. Cung văn thường hát những bài văn có nội dung ca ngợi vẻ đẹp, công đức, chiến tích sao cho hợp với tâm tư của vị Thánh giáng đồng (ninh đồng). Các vị Thánh cảm thấy hay, hài lòng sẽ vỗ tay xuống gối và thưởng lộc, tiền cho cung văn. Đây còn là lúc người hầu dâng lên Thánh rượu, trà, thuốc, trầu cau... hầu như những đồ dâng này đều có chất kích thích có lẽ phần nào làm tăng thêm cảm hứng, sự hưng phấn cho các vị Thánh khi giáng đồng. Trước khi dùng đồ các Thánh đều làm nghi thức khai quang. Ngoài ra, những người dự lễ lúc này cũng đến gần các vị Thánh để nghe phán truyền, dâng lễ cầu tài lộc. Có khi thanh đồng đáp truyền lại bằng lời cũng có khi chỉ bằng ánh mắt, cử chỉ do họ nhập đồng kiểu “cắm khâu”.

Khi các vị Thánh ngồi yên, khẽ rung mình, hai tay vắt chéo trước trán... là dấu hiệu Thánh thăng. Hai người hầu dâng phải nhanh tay phủ khăn lên đầu thanh đồng. Cung văn chuyển ngay sang câu hát Thánh thăng. Tiếp đó thanh đồng lại chuẩn bị cho sự xuất hiện của vị Thánh khác.

Khi kết thúc buổi hầu, thanh đồng cởi bỏ trang phục Thánh, tạ ơn các vị

Thánh, cảm ơn những người đến dự, mời họ và khách ăn bữa cơm [60]

3.1.4. Nghi lễ giá đồng Ông Hoàng Mười

Nghi lễ hầu đồng Ông Hoàng Mười bắt đầu bằng màn nghinh thánh, chuẩn bị phục trang và lễ vật. Khi thánh giáng, thanh đồng khoác lên người chiếc áo bào màu vàng rực rỡ, đầu đội mũ cánh chuồn, tay cầm bút hoặc kiếm, thể hiện biểu tượng văn võ song toàn. Trong suốt quá trình hành lễ, thanh đồng thực hiện chuỗi động tác như múa cờ, múa bút đề thơ trên quạt, hoặc múa kiếm, kèm theo lời hát châu văn ca ngợi công lao, phẩm chất của Ông Hoàng Mười. Lời văn thường nhấn mạnh hình ảnh Ông Hoàng Mười giỏi văn thơ, biết binh thư, có tài trấn giữ miền Trung đô, được dân chúng quý mến, tôn sùng. “Hầu đồng Ông Hoàng Mười là sự tổng hòa của diễn xướng dân gian với trang phục, âm nhạc, múa và lễ vật. Nghi lễ thường bắt đầu với việc thay trang phục, dâng hương, gọi văn, và kết thúc bằng phát lộc” [Phỏng vấn 17].

Giá trị nghệ thuật trong giá hầu Ông Hoàng Mười thể hiện ở nhiều phương diện.

Về âm nhạc, châu văn là hình thức hát kể, sử dụng thơ lục bát và song thất lục bát, có tiết tấu nhanh - chậm linh hoạt theo diễn biến nghi lễ.

Về phục trang, trang phục trong giá hầu được thiết kế cầu kỳ với màu vàng chủ đạo, thường có thêu họa tiết rồng phượng, hoa sen hoặc đồ án biểu tượng quyền lực, kết hợp cùng đạo cụ như bút, quạt, kiếm.

Về vũ đạo, các động tác múa trong giá đồng Ông Hoàng Mười mang tính mô phỏng - biểu tượng cao, đề thơ (dùng bút đề thơ lên quạt) tượng trưng cho trí tuệ, múa cờ thể hiện khí phách oai hùng.

So với các giá đồng khác trong hệ thống Thập vị Ông Hoàng, giá Ông Hoàng Mười có sự độc đáo riêng, thể hiện rõ sự kết hợp giữa văn chương - võ nghiệp - đạo lý. Nếu như giá Ông Hoàng Bảy thiên về võ công và binh nghiệp, giá Ông Hoàng Chín thiên về trấn thủ miền biên giới, thì giá Ông Hoàng Mười mang biểu tượng người văn thần, gần dân và thanh liêm, có sức hút sâu rộng

với tầng lớp tri thức và người hành hương vùng Xứ Nghệ.

Nghi lễ hầu đồng giá Ông Hoàng Mười còn phản ánh quá trình thích nghi và hiện đại hóa trong không gian tín ngưỡng. Hiện nay, các thanh đồng thường tổ chức canh hầu với sự hỗ trợ của hệ thống âm thanh - ánh sáng, sân khấu hóa các trình thức nghi lễ, thu hút khán giả và khách hành hương. Một số thanh đồng còn ghi hình, phát trực tuyến lễ hầu trên mạng xã hội, tạo điều kiện lan tỏa giá trị văn hóa ra cộng đồng rộng lớn hơn. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức về việc bảo tồn tính thiêng, tính nguyên bản và chiều sâu văn hóa của nghi lễ.

Sắc phục giá đồng Ông Hoàng Mười: Mỗi vị Ông Hoàng mang một thần tích, danh hiệu, sắc phục, đạo cụ riêng, phản ánh vai trò, chức năng linh thiêng trong vũ trụ quan dân gian. Trang phục được kết hợp với màu sắc cùng hỗ trợ nhau để tạo nên phong cách trang phục đó. Màu sắc đã hỗ trợ và làm nổi bật số nét riêng cho trang phục ngoài ra còn bảo chứa một ý nghĩa biểu tượng và giá trị truyền thống của nó [76, tr.584 - 588].

Tín ngưỡng thờ Mẫu kiến tạo hệ thống Thập vị Ông Hoàng gồm mười vị thánh lần lượt từ Ông Hoàng Cả đến Ông Hoàng Mười, được phân bổ trong bốn phủ: Thiên phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ và Địa phủ.

Trang phục của Ông Hoàng Mười là áo dài màu vàng, có hình văn rồng cuộn thành những vòng tròn chữ thọ, ngày xưa trên vai vác 2 chiếc mạng chéo nay thường chỉ là áo dài, đầu đội khăn xếp buộc nét thêu hình chữ thọ hay rồng châu mặt trăng hoặc mặt trời. Đai lưng bằng vải lụa màu đỏ, đôi khi có đính ngọc quý. Ngực đeo thẻ Ngà, khánh Ngọc, bạc hoặc vàng búi tóc giắt lược cài trâm. Xưa vai đeo bầu rượu, một bên đeo túi thơ. Trang phục của giá Ông Hoàng Mười mang sắc vàng chủ đạo, biểu trưng cho quyền uy, kết hợp với các yếu tố trang trí như áo bào, đai ngọc, mào vàng. “Trang phục Ông Mười thường màu vàng, có nơi mặc áo đỏ vàng, khăn châu đội lệch, ngời ngai rồng” [Phỏng vấn 28].

Khi giáng đồng Ông Hoàng Mười thường múa hèo, múa cờ, đặc biệt

Hoàng Mười có hình ảnh cầm bút đề thơ du xuân (bút đề thơ trên quạt).

Ông Hoàng Mười (Địa phủ) là nhân vật được tôn sùng đặc biệt ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Trang phục Ông màu vàng, đạo cụ: kiếm, cờ; quạt, bút. Đây là hình tượng kết tinh giữa thần quyền và lý tưởng khai hóa trong tâm thức dân gian.

Như vậy, hầu đồng là một nghi thức nổi bật tại các đền thờ thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, đặc biệt là 3 ngôi đền thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ trong tháng tiệc Ông. Ở đó kết hợp hài hòa, tinh tế các loại hình nghệ thuật: múa dân gian, âm nhạc, hát Văn, nghệ thuật hóa trang và phục trang... đã làm cho tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ thêm sống động, gần gũi, hấp dẫn, và hợp với tâm tư, tình cảm, thẩm mỹ của mọi tầng lớp nhân dân lao động từ xưa cho đến nay và có lẽ cả sau này.

3.1.5. Nghệ thuật giá đồng Ông Hoàng Mười

Theo sự quan sát thực tế trong các chuyến đi điền dã, chứng kiến nhóm hầu đồng tới ngày 23/3/2024 hầu tại đền Ông Hoàng Mười Nghệ An. Nhóm hầu đồng ở Nam Định đến hầu tại đền Chợ Củi, Hà Tĩnh ngày 23/3/2024. Thanh đồng Kim Thanh 70 tuổi ở Vinh, hầu 7/4/2024 tại đền Ông Hoàng Mười Nghệ An. Nhóm hầu đồng ở Hà Nội đến hầu tại đền Cả, Hà Tĩnh trưa ngày 5/5/2024. NCS đã tìm hiểu giá đồng Ông Hoàng Mười ghi hình lại tại 3 ngôi đền diễn ra như dưới đây.

Giá Ông Hoàng Mười thường sau giá Ông Hoàng Bảy. Khi Ông Hoàng Bảy phủ khăn trắng tiếp theo cung văn hát làn điệu Kiều (phụ đồng) thỉnh mời Ông Hoàng Mười, ngài giáng đồng tung khăn phủ diện, người hầu dâng khăn trương giúp thanh đồng lên khăn áo của Ông Hoàng Mười. Thanh đồng cầm nén hương hươ vào trang phục, cung văn hát điệu dọc (có khi hát điệu còn). Áo dài Ông Hoàng màu vàng thêu hình rồng, mây, họa tiết cầu kỳ đẹp rực rỡ, khăn buộc nét màu vàng, lưng buộc đai màu vàng hoặc khác màu, cổ đeo kiềng to hoặc khánh ngọc... Sau khi mặc trang phục chỉnh tề Ông Hoàng dâng hương lễ, người hầu dâng đưa 3 nén hương, Hoàng dùng 1 nén hương hươ xong mới

dâng hương lễ, cung văn tấu nhạc lưu thủy. Thanh đồng đi lùi rồi tiến, quỳ lạy, tay cầm khăn màu đỏ. Tiếp theo người hầu dâng đưa bó hương châm lửa để Quan Hoàng khai quang trên nền nhạc điệu hát Sai. Sau đó, Hoàng múa cờ trên nền nhạc trống trận oai phong lẫm liệt. Tiếp theo Ông Hoàng có thể múa hèo, đề thơ du xuân dùng bút ngọc viết lên quạt thanh tao, phong nhã. Sau phần này Ông Hoàng Mười ngồi uống rượu, cung văn hát làn điệu chúc rượu... Và sau cùng Hoàng Mười ngồi ban phát lộc, nghe nhạc nghe thơ, cung văn thường hát những làn điệu như phú, thơ, ví dặm Nghệ An, Hà Tĩnh, hò Huế, lý mười thương, hò Xứ Nghệ, khúc Nam Giao (lý Mỹ Hưng...). Lời ca cũng như giai điệu âm nhạc phải phù hợp với thanh đồng, giúp thanh đồng bóng đẹp, đồng sang, hưng phấn. Âm nhạc Hát Văn giá Hoàng Mười thường có chất liệu vùng miền đặc trưng Xứ Nghệ. Thời gian Quan Hoàng Mười ngự đồng có thể lâu nhanh khác nhau, tùy thuộc việc Thánh ban phát lộc, cảm xúc nghe nhạc, nghe thơ, (thường giá Hoàng Mười ngự đồng lâu hơn các giá khác, Thanh Đồng Kim Thanh hầu hơn 50 phút).

3.1.5.1. Nghệ thuật thơ ca

Các làn điệu Hát Văn hầu giá đồng Ông Hoàng Mười chủ yếu là thơ lục bát, hoặc song thất lục bát. Đó là các thể thơ rất giàu tính nghệ thuật, có niêm luật, cấu trúc chặt chẽ từ cách gieo vần, thanh bằng trắc và nhịp thơ.

*Một đấng anh hùng thanh xuân
Tài danh nổi tiếng khắp vùng trời Nam
Hai vai nặng gánh cương thường
Sông Lam sóng cả buồm giương một chèo.
... Nghệ An có anh hùng hào kiệt
Tiếng Ông Mười lẫm liệt ngàn xưa
Vung gươm lên ngựa để cờ
Ra tay gìn giữ cõi bờ Việt Nam.
(Văn Ông Hoàng Mười)*

Để làm rõ ý thơ và hoàn chỉnh hơn cho câu nhạc nghệ nhân đã thêm các từ phụ có nghĩa và các từ phụ vô nghĩa như sau:

*... Muối đã mặn ba năm còn mặn
Gừng đã cay chín tháng vẫn còn cay
Ghé Ông đây tình nặng nghĩa lại dày
Từ trong Xứ Nghệ Ông cũng vô ra Ông ngự đồng.*

*... Nặng gánh cương thường đôi vai Ông Mười nặng gánh cương thường
Sóng Lam sóng cả ừ buồm giương í ỉ ỉ một chèo*

Hát Văn là hát lên những bài văn đề châu thánh nên ở loại hình nghệ thuật này văn thơ có trước, song bản thân các bài văn đó không phải hát lên nguyên bản như cấu tạo của thơ. Để đáp ứng được tính nghệ thuật của làn điệu phương thức cấu tạo các vần điệu thơ có một số đặc điểm như sau:

Phổ biến nhất là một trổ hát gồm 2 câu thơ.

Trong các làn điệu Kiều thỉnh mời thánh nhập đồng các nghệ nhân sử dụng thủ pháp đảo từ, thêm từ như sau:

Thơ:

*Hoàng Mười trấn thủ Nghệ An
Về huyện Thiên Bản làm quan Phủ Dày
(Văn Ông Hoàng Mười)*

Hát:

*Trấn thủ Nghệ An Ông Hoàng Mười trấn thủ Nghệ An
Về huyện Thiên Bản Ông làm quan đất Phủ Dày.*

Thơ:

*Xem hoa con lại nhớ người
Tiệc về con nhớ Hoàng Mười Nghệ An
(Văn Ông Hoàng Mười)*

Hát:

*Xem hoa con lại nhớ **tới** người*

Khi tiệc về chúng con lại nhớ Đức Hoàng Mười trong tỉnh Nghệ An

Như vậy, ngoài thủ pháp thêm từ để làm rõ nghĩa hơn cho lời ca các nghệ nhân còn sử dụng thủ pháp đảo từ, mượn 4 hoặc 2 chữ cuối của câu thơ 6 để hát trước, sau đó bắt vào đầu câu. Cách làm này nhằm hoàn chỉnh cấu trúc của làn điệu.

Ngoài ra, trong một số làn điệu nghệ nhân còn sử dụng thủ pháp “vay trả” mượn cả câu thơ đầu của trổ hát sau làm câu kết của trổ hát trước, hoặc nhắc lại cả câu thơ cuối làm cho trổ hát mở rộng hơn:

Thơ:

*Cờ vàng sai trấn trung phương
Tiền lo chính cộ ngự đồng lên chơi
Phủ nhang Phù Nghĩa đôi người
Phủ Dầy, An Thái chớ chày khi chơi.*

(Hát Sai, Văn Ông Hoàng Mười)

Hát:

Khổ 1: *Cờ vàng sai trấn trung phương
Tiền lo chính cộ ngự đồng lên chơi
Phủ nhang Phù Nghĩa đôi người.*

Khổ 2: *Phủ nhang Phù Nghĩa đôi người
Phủ Dầy An Thái chớ chày khi chơi.
Kim mộc hỏa tộc chớ chày.*

Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp thủ pháp nhắc lại một từ, hoặc một cụm từ như:

Thơ: *Vai Ông nặng gánh cương thường
Sông Lam sóng cả buồm giương một chèo.*

Hát:

*Nặng gánh cương thường đôi vai Ông Mười nặng gánh cương thường
Sông Lam sóng cả ừ buồm giương í ừ ừ một chèo.*

Trong các làn điệu có tính chất ngâm ngợi như Thơ, Phú, Tỳ bà hành, Tỳ bà cung Bắc thì thủ pháp nhắc lại ít xuất hiện hơn. Ở đây, thường có hiện tượng thêm từ phụ có nghĩa để bổ sung nghĩa cho nội dung lời ca và từ phụ vô nghĩa để hoàn chỉnh hơn cấu trúc làn điệu. Các làn điệu này còn có tiết tấu, nhịp điệu khá dàn trải, nhiều khi ngẫu hứng tự do, đặc biệt ở những vị trí ngắt nhịp thơ:

Thơ:

Khoảng trời đất dọc ngang, ngang dọc.

Nợ tang bồng vay trả, trả vay.

Trái càn khôn hun đúc vững bền tay.

Kho vô tận không say mà vẫn đủ.

Hát:

Khoảng trời đất / dọc ngang, / ngang dọc.

Nợ tang bồng / vay trả, / trả vay.

Trái càn khôn / hun đúc / vững bền tay.

Kho vô tận / không say / mà vẫn đủ ư ừ.

Thơ:

Gặp xuân ta dự câu thơ

Câu thơ trên miệng là nơi thi vè

Xuân về cạn chén xuân về

Ngàn năm nét mực thơ đề vẫn xuân.

(Tỳ bà hành, Văn Ông Hoàng Mười)

Hát:

Gặp xuân ta dự chơi ư hự câu thơ

Câu thơ trên miệng là ư nơi thi vè

Xuân về hết cạn chén xuân về

Ngàn năm nét mực ư thơ đề vẫn xuân.

Nhìn chung, nghệ thuật phổ thơ trong các làn điệu Hát Văn không quá phức tạp, cầu kỳ. Chủ yếu là thủ pháp điệp từ, thêm từ, đảo từ và thủ pháp vay

trả. Tất cả đều nhằm mục đích làm hoàn chỉnh hơn cả về câu nhạc cũng như ý thơ. Bên cạnh đó, để phục vụ cho các giá đồng cũng như người hầu đồng, nội dung lời ca thường mang tính chất mô tả: mô tả chân dung nhân vật, mô tả cảnh đẹp thiên nhiên sơn thủy hữu tình, mô tả tính cách nhân vật. Chính vì thế mà nội dung có phần dễ hiểu, chủ yếu là tạo không khí sôi nổi và hào hứng cho buổi hầu thánh. Tuy nhiên, phần âm nhạc Hát Văn trong buổi hầu thánh bao trùm tất cả vẫn là một màu sắc mang tính huyền bí, siêu nhiên, thoát tục, không xô bồ, toát lên tính chất linh thiêng của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

3.1.5.2. Nghệ thuật âm nhạc

+ Phân loại làn điệu

Cũng như nhiều thể loại ca hát dân ca khác, Hát Văn phục vụ cho buổi hầu đồng có những làn điệu được diễn ra lần lượt theo quy luật nghiêm ngặt, trình tự nhất định và cũng có những làn điệu xuất hiện tùy thuộc vào thời gian, sở thích của thanh đồng.

Hệ thống làn điệu các giá đồng Ông Hoàng Mười của buổi hầu thánh có thể phân chia thành 3 loại sau đây.

- Làn điệu thỉnh mời thánh ngự đồng: Kiều (còn có thể gọi là phụ đồng), nhịp trống Kiều. Lúc này thánh trùm khăn phủ diện. Cung văn hát làn điệu kiều thỉnh mời thánh theo dấu hiệu của thanh đồng. Nếu vị thánh đó giáng đồng sẽ tung khăn phủ diện, người hầu dâng nhanh chóng giúp lên khăn áo. Thánh không giáng đồng sẽ xua tay và ra hiệu để cung văn hát mời thỉnh vị thánh tiếp theo.

- Làn điệu hầu thánh ngự đồng: Đọc, nhạc lưu thủy, Hát Sai, trống trận, Thơ, Phú, Tòng, Chuốc rượu, Hò, Tỳ bà hành... Trong số các làn điệu này, mỗi làn điệu phục vụ cho một nghi thức, công việc của vị thánh giáng đồng chẳng hạn:

Đọc: Làn điệu hát khi thánh lên khăn áo.

Nhạc lưu thủy: Nhạc tấu khi thánh dâng hương.

Hát sai: Làn điệu hát để thánh khai quang, tay cầm bó hương xua đi những gì không tốt để thánh ngự đồng làm việc, nghe nhạc, nghe thơ...

Trống trận: Phục vụ thánh làm việc. Quan Hoàng Mười thường múa cờ, múa trượng, đề thơ du xuân (bút đề thơ lên quạt)...

Các làn điệu còn lại xuất hiện tùy thuộc vào cung văn, sở thích của thanh đồng, thời gian thánh giáng đồng. Lúc này là khi thánh ngồi phán truyền, ban phát lộc, nghe nhạc, nghe thơ...

Cuối cùng, khi thánh thăng người hầu dâng trùm khăn cho thanh đồng, bao giờ cung văn cũng hát câu kết như nhau: “*Xe loan thánh giá hồi cung*”.

+ *Thang âm, điệu thức*

Trong âm nhạc, yếu tố thang âm và điệu thức giữ vai trò rất quan trọng bởi đó là một trong những nhân tố góp phần xây dựng nên hình tượng âm nhạc. Các làn điệu Hát Văn thuộc giá Ông Hoàng Mười trên được xây dựng trên các điệu thức năm âm sau đây. Cung (*Điệu thức loại 1*); Thương (*Điệu thức loại 2*); Chủy (*Điệu thức loại 3*); Vũ (*Điệu thức loại 4*); Oán (*Điệu thức loại 5*).

Bảng 1: Bảng tổng hợp diễn biến điệu thức trong các làn điệu

STT	Làn điệu	Điệu thức
1	Kiều	Si loại 4 Mi loại 2
2	Dọc	Mi loại 2 Si loại 4
3	Hát Sai	Si loại 4
4	Chuốc rượu, tòng cách	Mi loại 2 Si loại 5
5	Phú nói	Mi loại 4
6	Hò	Mi loại 2 Mi loại 3
7	Tỳ bà hành	Mi loại 4
8	Câu kết	

(Nguồn NCS tổng hợp)

Qua bảng tổng kết có thể thấy hầu hết giai điệu đều được xây dựng bằng điệu thức 5 âm (ngũ cung). Có 4 loại điệu thức cấu trúc như các điệu thức trong âm nhạc ngũ cung Trung Hoa: Cung = loại 1; Thương = loại 2; Chủy = loại 3; Vũ = loại 4, và điệu thức Oán = loại 5 khá độc đáo trong dân ca Nam Bộ.

Trong đó điệu thức loại 4 xuất hiện nhiều nhất (5/7 lần điệu). Tiếp theo là điệu thức loại 2 (4/7 lần điệu), điệu thức loại 3 chỉ xuất hiện trong 1 lần điệu. điệu thức loại 1 không xuất hiện. Điệu thức loại 5 (Oán) sử dụng trong 1 lần điệu: Chúc rượu giá đồng Ông Hoàng Mười. Riêng câu cuối làn điệu Chúc rượu giá Ông Hoàng Mười, nghệ nhân hát có xuất hiện thêm âm Đô # mang chức năng màu sắc, làm phong phú thêm cho giai điệu.

+ *Cấu trúc làn điệu*

Cấu trúc Hát Vần trong các giá đồng Ông Hoàng Mười gồm các làn điệu: Kiều, Dọc, Lưu thủy, Hát Sai, Thơ chúc rượu, Phú, Hò Xứ Nghệ, Hò Huế, Tỳ bà hành... và câu hát khi thánh thắng.

Nhìn chung, cấu trúc các làn điệu Hát văn Ông Hoàng Mười có mối liên quan mật thiết với thơ ca. Lời thơ được nhắc lại theo cách riêng để hoàn chỉnh câu nhạc, đoạn nhạc và ngược lại, âm nhạc làm tăng thêm sức biểu hiện cho nội dung thơ ca. Trong các làn điệu Hát văn, giá Ông Hoàng Mười thông thường có từ 1 đến 4 khổ hát và mỗi khổ hát (*tương đương với 1 đoạn nhạc gọi theo các nghệ nhân đó là bộ phận cấu trúc*) thường chia thành 2 câu, mỗi câu tương đương với 1 câu thơ 6/8, hoặc 2 câu thơ thất ngôn. Tuy nhiên, cũng có làn điệu câu hát không phân định ranh giới rõ ràng.

Bảng 2. Bảng tổng hợp về đặc điểm cấu trúc làn điệu giá văn Ông Hoàng Mười

STT	Làn điệu	Khổ 1	Khổ 2	Khổ 3	Khổ 4
1	<i>Kiều:</i> 2 khổ hát	<i>Khổ 1:</i> Si loại 4 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 2:</i> Mi loại 2 Câu 1 kết bậc V Câu 2 kết bậc I		

2	<i>Dọc:</i> 2 khổ hát	<i>Khổ 1:</i> Mi loại 2 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc V	<i>Khổ 2:</i> Si loại 4 Câu 1 kết bậc III Câu 2 kết bậc I		
3	<i>Hát Sai:</i> 2 khổ hát.	Si loại 4 Không chia câu	Si loại 4 Không chia câu		
4	<i>Thơ, vĩa, tòng, chuốc rượu:</i> 4 khổ	<i>Khổ 1:</i> Mi loại 2 Câu 1 kết bậc II Câu 2 kết bậc II	<i>Khổ 2:</i> Si Oán Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 3:</i> Si Oán Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 4:</i> Si Oán Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc III Câu 3 kết bậc I
5	<i>Phủ nói:</i> 2 khổ	<i>Khổ 1:</i> Mi loại 4 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc IV	<i>Khổ 2:</i> Mi loại 4 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc I		
6	<i>Hò:</i> 4 khổ	<i>Khổ 1:</i> Mi loại 2 Câu 1 kết bậc IV Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 2:</i> Mi loại 2 Câu 1 kết bậc IV Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 3:</i> Mi loại 3 Câu 1 kết bậc IV Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 4:</i> Mi loại 3 Câu 1 kết bậc III Câu 2 kết bậc I
7	<i>Tỳ bà hành:</i> 3 khổ	<i>Khổ 1:</i> Mi loại 4 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc I	<i>Khổ 2:</i> Mi loại 4 Câu 1 kết bậc I Câu 2 kết bậc IV	<i>Khổ 3:</i> Mi loại 4 Câu 1 kết bậc IV Câu 2 kết bậc IV	

(Nguồn NCS tổng hợp)

Nhìn vào bảng tổng kết trên có thể nhận thấy:

Có nhiều dạng cấu trúc khác nhau nhưng trong đó đơn giản nhất là dạng cấu trúc chỉ có 1 khổ hát.

Thông thường mỗi khổ hát chia thành 2 câu, mỗi câu tương ứng với 1 câu thơ 6 hoặc 1 câu thơ 8 hoặc 1 câu thơ 7 chữ.

Dạng cấu trúc phức tạp hơn đó là các làn điệu gồm 2 khổ hát.

Cùng với 2 dạng cấu trúc chia thành 1 hoặc 2 khổ hát như trên còn có những làn điệu gồm nhiều khổ hát, trong đó mỗi khổ hát lại có một giai điệu khác nhau. Có thể gặp dạng cấu trúc này trong các làn điệu chia thành phần mở đầu (vĩa) và phần chính (phần thân). Các phần này gồm nhiều khổ hát khác nhau về cả nhạc và thơ. Phần mở đầu thường hát ở nhịp tự do, phần thân thì

theo lối hát có nhịp nên ranh giới giữa 2 phần khá rõ ràng. Cùng với đó, sự tương phản về tính chất âm nhạc, sắc thái đã tạo nên những cảm giác khá thú vị, gây hưng phấn cho những người tham dự buổi hầu đồng. Có thể kể ra các làn điệu điển hình như:

+ Làn điệu: Thơ, vĩa, tòng, chuốc rượu giá đồng Ông Hoàng Mười gồm 4 khổ hát:

Khổ 1: Phần mở đầu (vĩa) được hát theo nhịp tự do, tính chất âm nhạc kể lể, tự sự, trữ tình.

Khổ 2, 3, 4: Phần chính (phần thân), nhịp 2/4, tính chất âm nhạc vui tươi, sinh động, mời rượu.

Còn có thể thấy lối cấu trúc chia thành nhiều khổ hát như trên trong các làn điệu Hò trong giá đồng Ông Hoàng Mười có cấu trúc 4 khổ hát. Làn điệu Thơ, tòng, chuốc rượu có khổ hát cuối xuất hiện thêm câu 3 là sự nhắc lại có thay đổi câu 2.

+ *Nhịp điệu, tiết tấu*

Nhạc cụ đệm cho Hát Văn tuy đơn giản (trước đây thường có 2 người diễn tấu - tối thiểu). Ngày nay, dàn nhạc phong phú hơn có khi có 6 người diễn tấu nên đã tạo nên những âm hưởng tiết tấu, âm sắc nhạc cụ đa dạng hơn, phong phú lúc vui vẻ, náo nhiệt lúc lại sâu lắng, trữ tình. Đặc biệt, mỗi làn điệu đều gắn với một quy luật nhịp nhất định. Trong Hát Văn có các loại nhịp cơ bản sau:

+ Trống Kiệu: sử dụng ở làn điệu Kiệu thỉnh mời thánh ngự đồng. Cung văn sử dụng 3 dùi. Tay trái cầm 1 dùi gõ trống ban, chủ yếu vê trên trống, tạo những âm thanh vang rền. Phần nhịp chính thể hiện ở tay phải cầm 2 dùi gõ vào trống ban và thanh la.

+ Trống sai (nhịp sai): Sử dụng trong làn điệu Hát Sai. Người gõ nhịp cũng sử dụng 3 dùi gõ vào trống ban và thanh la. Một dùi tay trái có chức năng điểm xuyết, bồi âm. Nhịp chính ở 2 dùi tay phải cùng gõ vào trống ban và thanh la.

+ Trống trận: dùng khi các vị thánh múa cung, múa trượng hoặc múa

cờ... Trống này do 2 người đảm nhiệm, một người gõ đều đặn vào thanh la, một người đánh trống cái (nếu không có thay bằng trống ban)

Các loại nhịp còn lại sử dụng 3 dùi gõ vào phách và cảnh. Các nghệ nhân quy định có bao nhiêu tiếng gõ vào cảnh thì đó chính là tên nhịp. Tay trái sử dụng 1 dùi gõ vào phách vè, bồi âm cho âm hình tiết tấu chính của tay phải. Tay phải đảm nhiệm 2 dùi gõ vào phách và cảnh.

Như vậy, các giá văn Ông Hoàng Mười trên có quy luật về nhịp rất rõ ràng, cụ thể ở phần tay phải song lại rất mở cho các nghệ nhân có thể diễn tấu tùy theo khả năng, cảm hứng của họ thể hiện qua dùi gõ tay trái. Điều đó đã làm cho tiết tấu, nhịp phách âm nhạc Hát Văn thêm sinh động, hấp dẫn, mới lạ.

Về phần dàn nhạc, chỉ bằng vài nhạc cụ đệm thô sơ (ít nhất 2 người diễn tấu và hát. Ngày nay dàn nhạc phong phú hơn có khi có 6 người diễn tấu) mộc mạc khi kết hợp với giọng hát đã đem đến cho người nghe rất nhiều cảm xúc, tâm tư như lúc thì vui vẻ, náo nhiệt, khi lại buồn, sâu lắng... đó là những bức tranh bằng âm thanh đa sắc màu đã được vẽ nên diễn tả khung cảnh thiên nhiên khi thì đồng bằng lúc lại sông nước mênh mông... Ở đó, có những con người với nhiều tính cách lúc thì giản dị, hồn nhiên, vui vẻ, khi lại sâu sắc, kín đáo, lúc thì nghiêm nghị, thanh cao, khi lại lẫm liệt oai phong... Do đó Hát Văn ngày càng thu hút được đông đảo khán thính giả. Điều đó đã phản ánh tính giá trị nghệ thuật tinh tế, độc đáo của Hát Văn và có phần lý giải vì sao trải qua bao sóng gió, thăng trầm nhưng nghệ thuật Hát Văn đã, đang phát triển, được nhiều người say mê, yêu thích.

Lời ca của Hát Văn là những vần thơ tinh tế có nội dung đề tài đa dạng, ca ngợi công đức, vẻ đẹp ngoại hình, tâm hồn, tài năng, văn võ song toàn... của Đức thánh Hoàng Mười hay khung cảnh đẹp thiên nhiên hữu tình, thơ mộng... Ngôn ngữ văn học tinh tế kết hợp nhuần nhuyễn với tinh hoa của ngôn ngữ âm nhạc về thang âm, điệu thức, nhịp điệu, tiết tấu. Cấu trúc làn điệu được xây dựng theo quy định, niêm luật riêng, bố cục làn điệu của giá văn rõ ràng, chặt chẽ nhưng cũng có

phần ngẫu hứng tại chỗ của các cung văn tạo không khí náo nhiệt cho buổi lễ, thời gian Thánh ngự đồng có thể khác nhau. Khi cất lời ca, tiếng hát hầu thánh cung văn cần phải nắm rõ lai lịch, sở thích cũng như tâm tư tình cảm của các vị thánh để sáng tạo, chắt lọc những vần thơ, ngôn ngữ giai điệu âm nhạc đặc trưng sao cho phù hợp, khơi dậy được cảm hứng cho người hầu bóng.

Bên cạnh đó, giai điệu âm nhạc trong Hát Văn có mối quan hệ thân thiết với nhiều loại hình dân ca khác trong cả nước như dân ca đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, dân ca của các dân tộc miền núi... Để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của quần chúng nhân dân ngày càng cao, Hát Văn đã du nhập và đồng hóa những yếu tố ngoại lai. Đó là những âm hưởng của các làn điệu như: Ngâm ngợi của thơ, Phú, Sa mạc, Bồng mạc, Lầy kiêu, Ca trù, Lý Nam Bộ v.v...

Như vậy, với những giá trị nghệ thuật độc đáo, phong phú và chức năng thực hành xã hội thể loại ca hát này đã, đang và mãi được nuôi dưỡng và ngày càng phát triển hợp với thị hiếu của thời đại. Chính điều này đã làm cho ngôn ngữ âm nhạc của Hát Văn ngày càng đa dạng và trở nên gần gũi với đời sống tinh thần của người dân.

3.1.5.3. Tính tích hợp và ngẫu hứng nghệ thuật

Giá đồng Ông Hoàng Mười là hình thức nghệ thuật tổng hợp, tích hợp giữa: âm nhạc, thơ ca, múa, sân khấu, trang phục, nghi lễ và mỹ thuật dân gian. Bản thân mỗi buổi hầu đồng là một “vũ trụ nghệ thuật” nơi người nghệ nhân (ông bà đồng) trở thành trung gian kết nối thế giới thần linh – trần tục.

Bên cạnh yếu tố nghi thức cố định, nghệ thuật trong giá đồng vẫn giữ được nét ngẫu hứng, linh hoạt theo không gian, thời gian, tâm thế của người hầu và cộng đồng tham dự. Đây chính là điểm khiến nghệ thuật giá đồng luôn sống động, đổi mới mà không mất đi tính nguyên hợp. Ví dụ: tín hiệu thiêng dễ nhận thấy Ông Hoàng Mười giáng đồng thường kèm theo các dấu hiệu như rung lắc, giọng xướng linh ứng với từng vị, mang màu sắc huyền diệu và góp phần củng cố niềm tin tín ngưỡng.

Hầu đồng là một hình thức nghi lễ có yếu tố trình diễn, nhưng không thuần túy là nghệ thuật sân khấu. Mỗi giá hầu đều là sự kết hợp giữa biểu cảm nghi lễ, âm nhạc và trang phục, nhưng cốt lõi vẫn là tính linh thiêng và lòng thành. “Thanh đồng là người diễn để nhớ ơn Thánh, nhưng cũng là người chịu trách nhiệm với từng lời văn, từng điệu múa. Không phải cứ đẹp là đúng” [Phỏng vấn 42].

Toàn bộ đặc trưng nghệ thuật của giá đồng Ông Hoàng Mười góp phần tạo dựng không gian thiêng vừa trang nghiêm vừa sinh động, thể hiện mối tương tác giữa tín ngưỡng và văn hóa dân gian, đồng thời chứng minh sức sống mạnh mẽ và tính sáng tạo của di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam trong đời sống hiện đại - nơi kết nối con người với thần linh bằng âm nhạc, thơ ca và cảm xúc.

3.2. Biểu tượng giá đồng Ông Hoàng Mười

Giá đồng Ông Hoàng Mười, với tư cách là một hình thái biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đặc biệt lại ở vùng đất quê hương Nghệ An, Hà Tĩnh, không chỉ mang giá trị tâm linh mà còn hàm chứa các giá trị văn hóa - nghệ thuật đặc sắc, có khả năng vận động và tái tạo mạnh mẽ trong bối cảnh xã hội đương đại. Những giá trị ấy được biểu hiện trên ba phương diện cơ bản: giá trị thẩm mỹ - nghệ thuật, giá trị biểu tượng - bản sắc, và giá trị cộng đồng - xã hội.

Thứ nhất, về phương diện thẩm mỹ - nghệ thuật, giá đồng là một thể loại nghệ thuật tổng hợp, kết tinh từ thi ca, âm nhạc, vũ đạo, mỹ thuật trang phục và đạo cụ nghi lễ. Lời văn châu thường sử dụng hình thức thơ lục bát, song thất lục bát, giàu hình tượng, ngôn ngữ hoa mỹ và có nhịp điệu nội tại.

Âm nhạc trong giá đồng mang sắc thái linh thiêng, kết hợp các làn điệu hát Văn như: điệu Dọc, chúc rượu, hò,... điều đó thể hiện sự đồng điệu giữa âm nhạc và trạng thái thần thánh giáng đồng.

Vũ đạo trong giá đồng không đơn thuần là động tác nghi lễ mà là biểu tượng của trạng thái linh ứng, thường sử dụng động tác múa cờ, múa kiếm, di chuyển tiến lui, sang ngang - tạo thành một ngôn ngữ hình thể độc đáo.

Trang phục và đạo cụ của từng giá được thiết kế theo nguyên tắc biểu tượng hóa thần linh: màu sắc tượng trưng cho Địa phủ - vàng/đất, đạo cụ như kiếm, quạt, cờ, bút... vừa là công cụ trình diễn, vừa là mã biểu trưng cho quyền năng và chức năng thiêng liêng. Hệ thống nghệ thuật này tạo thành một “sân khấu thiêng” - nơi hội tụ, phản ánh sự giao thoa giữa nghi lễ, biểu tượng và trình diễn văn hóa.

Sự kết hợp hài hòa, tinh tế các yếu tố nghệ thuật đã làm cho giá đồng Ông Hoàng Mười là một chỉnh thể biểu đạt riêng biệt, độc đáo, mang đặc trưng vùng Xứ Nghệ tạo nên phổ thẩm mỹ đa tầng trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

Thứ hai, giá đồng là nơi tái hiện các biểu tượng văn hóa - lịch sử - đạo đức của cộng đồng người Việt. Các vị Ông Hoàng nói chung, Ông Hoàng Mười nói riêng không đơn thuần là thần thánh, mà là những hiện thân mang tính mẫu mực: Hoàng Mười - hiện thân khai hóa, lập ấp. Vì thế, biểu tượng Hoàng Mười đã đi vào ký ức của dân gian người dân Xứ Nghệ - nơi kết tinh các giá trị đạo đức, anh hùng ca lịch sử và lý tưởng văn hóa trong cấu trúc thần linh.

Qua giá đồng Ông Hoàng Mười chúng ta thấy khả năng kiến tạo ký ức cộng đồng thông qua hình tượng thần thánh hóa các nhân vật lịch sử hoặc văn hóa địa phương, từ đó thiết lập một hệ thống biểu tượng có khả năng quy tụ niềm tin và lý tưởng đạo đức cộng đồng. Trong bối cảnh hiện đại, khi các hệ giá trị truyền thống đứng trước nguy cơ mai một hoặc đứt gãy, việc tái hiện giá đồng Ông Hoàng Mười trong các nghi lễ hầu đồng không chỉ là phục dựng tín ngưỡng mà còn là tái thiết bản sắc - một hình thức đối thoại giữa quá khứ - hiện tại, giữa thần thánh - con người, giữa biểu tượng - đời sống.

Thứ ba, về phương diện cộng đồng - xã hội, giá đồng có chức năng kết nối, có kết cộng đồng tín ngưỡng thông qua lễ thức thiêng liêng. Không gian hành lễ - từ đền phủ đến điện thờ tại gia - trở thành nơi quy tụ ký ức, cảm xúc, niềm tin và sự đồng cảm xã hội, tất cả những người có mặt tại buổi lễ dù là được mời hay không đều có tâm lý chung nhất tâm cung kính, nhiệt tình cổ vũ, động viên, khích

lệ thanh đồng hầu thánh vui tươi, đồng sang bóng đẹp. Nghệ nhân hầu đồng không chỉ là người trình diễn mà là cầu nối giữa thế giới hữu hình và vô hình, giữa cá nhân và cộng đồng. Việc trở thành thanh đồng hay đồng thầy không chỉ dựa vào mong muốn cá nhân mà thường gắn với khái niệm “căn số” – tức là sự gắn bó tiền định với một vị Thánh. “Thầy của tôi dặn rằng làm đồng là để phục vụ Thánh và giúp người. Ai lên hầu mà nghĩ là làm để nổi tiếng là sai căn rồi” [Phỏng vấn 9]. Họ vừa là người thực hành tín ngưỡng, vừa là người lưu giữ và chuyển tải văn hóa tâm linh. “Tôi theo căn Ông Mười, hành đạo 8 năm, nhưng năm đầu chỉ ngồi hầu thờ, mãi đến năm thứ ba mới mở phủ” [Phỏng vấn 10].

Các nghi lễ hầu đồng Ông Hoàng Mười thường gắn với các dịp lễ hội truyền thống như giỗ thánh, hội làng, khai xuân... góp phần tái tạo các vòng kết nối cộng đồng và khẳng định vai trò của tín ngưỡng trong hệ sinh thái văn hóa địa phương. Chính những người thực hành nghi lễ hầu đồng đóng vai trò cầu nối giữa nghi lễ truyền thống và công chúng đương đại, nhất là trên mạng xã hội. Họ là người chuyển tải hình ảnh nghi lễ một cách sinh động, dù đôi khi đứng giữa ranh giới mỏng manh giữa biểu diễn - thiêng liêng - thẩm mỹ.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới, giá đồng đang trở thành một dạng trình diễn di sản có khả năng tiếp cận với công chúng rộng lớn hơn. Các video hầu đồng được lan tỏa trên mạng xã hội; các lễ hội như Phủ Dầy, Đền Cũ, Đền Hoàng Mười thu hút du khách tâm linh trong và ngoài nước. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra vấn đề về dịch vụ thương mại, sân khấu linh thiêng và biến dạng nghi lễ. Việc bảo tồn giá đồng Ông Hoàng Mười trong bối cảnh này đòi hỏi một tiếp cận có chọn lọc, vừa khẳng định tính linh thiêng, vừa thích ứng với nhu cầu biểu đạt đương đại.

Như thế, chúng ta có thể thấy giá đồng Ông Hoàng Mười mang giá trị văn hóa - nghệ thuật đặc sắc, thể hiện sự kết tinh giữa tín ngưỡng dân gian và trình diễn dân gian. Trong bối cảnh hiện đại, nó không chỉ là một nghi lễ mà còn là một hình thức biểu đạt bản sắc, một loại hình nghệ thuật dân gian sống

động, có khả năng thích nghi và lan tỏa. Việc nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị của giá đồng Ông Hoàng Mười cần được đặt trong tổng thể hệ sinh thái văn hóa - tín ngưỡng - nghệ thuật đương đại Việt Nam, nhằm góp phần khẳng định vai trò của di sản văn hóa phi vật thể trong việc nuôi dưỡng căn tính và năng lực sáng tạo của cộng đồng.

Hình tượng Ông Hoàng Mười được biểu tượng hóa như vị thánh giữa đời và đạo, mang đặc trưng khí chất Xứ Nghệ: hào sảng, cứng rắn, uy linh và gắn bó với lòng dân. Các đặc trưng như màu sắc, văn chầu, đồ tế được xây dựng và duy trì theo thời gian.

Sự linh ứng, những trải nghiệm cá nhân và niềm tin của công chúng đã tạo nên trường nghĩa linh thiêng bền vững và mở rộng xu hướng tái kiến tạo hình tượng Ông Hoàng Mười trong truyền thông đương đại.

Ông Hoàng Mười là một hình tượng đa nghĩa, được kiến tạo qua diễn ngôn dân gian, truyền thuyết lịch sử, thực hành nghi lễ và ký ức cộng đồng.

Biểu tượng văn - võ song toàn: Ông hiện lên như người đại diện cho lý tưởng đạo đức, trí tuệ và lòng yêu nước. Hình tượng đề thơ dùng bút ngọc viết lên quạt, rồi Thánh du xuân tay quạt nhẹ nhàng trong giá đồng là một đặc điểm tạo nhĩa hiếm gặp, khẳng định thiên hướng văn chương trí tuệ, nho nhã.

Quạt đề thơ, quạt đề thơ

Chân Ông Hoàng Mười đi tản bộ

Đề bài thơ Lý Đỗ so kìm cổ anh hào

Bút pháp tinh anh tưu nhập thần

Hoàng gài quả kết văn cảnh xuân.

Trông lên đỉnh tháp non cao

Thấy Đức Hoàng Thập đang du xuân ở trên ngàn

Muôn dân đứng tựa thạch bàn

Xa nghe tiếng hát tiếng đàn thông reo.

(Hát văn giá Hoàng Mười tại đền Ông Hoàng Mười Nghệ An tối 23/3/2024)

Trường nghĩa địa phương hóa: Ông là biểu tượng của người Xứ Nghệ, có khí chất hiên ngang, thâm trầm, nhân hậu. Hình tượng ông gắn với các địa danh thiêng như núi Nam Giới, đền Chiêu Trưng, núi Quả Sơn, dòng sông Lam.

Ở ơ Ông Mười Ông nhủ rằng

Các ghé có biết rằng đền ông Hoàng Mười chứ lập ở nơi mô

Đền Quan Hoàng Mười lập ở chốn kinh đô

Gần cầu Bến Thủy bên bờ sông Lam.

... Ai vô Xứ Nghệ mà thời vô

Thành Vinh đã tới là tới Dinh đô Quan Hoàng Mười

Trong đền vàng nguy nga nhang khói bay văn đàn dăng tiếng ca

Cầu cho bách gia theo về

Nghênh đón Hoàng ngự đồng loan giá

Hoàng ban tài cho ghé ông

Cho chúng dân trong nam được bình an.

Biểu tượng hợp nhất giữa thần và người: Là vị thánh có nguồn gốc từ nhân vật lịch sử gồm Lý Nhật Quang, Lê Khôi, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc, nhưng được thần thánh hóa qua diễn ngôn tín ngưỡng. Ông vừa là quan lớn của triều đình, vừa là con Vua Cha Bát Hải Động Đình - phản ánh sự hòa trộn giữa yếu tố Phật - Nho - Đạo - tín ngưỡng dân gian [72, tr.141-156].

Giá trị biểu tượng trong cộng đồng: Đáng chú ý, trong một cuộc phỏng vấn với thủ nhang đền Cả (Hà Tĩnh), người thủ nhang cho biết: “Mười ở đây còn có ý nghĩa là sự đầy đặn, tròn vẹn; ông phù hộ cho vùng đất này nổi danh, sinh vi tướng, thác vi thần. Ông được Mẫu giao quản đất Phủ Dày, nên nơi nào có thờ Mẫu, nơi đó có thờ Quan Hoàng Mười” [Phỏng vấn 30]. Việc ông thường giảng hạ trong các buổi lễ thể hiện vị thế của ông trong tâm thức người dân. Ông là điểm tựa tâm linh cho tín đồ trong những giai đoạn xã hội biến động [Phỏng vấn 30-40].

Hiện tượng mở rộng diễn ngôn linh thiêng: Qua mạng xã hội, video hầu đồng, các bài hát châu văn hiện đại, hình tượng Ông Hoàng Mười được tái kiến

tạo trong bối cảnh đương đại, với vai trò là “vị thần gần dân”, bảo trợ cho trí tuệ - tài năng - may mắn.

Biểu tượng Ông Hoàng Mười là một hệ hình đa tầng phản ánh sự kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian, ký ức cộng đồng và diễn ngôn về quyền năng thiêng liêng trong xã hội. Trong nhiều trường hợp, nghi lễ hầu đồng gắn liền với hành trình chữa lành hoặc tìm kiếm sự cứu rỗi tinh thần. “Trước khi ra hầu, tôi mất ngủ mấy tháng, đi đâu cũng thấy ông Mười hiện về trong mơ. Sau mở phủ thì nhẹ lòng, bớt bệnh” [Phỏng vấn 14]. Có trường hợp người tham gia nghi lễ để giải tỏa khủng hoảng tâm lý hoặc tìm sự thanh thản. “Có người tưởng bị trầm cảm nhưng lại là bị căn, đi hầu xong thì khỏi – đó là tâm linh chữa tâm lý chứ gì” [Phỏng vấn 8]. Từ đó cho thấy vai trò của tín ngưỡng không chỉ nằm ở ý nghĩa văn hóa – xã hội mà còn như một liệu pháp trị tâm bệnh.

Trên phương diện biểu tượng học, Ông Hoàng Mười không đơn thuần là một thánh thần trong hệ thống điện thần Tam phủ, mà còn là điểm quy tụ của các giá trị văn hóa - lịch sử - tâm linh của vùng Xứ Nghệ.

Hình tượng Ông Hoàng Mười được cấu tạo từ chuỗi biểu tượng phức hợp: áo màu vàng tượng trưng cho quyền lực và đức độ; bút lông - biểu trưng của trí tuệ, học vấn; ngựa trắng - biểu tượng thanh liêm và khí phách. Hành vi bút đề thơ lên quạt trong giá hầu không chỉ là trình thức nghệ thuật mà còn là nghi lễ thiêng biểu đạt năng lực siêu nhiên, văn võ toàn tài của vị thánh.

Trường nghĩa linh thiêng của Ông Hoàng Mười được duy trì và tái tạo thông qua các thực hành nghi lễ, văn chầu, truyền thuyết và lời kể dân gian. Nhân dân địa phương tin rằng ông là vị thần che chở, phù trợ thi cử, sự nghiệp và sức khỏe. Trong các mâm lễ dâng cúng Ông Hoàng Mười thường có thêm sỏ, vớ, bút, khác hẳn với các vị thánh trong thờ Mẫu Tam phủ. Đặc biệt, Ông được xem là vị Quan “gần dân”, dễ hiển linh, có khả năng thấu hiểu tâm nguyện của người hành lễ: “Xuôi ngược nẻo Đông đường Tây, bước chân đi Quan Hoàng đưa lối dắt tay tìm đường”. Chính điều này tạo nên sức hấp dẫn bền

vững của ông trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đương đại.

Bên cạnh đó, biểu tượng Ông Hoàng Mười không ngừng được tái tạo qua các hình thức nghệ thuật và phương tiện truyền thông hiện đại: từ tranh thờ, tượng pháp, bản văn châu đến video lễ hội, livestream hầu đồng.

Trước sự phổ biến của mạng xã hội, nhiều nghi lễ được truyền phát trực tiếp hoặc quay clip ngắn. Điều này giúp quảng bá rộng rãi hơn, nhưng cũng đặt ra vấn đề về ranh giới linh thiêng - thương mại. “Có người hầu để quay TikTok, có người hầu vì Ông bắt. Cái tâm sẽ phân biệt thật - giả” [Phỏng vấn 11].

Những phương tiện này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận của hình tượng Ông Hoàng Mười, đồng thời đặt ra những thách thức mới về bảo tồn tính linh thiêng, giới hạn thiêng - tục trong xã hội hiện đại.

Việc phân tích trường nghĩa linh thiêng của Ông Hoàng Mười, vì vậy, không thể tách rời khỏi ngữ cảnh xã hội - văn hóa cụ thể của cộng đồng. Từ góc nhìn văn hóa học, đây là quá trình thương thuyết biểu tượng giữa các cấp độ quyền lực: nhà nước - cộng đồng - thanh đồng - công chúng đương đại. Mỗi chủ thể đều góp phần định nghĩa lại hình tượng Ông Hoàng Mười trong những bối cảnh xã hội khác nhau, tạo nên một trường biểu tượng linh hoạt, giàu tính diễn ngôn và liên tục vận động. Trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, nghi lễ hầu đồng là sự thăng hoa của niềm tin, nơi văn hóa và tâm linh gặp nhau, tạo nên một không gian vừa linh thiêng vừa nghệ thuật. Người thực hành không chỉ là nghệ sĩ tâm linh, mà còn là người kiến tạo ký ức cộng đồng qua từng điệu múa, lời văn và nét mặt trong nghi lễ...

Tiểu kết

Thực hành nghi lễ thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ diễn ra phong phú trong sinh hoạt thường nhật và các dịp lễ hội, với sự tham gia của nhiều chủ thể như cộng đồng con nhang đệ tử, cư dân địa phương, ban quản lý di tích, chính quyền sở tại và du khách thập phương. Dù hình thức lễ vật giản dị hay cầu kỳ,

các thực hành này đều thể hiện sự thành tâm và niềm tin vào sự che chở của các vị thánh đối với đời sống cá nhân và cộng đồng.

Trong hệ thống thờ Mẫu Tam phủ, Ông Hoàng Mười mang dấu ấn vùng miền rõ nét, được nhận diện như biểu tượng tinh thần tiêu biểu của Xứ Nghệ. Theo truyền thuyết và văn chầu, ngài hiện lên là bậc quan văn tài hoa, có năng lực trừ tà, giúp dân dẹp loạn, kết hợp hài hòa giữa uy nghi và gần gũi. Hình tượng này không chỉ mang ý nghĩa nghi lễ mà còn là biểu tượng cộng đồng, gắn chặt với không gian xã hội và ký ức địa phương.

Nghi lễ hầu đồng và giá đồng Ông Hoàng Mười vì thế là một chỉnh thể văn hóa – tâm linh, đồng thời là không gian nghệ thuật tổng hợp, nơi cộng đồng tái hiện biểu tượng, gửi gắm khát vọng và căn tính văn hóa. Đây là một dạng di sản văn hóa phi vật thể có giá trị, cần được bảo vệ và phát huy phù hợp với tinh thần Công ước 2003 của UNESCO.

Trong bối cảnh hiện nay, chính quyền địa phương ngày càng giữ vai trò tác nhân văn hóa, tham gia tổ chức, quản lý và quảng bá di tích theo cơ chế “thương thảo nghi lễ”, góp phần định hình mô hình thực hành tín ngưỡng thích ứng với yêu cầu phát triển bền vững mà vẫn bảo tồn bản sắc địa phương.

Ba ngôi đền thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ không chỉ là trung tâm hành hương quan trọng trong hệ thống thờ Mẫu Tam phủ, mà còn là không gian linh thiêng tiêu biểu của vùng ven sông Lam, nơi sự kết hợp giữa địa linh – nhân kiệt, truyền thuyết dân gian và ký ức cộng đồng đã kiến tạo nên giá trị biểu tượng bền vững của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười.

Chương 4

BIẾN ĐỔI THỰC HÀNH, GIÁ TRỊ VÀ BÀN LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MƯỜI

4.1. Biến đổi không gian thờ tự và nghi lễ

Từ sau năm 2016 - mốc đánh dấu sự kiện UNESCO ghi danh *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - hệ thống thờ Ông Hoàng Mười tại Xứ Nghệ có những biến đổi đáng chú ý về không gian thờ tự, cấu trúc nghi lễ và mức độ phổ cập trong xã hội đương đại.

Sự biến đổi trong không gian thờ tự và nghi lễ về Ông Hoàng Mười không chỉ thể hiện qua kiến trúc và lễ hội, mà còn nằm trong cách cộng đồng hiện đại tiếp cận, thực hành và lan tỏa giá trị tâm linh gắn liền với vị Thánh này. Thay vì giới hạn trong không gian đền phủ truyền thống, nghi lễ thờ Ông Hoàng Mười đã mở rộng ra các studio, sân khấu nghệ thuật, thậm chí không gian mạng như livestream, video TikTok, fanpage Facebook.

Một đồng nhân chia sẻ: “Có những người chưa có điều kiện ra đền nhưng vẫn tổ chức lễ Ông Mười tại nhà, hoặc hầu online qua Zoom, vẫn đầy đủ nghi thức” [Phỏng vấn 21]. Điều này cho thấy tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười có khả năng thích ứng cao với bối cảnh xã hội đương đại, mà không làm mất đi sự tôn nghiêm vốn có.

Bên cạnh đó, các yếu tố lễ nghi như trang phục, lễ vật, nghi thức dâng sớ, rước kiệu... cũng có sự thay đổi tùy theo điều kiện kinh tế và thị hiếu thẩm mỹ của chủ thể thực hành. “Ngày nay người hầu có thể thuê đồ ở studio, chuẩn bị đồ lễ theo gói combo - miễn sao thành tâm là được” [Phỏng vấn 33]. Sự linh hoạt này giúp nhiều người có cơ hội tiếp cận nghi lễ hơn, nhất là giới trẻ ở đô thị.

Tuy nhiên, những biến đổi này cũng khiến không gian thờ tự truyền thống đối mặt với các thách thức. Nhiều thanh đồng phản ánh về hiện tượng “sân khấu hóa” nghi lễ: “Có bạn mặc trang phục hầu giá đi catwalk ở sự kiện

thời trang, gây phản cảm vì không đúng không gian” [Phỏng vấn 45]. Căng thẳng giữa bảo tồn bản sắc và thích ứng hiện đại luôn hiện diện trong mọi thay đổi không gian tín ngưỡng.

Chính vì vậy, việc bảo tồn không gian thờ tự truyền thống – như đền Ông Hoàng Mười/Mỏ Hạc linh từ, Đền Chợ Củi, Đền Cả/Dinh Đô – vẫn đóng vai trò trung tâm trong duy trì tính linh thiêng và ký ức cộng đồng. Nhưng không gian số, nếu được dẫn dắt bằng hiểu biết và lòng thành, cũng có thể trở thành phần mở rộng của không gian linh thiêng đó.

4.1.1. Đền thờ Ông Hoàng Mười tại tỉnh Nghệ An

Đền thờ Ông Hoàng Mười tại xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An là một trong những trung tâm tín ngưỡng nổi bật trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt. Không gian này vừa là nơi thờ tự linh thiêng, vừa là một thiết chế văn hóa mang tính cộng đồng sâu sắc, gắn liền với ký ức lịch sử và tiến trình thần thánh hóa một danh nhân văn hóa – lịch sử vùng Xứ Nghệ. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, đền Ông Hoàng Mười đã trở thành điểm kết nối giữa cộng đồng thực hành, chính quyền địa phương và các thiết chế văn hóa đương đại.

Theo các tài liệu lịch sử và truyền thuyết dân gian, Ông Hoàng Mười được xem là hóa thân linh thiêng của danh tướng Lê Khôi (1400 -1446), người từng có công lớn trong việc trấn giữ vùng biên viễn Nghệ Tĩnh. Sau khi tử trận tại cửa biển Nam Giới (Hà Tĩnh), ông được nhân dân lập đền thờ và thần hóa trong hệ thống điện thần Tứ phủ với danh xưng Ông Hoàng Mười.

Đền Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh được trùng tu nhiều lần - đặc biệt là năm 1995 - đánh dấu sự tái khẳng định vai trò không gian thiêng gắn với cộng đồng cư dân địa phương ngày càng khang trang. “Đền Mỏ Hạc mỗi năm mở hội lớn, dân Nghệ An tin rằng hễ ra đó dâng sớ thì ông Mười sẽ cho chữ, cho lộc” [Phỏng vấn 5]. Vai trò của di tích này vượt khỏi không gian vật lý, trở thành một biểu tượng cộng đồng về lòng biết ơn, tín ngưỡng và niềm tin lịch sử.

Trước đây, lễ hội tại đền chủ yếu do cộng đồng tự tổ chức dưới hình thức dân gian tự quản, trong đó vai trò trung tâm thuộc về các thủ nhang, dòng họ thờ tự và các thanh đồng địa phương. Cấu trúc tổ chức lễ hội thời kỳ này mang tính mềm dẻo, linh hoạt, phản ánh đời sống tâm linh truyền thống nơi tín ngưỡng được gìn giữ bằng tri thức dân gian và lòng tin cộng đồng.

Tuy nhiên, kể từ sau năm 2016 – mốc đánh dấu sự ghi nhận và chính danh quốc tế của các thực hành thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ khi được UNESCO ghi danh – và đặc biệt là từ năm 2019, khi lễ hội đền Ông Hoàng Mười được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, hoạt động tín ngưỡng tại đền đã bước vào một giai đoạn thiết chế hóa rõ nét. Theo đó, mô hình tổ chức lễ hội từng mang tính tự phát trong cộng đồng dần được chuyển sang hình thức bán chính thức, và hiện nay phát triển theo mô hình quản trị đồng kiến tạo, với sự tham gia phối hợp của nhiều chủ thể như UBND huyện Hưng Nguyên, Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa huyện, Ban Quản lý di tích cùng các tổ chức đoàn thể địa phương.

Trong bối cảnh này, lễ hội không còn được tổ chức đơn lẻ hay phân tán, mà được xây dựng theo kịch bản tổng thể, từng bước chuyên nghiệp hóa các khâu từ nghi lễ, phân hội đến công tác truyền thông, bảo đảm an ninh, y tế và vệ sinh môi trường. Quá trình thiết chế hóa này vừa phản ánh sự thay đổi trong cách thức quản lý và thực hành tín ngưỡng, vừa cho thấy nỗ lực dung hòa giữa bảo tồn giá trị thiêng và yêu cầu tổ chức lễ hội phù hợp với bối cảnh hiện đại.

Cấu trúc lễ hội hiện nay được duy trì ổn định với ba hợp phần chính: (1) phần lễ truyền thống - bao gồm cáo yết, rước thánh, đại tế và nghi thức hầu đồng; (2) phần hội - gồm các hoạt động văn hóa nghệ thuật như hát ví giặm, trưng bày sản vật địa phương, thi đấu thể thao, trò chơi dân gian; (3) phần lễ hành chính - chính trị - với sự tham dự và phát biểu của lãnh đạo các cấp, lễ dâng hương tập thể và các nghi thức truyền thông chính thống. Các phần nghi lễ được quy chuẩn hóa, dàn dựng bài bản, kết hợp hệ thống âm thanh, ánh sáng,

màn hình LED hiện đại, livestream trên mạng xã hội và truyền hình địa phương.

Điểm nổi bật là mức độ sân khấu hóa và du lịch hóa không gian lễ hội ngày càng tăng. Các nghi lễ không chỉ là thực hành tâm linh mà còn trở thành “sản phẩm trình diễn văn hóa” phục vụ truyền thông và du lịch. Dưới tác động của truyền thông số, lễ hội được quảng bá rộng rãi, thu hút hàng vạn du khách mỗi năm. Các nghi thức được mã hóa và trình bày như một kịch bản sân khấu, từ màn rước thánh, múa hầu đồng, đến phần biểu diễn văn nghệ dân gian và trình chiếu phim tài liệu về Ông Hoàng Mười trên màn hình lớn.

Các nghi lễ được dàn dựng công phu, sử dụng hệ thống âm thanh, ánh sáng hiện đại, màn hình LED, sân khấu mở, livestream toàn bộ nghi lễ trên nền tảng số như YouTube, Facebook, Zalo... Đặc biệt, từ năm 2022, tỉnh Nghệ An triển khai chiến dịch truyền thông “*Tháng 10 về với đền Ông Hoàng Mười*” với các hoạt động như lễ rước trực tuyến, video châu văn, phim tài liệu và tọa đàm truyền hình, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ đến công chúng trong và ngoài nước.

Trên YouTube, nền tảng lưu trữ video dài hơi và có chiều sâu, đóng vai trò như một kho tư liệu sống động về tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười. Nổi bật là video “Mừng 1 nghe Hoài Thanh Hát Văn Quan Hoàng Mười” với hơn 3,7 triệu lượt xem dù đã được đăng tải gần 6 năm, vẫn liên tục được cộng đồng tìm xem, nghe. Những clip như “Độc ca Hoài Thanh hát văn Ông Hoàng Mười” hay “Trình diễn nghệ thuật Giá Ông Hoàng Mười” cũng lần lượt thu hút hàng chục nghìn lượt xem, góp phần gìn giữ nghi lễ qua không gian số.

Ngoài ra, trên TikTok, nơi ưu tiên nội dung ngắn, trực quan và giàu cảm xúc, các video về Quan Hoàng Mười đã tạo được sức hút nổi bật là clip “Hát Văn Quan Hoàng Mười” của tài khoản @mehatvan thu hút 70,3 nghìn lượt thích và 1.544 bình luận, 2426 lượt chia sẻ (ngày 23/8/2023). Điều đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến âm nhạc nghi lễ và nghệ thuật hát châu văn của cộng đồng. Tài khoản @hoaithanh_official với video “Hát Văn Ông Hoàng Mười” nhận 40 nghìn lượt yêu thích, 1166 bình luận, 3110 lượt chia sẻ (ngày 06-9-

2024), đã phản ánh sự quan tâm, yêu thích của cộng đồng. Việc đưa các giá hâu lên TikTok không chỉ dừng lại ở việc trình diễn mà còn là sự lan tỏa, cầu nối dẫn dắt người trẻ vào chiều sâu tâm linh.

Trên Facebook và Instagram, tín ngưỡng Ông Hoàng Mười được cộng đồng hóa rõ nét thông qua các fanpage như “Đền Ông Hoàng Mười Xứ Nghệ” với hơn 155 nghìn lượt thích, thường xuyên đăng tải hình ảnh, livestream các buổi lễ, kêu gọi cộng đồng hành hương và chia sẻ cảm xúc cá nhân. Những đoạn video ngắn (Reels/Stories) ghi lại cảnh múa cờ, đề thơ du xuân, hầu đồng với chất lượng hình ảnh tốt, âm thanh sống động cũng dễ dàng lan truyền nhờ tính kết nối cảm xúc mạnh mẽ... Như vậy, với hệ thống công nghệ thời đại số 4.0 đã góp phần lan tỏa, quảng bá những hình ảnh đẹp đẽ, những giá trị nghệ thuật độc đáo, giá trị đạo đức, lịch sử, văn hóa tâm linh thiêng của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung và Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười Xứ Nghệ nói chung đến cộng đồng.

Tuy nhiên, sự chuyên nghiệp và tổ chức quản lý hành chính của chính quyền địa phương cũng đặt ra những thách thức về ranh giới giữa thiêng và tục, giữa thực hành tín ngưỡng và trình diễn nghệ thuật. Một số nghi thức có nguy cơ mất đi tính linh hoạt vốn có, khi bị ràng buộc vào kịch bản tổ chức sự kiện. Vai trò của các thanh đồng, thủ nhang và cộng đồng cư dân gốc - những người nắm giữ tri thức di sản - có nguy cơ bị đẩy về phía sau sân khấu biểu tượng, nhường chỗ cho các thiết chế hành chính và truyền thông chính thống.

Từ góc nhìn văn hóa học, lễ hội Ông Hoàng Mười là một điển hình của mô hình quản trị di sản đa tác nhân (multi - stakeholder governance), trong đó các chủ thể như nhà nước, cộng đồng, truyền thông, doanh nghiệp cùng tham gia kiến tạo không gian lễ hội. Sự tham gia này không chỉ diễn ra ở cấp tổ chức mà còn thể hiện ở cấp ý nghĩa - tức là mỗi nhóm chủ thể đều góp phần định nghĩa lại giá trị, bản sắc và mục tiêu phát triển của di sản. Chính điều này đã tạo nên sự linh hoạt, thích ứng cao cho không gian lễ hội.

Khả năng giữ vững cấu trúc nghi lễ trong khi điều chỉnh hình thức tổ chức phản ánh năng lực tự tái tạo của di sản sống - một khái niệm trung tâm trong lý thuyết di sản ứng dụng đương đại [150]. Lễ hội Ông Hoàng Mười có thể được xem là một “cấu trúc động” nơi truyền thống được tái diễn và thích nghi với bối cảnh xã hội hiện đại. Thông qua việc duy trì các giá hầu Ông Hoàng Mười đặc trưng như múa cờ, đề thơ du xuân, áo vàng thêu hoa văn Xứ Nghệ, hát văn với nội dung ca ngợi tài năng văn võ song toàn,... cộng đồng cư dân vẫn gìn giữ được hồn cốt tín ngưỡng trong không gian đang bị hiện đại hóa.

Việc đền Ông Hoàng Mười trở thành điểm đến văn hóa - tâm linh không chỉ củng cố vai trò của di tích trong đời sống đương đại, mà còn góp phần định hình lại cấu trúc không gian thiêng của vùng đất Nghệ An, Hà Tĩnh. Đền trở thành thiết chế văn hóa “lai ghép”[151], nơi hội tụ của lễ nghi, truyền thống, du lịch và giáo dục văn hóa. Điều này đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản trị di sản: làm sao để vừa giữ được tính thiêng, tính cộng đồng, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững và hội nhập quốc tế?.

Đáng chú ý là sự tham gia ngày càng rõ nét của truyền thông số và các chiến lược quảng bá du lịch trong việc định hình hình ảnh Ông Hoàng Mười như một biểu tượng di sản. Các hình thức như livestream, clip tư liệu, phóng sự truyền hình, bài viết quảng bá trên mạng xã hội, lễ rước trực tuyến, v.v... đã giúp tăng tính lan tỏa và phổ biến của lễ hội, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh đền Ông Hoàng Mười như một điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh hiện đại. Điều này thể hiện tính thích ứng cao độ của di sản trong kỷ nguyên truyền thông và số hóa.

Tóm lại, quá trình chính danh đền Ông Hoàng Mười là một tiến trình đa chiều, vừa mang tính pháp lý - hành chính, vừa mang tính biểu tượng - tâm linh, phản ánh sự vận động linh hoạt của di sản trong bối cảnh xã hội đương đại. Di tích này không chỉ là nơi thờ phụng Ông Hoàng Mười - vị thánh biểu tượng cho trí tuệ, nghĩa khí và bản sắc người Nghệ - mà còn là minh chứng sinh động cho cách một không gian tín ngưỡng dân gian có thể thích ứng và tái định

vị trong bối cảnh hiện đại. Đây là bài học quan trọng cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

4.1.2. Đền Chợ Củi

Đền Chợ Củi thờ tam tòa Thánh Mẫu; Ông Hoàng Mười - vị danh tướng được thờ trong thượng điện và ban thờ riêng tại trung điện. Bên cạnh đó, đền còn thờ các vị thánh khác trong hệ thống Mẫu Tam phủ phản ánh sự giao thoa giữa tín ngưỡng Mẫu Tam phủ và thờ anh hùng dân tộc. Sự tích hợp này góp phần định hình đền Chợ Củi như một “điện thiêng mở rộng”, nơi quy tụ nhiều lớp văn hóa tâm linh Việt.

Trải qua thời gian, ngôi đền nhiều lần được trùng tu lớn vào các năm 1990, 2003 và 2018 - 2020, do chính quyền địa phương phối hợp với cộng đồng công đức. Quá trình trùng tu đảm bảo nguyên tắc giữ gìn kiến trúc truyền thống bằng vật liệu bản địa như gỗ lim, đá xanh, ngói mũi hài - góp phần bảo tồn tính chất nguyên bản của công trình.

Ngày nay, đền Chợ Củi trở thành điểm đến tâm linh - du lịch hấp dẫn, đặc biệt vào dịp lễ giỗ Ông Hoàng Mười (10 tháng 10 âm lịch). Với giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng tiêu biểu, đền đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa Quốc gia từ năm 1993.

Về di tích đền Chợ Củi, quá trình trông coi di tích trải qua thời gian có những thay đổi, cụ thể trước đây, các gia đình trong cộng đồng cư dân trực tiếp trông nom, tu sửa và quản lý. Gia đình thủ từ cho biết, trước năm 2023, khi gia đình đảm nhiệm quản lý trông coi đền, vào các ngày kỵ (ngày giỗ) của các vị Thánh, gia đình thủ từ có chuẩn bị các lễ chay như: hoa, bánh, trái cây, chè, thuốc, trầu cau... lễ mặn (như xôi gà) dâng cúng tại các ban, điện thờ ví dụ như ngày: 03 tháng 3 âm lịch - ngày kỵ của Mẫu Liễu Hạnh; Ngày 20 tháng 8 âm lịch - ngày kỵ của Đức Thánh Trần Triều; Ngày 10 tháng 10 âm lịch - ngày kỵ của Ông Hoàng Mười... Ngoài ra còn có ngày kỵ của ngũ vị tôn Quan, hay Ông Hoàng Bảy...

Từ ngày 15 tháng 1 năm 2024, toàn bộ quyền quản lý, từ cung cấm, mở khóa hòm công đức, phân phối lịch hành lễ đều được chuyển giao cho Ban Quản lý Dịch vụ công ích và các điểm du lịch. Gia đình thủ từ dù không còn vai trò chính thức, họ vẫn giữ mối liên hệ phi chính thức với các đoàn khách thân quen, thực hiện hỗ trợ trung gian trong một số thủ tục đăng ký lễ với Ban Quản lý.

Năm 2024 đến tháng 3 năm 2025, ban quản lý di tích đã xây dựng và tổ chức thực hiện theo kế hoạch lễ giỗ Mẫu ngày 3 tháng 3 âm lịch, giỗ Đức Thánh Trần Triều ngày 20 tháng 8 âm lịch, và ngày giỗ Ông Hoàng Mười ngày 10 tháng 10 âm lịch. Trong đó lễ giỗ Ông Hoàng Mười năm 2024 tại đền Chợ Củi (Hà Tĩnh) diễn ra từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 11 dương lịch (tức mùng 5 đến 10 tháng 10 âm lịch) rất quy mô. Đánh dấu cột mốc chuyển đổi căn bản trong mô hình tổ chức: từ quản lý truyền thống bởi gia đình thủ từ sang một hệ thống hành chính hóa do chính quyền địa phương điều phối. Theo Kế hoạch số 274/KH-UBND của UBND huyện Nghi Xuân, giao cho các đơn vị thực hiện lễ giỗ: UBND huyện, các phòng ban và các đơn vị có liên quan.

Cấu trúc lễ giỗ gồm ba phần chính.

Phần lễ: Bao gồm lễ khai mạc, lễ rước nước, lễ tế Tiên thường, và đại lễ chính giỗ Ông Hoàng Mười vào ngày 10 tháng 10 âm lịch, lễ rước kiệu Hoàng. Nghi thức được thực hiện theo truyền thống với sự tham gia của đội nội tự, các thầy lễ và đại diện chính quyền, nhấn mạnh tính trang nghiêm và chính danh của không gian linh thiêng.

Phần hội: Tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao - cộng đồng như thi mâm lễ đẹp, giao lưu văn nghệ, kéo co, bóng chuyền nữ và trưng bày sản vật địa phương.

Phần tâm linh: Kết hợp tín ngưỡng và quảng bá văn hóa như tổ chức tour du thuyền sông Lam, thưởng thức hát chầu văn, giao lưu nghệ nhân dân gian và trình diễn nghi thức hầu đồng.

Tám tiểu ban được thành lập để điều phối hoạt động gồm: hậu cần, an

ninh, lễ nghi, truyền thông, tài chính, lễ tân - hướng dẫn, y tế, và vệ sinh môi trường. Mỗi tiểu ban đều có đầu mối phụ trách, đảm bảo triển khai toàn diện và phối hợp chặt chẽ. Sự phân tách và chuyên môn hóa các khâu cho thấy quá trình “hành chính hóa nghi lễ” - hiện tượng phổ biến trong quản lý tín ngưỡng đương đại.

Khác với giai đoạn trước năm 2024 khi lễ giỗ mang tính tự phát, phụ thuộc vào uy tín cá nhân của gia đình anh H - thủ nhang cũ - mô hình mới mang lại sự minh bạch về tài chính, sự chuẩn hóa trong hành lễ và điều tiết trật tự an ninh cộng đồng hành hương.

Theo khảo sát thực địa từ ngày 09 -11 tháng 11 năm 2024, phần lớn các đoàn hành hương - đến từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nội - đều bày tỏ sự hài lòng với cách tổ chức bài bản và minh bạch. Đoàn ông L.Đ.D (Thanh Hóa) với 35 thành viên, trong đó có 30 người dân ngựa, được hỗ trợ đăng ký lễ, phân khu cụ thể và tiếp cận dễ dàng với không gian thiêng. Việc đăng ký trước, cấp thẻ, phân khu hành lễ rõ ràng tạo điều kiện công bằng và trật tự, song một số tín đồ lâu năm vẫn cho rằng điều này làm giảm tính linh hoạt và tính “thiên nhiên” của không gian thờ cúng.

Khoảng 60 thầy lễ hoạt động thường xuyên tại đền được Ban Quản lý xét tuyển, cấp thẻ và phân công vị trí cụ thể theo từng ban lễ. Một ngày trung bình có khoảng 10 đoàn đăng ký vắng hầu. Hệ thống kiểm soát này giúp giảm thiểu tình trạng chen lấn, xô đẩy hay “lễ giả”, đồng thời tạo cảm giác trang nghiêm, chuẩn mực.

Những cải cách trong quy định hành lễ cũng đáng chú ý: việc đốt vàng mã được nhắc nhở hạn chế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường; cung cấm chỉ cho phép vái vong; trang phục lễ nghi được khuyến nghị theo hướng giản dị, tránh phô trương. Các yếu tố này phản ánh chủ trương quản lý lễ hội dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững và bảo vệ di sản phi vật thể [49].

Từ góc độ lý thuyết văn hóa học, lễ giỗ Ông Hoàng Mười năm 2024 có

thể được hiểu như một trường hợp điển hình của “thương thảo nghi lễ” - nơi các bên liên quan cùng tham gia vào quá trình tái định hình không gian linh thiêng. Từng bước phục dựng và xây dựng thành lễ hội. Mô hình mới góp phần chuyển hóa các nghi lễ truyền thống để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện đại [95]; [105] mà vẫn bảo vệ được giá trị bản sắc và cộng cảm cộng đồng.

Như vậy, lễ giỗ Ông Hoàng Mười tại đền Chợ Củi năm 2024 không chỉ là một sự kiện tín ngưỡng - văn hóa, mà còn là một mô hình tham chiếu quan trọng trong nghiên cứu về sự tương tác giữa nhà nước và cộng đồng trong quản lý di sản tinh thần tại Việt Nam đương đại.

Sự chuyển đổi mô hình tổ chức lễ giỗ Ông Hoàng Mười tại đền Chợ Củi không thể tách rời khỏi vai trò điều phối, giám sát và kiến tạo chính sách của các cấp chính quyền Hà Tĩnh, từ tỉnh đến huyện và xã. Diễn trình này phản ánh xu hướng “chính thể hóa” trong hoạt động tín ngưỡng dân gian - tức sự chuyển hóa các thực hành linh thiêng từ hình thức tự trị cộng đồng sang quản lý theo mô hình hành chính - trong bối cảnh hiện đại hóa và du lịch hóa di sản văn hóa phi vật thể [132, tr.31].

Trước hết, UBND huyện Nghi Xuân đóng vai trò trung tâm trong quá trình chỉ đạo liên ngành. Là cơ quan ban hành kế hoạch tổ chức lễ giỗ hàng năm (Kế hoạch 274/KH-UBND), huyện vừa là chủ thể hành chính, vừa là điều phối viên chính trị - văn hóa. UBND huyện chịu trách nhiệm thành lập Ban Tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các tiểu ban chuyên môn, và huy động các cơ quan trực thuộc như Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Truyền thông, Công an huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch nhằm đảm bảo tính thống nhất trong thực thi. Điều này phản ánh logic của “quản trị nhà nước theo mạng lưới” (network governance), nơi các thiết chế phối hợp liên ngành trong quản lý di sản [153, tr.94].

Tiếp đến, UBND xã Xuân Hồng - cấp chính quyền nơi đền tọa lạc - đóng vai trò thực thi tại chỗ. Cán bộ văn hóa xã chịu trách nhiệm phối hợp giám sát

lễ giỗ, đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường, và điều tiết hoạt động cộng đồng trong suốt quá trình diễn ra nghi lễ. Họ đồng thời là cầu nối giữa cơ quan điều hành cấp trên và cộng đồng thực hành tín ngưỡng tại địa phương, thể hiện đặc điểm của một thiết chế “văn hóa trung gian”.

Đơn vị trực tiếp thực thi quản lý là Ban Quản lý Di tích - Dịch vụ công ích và Du lịch huyện Nghi Xuân. Theo phỏng vấn ngày 09 tháng 11 năm 2024, đơn vị này có 35 nhân sự (trong đó 5 làm hành chính chuyên trách), chịu trách nhiệm toàn bộ từ mở, khóa đền, mở hòm công đức, kiểm tra thầy lễ, cho đến xét duyệt đăng ký văn hầu. Cấu trúc tổ chức này thể hiện rõ mô hình “chuyên môn hóa quản lý tín ngưỡng” - trong đó nhà nước chủ động kiểm soát quyền lực thiêng theo hướng hành chính hóa và minh bạch hóa.

Ngoài ra, lực lượng công an huyện và xã được huy động để đảm bảo an toàn, phân luồng giao thông, xử lý tình huống phát sinh, và giám sát hoạt động đốt vàng mã. Việc này cho thấy chính quyền không chỉ can thiệp ở cấp độ văn hóa - nghi lễ, mà còn ở cấp độ trật tự - pháp luật, tái khẳng định vai trò kiểm soát không gian thiêng như một phần của không gian công cộng.

Từ góc nhìn văn hóa học, các cấp chính quyền Hà Tĩnh đã và đang trở thành những “tác nhân văn hóa” (cultural agents) - không chỉ đơn thuần là nhà quản lý hành chính mà còn là chủ thể tích cực trong việc định hình lại cấu trúc thực hành tín ngưỡng, nội dung nghi thức và phong cách hành hương. Điều này đặt ra câu hỏi về vai trò nhà nước trong việc tái cấu trúc tín ngưỡng địa phương là bảo tồn phát triển, là nâng cấp hay thay thế? Thực tế cho thấy chính quyền địa phương đã dần chuyên nghiệp hóa hoạt động tổ chức, quản lý và quảng bá di tích, biến lễ giỗ Ông Hoàng Mười thành một sự kiện văn hóa - du lịch có tầm vóc vùng miền. Sự tham gia của chính quyền không xóa bỏ bản sắc tín ngưỡng địa phương, mà thông qua quá trình “thương thảo nghi lễ” (ritual negotiation), đã góp phần tạo dựng một mô hình thực hành linh thiêng thích ứng với yêu cầu của phát triển bền vững và hiện đại hóa không gian văn hóa [153], [132, tr.31].

Mô hình tổ chức quản lý mới, việc điều phối minh bạch, chuyên nghiệp đã góp phần tạo nên không gian di tích linh thiêng, trang nghiêm. Đây là bước ngoặt quan trọng trong việc thể chế hóa và chuyên nghiệp hóa công tác quản lý di tích, đặc biệt với những không gian tín ngưỡng có tính thiêng sâu sắc như đền Chợ Củi.

Sự chuyển đổi mô hình quản lý nhà nước, các hoạt động của đền do Ban Quản lý Dịch vụ công ích và các điểm du lịch quản lý, tổ chức. Ban quản lý đền kết hợp với chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể tổ chức lễ giỗ theo đúng truyền thống của đền trước đây, quy mô tổ chức cấp huyện. Đây là sự biến đổi cấu trúc nghi lễ và các hình thức tái thiết quyền lực, tính thiêng và cộng đồng trong không gian tín ngưỡng đương đại.

Từ góc nhìn văn hóa học, có thể nhận thấy rằng sự chuyển đổi mô hình quản lý này không chỉ là một hành động hành chính đơn thuần, mà còn là biểu hiện cụ thể của quá trình “nghi lễ hóa thể chế” - nơi nhà nước can thiệp để tái cấu trúc không gian thiêng nhằm phù hợp với các tiêu chuẩn hiệu quả và hài hòa với mục tiêu phát triển du lịch tâm linh - văn hóa địa phương. Mô hình mới, nếu được vận hành một cách linh hoạt và cộng cảm, có thể tạo điều kiện duy trì sự bền vững cho di tích trong bối cảnh hiện đại hóa.

Hiện nay, những dịch vụ mượn người cúng lễ, xin lộc tài, bốc quẻ, xin ấn tại đền hoạt động mạnh mẽ quanh năm. Hệ thống hàng, quán bán đồ lễ, vàng mã, áo hầu, vật phẩm phong thủy... phong phú trước khi vào đền mang tính thương mại phát triển rõ rệt. Các giá hầu đồng có thể được livestream, ghi hình phục vụ mục đích quảng bá cá nhân.

Như vậy, chúng tôi thấy đền Chợ Củi trở thành biểu tượng của sự đại chúng hóa tín ngưỡng, khi tính thiêng được đồng tồn tại với tính thị trường. Sự thương mại hóa không làm mất hoàn toàn tính linh thiêng, mà chuyển đổi cách tiếp cận niềm tin từ “truyền thống cộng cảm” sang “trải nghiệm cá nhân”. Đây là biểu hiện rõ nét của quá trình biến đổi di sản trong cơ chế thị trường [148].

“Chúng tôi từ trong Nam ra đền Chợ Củi mỗi năm một lần, coi như về quê tâm linh. Lễ giỗ Ông Mười ở đó lớn và thiêng lắm” [Phỏng vấn 16]. Điều này cho thấy đền không chỉ là không gian thờ tự, mà còn là nơi quy tụ cộng đồng thực hành tín ngưỡng và tái khẳng định bản sắc vùng miền.

4.1.3. Đền Cả

Đền Cả còn gọi là Đền Dinh Đô Quan Hoàng Mười, nằm dưới chân núi Hồng Lĩnh, là nơi gắn với nhân vật lịch sử Lê Khôi, được cộng đồng tôn thờ như Ông Hoàng Mười. Đền nằm trong quần thể di tích có sự gắn kết mạnh với cộng đồng địa phương.

Trước những năm 1950, tại đây vẫn còn một ngôi đền rất lớn với ba tòa được làm bằng gỗ có chạm khắc cầu kỳ. Có hai cột nanh lớn và các cặp voi đá ngựa đá đại với niên đại hàng trăm năm, nặng hàng tấn, xung quanh được trồng tre và những cây cổ thụ che chắn, rất trầm mặc uy nghiêm.

Năm 2000 đền Cả bị phế tích hoàn toàn chỉ còn lại dấu vết của nền đền, chân móng, cột nanh, ban thờ công đồng... Nhiều câu chuyện ly kỳ liên quan đến ngôi đền Cả sau khi đền bị phế tích, các pho tượng bị lũ lụt cuốn trôi. Đến nay, đền Cả đã được khôi phục lại khang trang, bề thế với các hạng mục được xây dựng đăng đối, hài hòa, đáp ứng tốt nhu cầu hành lễ của nhân dân. Hiện nay, trong đền có đặt nhiều ban thờ các vị Thánh Tam/ Tứ phủ, tượng Phật.

“Ở Dinh Đô Ông Mười gần gũi lắm, người ta hay nói là ông ở lại với đất Hồng Lĩnh, ai khó đến đó cũng thấy nhẹ lòng” [Phỏng vấn 24]. Việc cộng đồng địa phương gắn bó mật thiết với di tích cho thấy vai trò tích cực của không gian thờ tự trong việc duy trì ký ức văn hóa – tâm linh qua nhiều thế hệ.

Hàng năm, đền có lễ hội vào ngày 01 - 3 tháng 5 âm lịch, gắn với giỗ danh tướng Lê Khôi với nghi thức chủ yếu là rước, tế lễ truyền thống, không có hầu đồng hoặc rất ít với thành phần tham gia, tổ chức chủ yếu là người dân địa phương, các dòng họ, tổ tiên gia.

Trong những năm gần đây, đền tổ chức lễ hội Ông Hoàng Mười vào đầu

tháng 10 âm lịch. Ví dụ lễ hội các năm: 2022, 2023, 2024.

Lễ hội Đền Cả - Dinh đô Quan Hoàng Mười là điểm khởi đầu kết nối tour du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh. Do đó, cùng các điểm DTLSVH tâm linh và các địa danh truyền thống trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh được khởi động, quảng bá cho các đoàn du lịch tour, tuyển đến từ nhiều tỉnh thành trong nước.

Mục đích lễ hội để tưởng nhớ công lao đóng góp của Ông Hoàng Mười và các vị thần được thờ tại đền đã có công trong việc trấn giữ và bảo vệ người dân khỏi nạn giặc giã thiên tai, tôn vinh công trạng, đồng thời cầu cho đồng bào an lạc, mùa màng tốt tươi.

Lễ hội thường gồm nhiều hoạt động và trò chơi dân gian như: Bơi châu, đi cầu kiều, chọi gà, xích đu.v.v. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, lễ cấp sắc (lễ rước nước), lễ rước phụng nghinh Thánh Hoàng Mười vân du, lễ tế dân gian, hội thi gói bánh chưng dâng Thánh,...

Từ ngày 18 đến 22 tháng 11 năm 2023 tức ngày mùng 6 đến ngày mùng 10 tháng 10 năm Quý Mão, tổ chức lễ hội Đền Cả - Dinh đô Quan Hoàng Mười theo chuỗi sự kiện vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính đổi mới, hiện đại, tạo nên nên sức hấp dẫn, thu hút Nhân dân trong địa phương và du khách đi lễ.

Đền Cả có kiến trúc độc đáo, nét chung của đền đình Bắc Bộ, có nét riêng của một dinh đô võ quan nằm bên miền biên viễn nên mang tính uy linh, là thần tích ghi sâu chiến công của Ông Hoàng Mười gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu... từ lâu đã duy trì nền nếp diễn xướng hầu đồng, hát văn, tạo nên bản sắc riêng của một vùng quê có nghề rèn truyền thống.

Tối ngày 18/11/2023 (*mùng 6 tháng 10 Âm lịch*): Lễ khai ấn được mô phỏng hoạt động của đức Hoàng Mười lúc sinh thời. Nghi thức khai ấn tổ chức trang trọng, thành kính diễn ra trong cung cấm thượng điện dưới chân tượng đức thánh Hoàng Mười nổi quá khứ với hiện tại, cõi âm với cõi dương, thiêng liêng, thành kính.

Cùng với đó là Hội thi gói, nấu bánh chưng dâng Thánh, trưng bày gian hàng sản phẩm OCOP, lễ rước nước trên sông Lam, lễ rước bộ...

Lễ rước nước trên sông Lam gồm 2 thuyền được trang trí cờ, lọng, kiểng kích, tái hiện khung cảnh Hoàng Mười xung trận trên sông nước.

Lễ rước bộ vân du gồm dàn kiệu, cờ, lọng rợp trời, đoàn rước hàng trăm người, sắc phục truyền thống với nhiều thành phần, đoàn... dựng lại cảnh Quan Thánh thắng trận.

Ngoài ra, lễ hội còn có hội văn nghệ với sự có mặt của nhiều ca, nghệ sỹ ca, múa đặc sắc, bắn pháo hoa.

Ban Quản lý Đền kết nối với nhiều nhà hảo tâm cả nước hỗ trợ tặng quà người có hoàn cảnh khó khăn trong thị xã.

Lễ hội Đền Cả: Lễ tế Thánh theo nghi thức dân gian, các cá nhân, tổ chức đã dâng lên mâm lễ tại gian chính diện. Nghi thức tế tự cung đình, chúc văn lễ tế trước Thánh Hoàng Mười, các bậc tiên hiền có công với dân, với nước và lời nguyện cầu được Thánh phù hộ cho quốc thái dân an.

Ban Tổ chức Lễ hội phục vụ bà con nhân dân, du khách thập phương hàng ngàn suất cơm chu đáo, tạo nên sự ấm cúng, đoàn kết địa phương.

Lễ hội đền Cả năm 2023 đã thành công tốt đẹp dưới sự lãnh đạo của chính quyền địa phương và cộng đồng người dân địa phương và du khách đi lễ hội.

Không gian thờ cúng của đền được cộng đồng tái tạo, bảo vệ như một phần ký ức lịch sử, các nghi lễ mang tính truyền thống nguyên hợp, không trình diễn hóa. Hoạt động thương mại, bày bán lễ vật dâng cúng lễ được kiểm soát nghiêm ngặt.

Đền Cả đại diện cho mô hình di sản “sống” mang tính tự quản, nơi cộng đồng là chủ thể bảo vệ di sản. Không gian thiêng không bị phá vỡ bởi yếu tố bên ngoài, thể hiện đúng mô hình “di sản của cộng đồng cho cộng đồng” (UNESCO 2003). Đây là dạng cộng đồng hóa tín ngưỡng - nơi thần linh là một phần trong hệ sinh thái văn hóa - lịch sử - đạo đức của làng xã.

4.1.4. Một số nhận xét

Như vậy, tại 3 đền thờ Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh hàng năm đều có tổ chức long trọng ngày kỵ của Ông vào ngày 10 tháng 10 âm lịch với sự chỉ đạo, của chính quyền địa phương, ban quản lý di tích cùng người dân địa phương cũng như du khách hành hương tham gia nhiệt tình đã tạo nên lễ hội tâm linh có quy mô hoành tráng, trang trọng. Lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười - thể hiện một trong những hiện tượng văn hóa phổ biến của người Việt, có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội. Lễ hội đã góp phần không nhỏ vào việc lưu giữ những nội dung mang giá trị lịch sử, những hình thức văn hoá mang đậm dấu ấn thời đại, qua đó phản ánh rõ nét đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của con người qua từng thời kỳ. Thông qua những hoạt động lễ hội Ông Hoàng Mười đương đại đã phản ánh hình ảnh văn hóa của Quốc gia nói chung, địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh nói riêng. Hình ảnh ấy ngoài các giá trị truyền thống vốn có, còn thể hiện sức mạnh chính trị, bản sắc văn hóa, trình độ phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật của Việt Nam [10, tr.87].

Với những giá trị văn hóa, nghệ thuật *độc đáo và đa dạng lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười* tại Nghệ An, Hà Tĩnh - điểm đến du lịch văn hóa tâm linh ngày càng thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân, du khách tham quan.

Bên cạnh những hoạt động tổ chức lễ hội quy mô, trang trọng của chính quyền và người dân địa phương, chúng ta không thể không đề cập đến phần tham gia tích cực thực hành nghi lễ tín ngưỡng, thờ cúng của du khách đi lễ, hành hương đến đền Hoàng Mười Nghệ An. Khách đến lễ ở đền đông hơn vào những ngày rằm, mùng 1 đầu tháng âm lịch, ngày cuối tuần, và đặc biệt trong tháng tiệc Ông Hoàng Mười. Ngoài việc thắp hương, dâng lễ khách đến đền còn để hầu Thánh (Đức thánh Hoàng Mười), thực hiện những vận hầu suốt ngày đêm [phỏng vấn 20; 27]. Hầu đồng kết hợp hài hòa nhiều loại hình nghệ thuật như ca, múa, nhạc, trang phục, văn học... làm cho tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ thêm hấp dẫn, lôi cuốn và phù hợp với tâm tư, thẩm mỹ của mọi tầng lớp nhân dân. Bằng lời ca,

tiếng hát của các cung văn kết hợp với những động tác múa trên nền nhạc khi nhịp nhàng, khoan thai, khi dứt khoát, mạnh mẽ đã đem đến không khí tung bừng, náo nhiệt, lúc lại ấm áp, nhẹ nhàng nhưng vẫn đảm bảo sự tôn nghiêm, trang trọng và linh thiêng trước bàn thờ Thánh.

Về nghi lễ: Cấu trúc canh hầu giá đồng Ông Hoàng Mười hiện nay tại Đền Ông Hoàng Mười Nghệ An và Đền Chợ Củi, Đền Cả đã có sự “chuẩn hóa”, thể hiện ở việc quy định rõ cấu trúc từng giá đồng, trình tự nghi lễ, trang phục và âm nhạc. Các yếu tố như trang phục màu vàng thêu rồng, bút đề thơ chỉ có ở giá đồng Ông Hoàng Mười, và sử dụng nhạc châu văn truyền thống được bảo tồn nhưng cũng được làm mới bởi các yếu tố trình diễn hiện đại như âm thanh điện tử, hiệu ứng ánh sáng, và truyền hình trực tiếp.

Về không gian: Nhiều ngôi đền đã được tôn tạo quy mô lớn, như đền Ông Hoàng Mười Nghệ An được trùng tu với ngân sách kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân. Đền Chợ Củi mở rộng không gian đón khách hành hương với các dịch vụ đi kèm (ẩm thực, nghỉ ngơi, mua sắm đồ lễ), cho thấy tính chất kết hợp giữa không gian linh thiêng và không gian du lịch tâm linh. Không gian thiêng vì thế không còn là nơi thuần túy thờ tự mà trở thành trung tâm hội tụ nhiều tầng văn hóa tín ngưỡng, thương mại, truyền thông.

Về cộng đồng thực hành: Sự gia tăng số lượng thanh đồng, con nhang đệ tử, đặc biệt là giới trẻ và người làm trong giới nghệ thuật, đã làm phong phú đối tượng thực hành. Các thanh đồng trẻ thường sử dụng mạng xã hội như Facebook, YouTube để livestream lễ hầu, chia sẻ kinh nghiệm lập điện, mặc trang phục và sử dụng nhạc châu văn... Điều này vừa thúc đẩy sự lan tỏa nghi lễ, vừa tạo nên những thay đổi nhất định trong diễn ngôn và thực hành, như việc “thị hiếu hóa” lễ nghi hoặc đơn giản hóa nội dung để dễ tiếp cận công chúng.

Sự biến đổi nêu trên không diễn ra đồng đều, mà mang tính cục bộ tùy thuộc vào mức độ đô thị hóa, nguồn lực cộng đồng và định hướng của chính quyền địa phương. Trong khi đền ở Nghệ An được quản lý theo cơ chế Nhà nước - cộng

đồng - Giáo hội Phật giáo địa phương phối hợp, thì Đền Cả vẫn giữ mô hình tự quản, tổ chức nghi lễ nhỏ và gắn chặt với đời sống cư dân địa phương. Điều này cho thấy sự song hành của hai mô hình bảo tồn: chính thống và địa phương hóa, tạo nên sự đa dạng và linh hoạt trong các mô hình bảo tồn di sản.

Có thể thấy, mỗi đền thờ Ông Hoàng Mười đều mang bản sắc không gian và ký ức cộng đồng riêng biệt, nhưng cùng hướng đến việc duy trì niềm tin và sự kết nối linh thiêng. Trong dòng chảy hiện đại, các đền vẫn giữ được vai trò trung tâm trong tổ chức lễ hội, đồng thời thích nghi với cách tiếp cận mới như truyền thông, du lịch tâm linh hay không gian mở rộng trên nền tảng số.

“Dù có xem clip hay lên mạng tìm hiểu, thì được ra đền thật, dâng hương thật vẫn là cảm giác khác biệt. Nó yên tâm và đầy xúc động” [Phỏng vấn 41].

Từ đó có thể thấy, không gian thờ tự Ông Hoàng Mười không ngừng vận động, vừa gìn giữ truyền thống, vừa tích hợp hiện đại, thể hiện rõ nét tính sống động và thích ứng cao của tín ngưỡng này trong đời sống văn hóa đương đại.

Việc phân tích sự biến đổi trong nghi lễ và không gian thờ Ông Hoàng Mười là nền tảng quan trọng để đánh giá tính thích ứng và sức sống của tín ngưỡng này trong xã hội đương đại, từ đó làm rõ vai trò của cộng đồng, chính quyền và truyền thông trong kiến tạo một di sản sống.

4.2. Biến đổi trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười

4.2.1. Biến đổi trong diễn ngôn về Ông Hoàng Mười

Sự biến đổi trong diễn ngôn và nhận thức cộng đồng về Ông Hoàng Mười phản ánh sự vận động của niềm tin tín ngưỡng trong môi trường hiện đại. Dưới tác động của truyền thông số, đô thị hóa, và chính sách di sản, hình ảnh Ông Hoàng Mười không chỉ được định hình trong không gian đền phủ truyền thống mà còn lan tỏa trong đời sống đương đại qua nhiều tầng nghĩa mới.

Thứ nhất, diễn ngôn về Ông Hoàng Mười đang ngày càng đa dạng. Nếu trước đây, hình ảnh ông chủ yếu gắn với biểu tượng “thánh văn võ song tài”, đại diện cho đạo lý và lòng trung nghĩa, thì ngày nay, cộng đồng thực hành đã

mở rộng cách hiểu, xem ông như người “phù trợ công danh”, “mở lộc tài”, nhất là trong giới trẻ và giới kinh doanh. Điều này được thể hiện rõ qua lời văn châu, hình thức truyền thông trên mạng xã hội, và lời cầu khẩn tại các đền. Trên Facebook, YouTube, TikTok, nhiều thanh đồng và tín đồ đăng tải video hầu giá Ông Hoàng Mười kèm các bình luận khẳng định ông là vị thánh “hợp thời”, “hiếu lòng dân”, “giúp đỡ đạt và phát tài”.

Thanh đồng ghé Ông Hoàng Mười về phán truyền [118]:

Đời người các ghé phải nhớ chung

Thấy bóng Hoàng độ đưa vào cung tà đạt,

Thôi thì cứ mở miệng để than

Hoàng thương số ún cho tiểu để vôi vàng đi thi.

Chín mươi tươi tốt xin gì,

Xin cho đỗ đạt khoa bảng thế thì chứng thì cái tâm.

Thế mà thi xong một cái thì Hồng ân

Các ghé bỏ qua quên hết ngồi phần xem thi.

Nghe Văn thỉnh được điều gì,

Điều tâm chưa đến lộc thì lại muốn mong.

Thế rằng các ghé chưa xong.

Tâm chưa nhất bởi niềm mong nổi cầu.

Lên đền lên phủ xin đâu.

Xin Hoàng độ phúc độ cầu cho ra.

Thứ hai, sự lan tỏa hình ảnh Ông Hoàng Mười trên các nền tảng số đã góp phần tái cấu trúc ký ức cộng đồng. Các nghi lễ hầu đồng được quay phim, phát trực tiếp, và lan truyền rộng rãi không chỉ với mục đích tâm linh mà còn như một hình thức trình diễn văn hóa - giải trí. Trong quá trình này, diễn ngôn về Ông Hoàng Mười dần mang tính cá nhân hóa và đại chúng hóa, tạo nên sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại. Việc sử dụng biểu tượng Ông Hoàng Mười trong các sản phẩm lưu niệm, nhạc châu remix, hay ảnh ghép kỹ thuật số

cũng góp phần định hình hình ảnh “vị thánh của thời đại số”.

Cung văn hát dân văn Ông Hoàng Mười và xin lộc buôn bán làm ăn nhiều tài lộc, sức khỏe, bình an lan tỏa trên mạng xã hội [120].

*Đường về Nghệ An ngàn mây xanh thắm.
 Nắng sớm long lanh núi Hồng soi bóng dòng Lam
 Tiếng chim ca hòa trong gió gió mây rộn ràng.
 Về Nghệ An thấy lòng xốn xang
 Nghe danh thơm quan Hoàng Mười vang.
 Con xin cúi đầu thấp một tuần nhang.
 Cầu xin Quan Hoàng ban cho phước lớn.
 Bán đất buôn may xuôi ngược nẻo Đông đường Tây.
 Bước chân đi Quan Hoàng đưa lối dắt tay tìm đường.
 Cầu gian nan khó nhọc tiêu tan
 Ai nhất tâm ơn Hoàng ban
 Nương bóng Hoàng sẽ được bình an.*

Thứ ba, trong bối cảnh hiện đại, cộng đồng thực hành - bao gồm thủ nhang, thanh đồng, con nhang đệ tử - đóng vai trò chủ thể sáng tạo diễn ngôn. Họ không chỉ bảo lưu ký ức truyền thống mà còn chủ động kiến tạo nội dung mới phù hợp với thời đại. Việc nhấn mạnh vai trò ban lộc, trợ duyên, bảo hộ sự nghiệp cho người trẻ đã làm thay đổi hình ảnh Ông Hoàng Mười từ một biểu tượng lịch sử - tâm linh sang một thực thể văn hóa sống, có khả năng thích ứng và đổi mới.

Cung văn hát sáng tạo ghép nội dung cầu cho tín chủ 102 tuổi [121].

*Người ta sống ở trên đời
 Tiền dòng bạc chảy để rồi làm chi
 Cuối cùng cũng chẳng đem đi
 Mà đem đi cũng chẳng làm gì cho ai.
 Chúc cho họ Lê đã có lộc lại có tài*

Có phúc sống thọ để hưởng lộc trời Hoàng ban.
 Đất lề quê thói Nghệ An
 Mà hôm nay họ Lê có miếng trầu cau đậu kính dâng Quan Hoàng Mươi
 Chứ thành Huế ơi mà sông Hương núi Ngự cầu Trường Tiền bên ơ long lanh
 Chứ năm Châu về với Đô thành
 Nam Đàn Xứ Nghệ nghe nức danh Quan Hoàng Mươi
 Nghe nức danh Quan Hoàng Mươi
 Nghe văn Ông lại vỗ tay cười văn Ông lại vỗ tay cười
 Hỏi rằng họ Lê quê Thanh Hóa có nhớ Ông Mươi đền Nghệ An.
 Đường vô Xứ Nghệ quanh quanh
 Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
 Ai vô Xứ Nghệ thì vô,
 Qua cầu Bến Thủy tới thành đô Ông Hoàng Mươi...
 Đời gian nan khó nhọc tiêu tan
 Họ Lê nhất tâm Quan Hoàng ban.
 Nương bóng Hoàng sẽ được bình an.
 Mà tiệc hôm nay vui quá vui quá đi thôi
 Hát ca tung bừng muôn nơi
 Đền xinh cảnh đẹp hoa tươi
 Mây trời cũng ngừng trôi
 Đón Quan Hoàng về ngự vui.

Từ chỗ là một tín ngưỡng gắn với địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh, Ông Hoàng Mươi ngày nay đã bước vào không gian nhận thức rộng lớn hơn, trong đó cộng đồng không chỉ là người thực hành mà còn là chủ thể kiến tạo diễn ngôn. Những biến đổi trong cách cộng đồng nhìn nhận, lý giải và lan tỏa hình tượng Ông Hoàng Mươi cho thấy một tiến trình chuyển hóa từ diễn ngôn dân gian sang diễn ngôn hiện đại, từ truyền khẩu sang truyền thông số.

“Ngày xưa chỉ biết Ông Mươi là ông thánh ban công danh. Giờ nhờ xem

video, đọc châu văn, tôi hiểu thêm cả về gốc tích ông, rằng ông là tướng Lê Khôi, có công đánh giặc, giữ đất” [Phỏng vấn 18]. Việc kết nối ký ức lịch sử và tín ngưỡng dân gian qua các kênh truyền thông hiện đại đã góp phần làm phong phú thêm diễn ngôn văn hóa xung quanh vị thánh này.

Không chỉ có sự mở rộng kiến thức, cộng đồng còn góp phần hình thành một thứ “tập thể trí nhớ số hóa” – nơi hình tượng Ông Mười vừa được thần thánh hóa, vừa được cảm nhận một cách cá nhân hóa, cảm tính và gần gũi. “Mỗi người đều có một cách cảm Ông Mười khác nhau – có người quý phong thái, có người sợ sự uy nghiêm, có người thấy Ông như người cha lành” [Phỏng vấn 37].

Sự chuyển dịch này phản ánh khả năng thích ứng của tín ngưỡng dân gian trong thời đại số. Thay vì cố định trong một hình tượng duy nhất, Ông Hoàng Mười trở thành một biểu tượng mở – nơi người dân và đồng nhân đều có quyền tham gia kiến tạo.

Một điểm quan trọng khác là sự mở rộng không gian đối thoại về tín ngưỡng. Trên Facebook, TikTok, YouTube, các cuộc tranh luận về trang phục, nghi lễ, ý nghĩa hầu đồng... đã tạo nên một diễn đàn đa chiều, nơi cộng đồng không chỉ lắng nghe mà còn phản biện. “Tôi thấy có bạn gọi Ông Mười là ‘Ông thần showbiz’, nghe hơi quá. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng có nhiều người đến với đạo nhờ qua hình ảnh truyền thông đẹp” [Phỏng vấn 30].

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong bối cảnh hiện đại đã vượt khỏi biên giới vật chất của ngôi đền hay khu vực địa phương. Nó trở thành một thực hành liên văn hóa – nơi cộng đồng, truyền thông, nghệ thuật biểu diễn và thị hiếu thị giác cùng tham gia kiến tạo. Điều đáng lưu ý là chính cộng đồng tín ngưỡng – đặc biệt là giới trẻ – đã biết sử dụng công nghệ và truyền thông để vừa giữ gìn yếu tố linh thiêng, vừa cập nhật cách thể hiện phù hợp với nhịp sống đương đại. Sự cộng hưởng này không làm mất đi bản chất của tín ngưỡng, mà ngược lại, làm nổi bật chiều sâu của văn hóa dân gian Việt Nam trong điều kiện mới.

Từ đó có thể khẳng định, diễn ngôn về Ông Hoàng Mười hiện nay không

chỉ là sản phẩm của lịch sử và truyền thống, mà còn là kết quả của quá trình tương tác xã hội, thích ứng truyền thông và chuyển hóa biểu tượng trong lòng công chúng. Đây chính là bằng chứng rõ nét về sự sống động và linh hoạt của văn hóa tín ngưỡng Việt Nam trong thế kỷ XXI.

4.2.2. Biến đổi trong vai trò của nhà nước và chính sách về di sản

Ban đầu, lễ hội Ông Hoàng Mười được tổ chức bởi cộng đồng làng xã dưới hình thức tự quản, với vai trò trung tâm thuộc về các dòng họ, thủ nhang, và các thanh đồng địa phương cũng như thanh đồng ở các tỉnh thành phố khác đến đăng ký văn hầu. Cơ cấu tổ chức mang tính mềm dẻo, linh hoạt, phản ánh cấu trúc xã hội truyền thống nơi tín ngưỡng được duy trì bằng tri thức dân gian và niềm tin cộng đồng.

Tuy nhiên, kể từ cuối năm 2016, khi thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt được UNESCO ghi vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, đã diễn ra một quá trình “thiết chế hóa” các hoạt động tín ngưỡng, trong đó lễ hội Ông Hoàng Mười trở thành điểm kết nối giữa cộng đồng thực hành, chính quyền địa phương và ngành văn hóa. Từ đó, mô hình tổ chức chuyển từ tự quản cộng đồng sang bán chính thức, với sự điều phối của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước như Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa huyện, Ban Quản lý Di tích và các tổ chức đoàn thể địa phương. Với di tích đền Ông Hoàng Mười ở tỉnh Nghệ An, vai trò chỉ đạo trực tiếp và sâu sát của UBND huyện Hưng Nguyên càng bộc lộ rõ rệt hơn kể từ thời điểm di sản lễ hội được ghi danh vào danh sách là *di sản văn hoá phi vật thể quốc gia* năm 2019. Công tác tổ chức lễ hội được xây dựng kế hoạch, kịch bản rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, tập thể. Quy mô lễ hội tổ chức theo cấp huyện do UBND huyện Hưng Nguyên chủ trì, UBND xã Hưng Thịnh và ban quản lý đền Ông Hoàng Mười phối hợp tổ chức thực hiện mục đích bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, tưởng nhớ công đức của các vị phúc thần trong đó có Ông Hoàng Mười; giáo dục lòng yêu quê

hương đất nước, truyền thống uống nước nhớ nguồn trong nhân dân, quảng bá hình ảnh lễ hội đến du khách thập phương, phát triển văn hóa du lịch tâm linh...

So với các lễ hội khác trong cả nước thường chỉ diễn ra đông khách và hoạt động tổ chức lễ hội trong những ngày chính hội thì lễ hội Ông Hoàng Mười nơi đây đông khách địa phương, khách thập phương trong cả tháng 10 âm lịch (còn gọi là tháng tiệc Ông Hoàng Mười). Kế hoạch tổ chức lễ hội Ông Hoàng Mười năm 2024 có ghi mục ở mục 2.9. “Chủ trì các nghi lễ cúng khai tiệc Tháng hội đêm 31/10... lễ tạ hội ngày 30/11” [48]; [49]. Các hoạt động của lễ hội được sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư tích cực của các cấp chính quyền từ huyện, xã, các ban ngành, đoàn thể và thành phần không thể thiếu được là sự hưởng ứng nhiệt tình cộng đồng cư dân địa phương và đông đảo du khách thập phương. Du khách đến lễ họ có niềm tin được Ông Hoàng Mười cùng các vị thánh nơi đây ban cho họ có sức khỏe, bình an, công danh, may mắn, lộc tài...

Sự thay đổi về cơ chế tổ chức kéo theo sự thay đổi trong quy trình thực hành. Nếu trước đây vai trò chính thuộc về giới thanh đồng và người dân địa phương, thì hiện nay các vị trí lễ nghi, phát ngôn, truyền thông thường được điều tiết bởi các thành viên ban quản lý di tích, mang tính hành chính. Điều này dẫn tới “hiện tượng hành chính hóa nghi lễ” - tức là các yếu tố linh thiêng dần được quy chuẩn hóa theo logic tổ chức sự kiện, từ đó có mối lo ngại xuất hiện nguy cơ mất đi tính linh hoạt của các thực hành tín ngưỡng [Phỏng vấn 15]; [47]; [49].

Đồng thời, sự can thiệp của công nghệ truyền thông và các chiến lược du lịch hóa lễ hội đã góp phần định hình lại không gian linh thiêng. Lễ hội ngày nay không chỉ là nơi hành lễ mà còn là nơi trình diễn sự kiện, nơi các nghi thức được mã hóa dưới dạng sản phẩm văn hóa - du lịch [150]. Quá trình sân khấu hóa lễ hội giúp lan tỏa giá trị di sản, nhưng cũng đặt ra câu hỏi về ranh giới giữa tính thiêng và tính thế tục, giữa nghi lễ truyền thống và chương trình nghệ thuật đại chúng (bao gồm cả chương trình biểu diễn chào mừng mang tính sử thi vừa biểu diễn trực tiếp, vừa có phim tư liệu trình chiếu trên màn hình Led) [138].

Từ góc nhìn văn hóa học, những biến đổi này minh chứng cho tính năng động của di sản sống: di sản không ngừng được thương thuyết, tái định vị và tích hợp vào các cấu trúc quản trị đương đại. Lễ hội Ông Hoàng Mười - với sự đồng tổ chức của nhà nước và cộng đồng - là ví dụ điển hình của mô hình quản trị di sản đa tác nhân (multi - stakeholder governance), nơi các chủ thể khác nhau cùng kiến tạo giá trị, bản sắc và mục tiêu phát triển.

Thứ nhất, nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc chính danh không gian thờ tự và nâng tầm giá trị di sản. Tại Đền Ông Hoàng Mười (xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An), các cơ quan chức năng như Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Nghệ An, UBND huyện Hưng Nguyên đã phối hợp chặt chẽ với ban quản lý di tích để tổ chức lễ hội Ông Hoàng Mười thường niên vào ngày 10/10 âm lịch. Các hoạt động như lễ rước sắc phong, tế lễ, chương trình nghệ thuật tái hiện giá hầu, hội thảo khoa học và các giải thể thao - văn nghệ cộng đồng đều được tổ chức với sự giám sát và tài trợ từ các cơ quan nhà nước. Điều này góp phần nâng cao tính quy chuẩn, bài bản trong thực hành nghi lễ, đồng thời làm gia tăng vị thế của di tích trên bản đồ du lịch văn hóa quốc gia [47].

Thứ hai, sự hiện diện của chính sách di sản đã làm thay đổi mô hình quản lý di tích, chuyển từ hình thức quản lý cộng đồng truyền thống (do thủ nhang và người dân tự tổ chức) sang mô hình bán chuyên nghiệp với sự tham gia của chính quyền địa phương, cán bộ văn hóa xã và các tổ chức đoàn thể. Sự chuyển đổi này mang lại lợi ích rõ rệt như bảo tồn kiến trúc, kiểm soát trật tự lễ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức về quyền lực biểu tượng, sự phân vai giữa nhà nước và cộng đồng trong không gian thiêng. Nhiều ý kiến từ con nhang đệ tử và thanh đồng cho rằng sự can thiệp hành chính quá mức có thể làm “giảm tính linh”, khiến nghi lễ mất đi tính thiêng và sự tự nhiên vốn có [Phỏng vấn 3].

Thứ ba, các chính sách phát triển du lịch tâm linh được lồng ghép vào quản lý di tích đã tác động mạnh đến cách thức tổ chức lễ hội và thực hành nghi

lễ tại các đền thờ Ông Hoàng Mười. Tại Đền Chợ Củi (Hà Tĩnh), lễ giỗ Ông Hoàng Mười trở thành điểm nhấn du lịch văn hóa tâm linh của tỉnh, được quảng bá rộng rãi trên các cổng thông tin điện tử, bản tin truyền hình địa phương và cả các sàn thương mại điện tử du lịch. Các dịch vụ phục vụ du khách như trông xe, bán lễ, chụp ảnh, truyền hình trực tiếp nghi lễ... ngày càng phát triển. Tuy nhiên, chính điều này cũng khiến cho lễ hội có xu hướng “sân khấu hóa”, mất dần tính tự nhiên và bị thương mại hóa một phần.

Thứ tư, chính sách di sản cũng tác động đến việc chuẩn hóa nội dung nghi lễ và hình ảnh Ông Hoàng Mười. Việc sử dụng biểu tượng Ông Hoàng Mười trong các sản phẩm lưu niệm, lễ vật, tài liệu tuyên truyền buộc phải tuân thủ những quy chuẩn về nội dung văn hóa do cơ quan nhà nước kiểm duyệt. Trong một số trường hợp, điều này dẫn đến sự đơn giản, đồng nhất biểu tượng - vốn có tính đa nghĩa và linh hoạt trong tâm thức dân gian – khiến cho khả năng thích ứng và diễn giải cá nhân của cộng đồng thực hành bị hạn chế.

Từ những biến đổi trên có thể thấy, sự tham gia của nhà nước trong quản lý và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và chính sách hóa di sản. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là phải *đảm bảo sự cân bằng giữa tính quy phạm và tính linh hoạt*, giữa sự chính danh và tính thiêng của thực hành, giữa quyền lực quản lý và quyền chủ thể của cộng đồng. Đó cũng chính là thách thức lớn trong bảo tồn di sản văn hóa sống nói chung và tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười nói riêng trong xã hội Việt Nam đương đại.

4.2.3. *Giao thoa và tái định vị giữa cộng đồng và nhà nước trong bảo vệ tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười*

Quá trình bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong bối cảnh hiện đại không chỉ là một chiều từ phía nhà nước hay cộng đồng, mà là kết quả của một quá trình thương thảo/ giao thoa và tái định vị liên tục giữa các chủ thể liên quan, trong đó nổi bật là cộng đồng thực hành (thủ nhang, thanh đồng,

con nhang đệ tử, dân cư địa phương) và các thiết chế quản lý văn hóa của nhà nước (UBND cấp xã, huyện, Sở Văn hóa - Thể thao, Ban Quản lý di tích...).

Thứ nhất, trong giao thoa và tái định vị về *quyền sở hữu biểu tượng* và *quyền tổ chức nghi lễ*, cộng đồng thực hành đóng vai trò giữ gìn và duy trì các nghi thức theo truyền thống, trong khi nhà nước giữ vai trò điều phối, cấp phép và đảm bảo trật tự xã hội. Tại đền Hưng Thịnh (Nghệ An), việc tổ chức lễ hội Ông Hoàng Mười vào 10/10 âm lịch hàng năm là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Quản lý di tích (được địa phương bổ nhiệm) và thủ nhang, đại diện thanh đồng. Các chương trình lễ hội bao gồm phần lễ (rước, dâng hương, tế lễ, hầu đồng) và phần hội (văn nghệ, trò chơi dân gian...) được thương thảo từ nội dung, thời lượng, kinh phí cho tới hình thức trình bày - phản ánh quá trình điều chỉnh để vừa đảm bảo quy chuẩn hành chính vừa giữ được linh hồn tín ngưỡng [49]; [51].

Thứ hai, trong giao thoa và tái định vị về *di sản hóa không gian thiêng*, cộng đồng không chỉ tham gia bảo tồn mà còn là người “định nghĩa lại” giá trị di sản theo cách riêng. Đền Chợ Củi (Hà Tĩnh) - tuy không phải nơi gắn bó trực tiếp với sự tích Ông Hoàng Mười - lại được cộng đồng tôn vinh nhờ vào khả năng “mở cửa đón nhận” mọi đối tượng tín ngưỡng, bất kể vùng miền, tôn giáo. Điều này tạo nên một không gian linh hoạt, mở rộng tính bao dung và tính phổ quát của di sản. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy mà nhà nước phải liên tục điều chỉnh các quy định để vừa thúc đẩy du lịch tâm linh, vừa kiểm soát an ninh văn hóa, tránh hiện tượng thương mại thái quá hay lệch chuẩn văn hóa.

Thứ ba, quá trình giao thoa và tái định vị còn thể hiện rõ trong *kiến tạo ký ức tập thể* và *truyền thông di sản*. Việc xây dựng panô, ấn phẩm tuyên truyền, phim tài liệu, hay lễ rước thánh theo “mẫu hình chuẩn hóa” thường chịu ảnh hưởng bởi hai nguồn: ký ức cộng đồng (truyền miệng, bản văn châu, tín ngưỡng dân gian) và quan điểm chuyên gia - quản lý (bảo tàng, viện nghiên cứu, ban văn hóa cấp tỉnh/huyện). Trong quá trình này, sự thương thảo diễn ra cả ở cấp hình thức (nên hay không nên hiện đại hóa sắc phục, dùng loa đài, livestream

lễ hội...) lẫn ở cấp nội dung (chọn nhân vật nào để gắn với Ông Hoàng Mười? có giữ nguyên tích Nguyễn Duy Lạc hay không?...).

Thứ tư, trong giao thoa và tái định vị về *sự phân vai quản lý*, mô hình “cộng đồng tham gia” đang dần được ưu tiên. Tại Đền Cả /Dinh Đô, cộng đồng địa phương vẫn là lực lượng chủ đạo trong việc duy trì lễ nghi và chăm sóc không gian đền miếu, tuy nhiên đã có sự phối hợp linh hoạt với chính quyền xã - nhất là trong dịp cao điểm lễ hội. Thay vì bị “quản lý từ trên xuống”, cộng đồng tự khẳng định vai trò chủ thể thông qua đối thoại, đề xuất, và phản biện các chính sách địa phương liên quan đến di tích.

Thứ năm, giao thoa và tái định vị còn thể hiện ở cấp *biểu tượng - chính sách - giá trị kinh tế văn hóa*. Việc đưa hình ảnh Ông Hoàng Mười vào các chương trình văn hóa, du lịch, giáo dục địa phương như một biểu tượng “linh thiêng đại diện” cho Xứ Nghệ không chỉ nhằm mục tiêu bảo tồn, mà còn phục vụ chiến lược phát triển bản sắc vùng, thu hút đầu tư, và khẳng định vị trí trong bản đồ di sản quốc gia. Tuy nhiên, sự “định chế” này cũng đặt ra nguy cơ khiến biểu tượng mất đi tính linh hoạt và bản địa vốn có, nếu không được cộng đồng giám sát và góp tiếng nói.

Như vậy, chúng tôi thấy quá trình giao thoa và tái định vị với hàm ý thương thảo, thỏa thuận, đối thoại, tham vấn giữa cộng đồng và nhà nước là một tiến trình động, đòi hỏi sự tin cậy, tôn trọng lẫn nhau và cùng hướng đến mục tiêu kép: bảo tồn tính thiêng - phát huy giá trị văn hóa. Từ đó, có thể khẳng định tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không phải là một di sản bị “bảo tồn từ trên xuống” mà là một *trường giao thoa và tái định vị văn hóa đa chiều*, trong đó các chủ thể liên tục trao đổi với nhau về cách hiểu, cách thực hành, và cách phát huy một biểu tượng sống trong xã hội Việt Nam đương đại.

4.3. Giá trị văn hóa tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười

4.3.1. Giá trị biểu tượng và tâm linh

Tín ngưỡng Ông Hoàng Mười là một hệ thống biểu tượng phong phú và

phức hợp, từ sắc phục vàng, động tác múa kiếm, quạt đề thơ, đồ lễ (ngựa mã, trâu cau, chè, thuốc, rượu...), đến hát văn châu giàu tính biểu cảm. Các yếu tố biểu tượng này không chỉ là trang trí hay nghi lễ đơn thuần mà còn là phương tiện biểu đạt thế giới quan, nhân sinh quan và hệ giá trị của cộng đồng. Trong không gian thờ tự, hình ảnh Ông Hoàng Mười cưỡi ngựa, múa kiếm, quạt đề thơ – một biểu tượng hội tụ giữa dũng khí và trí tuệ – trở thành điểm quy chiếu thiêng liêng cho các giá trị văn hóa Xứ Nghệ.

Ông Hoàng Mười được xem là vị thánh ban tài, hộ mạng, trợ duyên, giải hạn, thể hiện khát vọng được bảo hộ và cầu mong an lành. Tính linh ứng của Ông được truyền miệng qua các câu chuyện dân gian, lời kể hầu đồng, văn châu - tạo nên một mạng lưới “truyền thông thiêng” (sacred communication) mang tính kết nối cộng đồng liên vùng. Từ Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Bình, Huế... cho đến cộng đồng người Việt hải ngoại, hình tượng Ông Hoàng Mười được thờ phụng như một hiện thân của lòng tin, tình cảm và khát vọng cá nhân.

Ông Hoàng Mười là biểu tượng của trí tuệ, công danh và điềm tĩnh. Tín ngưỡng này giúp con người kết nối với cội nguồn tâm linh, hướng thiện và giữ gìn đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Đặc biệt, với người trẻ đang đứng trước áp lực thi cử và định hướng nghề nghiệp, hình tượng Ông Mười trở thành điểm tựa tinh thần.

“Con đi thi là mẹ dẫn ra đền Ông Mười cầu lộc chữ, cầu cho đỗ đạt. Từ bé tới lớn đều thế” [Phỏng vấn 4]. Điều này phản ánh niềm tin phổ biến về quyền năng tâm linh của Ông Hoàng Mười trong việc phù trợ công danh, trí tuệ và sự sáng suốt.

Không gian nghi lễ với cấu trúc phân bậc (từ sân chính, trung điện đến hậu cung) cho thấy sự tổ chức chặt chẽ, đồng thời là nơi bảo tồn biểu tượng linh thiêng trong khuôn khổ cộng đồng - nhà nước - tín đồ thực hành. Sự chuyển đổi từ tự phát sang quản lý bán hành chính (ban quản lý, giám sát nghi lễ, phân luồng hành hương) phản ánh tính thích ứng của không gian linh thiêng

trong bối cảnh xã hội hiện đại.

4.3.2. Giá trị lịch sử và bản sắc địa phương

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười tại Nghệ An và Hà Tĩnh là kết quả của một quá trình địa phương hóa lâu dài, phản ánh sự kết hợp giữa yếu tố huyền thoại, lịch sử và ký ức cộng đồng. Hình tượng Ông Hoàng Mười được kiến tạo từ nhiều nguồn tư liệu dân gian và chính thống, gắn với các danh tướng như Lê Khôi, Lý Nhật Quang, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc..., tượng trưng cho lòng trung hiếu, tinh thần thượng võ và tài năng văn võ song toàn. Quá trình thần thánh hóa các nhân vật này thể hiện xu hướng nhân thần hóa trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, góp phần tạo nên một hình tượng thiêng liêng gắn gũi trong tâm thức cộng đồng Nghệ An và Hà Tĩnh.

Không gian thờ tự như đền Mỏ Hạc linh từ (Nghệ An), đền Chợ Củi, đền Cả/Dinh Đô (Hà Tĩnh) đều gắn với địa thế phong thủy đặc biệt - “minh đường tụ thủy” các ngôi đền đều được xây dựng nhìn ra ngã ba sông - là trung tâm linh khí và giao thương, trở thành nơi tụ hội tâm linh của cư dân. Việc bám rễ vào không gian Xứ Nghệ giúp tín ngưỡng này trở thành biểu tượng văn hóa – tâm linh vùng ven sông Lam, góp phần củng cố bản sắc địa phương và gắn kết cộng đồng người Nghệ An và Hà Tĩnh trong và ngoài nước. “Em sinh ra ở Hưng Nguyên, từ nhỏ đã được nghe bà kể Ông Mười là tướng giỏi, đánh trận giỏi, dân yêu lắm, nên ai cũng thờ như ông Thánh” [Phỏng vấn 9]. Lời kể dân gian, cùng lễ hội truyền thống và di tích thờ phụng, góp phần duy trì bản sắc Xứ Nghệ trong dòng chảy văn hóa quốc gia.

4.3.3. Giá trị nghệ thuật và sáng tạo dân gian

Giá đồng Ông Hoàng Mười là một hình thức trình diễn tích hợp cao, nơi thơ ca, âm nhạc, vũ đạo, phục trang và mỹ cảm dân gian hòa quyện tạo nên nghệ thuật biểu diễn độc đáo. Tính ngẫu hứng – một đặc điểm quan trọng trong văn hóa dân gian - được thể hiện rõ nét trong cách các thanh đồng ứng tác với văn châu, chọn đạo cụ, biến hóa động tác, sử dụng màu sắc và biểu cảm phù

hợp với từng nghi lễ cụ thể. Điều này cho thấy di sản này gắn với thực hành tín ngưỡng không hề tĩnh tại, mà luôn tái sáng tạo và phát triển.

Các nghi lễ như hầu đồng, trình diễn văn châu, rước lễ, bày mâm cỗ... thể hiện sự kết hợp tinh tế giữa nghệ thuật dân gian và nghi thức tâm linh, niềm tin của cộng đồng thực hành nghi lễ [Hình 10]. Lễ hội không chỉ là nghi lễ tâm linh mà còn là hình thái trình diễn công cộng, tạo ra cộng đồng tưởng tượng (Anderson) nơi các cá nhân tham gia chia sẻ trải nghiệm thiêng liêng thông qua biểu tượng Ông Hoàng Mười. “Bộ áo Ông Mười là đẹp nhất, thêu chỉ vàng, đi cùng múa cờ là đỉnh cao nhất trong các giá” [Phỏng vấn 28]. Đây là ví dụ điển hình cho sự giao thoa giữa tính thẩm mỹ và tín ngưỡng – nơi nghệ thuật dân gian được thăng hoa nhờ niềm tin linh thiêng.

Điều này mở ra hướng tiếp cận di sản văn hoá như một quá trình, một cấu trúc động (Smith), nơi các tầng nghĩa và biểu tượng liên tục được tái tạo và truyền dẫn.

4.3.4. Giá trị xã hội - cộng đồng và duy trì bản sắc Xứ Nghệ

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là chất keo kết nối cộng đồng, từ các dòng họ sở tại đến hội đồng hương, thanh đồng, khách hành hương từ khắp nơi. Các lễ hội, lễ giỗ không chỉ là nơi thực hành niềm tin mà còn là không gian tái tạo ký ức, thể hiện lòng thành và duy trì quan hệ xã hội. Trong bối cảnh ly hương, nghi lễ dâng Ông Mười tại các hội đồng hương Xứ Nghệ trở thành dịp củng cố bản sắc vùng miền [Hình 14, 33].

“Tôi ở Hà Nội nhưng năm nào cũng về giỗ Ông Mười, như về quê, về với gốc rễ” [Phỏng vấn 35]. Chính sự hồi hương tâm linh này góp phần làm sống lại ký ức cộng đồng, khẳng định tính bền vững của văn hóa vùng miền.

Câu chuyện về Ông Hoàng Mười như một “nhân thần hóa” từ thủy thần hay nhiên thần, biểu tượng “chuyển nghĩa” trong cộng đồng dân gian cho thấy tính sáng tạo truyền thống - nơi mà ký ức và niềm tin được kiến tạo phù hợp với nhu cầu tâm linh đương đại. Những truyền thuyết dân gian được lồng ghép

với yếu tố lịch sử tạo nên một hình tượng thiêng vừa thực vừa ảo, vừa gần gũi vừa kỳ bí, góp phần nâng cao khả năng linh ứng và sức lan tỏa biểu tượng. Đây là biểu hiện sinh động của cơ chế “chuyển nghĩa biểu tượng” - một thao tác văn hóa quan trọng trong việc duy trì và làm mới di sản.

Từ góc nhìn di sản học, đây là biểu hiện điển hình của “bản sắc mềm” - không giáo điều, không rập khuôn mà thấm sâu trong hành vi, trí nhớ và cảm xúc cộng đồng. Chính vì vậy, tín ngưỡng này có khả năng dung nạp những giá trị hiện đại mà vẫn giữ được cốt lõi thiêng liêng. Cấu trúc phân bậc của điện thờ, cách tổ chức không gian linh thiêng, các hình thức tương tác nghi lễ (xin lộc, rước thánh, cầu duyên) góp phần duy trì mạch kết nối liên thế hệ và phát triển năng lực cộng đồng tưởng tượng [Phỏng vấn 31, 36, 38].

4.3.5. Giá trị phát triển du lịch văn hóa - tâm linh

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trước quá trình hiện đại hóa, truyền thông và du lịch. Việc hành chính hóa không gian đền, chuẩn hóa lễ phục, kiểm soát vàng mã và ứng dụng công nghệ trong đăng ký lễ đều cho thấy quá trình tương tác giữa các chủ thể (Nhà nước - cộng đồng - thị trường). Dù được thể chế cụ thể, tín ngưỡng vẫn duy trì tính linh thiêng nhờ vào vai trò của cộng đồng trong duy trì thực hành và biểu tượng.

Không gian đền Ông Hoàng Mười tại xã Hưng Thịnh (Nghệ An), đền Chợ Củi, đền Dinh Đô (Hà Tĩnh) tạo thành “tam giác tâm linh” liên tỉnh, hội tụ các yếu tố địa linh - nhân kiệt - huyền thoại, là trục phát triển du lịch văn hóa - tâm linh tiềm năng. Tích hợp giữa nghi lễ truyền thống và trải nghiệm hiện đại (livestream, thực tế ảo, sản phẩm văn hóa số) mở ra cơ hội tạo nên sản phẩm du lịch đặc thù, phù hợp với thị hiếu giới trẻ, du khách quốc tế và cộng đồng người Việt xa quê. Việc kết hợp các yếu tố như lễ hội - nghệ thuật - công nghệ - thương hiệu địa phương không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch mà còn góp phần bảo tồn và phát huy di sản sống trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Sự phát triển của truyền thông số và du lịch trải nghiệm đã giúp tín

ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười tiếp cận được với nhiều đối tượng hơn, đặc biệt là người trẻ. Việc tái hiện lễ hội trên nền tảng YouTube, TikTok, Facebook đã góp phần truyền cảm hứng và tạo ra tiềm năng kinh tế - văn hóa đáng kể.

“Studio em có gói chụp hầu Ông Mười riêng vì có nhiều bạn trẻ thích concept này. Quan trọng là tụi em luôn giải thích rõ đây là nghi lễ, không phải cosplay” [Phỏng vấn 44].

Với những giá trị văn hóa - nghệ thuật - tâm linh - cộng đồng - du lịch như trên, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười hoàn toàn có thể trở thành một mô hình điển hình cho việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong xã hội đương đại. Từ đó, di sản này không chỉ là “tàn tích” của quá khứ mà là một “di sản sống”, là một hệ thống giá trị văn hóa tổng hòa: từ lịch sử, biểu tượng, nghệ thuật đến cộng đồng và kinh tế - góp phần định vị bản sắc Xứ Nghệ trong bối cảnh hiện đại, có khả năng lan tỏa và tạo dựng giá trị bền vững trong đời sống văn hóa quốc gia [Phỏng vấn 31 - 40].

4.4. Bàn luận học thuật

Mục tiêu chính của luận án là làm rõ vị trí, vai trò, đặc trưng và giá trị của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt; lý giải quá trình hình thành, biến đổi và thích ứng của hệ thống nghi lễ, biểu tượng và thực hành gắn với Ông Hoàng Mười qua không gian - thời gian cụ thể ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Dựa trên các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra trong phần mở đầu, cũng như ba nền tảng lý thuyết chính (biểu tượng học - Clifford Geertz; diễn ngôn học - Michel Foucault; thực hành văn hóa - Pierre Bourdieu), từ thực tiễn nghiên cứu và chuỗi phỏng vấn với cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, có thể nhận diện một số vấn đề học thuật nổi bật, liên quan đến việc kế thừa, chuyển hóa và diễn giải tín ngưỡng dân gian trong bối cảnh xã hội - truyền thông hiện đại.

4.4.1. Tín ngưỡng như một thực hành văn hóa

Theo lý thuyết thực hành văn hóa của Pierre Bourdieu, tín ngưỡng không

tồn tại như một tập hợp tĩnh tại của niềm tin siêu hình, mà là sản phẩm của sự kết tinh lịch sử, gắn chặt với phong tục truyền thống, vốn biểu tượng và quá trình tương tác xã hội trong một trường văn hóa cụ thể. NCS nhận thấy tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một ví dụ điển hình của hình thức thực hành văn hóa như vậy - nơi người dân, thanh đồng, Ban quản lý di tích, khách hành hương... đều đóng vai trò chủ thể đồng kiến tạo thực tại thiêng thông qua các hành vi biểu tượng, nghi lễ và cấu trúc không gian - thời gian cụ thể.

Không những thế, truyền thống, phong tục của cộng đồng Nghệ An và Hà Tĩnh được định hình từ lịch sử văn vật, truyền thống học hành, tinh thần thượng võ và đạo lý trung quân ái quốc, đã chuyển hóa thành hệ giá trị tâm linh độc đáo được thể hiện qua tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười. Các nghi lễ như hầu đồng, thỉnh lộc, mở phủ, rước thánh, văn châu, dâng lễ... không chỉ là sự lặp lại của phong tục truyền thống, mà là biểu hiện văn hóa tích lũy từ quá khứ, được tái hiện, biến đổi và duy trì trong hiện tại. Đây chính là quá trình tái sản xuất văn hóa mà Bourdieu nhấn mạnh.

Ngoài ra, không gian tín ngưỡng như đền Ông Hoàng Mười (xã Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An), đền Chợ Củi (Hà Tĩnh), đền Cả/ Dinh Đô (Hà Tĩnh) là nơi tập trung các thực hành biểu tượng, tạo thành “trường tín ngưỡng” (religious field) - khái niệm dùng để chỉ không gian nơi các chủ thể có vốn biểu tượng khác nhau, tương tác, cạnh tranh, điều chỉnh vị thế, đồng thời định hình cấu trúc quyền lực mềm dựa trên niềm tin, phong tục và chuẩn mực nghi lễ.

Trong “trường” đó, thanh đồng là người sở hữu vốn thiêng (symbolic capital), khả năng kết nối với thần linh và tạo ra trải nghiệm tâm linh cho người dự lễ. Người hành hương mang đến vốn xã hội - thông qua mối liên kết cộng đồng, truyền thông thiêng, kỳ vọng tâm linh. Ban quản lý di tích nắm giữ quyền lực hành chính - thể chế hóa và kiểm soát không gian thiêng, phân vùng chức năng và tổ chức nghi lễ. Người dân địa phương lưu giữ vốn văn hóa tại chỗ - các huyền thoại, tập quán, phong tục địa phương - đóng vai trò là nền tảng biểu

tượng cho toàn bộ hoạt động tín ngưỡng. Sự tương tác giữa các chủ thể này tạo ra một hệ thống động, nơi giá trị truyền thống được tái định nghĩa và thực hành trong bối cảnh xã hội đương đại.

Tính chu kỳ và cấu trúc thời gian văn hóa của tín ngưỡng - thông qua các sự kiện như lễ giỗ Ông Hoàng Mười, lễ hội tháng 10 âm lịch, lễ rước, nghi thức hầu đồng định kỳ... - đóng vai trò thiết lập lại nhịp điệu cộng đồng, củng cố ký ức tập thể, duy trì cảm thức gắn bó giữa người dân với quê hương xứ sở. Mỗi mùa lễ hội là một thời điểm cao trào của quá trình thực hành, nơi các chủ thể tái hiện và tái cấu trúc bản sắc qua những biểu hiện mang tính nghi lễ.

Tuy nhiên, dưới tác động của hiện đại hóa, mạng xã hội và kinh tế thị trường, các thực hành tín ngưỡng cũng đang thay đổi. Hành vi đặt lễ trực tuyến, livestream hầu đồng, quảng bá tín ngưỡng qua TikTok, YouTube, trang web... là những minh chứng cho sự thay đổi *habitus* trong môi trường công nghệ. Thực hành tín ngưỡng đã mở rộng trường văn hóa của nó từ không gian vật lý sang không gian số - nơi người hành lễ, thầy đồng, người xem đều tương tác qua nền tảng kỹ thuật số, đồng thời vẫn duy trì niềm tin vào quyền năng siêu nhiên. Điều này phản ánh tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao của cấu trúc tín ngưỡng với điều kiện xã hội mới - đúng như Bourdieu từng chỉ ra: các thực hành văn hóa luôn phản ánh sự biến động của trường xã hội và mối tương quan giữa các loại vốn.

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, từ vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi thiêng liêng của miền Trung, đang thực sự hồi sinh một cách sống động trên các nền tảng số. Khi nghi lễ tâm linh không chỉ tồn tại trong đền miếu mà còn bước vào điện thoại thông minh của hàng triệu người, khi điệu hát văn không chỉ vang lên nơi cửa đền phủ mà còn phát trong tai nghe giới trẻ, thì đó chính là lúc di sản đã vượt qua giới hạn vật lý, trở thành tài sản văn hóa chung của thời đại. Sự sinh động trong hình ảnh, mượt mà sâu lắng trong những làn điệu hát văn, khi lại sôi động linh hoạt thể hiện chiều sâu trong nội dung và cảm xúc thành kính của cộng đồng chính là ba yếu tố giúp tín ngưỡng Ông Hoàng Mười

lan tỏa xa hơn, bền vững hơn trong nhịp sống hiện đại.

Từ góc độ này, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không chỉ là di sản tĩnh mà là một thực hành văn hóa sống động - nơi truyền thống không được/bị bảo tồn thụ động, mà được duy trì, điều chỉnh và sáng tạo qua từng nghi thức, mùa lễ, hành vi của cộng đồng. “Có người bảo Ông Mười là ông Lê Khôi, nhưng cũng có người bảo ông là thần bản địa hóa thân. Dân mình tin cái tình, cái thiêng, chứ ít quan tâm ông thật là ai” [Phỏng vấn 26]. Chính trong quá trình thực hành đó, bản sắc Xứ Nghệ - với những giá trị như nghĩa tình, học vấn, khí phách, lòng trung quân - được duy trì, lan tỏa và củng cố qua các thế hệ. Lý thuyết thực hành văn hóa của Pierre Bourdieu do đó cung cấp một khung phân tích hữu hiệu để nhận diện động lực nội tại của tín ngưỡng, giải thích sự bền vững và biến đổi của nó trong bối cảnh xã hội hiện đại, toàn cầu hóa và chuyển dịch văn hóa ở Việt Nam [Phụ lục 1].

4.4.2. Diễn ngôn thiêng và cơ chế quyền lực

Từ quan điểm của Michel Foucault, tín ngưỡng không chỉ là một hiện tượng văn hóa - tâm linh, mà còn là một hình thức diễn ngôn, nơi quyền lực và tri thức được vận hành thông qua lời nói, biểu tượng, không gian và cấu trúc nghi lễ. Trong luận án này, việc tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một “diễn ngôn thiêng” cho phép làm sáng tỏ cách mà các hình thức truyền đạt linh thiêng đạt đến đỉnh cao nhất của nghệ thuật ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh... mà có thể nói rằng chỉ có ở hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung, giá đồng Ông Hoàng Mười nói riêng. Các giá trị của nghệ thuật hát văn châu, nghi lễ, biểu tượng, huyền thoại... vừa tạo dựng tri thức về thần linh, vừa duy trì cơ chế quyền lực trong cộng đồng tín ngưỡng.

Thứ nhất, các bài văn châu, nội dung truyền thuyết, nghi lễ thờ tự chính là những cấu trúc diễn ngôn được lặp lại nhằm thiết lập chân dung linh thiêng của Ông Hoàng Mười. Từ hình tượng một vị tướng tài giỏi thời phong kiến, ông dần được gán ghép với các đặc điểm siêu nhiên, trở thành người ban tài,

hộ mạng, giải hạn, giúp dân làm ăn, phù hộ người có tâm... Những mô tả này không chỉ phản ánh tín ngưỡng dân gian mà còn cho thấy cách diễn ngôn thiêng được cấu trúc để củng cố niềm tin cộng đồng và kiến tạo một hệ giá trị đạo đức - xã hội. Cơ chế quyền lực thiêng theo đó được hình thành từ chính sự lan tỏa của các câu chuyện thiêng và sự thừa nhận rộng rãi của cộng đồng về những điều được cho là “linh ứng”. Thanh đồng họ Lê (năm 2024) 102 tuổi nhưng vẫn hào hoa như thế này khi hầu đồng:

Trăng bao ơ ơ trăng bao nhiêu tuổi trăng già rằng trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Ông hay bảo rằng bao giờ bao giờ Hồng Lĩnh hết cây

Sông Lam kia mà hết nước thì ghé Ông đây vẫn chưa hết lộc tài

Họ Lê, Ông vẫn chưa hết lộc tiền hò ơ hò.

Người ta sống ở trên đời người ta sống ở trên đời

Tiền dòng mà bạc chảy để rồi mà làm chi.

Cuối cùng cũng chẳng đem đi

Mà đem đi cũng chẳng để làm gì cho ai

Cho nên chúc cho họ Lê có lộc lại có tài

Nhưng mà phải có phúc để mà sống thọ hưởng lộc trời Hoàng ban ơ hò [120].

Thứ hai, quyền lực trong diễn ngôn không chỉ hiện diện trong nội dung (ông là ai, ông làm gì?) mà còn ở hình thức và cách tổ chức không gian nghi lễ. Việc phân chia cung cấm - nơi không phải ai cũng được vào thực hành các nghi lễ - và không gian công cộng lễ chung, phản ánh sự phân tầng quyền lực trong cộng đồng thực hành. Ban quản lý di tích, chính quyền địa phương, các thanh đồng và người hành hương - mỗi nhóm đều vận hành và tái sản xuất diễn ngôn về Hoàng Mười theo cách của riêng họ, nhằm đạt được các lợi ích biểu tượng, xã hội hoặc kinh tế. Điều này thể hiện rõ nét lý thuyết của Foucault về cách quyền lực vận hành không thông qua áp đặt cưỡng bức mà qua sự nội tại hóa

trong hệ thống tri thức và thực hành hằng ngày.

Thứ ba, sự hiện diện của truyền thông số trong các hoạt động tín ngưỡng ngày nay (livestream hầu đồng, chia sẻ văn chầu trên TikTok, video ghi lại lễ hội...) cho thấy sự chuyển hóa của diễn ngôn thiêng từ không gian truyền thống sang không gian số. Theo Foucault, mỗi diễn ngôn vận hành trong một “chế độ chân lý” (regime of truth) - tức là khuôn khổ mà trong đó những gì được nói ra được coi là đúng, có giá trị. Khi diễn ngôn thiêng bước vào không gian mạng, nó tiếp xúc với các chế độ chân lý mới - nơi cộng đồng mạng vừa có thể tin tưởng, vừa có thể nghi vấn hoặc tái cấu trúc các diễn ngôn sẵn có [Phỏng vấn 41]. Sự đối thoại giữa truyền thống và hiện đại, giữa nghi lễ và trình diễn, giữa niềm tin và tính giải trí - tất cả tạo nên những thách thức mới cho sự bền vững của hệ thống diễn ngôn tín ngưỡng.

Cuối cùng, từ góc nhìn của Foucault, việc phân tích tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không thể tách rời khỏi bối cảnh chính trị - xã hội. Sự phục hồi mạnh mẽ của tín ngưỡng dân gian sau Đổi mới, việc chính quyền địa phương công nhận, tôn vinh, và tích cực tổ chức các lễ hội, không chỉ phản ánh sự bảo vệ di sản mà còn là biểu hiện của chính sách văn hóa mang tính “quản trị diễn ngôn”.

Ví dụ: Trang phục, âm nhạc, nghi lễ hầu đồng Ông Mười hiện nay thường được đánh giá qua yếu tố “đẹp” - long lanh, bắt mắt, thu hút tương tác. Điều này tạo ra một sự giằng co giữa thẩm mỹ hóa và linh thiêng hóa.

“Có giá Ông Mười, người múa cờ đẹp như nghệ sĩ múa. Nhưng có người lại thấy như biểu diễn chứ không còn là hầu nữa” [Phỏng vấn 36]. Như vậy, vấn đề đặt ra là cần thiết lập những tiêu chuẩn văn hóa để không biến nghi lễ thành công cụ giải trí đơn thuần.

Nhà nước không còn đứng ngoài tôn giáo - tín ngưỡng, mà tham gia tái cấu trúc diễn ngôn thiêng nhằm hướng tới các mục tiêu xã hội như đoàn kết cộng đồng, phát triển du lịch, giữ gìn bản sắc.

Tóm lại, từ góc nhìn diễn ngôn học của Michel Foucault giúp luận án lý

giải sâu sắc cách mà tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không chỉ tồn tại như một niềm tin, mà còn là một hệ thống diễn ngôn phức tạp - nơi quyền lực, tri thức, niềm tin và bản sắc đan xen, được sản sinh và tái cấu trúc qua không gian, thời gian và các chủ thể xã hội khác nhau.

4.4.3. Biểu tượng và cấu trúc ý nghĩa

Theo góc nhìn biểu tượng học của Clifford Geertz, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không chỉ là một tập hợp các nghi thức, lễ hội hay truyền thuyết dân gian, mà là một hệ thống biểu tượng dày đặc – nơi cộng đồng diễn giải và tái diễn các cấu trúc ý nghĩa về thế giới, con người và mối quan hệ với cái thiêng. Tác giả Clifford Geertz quan niệm văn hóa là: “hệ thống các biểu tượng tạo nghĩa và nghi lễ là nơi các biểu tượng ấy được thể hiện, truyền tải và nội tại hóa trong cộng đồng”. Luận án này tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một “văn bản văn hóa” (cultural text), nơi người hành lễ, thầy cúng, người dâng sớ hay khán giả đều là những người tham gia vào quá trình tạo nghĩa và tái cấu trúc biểu tượng.

Thứ nhất, các yếu tố như sắc phục màu vàng, hình tượng cưỡi ngựa, động tác đề thơ (quạt, bút), biểu tượng “Ông Hoàng miền Trung” hay các bài văn châu mô tả tài đức... đều là những “dấu hiệu dày đặc” có khả năng gợi lên những lớp nghĩa sâu xa về khí chất, đạo lý, lịch sử và căn tính vùng miền [Hình 14, 15, 33]. Những biểu tượng này không hề bất biến mà thay đổi, thích ứng theo từng bối cảnh xã hội - văn hóa. Chúng phản ánh hệ thống giá trị đặc thù của cộng đồng Xứ Nghệ: lòng trung quân ái quốc, tinh thần hiếu học, nghĩa khí và thủy chung - những yếu tố làm nên “chất Nghệ”.

Thứ hai, nghi lễ hầu đồng và văn châu Ông Hoàng Mười là hình thức “trình diễn văn hóa” (cultural performance), nơi các biểu tượng được sắp đặt, thể hiện, biến hóa nhằm tái hiện không chỉ chân dung vị thánh mà còn là thế giới biểu cảm của cộng đồng. Trong trình diễn ấy, người thanh đồng không chỉ đóng vai mà hóa thân thành thần thánh, người xem không chỉ quan sát mà tham

dự vào dòng chảy cảm xúc và tín ngưỡng. Theo Geertz, đây chính là nơi văn hóa không chỉ được phản ánh mà còn được kiến tạo - thông qua biểu tượng, ngôn ngữ, chuyển động và âm nhạc.

Thứ ba, cấu trúc điện thờ và không gian thiêng của đền Ông Hoàng Mười cũng là một dạng văn bản biểu tượng. Cách sắp đặt nghi môn, sân lễ, trung điện, hậu cung, ban thờ phụ... tạo nên một cấu trúc thiêng, nơi mỗi vị trí không chỉ mang chức năng vật lý mà còn biểu đạt trật tự vũ trụ, tôn ti trật tự xã hội, sự phân định giữa cái thiêng và cái tục. Những thay đổi gần đây như bổ sung biển chỉ dẫn, phân khu rõ ràng, kiểm soát hành vi lễ bái, quy định trang phục... phản ánh quá trình hiện đại hóa không gian thiêng, nhưng đồng thời cũng làm nổi bật nhu cầu bảo tồn các lớp biểu tượng truyền thống đang dần bị pha loãng.

Không gian linh thiêng nay không chỉ là đền phủ vật chất mà còn là các diễn đàn mạng, nơi tín ngưỡng được tái hiện, trình diễn và truyền tải. Mạng xã hội vừa mở rộng khả năng truyền thông, vừa đặt ra nguy cơ dẫn đến méo mó trong thực hành và thương mại hóa nghi lễ. “Tôi từng thấy clip TikTok múa cờ Ông Mười nhưng thêm nhạc EDM. Vừa buồn cười vừa thấy có gì sai sai” [Phỏng vấn 31].

Thứ tư, huyền thoại, truyền thuyết và truyện kể dân gian về Ông Hoàng Mười chính là “biểu tượng kể chuyện” (narrative symbols), nơi cộng đồng kiến tạo lịch sử tâm linh của mình. Dù không có cơ sở kiểm chứng chắc chắn, các câu chuyện về sự linh ứng, sự tích Ông Hoàng Mười “giáng đồng”, các truyền thuyết về tài đánh giặc hay giúp dân... được lặp đi lặp lại như một hình thức diễn giải lịch sử giàu cảm xúc, tạo nên cảm thức cộng đồng sâu sắc. Trong đó, việc Ông được đồng nhất với các nhân vật lịch sử như Lê Khôi, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc... cho thấy tính linh hoạt và sáng tạo trong cơ chế biểu tượng.

Cuối cùng, từ góc nhìn biểu tượng học, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một cấu trúc ý nghĩa động - vừa mang tính kế thừa truyền thống, vừa không ngừng thích ứng với hiện đại. Chúng tôi thấy biểu tượng không đơn thuần là tàn tích văn

hóa, mà là chất liệu sống - được cộng đồng gán nghĩa, tái nghĩa, đồng sáng tạo và sử dụng để diễn giải bản thân. Chính khả năng thích ứng của hệ biểu tượng này là minh chứng cho sức sống bền vững của tín ngưỡng trong lòng cộng đồng.

Như vậy, tiếp cận biểu tượng học của Geertz cho phép tác giả mở rộng cái nhìn từ nghi lễ và nhân vật Ông Hoàng Mười sang toàn bộ hệ thống cấu trúc ý nghĩa mà tín ngưỡng này gợi lên - từ sắc phục, hành vi, ngôn ngữ, đến không gian, thời gian và các lớp truyện kể dân gian. Đây không chỉ là phân tích biểu tượng, mà là phân tích văn hóa trong chính chiều sâu của nó.

4.4.4. Sáng tạo văn hóa trong thực hành tín ngưỡng Ông Hoàng Mười

Một trong những phát hiện nổi bật từ quá trình nghiên cứu theo NCS là, vai trò trung tâm của các thực hành sáng tạo văn hóa – không chỉ trong việc bảo tồn mà còn trong việc làm mới và tái định nghĩa tín ngưỡng Ông Hoàng Mười qua các giá đồng. Các sáng tạo này không đến từ một chủ thể quyền lực duy nhất, mà là sản phẩm của tương tác giữa người dân, thanh đồng, cung văn, chính quyền địa phương và các tác nhân truyền thông hiện đại. Đây là minh chứng rõ nét cho tính linh hoạt và năng lực “tự tổ chức” (self-organizing) của một hệ thống tín ngưỡng sống động.

Trước hết, cần nhấn mạnh đến các hình thức sáng tạo trong nghi lễ hầu đồng và văn chầu. Dù có khuôn mẫu nghi thức truyền thống, nhưng trong thực hành, người thanh đồng thường linh hoạt điều chỉnh động tác, lời văn, tiết tấu âm nhạc để phù hợp với đối tượng khán giả, không gian trình diễn, hoặc những biến động xã hội cụ thể. Văn chầu Ông Hoàng Mười do đó không bao giờ là một bản văn “đóng”, mà luôn trong trạng thái diễn ngôn “mở”, có thể được tái cấu trúc, bổ sung tích truyện, thậm chí sáng tác mới. Nhiều bản văn chầu mới đề cập đến các vấn đề xã hội đương đại (dịch bệnh, kinh tế khó khăn, mong cầu thăng tiến...) - cho thấy khả năng thích ứng mạnh mẽ của hình thức diễn xướng này.

Một mảng sáng tạo đáng chú ý khác là không gian trình diễn và cấu trúc tổ chức lễ hội. Dưới tác động của đô thị hóa và du lịch hóa, các đền thờ như đền

Hung Thịnh (Nghệ An), đền Chợ Củi, đền Cả (Hà Tĩnh)... đã tiến hành nhiều cải tổ mang tính “định dạng lại trải nghiệm tín ngưỡng”. Việc phân khu chức năng, quy chuẩn hóa trang phục, hướng dẫn nghi lễ bằng công nghệ số (mã QR, video hướng dẫn, bản đồ tương tác) vừa tạo điều kiện cho khách hành hương, vừa định hình một không gian lễ hội tương thích với đời sống đương đại. Chính quyền địa phương và ban quản lý di tích trong nhiều trường hợp đã chuyển từ vai trò “kiểm soát” sang “đồng kiến tạo”, phối hợp với cộng đồng để bảo tồn tính thiêng mà vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý và phát triển du lịch.

Không thể không kể đến những sáng tạo qua nền tảng truyền thông số. Các hội nhóm Facebook, TikTok, YouTube... về Ông Hoàng Mười hiện không chỉ là nơi chia sẻ trải nghiệm hành hương mà còn là nơi sản sinh các dạng thức văn hóa mới: thơ dâng Ông Mười, video dựng lại truyền thuyết, livestream hầu đồng, âm nhạc remix từ văn châu. Những yếu tố này làm xuất hiện các “hệ thẩm mỹ mới” trong lòng tín ngưỡng truyền thống, nơi cộng đồng không chỉ tái hiện quá khứ mà còn định hình tương lai của tín ngưỡng qua lăng kính thẩm mỹ và kỹ thuật số hiện đại [Phỏng vấn 41,42,43].

Thêm vào đó, không thể không nói đến hiện tượng “mở phủ du lịch” – một hình thức hành hương kết hợp với khám phá vùng đất linh thiêng. Người hành hương không chỉ đến để cúng bái, xin lộc, mà còn để trải nghiệm không gian văn hóa, ẩm thực và phong tục địa phương. Tại các lễ hội lớn, như giỗ Ông Hoàng Mười vào tháng 10 âm lịch, nhiều sự kiện trình diễn nghệ thuật dân gian (hò ví giặm, ca trù, hát xẩm...) trưng bày sản vật địa phương, hội chợ văn hóa... được tổ chức song song, góp phần “lai ghép” tín ngưỡng với các loại hình văn hóa khác [47], [49]. NCS nhận thấy đây chính là minh chứng cho tính “đa chức năng” và “lai ghép thể loại” của di sản sống trong thời hiện đại.

Việc phát huy và duy trì những yếu tố tín ngưỡng tôn thờ Ông Hoàng Mười trong quá trình sáng tạo của cộng đồng người dân Nghệ An, Hà Tĩnh cũng như du khách từ nhiều vùng miền trên cả nước là những lợi ích thiết thực cho cộng đồng

tạo động lực thúc đẩy tín ngưỡng này phát triển trong bối cảnh cạnh tranh với các lễ hội vùng miền khác trên cả nước nói chung Nghệ An, Hà Tĩnh nói riêng. Đây là sự lựa chọn của cộng đồng mà quan trọng nhất là các con nhang đệ tử theo đạo thờ Mẫu Tam phủ. Lễ hội Ông Hoàng Mười nơi đây đã phát huy vai trò của cộng đồng người dân. Huy động được nguồn lực lớn từ những người đi lễ thông qua các dịch vụ, nguồn thu công đức. Nguồn thu này được sử dụng hữu ích cho việc trùng tu tôn tạo quản lý các hoạt động của di tích.

Cuối cùng, sáng tạo văn hóa còn thể hiện trong khả năng địa phương hóa và toàn cầu hóa của tín ngưỡng. Các cộng đồng người Việt ở nước ngoài đã lập bàn thờ Ông Hoàng Mười, xây dựng văn bản châu riêng, tổ chức nghi lễ qua Zoom, livestream từ Nhật Bản, Đức, Hoa Kỳ... Những biến thể này vừa mang bản sắc cộng đồng xuất xứ, vừa tương thích với bối cảnh xã hội và công nghệ nơi sở tại - cho thấy năng lực “dịch chuyển biểu tượng” xuyên biên giới của hệ thống tín ngưỡng dân gian Việt Nam [77, tr.9-83; 521-561].

Tóm lại, sáng tạo văn hóa trong thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một hiện tượng đa chiều, diễn ra liên tục, kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính địa phương và toàn cầu. Chính những sáng tạo này là “nhịp đập” duy trì sự sống của di sản - không phải bằng cách bảo tồn nguyên trạng, mà bằng cách tạo ra những biến thể mới, phù hợp với nhu cầu và thế giới quan của cộng đồng đương đại. Đây cũng là minh chứng cho quan điểm “di sản là quá trình” (heritage as process) - di sản không chỉ là thứ được lưu giữ, mà còn là thứ được tái tạo trong hành động và niềm tin mỗi ngày.

4.4.5. Những vấn đề đặt ra

Từ toàn bộ quá trình phân tích, NCS rút ra một số vấn đề học thuật và thực tiễn bao gồm:

Thứ nhất, tín ngưỡng dân gian - cụ thể là tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười - cần được nhìn nhận như một thực thể văn hóa động, không chỉ là di sản phi vật thể cần bảo vệ, mà còn là một trường thực hành văn hóa, nơi các chủ

thể tham gia đồng kiến tạo nên những giá trị mới. NCS cho rằng điều này đặt ra yêu cầu tái cấu trúc cách tiếp cận trong nghiên cứu và quản lý di sản, chuyển từ tư duy “lưu giữ nguyên trạng” sang tư duy “đồng hành với biến đổi”. Quan điểm này cũng là nền tảng xuyên suốt rằng Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong bối cảnh hiện đại đã vượt khỏi biên giới vật chất của ngôi đền hay khu vực địa phương. Nó trở thành một thực hành liên văn hóa – nơi cộng đồng, truyền thông, nghệ thuật biểu diễn và thị hiếu thị giác cùng tham gia kiến tạo.

Thứ hai, các khung lý thuyết văn hóa học hiện đại như biểu tượng học, diễn ngôn học và thực hành văn hóa chứng tỏ khả năng giải mã sâu các hiện tượng tín ngưỡng. Tuy nhiên, việc ứng dụng chúng cần được nội địa hóa, đặt trong ngữ cảnh văn hóa Việt Nam để tránh áp đặt giản đơn hoặc diễn giải cứng nhắc. Chính từ thực tiễn phong phú của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, chúng ta có thể thấy tính linh hoạt trong kết hợp lý thuyết phương Tây và tri thức địa phương, vùng Xứ Nghệ.

Thứ ba, vấn đề quyền lực trong không gian thiêng là một thách thức lớn: giữa cộng đồng hành lễ truyền thống và bộ máy quản lý hành chính – giữa tính thiêng và tính du lịch, giữa thực hành sống động và quy chuẩn hóa lễ hội. Làm thế nào để thiết kế chính sách văn hóa linh hoạt, tôn trọng tính đặc thù của di sản sống, đồng thời đảm bảo an toàn, vệ sinh, hiệu quả kinh tế - là một bài toán chưa có lời giải hoàn toàn thỏa đáng giữa các bên liên quan. “Nếu chỉ nghĩ đến thu hút khách du lịch mà lược bỏ nghi thức thì sẽ thành sự kiện chứ không còn là lễ hội” [Phỏng vấn 32].

Thứ tư, vai trò của truyền thông số trong tái định hình tín ngưỡng dân gian là hiện tượng mới nổi bật. Cần tiếp tục nghiên cứu sâu các hình thức “diễn ngôn số hóa”, xu hướng thẩm mỹ mới, sự phân tầng người tham gia, để đánh giá tác động dài hạn của chúng đối với bản sắc và tính thiêng của di sản. “Có clip dựng giá Ông Mười mà ghép filter bướm bay, hoa nở - coi thì thích mắt mà mất cái hồn” [Phỏng vấn 41].

Thứ năm, luận án đặt ra yêu cầu cập nhật phương pháp luận liên ngành trong nghiên cứu tín ngưỡng - không chỉ sử dụng nhân học hay dân tộc học, mà cần tích hợp các phương pháp từ nghiên cứu truyền thông, xã hội học, phân tích diễn ngôn, nghiên cứu văn hóa số... Điều này giúp soi sáng những khía cạnh mới, đang thay đổi nhanh chóng trong đời sống đương đại. “Em học truyền thông, sau đợt nghiên cứu Ông Mười thì mới hiểu được văn hóa là thứ sống chứ không chỉ là chuyện thờ cúng” [Phỏng vấn 24].

Những vấn đề trên không chỉ gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo, mà còn là cơ sở để hoạch định chính sách văn hóa địa phương, thiết kế sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh phù hợp, và xây dựng các mô hình bảo vệ - phát huy giá trị di sản một cách bền vững.

Tiểu kết

Chương 4 làm rõ quá trình tái cấu trúc tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong bối cảnh truyền thông hiện đại, qua đó khẳng định đây là một hệ thống văn hóa dân gian sống, không ngừng vận động và thích ứng. Những biến đổi trong nghi lễ, không gian thiêng và diễn ngôn tín ngưỡng cho thấy sự dịch chuyển từ thực hành truyền thống khép kín sang các hình thức biểu đạt mở, đa kênh và liên thông giữa không gian đền phủ và môi trường số.

Phân tích các thực hành và nhận thức cộng đồng cho thấy tính đa thanh trong cách định nghĩa và truyền thông hình tượng Ông Hoàng Mười, phản ánh quá trình đồng kiến tạo giữa các chủ thể thực hành, truyền thông và thị hiếu đương đại. Tín ngưỡng vì thế vừa duy trì bản sắc cốt lõi, vừa tái mã hóa để thích ứng với các điều kiện văn hóa – công nghệ mới.

Từ góc nhìn văn hóa học, nghiên cứu khẳng định một số luận điểm then chốt: (1) tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười cần được tiếp cận như một thực thể văn hóa động, đòi hỏi chuyển dịch từ tư duy bảo tồn tĩnh sang đồng hành với biến đổi; (2) các khung lý thuyết hiện đại chỉ phát huy hiệu quả khi được nội địa hóa và gắn với tri thức địa phương Xứ Nghệ; (3) vấn đề quyền lực trong

không gian thiêng – giữa cộng đồng, thiết chế quản lý và du lịch hóa – là thách thức trung tâm của quản trị di sản sống; (4) truyền thông số đang tái định hình mạnh mẽ thực hành tín ngưỡng, đặt ra yêu cầu nghiên cứu dài hạn về diễn ngôn, thẩm mỹ và tính thiêng trong môi trường số; (5) nghiên cứu tín ngưỡng đương đại cần tiếp tục mở rộng theo hướng liên ngành, tích hợp văn hóa học, truyền thông học và nghiên cứu văn hóa số.

Như vậy, lễ hội và lễ giỗ Ông Hoàng Mười không chỉ là không gian nghi lễ, mà là trường biểu diễn ký ức cộng đồng, nơi các giá trị lịch sử, bản sắc địa phương và chiến lược phát triển văn hóa gặp gỡ và thương thảo. Quá trình tái ký hiệu biểu tượng, cùng sự chuyển đổi từ tự quản cộng đồng sang thiết chế đa tác nhân, cho thấy sức sống và khả năng tồn tại bền vững của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại.

KẾT LUẬN

Đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, đền Chợ Củi, Đền Cả ở Hà Tĩnh lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười là điểm đến của du lịch văn hóa tâm linh, là niềm tự hào của người dân Xứ Nghệ trong tín ngưỡng thờ Mẫu của dân tộc Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung, thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ nói riêng đã đề cao giá trị đạo đức của con người, truyền thống, đạo lý tốt đẹp Uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Đức thánh Hoàng Mười là chính thần ở những ngôi đền thờ Xứ Nghệ trên đã góp phần thu hút nhiều du khách tìm đến cúng lễ. Việc sáng tạo truyền thống gây dựng biểu tượng của Ông Hoàng Mười tài đức văn võ vẹn toàn, trí dũng kiên cường, linh thiêng quyền uy, ban phát lộc tài công danh... đã gây dựng niềm tin cho khách hành hương đi lễ góp phần duy trì bảo lưu, phát triển truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Nếu thiếu tính truyền thống, tính địa phương, tính lịch sử thì niềm tin của cộng đồng đối với Đức thánh Minh/Hoàng Mười không thể bền vững như hiện nay. Truyền thống được biến đổi, sáng tạo là sự lựa chọn tinh tế của cộng đồng. Quá trình sáng tạo ra các yếu tố mới theo các vị tướng nhân thần được người dân ngưỡng mộ kính trọng của Ông Hoàng Mười là tiếp tục bảo lưu các giá trị truyền thống của tín ngưỡng. Ngoài ra, việc xây dựng tôn tạo trùng tu hệ thống điện thờ tích hợp những vị thần thánh phối thờ trong tín ngưỡng góp phần phát triển việc thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười Xứ Nghệ.

Cùng với đó, lễ hội Ông Hoàng Mười là một thực hành tín ngưỡng đặc biệt, không chỉ mang giá trị tâm linh sâu sắc mà còn phản ánh cấu trúc văn hóa – xã hội phức hợp trong đời sống đương đại. Lễ hội là một minh chứng điển hình cho năng lực thích ứng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam trong bối cảnh xã hội hiện đại và toàn cầu hóa.

Hầu đồng - thực hành nghi lễ và biểu tượng của Ông Hoàng Mười tại các đền thờ Nghệ An, Hà Tĩnh nói riêng và trong các đền thờ của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung là một chỉnh thể văn hóa - tâm linh. Giá đồng của ông

không chỉ là một hoạt động trình diễn dân gian mà còn là không gian tái hiện biểu tượng văn hóa dân tộc, nơi cộng đồng thể hiện khát vọng, niềm tin và căn tính của họ. Biểu tượng Ông Hoàng Mười vì thế vừa cổ xưa vừa sống động, vừa linh thiêng vừa gần gũi trong đời sống đương đại.

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ còn cho chúng ta thấy biểu tượng thiêng không còn là cấu trúc cố định trong nghi lễ truyền thống, mà đang tái cấu trúc liên tục qua các phương tiện truyền thông mới. Vai trò của biểu tượng linh thiêng trong bối cảnh hiện nay không chỉ là kết nối tín ngưỡng với cộng đồng, mà còn đóng vai trò chiến lược trong phát triển văn hóa bền vững – nơi truyền thống được bảo tồn không phải bằng sự bất biến, mà bằng khả năng thích nghi sáng tạo và ý nghĩa biểu tượng sâu sắc trong đời sống đương đại. Biểu tượng thiêng không còn tĩnh tại trong không gian nghi lễ truyền thống mà đang được tái tạo năng động trong không gian mạng. Việc giữ gìn tính thiêng trong thời đại kỹ thuật số đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo tồn ý nghĩa nguyên gốc và thích nghi sáng tạo với môi trường đương đại. Đó là thách thức nhưng cũng là cơ hội để tín ngưỡng dân gian tiếp tục đồng hành cùng đời sống xã hội Việt Nam hiện đại.

Trong hệ thống thờ Mẫu Tam phủ, Ông Hoàng Mười được xem là một trong những vị nổi bật nhất, được thờ phụng chủ yếu tại khu vực Xứ Nghệ. Trong các thực hành dân gian và một số văn bản quản lý của tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh, Ông Hoàng Mười được xuất hiện với danh xưng Ông Hoàng Mười - một biểu hiện của sự tôn kính. Ông Hoàng Mười được cộng đồng hình dung như hiện thân của trí tuệ, bản lĩnh, lòng trung nghĩa, và còn được liên hệ với các nhân vật lịch sử là Lý Nhật Quang, Lê Khôi, Nguyễn Xí hay Nguyễn Duy Lạc - những danh tướng được thần thánh hóa qua văn truyền khẩu và văn chầu, các nghi thức cúng lễ dân gian, thể hiện sự kết hợp giữa sử học và huyền thoại dân gian Xứ Nghệ. Lễ hội Quan Hoàng Mười vì thế, không chỉ là nghi lễ vùng miền mà còn mang tính quốc gia khi trở thành một phần trong hệ thống

nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ được ghi vào danh sách là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Trong các nghi thức hầu đồng, hình tượng ngài hiện thân với phẩm phục màu vàng, cưỡi ngựa chiến, biểu hiện phong thái uy nghi, nhân hậu, lịch lãm và linh thiêng. Qua đó, cộng đồng Xứ Nghệ không chỉ thực hành tín ngưỡng mà còn khẳng định bản sắc địa phương - một bản sắc gắn với truyền thống học hành, nghĩa khí và lòng tự tôn dân tộc. Từ góc nhìn văn hóa học, vị trí của Ông Hoàng Mười là ví dụ sinh động cho cơ chế tích hợp biểu tượng văn hóa - nơi một nhân vật mang tính địa phương được nâng tầm thành biểu tượng liên vùng và quốc gia. Đây là minh chứng rõ nét cho quá trình thương thuyết ký ức cộng đồng và kiến tạo bản sắc văn hóa trong hệ thống tín ngưỡng dân gian Việt Nam hiện đại.

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười cùng với lễ hội đã phát huy vai trò quan trọng của người dân cộng đồng, huy động nguồn lực lớn từ du khách đi lễ cung tiến ngày càng tăng, việc sử dụng nguồn thu này hữu ích vào các việc trùng tu tôn tạo di tích đền thờ cùng việc tổ chức lễ hội quy mô trang trọng góp phần bảo vệ và phát huy giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, và phát triển nền kinh tế địa phương trong thời đại mới (phát triển du lịch văn hóa tâm linh).

Luận án *Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ* tiếp cận từ góc nhìn văn hóa học ứng dụng, nhằm nhận diện, phân tích và lý giải một hệ thống tín ngưỡng dân gian đang vận động mạnh mẽ trong bối cảnh hiện đại. Trên cơ sở khảo sát thực địa tại ba không gian thờ tự trọng điểm (đền Ông Hoàng Mười, đền Chợ Cui, đền Cả), kết hợp với phỏng vấn chủ thể thực hành và phân tích đa tầng lớp diễn ngôn, luận án đã đạt được những kết quả chính dưới đây.

Thứ nhất, luận án đã xác lập rõ vị trí và vai trò của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một thiết chế tâm linh - văn hóa đặc thù của vùng Nghệ An - Hà Tĩnh, vừa mang tính địa phương sâu sắc, vừa là một phần trong hệ thống điện thần toàn quốc. Việc thần thánh hóa danh nhân lịch sử (như Lý Nhật

Quang, Lê Khôi, Nguyễn Xí, Nguyễn Duy Lạc...) phản ánh cơ chế địa phương hóa tín ngưỡng dân gian, nơi cộng đồng kiến tạo hình tượng linh thiêng từ ký ức lịch sử - đạo đức tập thể.

Thứ hai, luận án đề xuất cách tiếp cận tín ngưỡng như một quá trình văn hóa, trong đó các giá trị - như tâm linh, bản sắc, thẩm mỹ, cộng đồng - không tồn tại cố định, mà luôn được tái định nghĩa qua tương tác xã hội, biến động chính sách và công nghệ truyền thông. Điều này mở ra hướng tiếp cận mới cho nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể tại Việt Nam, đồng thời cung cấp gợi ý thiết thực cho công tác hoạch định chính sách văn hóa địa phương.

Thứ ba, nghiên cứu chỉ ra quá trình biến đổi của tín ngưỡng Ông Hoàng Mười cả về hình thức (không gian thờ tự, nghi lễ, trang phục, truyền thông) lẫn nội dung (hệ biểu tượng, diễn ngôn, cảm thức thiêng). Các nghi lễ như hầu đồng, rước thánh, dâng lễ... vừa được chuẩn hóa theo yêu cầu quản lý di sản, vừa mở rộng ra không gian số, cho thấy khả năng thích ứng cao độ của hệ thống tín ngưỡng với đời sống hiện đại.

Thứ tư, luận án đã phân tích sâu mối quan hệ giữa cộng đồng - nhà nước - truyền thông trong quản trị di sản tín ngưỡng, qua đó làm nổi bật các tiến trình “hành chính hóa nghi lễ”, “sân khấu hóa lễ hội”, “số hóa không gian thiêng”, cũng như các chiến lược thương thuyết văn hóa giữa các chủ thể. Mô hình quản trị di sản đa tác nhân (multi-stakeholder governance) được nhận diện như một xu hướng nổi bật trong tổ chức và phát triển tín ngưỡng hiện nay.

Thứ năm, thông qua khung lý thuyết gồm thực hành văn hóa (Bourdieu), diễn ngôn học (Foucault), và biểu tượng học (Geertz), luận án đã lý giải bản chất động, tính cấu trúc - liên ngành và khả năng tái tạo không ngừng của tín ngưỡng dân gian. Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười không là một “di sản khô cứng”, mà là một “di sản sống” (living heritage), nơi cộng đồng không chỉ gìn giữ mà còn sáng tạo, thích ứng và lan tỏa trong môi trường hiện đại.

Kết luận chung, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một biểu hiện tiêu biểu cho sự lai ghép và vận động giữa truyền thống - hiện đại, giữa thiêng - tục, giữa địa phương, vùng miền văn hóa - toàn cầu. Việc bảo vệ, phát huy giá trị của tín ngưỡng này đòi hỏi không chỉ sự can thiệp hành chính, mà cần sự đồng hành, thương thảo và sáng tạo liên tục của cộng đồng - nhà nước - thị trường - truyền thông. Chính từ khả năng “vừa bảo tồn, vừa chuyển hóa”, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười đã và đang chứng minh sức sống bền vững của văn hóa dân gian Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Luận án không chỉ là một đóng góp cụ thể vào việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ mà còn mở rộng khả năng vận dụng lý thuyết văn hóa học để nghiên cứu các hiện tượng tín ngưỡng dân gian nói chung. Những luận điểm và phương pháp được triển khai trong luận án có thể tiếp tục được phát triển trong nghiên cứu về các vị thánh khác trong hệ thống thờ Mẫu, cũng như các hiện tượng văn hóa dân gian đương đại đang có sự tái cấu trúc mạnh mẽ dưới tác động của chính sách, truyền thông và công nghệ.

Luận án kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy nhận thức lại vai trò của tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của người Việt hiện nay, qua đó khẳng định rằng di sản văn hóa không chỉ là dấu vết của quá khứ mà còn là nguồn lực để định hình tương lai – một tương lai trong đó bản sắc văn hóa không bị đóng khung mà luôn được làm mới, thích nghi và sáng tạo, phát triển không ngừng./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Lễ hội đền Ông Hoàng Mười Nghệ An dưới góc nhìn biểu tượng và truyền thông đa tầng”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 611, tr 22 - 27.
2. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Tái cấu trúc lễ giỗ Quan Hoàng Mười tại đền Chợ Củi trong bối cảnh đổi mới”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển*, số 11, tr 75 - 80.
3. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Di sản sống trong dòng chảy hiện đại: Lễ hội Quan Hoàng Mười từ góc nhìn văn hóa học”, Tạp chí *Văn hóa và nguồn lực*, Đại học Văn hóa thành phố HCM, số 2 (42), tr 26 - 33.
4. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Về lời thơ và âm nhạc trong một số giá đồng Quan Hoàng của tín ngưỡng Tam phủ”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 3 (79), tr 96 - 109.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Dương Anh (2019), “Lễ hội Đền Ông Hoàng Mười”, Cục Di sản Văn hóa.<https://dsvh.gov.vn/le-hoi-den-ong-hoang-muoi-3116>, Truy cập ngày 4/5/2025.
2. Nguyễn Trọng Ánh (2000), *Âm nhạc Quan Họ*, Nhạc Viện Hà Nội.
3. Chris Barker (2011), *Nghiên cứu văn hóa, lý thuyết và thực hành*, Bản dịch, Nxb VHTT, H.
4. Báo Hà Tĩnh, “Đặc sắc lễ rước cấp thủy lễ hội Lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười”, <https://baohatinh.vn/dac-sac-le-ruoc-cap-thuy-le-hoi-den-ca-dinh-do-quan-hoang-muoi-post239593.html>, Truy cập ngày 5/5/2025
5. Báo Hà Tĩnh, “Trang trọng lễ giỗ Đức Thánh Hoàng Mười đền Chợ Củi”, <https://baohatinh.vn>, Truy cập ngày 5/5/2025
6. Báo Hà Tĩnh, “Nhiều hoạt động hấp dẫn tại lễ hội đền Chợ Củi năm 2024”, <https://hatinh.gov.vn>, Truy cập ngày 5/5/2025.
7. Luc Benoist (2006), *Dấu hiệu biểu trưng và thần thoại*, Hoàng Mai dịch, Nxb Thế Giới, H.
8. Nguyễn Chí Bền (2006), *Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb VHTT, H.
9. Bộ Văn hóa - Thông tin (1992), *Hồ sơ xếp hạng Di tích đền Chợ Củi*, Hà Tĩnh.
10. Đoàn Minh Châu (2011), *Cấu trúc lễ hội đương đại*, Nxb VHTT, H.
11. Nguyễn Thị Phương Châm (2019), “Vai trò cộng đồng trong việc phục dựng và thực hành lễ hội truyền thống”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, số 29, tháng 9, tr 25 – 31.
12. Phan Huy Chú (2006), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tái bản, Nxb Giáo dục, H, dẫn lại <https://vi.wikipedia.org/>, Truy cập 15-7-2025.
13. Nguyễn Xuân Diện (chủ biên, 2023), *Tứ bát tử tư liệu và khảo cứu*, Nxb

KHXXH, H.

14. Hồ Thị Hồng Dung (2017), *Âm nhạc Hát văn hầu ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ âm nhạc học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
15. Maurice Durand và Philippe Papin (2019), *Điện thần và Nghi thức hầu đồng*, Bản dịch, Nxb Tổng hợp tp HCM, Tp HCM.
16. Trần Quang Dũng (2018), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ chốn thiêng nơi cõi thực*, Nxb Nhã Nam, Nxb Thế Giới, H.
17. *Đền Củi linh thiêng huyền diệu* (2007), Nxb Nghệ An, Nghệ An.
18. *Đền Ông Hoàng Mười* (2009), Nxb Nghệ An, Nghệ An.
19. Nguyễn Khoa Điềm (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb CTQG, H.
20. Nguyễn Thị Thanh Giang (2015), *Đền thờ ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Viện HLKHXHVN.
21. Alain Gheerbrant, Jean Chevalier (2003), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Xuân Giao, Phạm Vĩnh Cư dịch, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
22. Paul Giran (2020), *Phù thuật và tín ngưỡng An Nam*, Bản dịch, Nxb Nhã Nam, Nxb Thế Giới, H.
23. Ninh Viết Giao (2001), “Nhân vật Hoàng Mười nhìn từ góc độ văn hóa dân gian”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4 (76), tr 53-56.
24. Chu Xuân Giao (2017), “Về kết cấu kép ở trung tâm truyền thuyết hệ thần Liễu Hạnh qua khảo sát thần tích Đệ tam tiên chúa được phụng thờ ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng”, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 1(135), tr 15-50.
25. Chu Xuân Giao (2017), “Hình ảnh Mẫu Liễu và phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX: Trường hợp trí thức khoa bảng Trần Tấn Bình với câu đối

- dâng năm 1922 cho đền Cổ Lương”, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 3 (137), tr 3-21, số 4 (138), tr 18-36.
26. Chu Xuân Giao (2018), “Vũ trụ quan Phật giáo phản ảnh trong nhóm sắc phong sớm nhất cho Liễu Hạnh công chúa vào nửa cuối thế kỷ XVII”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 5 (179), tr 25-36.
27. Nguyễn Bích Hà (2009), “Tín ngưỡng và giải mã trong văn học dân gian người Việt”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2, tr 43-49.
28. Thanh Hà (1995), *Âm nhạc Hát Văn*, Nxb Âm nhạc, H.
29. Mai Thị Hạnh (2018), *Bản hội trong đạo Mẫu tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Nxb VHDT, H.
30. Đinh Hồng Hải (tác giả và dịch giả, 2014), *Nghiên cứu biểu tượng: một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb Thế Giới, H.
31. Đinh Hồng Hải (2020), *Biểu tượng và con người – góc nhìn nhân học văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
32. Đinh Hồng Hải (2020), *Cấu trúc luận trong nghiên cứu biểu tượng: Từ ký hiệu học đến nhân học biểu tượng*, nguvan.hnue.edu.vn, Truy cập ngày 6/5/2025.
33. Nguyễn Quang Hải, Bùi Đình Thảo (1996), *Hát Châu Văn*, Nxb Âm nhạc, H.
34. Nguyễn Bích Hằng, Lê Thị Uyên (2016), *Phong tục và lễ nghi cổ truyền Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, H.
35. Nguyễn Thị Hiền (2004), “Ông đồng bà đồng: Họ là ai?” in trong *Kỷ yếu Hội thảo Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người Việt Nam và châu Á*, Nxb KHXH, H.
36. Nguyễn Thị Hiền (2017), “Phân cấp quản lý trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6 (174), tr 60-66.

37. Nguyễn Thị Hiền (2018), *Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể*, Nxb VHDT, H.
38. Nguyễn Thị Hiền (2022), “Nhận diện vai trò của cộng đồng đối với di sản”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr 73-83.
39. Nguyễn Thị Hiền (2023), *Di sản hóa và ghi danh di sản ở Việt Nam*, Nxb Văn học, H.
40. Nguyễn Thị Hiền (2024), “Nghệ thuật và ma lực một lý thuyết nhân học”, <https://tapchivanhoahoc.com.vn/pages/detail/673/5863/Nghe-thuat-va-ma-luc-mot-ly-thuyet-nhan-hoc.html>, Truy cập ngày 6/4/2025.
41. Nguyễn Duy Hình (1995), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb KHXH, H.
42. Kiều Thu Hoạch (2016), “Tổng quan về Vu Hích và Shaman”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1, tr 16-21, số 2, tr 110-112.
43. Kiều Thu Hoạch (2021), “Về tục thờ Tam phủ và hiện tượng hầu đồng”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1 (05), tr 39-48.
44. Chu Trọng Huyền (2012), *Kể chuyện Đức Thánh Hoàng Mười*, Nxb VHTT, H.
45. Eric Hobsbawm (2012), “Sáng tạo ra truyền thống”, Nguyễn Hoàng Nhị Hà dịch, *Tạp chí Văn hóa học*, số 1, tr 85-94, số 2, tr 92-96.
46. *Kế hoạch tổ chức Lễ hội đền Ông Hoàng Mười năm 2023*, Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên, Số:518/KH-UBND, ngày 26 tháng 10 năm 2023.
47. *Kế hoạch tổ chức Lễ hội đền Ông Hoàng Mười năm 2024*, Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên, Số: 543/KH-UBND, ngày 23 tháng 10 năm 2024.
48. *Kế hoạch tổ chức Lễ giỗ Đức Thánh Trần Triều năm 2024*, Ban quản lý dịch vụ công ích và các điểm du lịch huyện Nghi Xuân (Ban CIDL), Đền Chợ Củi, Hà Tĩnh.
49. *Kế hoạch tổ chức Lễ giỗ Quan Hoàng Mười năm 2024*, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân, Đền Chợ Củi, Hà Tĩnh.

50. *Kế hoạch tổ chức Lễ giỗ Thánh Mẫu tại di tích Quốc gia tại Đền Chợ Củi năm 2025*, Ban quản lý dịch vụ công ích và các điểm du lịch huyện Nghi Xuân, Số: 04/KH-CIDL, ngày 14 tháng 3 năm 2025.
51. *Kịch bản Tổ chức Lễ hội đền Ông Hoàng Mười năm 2023*, UBND huyện Hưng Nguyên, Số: 541/KB-BTC, ngày 03 tháng 11 năm 2023.
52. Vũ Ngọc Khánh (2012), *Tục thờ Thánh – Mẫu ở Việt Nam (Tháng tám tiệc Cha, tháng 3 tiệc Mẫu)*, Nxb VHNT, H.
53. Herman Korte (1997), *Nhập môn lịch sử xã hội học*, Bản dịch, Nxb Thế Giới, H.
54. Chí Kiên (2015), *Đồng Quan*, Nxb Thế Giới, H.
55. Đàm Lan (2020), “Tín ngưỡng thờ Mẫu qua góc nhìn văn hóa”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 3, số 429, tr 19–21.
56. Võ Hoàng Lan (2000), “Hầu đồng một hình thức sinh hoạt sân khấu dân gian”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 9, tr 84-88.
57. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (2008), *Việt Nam các nhận vật lịch sử - văn hoá*, Cục bảo vệ an ninh nội bộ và văn hoá tư tưởng xuất bản, H.
58. Đặng Hoàng Loan (2016), “Cung văn nơi điện thờ Tứ phủ”, In trong sách *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb Thế Giới, H.
59. Từ Thị Loan (2016), “Lên đồng và vấn đề sức sống của di sản trong xã hội đương đại”, In trong sách *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb Thế Giới, H.
60. Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb VHNT, H.
61. Nguyễn Ngọc Mai (2021), *Biến đổi của tôn giáo dân gian trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Nxb KHXH, H.

62. Triệu Quang Minh, Nguyễn Hữu Thụ (2017), “Triết lý âm dương trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 4, tr 29-33.
63. An Phạm Ngân, Thành Chung (2013), “Linh thiêng lễ hội đền Ông Hoàng Mười”, Baonghean.vn, Truy cập ngày 4/5/2025.
64. Phan Ngọc (1999), *Một cách tiếp cận văn hóa*, Nxb Thanh niên, H.
65. Nguyễn Tri Nguyên (2006), *Văn hóa tiếp cận lý luận và thực tiễn*, Nxb VHTT, H.
66. Nhiều tác giả (2007), *Văn hóa học, những phương pháp nghiên cứu*, Nxb VHTT, H.
67. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế Giới, H.
68. Nhiều tác giả (2012), *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (trường hợp hội Gióng)*, Nxb VHTT, H.
69. Nhiều tác giả (2014), *Toàn cầu hóa, văn hóa địa phương và phát triển (tuyển tập dịch)*, Nxb ĐHQG Tp HCM, Tp HCM.
70. Nhiều tác giả (2014), *10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế)*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, H.
71. Nhiều tác giả (2016), *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)* (kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế), Nxb Thế Giới, H.
72. Nhiều tác giả (2017), *Hội thảo Giá trị lịch sử văn hóa của di tích đền Ông Hoàng Mười, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*, Tài liệu hội thảo.
73. Nhiều tác giả (2017), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, hành trình đến di sản nhân loại*, Nxb Thế Giới, H,
74. Nhiều tác giả (2017), *Tuyển tập những bài hát văn*, Tập 1, Nxb Thế Giới, H.

75. Nhiều tác giả (2019), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt qua tư liệu Hán Nôm*, Tập 2, Nxb Thế Giới, H.
76. Nhiều tác giả (2019), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, những công trình nghiên cứu*, Tập 3, Nxb Thế Giới, H.
77. Nhiều tác giả (2021), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, những công trình của tác giả nước ngoài*, Tập 4, Nxb Thế Giới, H.
78. Nhiều tác giả (2022), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt trong bối cảnh hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, VICAS và Đại học Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8/2022.
79. Nhiều tác giả (2022), *Đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Kỷ yếu hội nghị - hội thảo do Cục Di sản Văn hóa tổ chức, Tài liệu nội bộ, Tp Hưng Yên, 07/12/2022.
80. Nhiều tác giả (2024), *Bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích Đền Cũ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Viện nghiên cứu và bảo tồn văn hóa, UBND huyện Nghi Xuân đồng tổ chức, tháng 10/2024.
81. Nhiều tác giả (2025), *Lưu hành và phát triển các loại hình nghệ thuật trên không gian mạng ở Việt Nam - cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam tổ chức, 14/8/2025.
82. Phạm Lan Oanh (2017), “Hành trình nghiên cứu đạo Mẫu Việt Nam của một nhà khoa học”, Nhiều tác giả, *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt hành trình đến di sản nhân loại*, Nxb Thế Giới, H.
83. Phạm Lan Oanh (2017), “Hủ tục và mê tín dị đoan – quan niệm và nhận thức”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4 (61), tr 24–32.

84. Phạm Lan Oanh (2019), “Nhận thức xã hội về thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ sau hai năm được UNESCO ghi danh, nhìn từ các nghiên cứu khoa học trong nước”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa*, số 28, tháng 6, tr 11-17.
85. Pham Lan Oanh (2020), “Changing Vietnamese Folk Beliefs in the Context of Globalization” “Biến đổi tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Oriental Institute Journal*, ISSN 2542-1611, No 4 (48), p 101-117. Bài đăng bằng tiếng Nga, NCS sử dụng bản tiếng Việt của tác giả.
https://www.dvfu.ru/upload/medialibrary/031/%D0%98%D0%B7%D0%B2%D0%B5%D1%81%D1%82%D0%B8%D1%8F%20%D0%92%D0%98_%202020-4-48-%D1%86%D0%B2_101-117.pdf
86. Nguyễn Công Oánh (2010), *Phủ Quảng cung trong hệ thống đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, H.
87. Nguyễn Xuân Phi, Hà Huy Tâm (2025), *Tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Thanh Hóa bản sắc và giải pháp phục vụ phát triển du lịch*, Nxb Văn học, H.
88. Nguyễn Hữu Phúc (2024), “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Việt vùng Trung Bộ”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, số 4 (214), tr 24-33.
89. Dương Quang, Quốc Thuận (2022), “Độc đáo lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười ở Hà Tĩnh”, <https://www.sggp.org.vn/doc-dao-le-hoi-den-ca-dinh-do-quan-hoang-muoi-o-ha-tinh-post657029.html>, Truy cập ngày 05/5/2025.
90. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Nghệ An (2002), *Lý lịch di tích đền Ông Hoàng Mười xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*.

91. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Lý lịch di tích lịch sử - văn hóa đền Cả, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh*.
92. Bùi Quang Thanh (2018), “Ông Hoàng Mười trong hệ thống truyền thuyết dân gian và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Xứ Nghệ”, <http://vanhoanghean.vn/chi-tiet-tin-tuc/14876-ong-hoang-muoi-trong-he-thong-truyen-thuyet-dan-gian-va-tin-nguong-tho-mau-tam-phu-o-xu-nghe>, Truy cập ngày 5/5/2025.
93. Bùi Quang Thanh (2023), “Sự hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam/ Tứ phủ và nghi lễ hầu đồng”, <https://diachivietnam.vn/su-hinh-thanh-tin-nguong-tho-mau-tam-tu-phu-va-nghi-le-hau-dong>, Truy cập ngày 5/5/2025.
94. Bùi Đình Thảo (1996), *Hát chầu văn*, Nxb Âm nhạc, H.
95. Bùi Quang Thắng (2003), *Hành trình vào văn hóa học*, Nxb VH TT, H.
96. Trần Quốc Thêm (2024), *Cẩm nang căn đồng số linh (Kiến thức chung và 500 câu hỏi thường trực)*, Bản thảo vi tính A4.
97. Nguyễn Trường Thiện (2023), “Lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười phường Trung Lương ấn tượng và sức lan tỏa một vùng quê văn hiến”, <https://trungluong.hatinh.gov.vn/trungluong/pages/2023-11-22/Le-hoi-Den-Ca--Dinh-do-Quan-Hoang-Muoi-phuong-Trun-472434.aspx>, Truy cập ngày 5/5/2025.
98. Ngô Đức Thịnh (1992), *Hát văn*, Nxb VHDT, H.
99. Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
100. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (đồng chủ biên, 2005), *Folklore thế giới, một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb KHXH, H.
101. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb KHXH, H.
102. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, H.

103. Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2011), *Đạo Mẫu ở Việt Nam 100 bài văn châu*, Nxb VHTT, H.
104. Ngô Đức Thịnh (2016), “Đạo Mẫu trước xu hướng hiện đại hóa”, In trong sách *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb Thế Giới, H.
105. Hồ Đức Thọ (2004), *Huyền tích Thánh Mẫu Liễu Hạnh và di sản văn hóa – lễ hội Phủ Dầy*, Nxb VHTT, H.
106. Hồ Đức Thọ, Phạm Văn Giao (2010), *Hầu bóng lễ thức dân gian trong thờ Mẫu – Thần Tứ phủ ở miền Bắc*, Nxb Thanh Niên, H.
107. Bùi Thị Thoa (2021), “Hầu hội trong thực hành tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt ở Đà Lạt, Lâm Đồng phần 1”,
<https://thanhdiavietnamhoc.com/hau-hoi-trong-thuc-hanh-tin-nguong-tho-mau-cua-nguoi-viet-o-da-lat-lam-dong/>; phần 2”,
<https://thanhdiavietnamhoc.com/hau-hoi-trong-thuc-hanh-tin-nguong-tho-mau-cua-nguoi-viet-o-da-lat-lam-dong-phan-2/>, Truy cập ngày 5/5/2025.
108. Nguyễn Thị Minh Thu (2017), *Mạng lưới xã hội trong tín ngưỡng thờ Mẫu (nghiên cứu trường hợp bà đồng Đặng Thị Mát, thủ nhang đền Tam phủ thị xã Sơn Tây thành phố Hà Nội)*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
109. Quốc Thuận (2023), “Lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười”
<https://honglinh.hatinh.gov.vn/portal/pages/2023-11-10/Le-hoi-Den-Ca--Dinh-do-Quan-Hoang-Muoi-472116.aspx>. Truy cập ngày 5/5/2025
110. Thanh Thủy (2011), “Linh thiêng lễ hội đền Ông Hoàng Mười”,
baonghean.vn, Truy cập 4/5/2025.
111. Nguyễn Đạt Thức (2021), *Tín ngưỡng thờ mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dầy qua tư liệu Hán Nôm*, luận án tiến sĩ Văn hóa học, Thư viện Viện Văn

hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

112. Đinh Đức Tiến (2017), “Ông Hoàng Mười từ nhiên thần đến nhân vật lịch sử dưới góc nhìn địa văn hóa”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4, tr 3-13.
113. Đinh Đức Tiến (2024), “Nhận diện lại nguồn gốc của Ông Hoàng Bảy (Tiếp cận từ góc nhìn địa văn hóa – lịch sử)”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hoá Việt Nam*, số 4 (214), tr 3-14.
114. Đoàn Thị Tình (2020), *Sắc phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Nxb Hồng Đức, H.
115. Phạm Tước (2023), “Lễ hội Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười” <https://baovanhoa.vn/van-hoa/le-hoi-den-ca-dinh-do-quan-hoang-muoi-74614.html>, Truy cập ngày 5/5/2025.
116. UNESCO (2003), *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage (Công ước bảo vệ di sản phi vật thể)*, Bản dịch, Paris: UNESCO.
117. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa*, Tạp chí VHNT, H.
118. Nguyễn Thị Yên (2019), “Ông Hoàng Mười Nghệ An từ ngôi đền thờ ở làng Xuân Am đến điện thần Tứ phủ”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa*, tháng 9, số 29, tr 41- 50.
119. <https://www.facebook.com/share/r/1FT5AFpypk/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 15/7/2025.
120. <https://www.facebook.com/share/r/15yiL71HPb/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 15/7/2025.
121. <https://www.facebook.com/share/v/1A4j1DczbE/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 15/7/2025.
122. <https://www.facebook.com/share/v/16DTW41Eyh/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 15/7/2025.
123. <https://hellotrip.vn/kinh-nghiem-chiem-bai-den-ong-hoang-muoi-tu-a-z->

nam-2025/ Truy cập ngày 15/7/2025.

124. <https://www.facebook.com/dinh.o.hoang.muoi/> Truy cập ngày 15/6/2025

125. <https://gostay.vn/tin-tuc/1639/kinh-nghiem-di-le-den-ong-hoang-muoi-chi-tiet-nhat> Truy cập ngày 15/7/2025.

126. <https://giaoducthoidai.vn/tri-chau-ly-nhat-quang-bac-thanh-nhan-cua-nguoi-xu-nghe-post709380.html>, Truy cập ngày 15/6/2025.

127. <https://www.facebook.com/share/v/16DTW41Eyh/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 16/6/2025.

128. <https://www.facebook.com/share/v/16jTBQE65h/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 16/6/2025.

129. <https://www.facebook.com/share/v/16fXsxCrLU/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 16/6/2025.

130. <https://www.facebook.com/share/p/18CUpRvsyp/?mibextid=wwXIfr>, Truy cập ngày 18/6/2025.

131. nguvan.hnue.edu.vn. Đinh Hồng Hải “Cấu trúc luận trong nghiên cứu biểu tượng: Từ ký hiệu học đến nhân học biểu tượng” 15/10/2020, Truy cập ngày 18/6/2025.

132. [https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Kh%C3%B4i#:~:text=L%C3%AA%20Kh%C3%B4i%20\(ch%E1%BpB%AF%20H%C3%A1n%3A%20%E9%BB%8E,%C3%BAy%2C%20t%C6%B0%E1%BB%9Bc%20%C4%90%C3%ACnh%20Th%C6%B0%E1%BB%A3ng%20h%E1%BA%A7u](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Kh%C3%B4i#:~:text=L%C3%AA%20Kh%C3%B4i%20(ch%E1%BpB%AF%20H%C3%A1n%3A%20%E9%BB%8E,%C3%BAy%2C%20t%C6%B0%E1%BB%9Bc%20%C4%90%C3%ACnh%20Th%C6%B0%E1%BB%A3ng%20h%E1%BA%A7u), Truy cập 18/6/2025.

133. https://vi.wikipedia.org/wiki/X%E1%BB%A9_Ngh%E1%BB%87, Truy cập 15/5/2025.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

134. Appadurai A (1996), *Modernity at Large (Hiện đại ở phạm vi rộng)*, University of Minnesota Press, Minneapolis.

135. Assmann, Jan (2011), *Cultural Memory and Early Civilization: Writing, Remembrance, and Political Imagination* (Ký ức văn hóa và nền văn minh sơ khai: Viết, tưởng nhớ và trí tưởng tượng chính trị) Cambridge: Cambridge University Press, pp 35-37.
136. Barthes, R. (1957), *Mythologies* (Thần thoại), Éditions du Seuil.
137. Bourdieu, Pierre (1977), *Outline of a Theory of Practice* (Đề cương cho một lý thuyết về thực hành), Cambridge University Press, pp 72–85.
138. Bourdieu, Pierre, *The Logic of Practice* (Lôgic của thực hành), Stanford University Press, 1990, pp 52-60.
139. Bowen, G.A (2009). Document analysis as a qualitative research method (Phân tích tài liệu như một phương pháp định tính). *Qualitative research Journal*, 9 (2), 27–40.
140. Eliade, Mircea (1959), *The Sacred and the Profane: The Nature of Religion*, (Thiêng liêng và cái phàm tục: Bản chất của tôn giáo), Translated by Willard R. Trask. New York: Harcourt, pp 20-45.
141. Geertz, Clifford (1973), *The Interpretation of Culture* (Diễn giải văn hóa), Basic Books.
142. Hall, S. (1990), “Cultural identity and diaspora” (Bản sắc văn hóa và kiều dân), In J. Rutherford (Ed.), *Identity: Community, Culture, Difference* (Bản sắc: Cộng đồng, Văn hóa, Khác biệt), Lawrence & Wishart, pp. 222–237.
143. Foucault, Michel (1969), *The Archaeology of Knowledge* (Khảo cổ học tri thức), New York: Pantheon Books, pp 49–54.
144. Foucault, Michel (1980), *Power/Knowledge: Selected Interviews and Other Writings 1972–1977* (Quyền lực/Tri thức: Các cuộc phỏng vấn và bài viết chọn lọc 1972–1977), New York: Pantheon, pp 78–82.
145. Halbwachs, Maurice (1992), *On Collective Memory* (Về ký ức tập thể),

Edited and translated by Lewis A. Coser. Chicago: University of Chicago Press.

146. Kramer, E.M.(2000), *Cultural fusion and the defense of difference*, (*Sự dung hợp văn hóa và việc bảo vệ sự khác biệt*), In M. K. Asante & J. E. Min (Eds.), *Socio – Cultural Conflict between African and Korean Americans* (*Xung đột văn hóa – xã hội giữa người Mỹ gốc Phi và người Mỹ gốc Hàn*), New York University Press of America, pp 182-223.
147. Endres, Kirsten W. (2011). *Performing the Divine: Mediums, Markets and Modernity in Urban Vietnam* (*Thực hành tính thiêng: Thanh đồng, thị trường và tính hiện đại trong bối cảnh đô thị Việt Nam*). Copenhagen: NIAS Press.
148. Nora, Pierre (1989), “Between Memory and History: Les Lieux de Mémoire” (*Giữa ký ức và lịch sử: Les Lieux de Mémoire*), *Representations* 26, pp 7–24, pp 8-15.
149. Saukko, Paula (2004), *Doing Research in Cultural Studies: An introduction to classical and new methodological approaches* (*Làm nghiên cứu văn hóa: Nhập môn về những cách tiếp cận cổ điển và mới*). Sage.
150. Smith, L. (2006), *Uses of Heritage* (*Việc sử dụng di sản*), Routledge.
151. Taylor, K. (2004), “Cultural heritage management: A possible role for charters and principles in Asia” (*Quản lý di sản văn hóa: Vai trò tiềm năng của các hiến chương và nguyên tắc tại châu Á*), *International Journal of Heritage Studies*, 10(5), pp 417-433.
152. Philip Taylor (2007), *Modernity and Re-enchantment* (*Hiện đại và sự tái mê hoặc*), ANU Press.
153. Turner, V. (1969), *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure* (*Quá trình nghi lễ: Cấu trúc và phản cấu trúc*), Aldine Transaction.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đoàn Thị Thanh Vân

TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MƯỜI
Ở XỨ NGHỆ

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2026

MỤC LỤC

Phụ lục 1: Danh sách những người cung cấp thông tin cho luận án và biên bản phỏng vấn.....	199
Phụ lục 2: Hình ảnh đền thờ, và các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng tại đền Ông Hoàng Mười, đền Chợ Củi, đền Cả.....	239
Phụ lục 3: Một số sắc phong tại nhà thờ họ Nguyễn.....	260
Phụ lục 4: Chúc văn yết cáo, chúc văn chính tế đền Ông Hoàng Mười.....	264
Phụ lục 5: Bản nhạc một số làn điệu hát Văn giá đồng Ông Hoàng Mười....	267

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN
CHO LUẬN ÁN VÀ BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Năm	Nơi lễ
1	NV ban quản lý di tích	Nghệ An	24/10/2023	Đền Ông Hoàng Mười
2	NV ban quản lý di tích	Nghệ An	23/3/2024	Đền Ông Hoàng Mười
3	Gia đình anh NSH chủ đền	Đền Chợ Củi	23/3/2024	Đền Chợ Củi
4	Người viết sớ TVC 69 tuổi	Nghệ An	07/4/2024	Đền Ông Hoàng Mười
5	NVH (NV đền) 49 tuổi.	Hà Tĩnh	5/5/2024	Đền Dinh Đô
6	NTN	Nghệ An	5/5/2024	Nhà thờ họ Nguyễn
7	NTN	Thanh Hóa	9/10 âm lịch 2024	Đền Chợ Củi
8	Đoàn đi từ Thanh Hóa	Hà Tĩnh	9/11/2024	Đền Cả
9	Đoàn khách đi hầu đồng	Nghệ An	9/11/2024	Đền Cả
10	Đoàn khách hầu đồng	Nghệ An	9-11-2024	Đền Cả
11	Người bán hàng	Đền Cả	9/11/2024	Đền Cả
12	Nhân viên tại Đền Cả	Hà Tĩnh	9/11/2024	Đền Cả
13	LĐD 50 tuổi	Thanh hóa	09/11/2024	Đền Chợ Củi
14	NQH	Nghệ An	7-4-2024	Đền Ông Hoàng Mười
15	Chuyên viên sở VH TT	Nghệ An	7-4-2024	Nghệ An

16	Du khách L 50 tuổi	Hà Nội	7/4/2024	Đền Ông Hoàng Mười
17	Du khách đi lễ 18 tuổi, nam	Hà Nội	7/5/2024	Đền Ông Hoàng Mười
18	Du khách NĐS	Hà Nội	7/4/2024	Đền Ông Hoàng Mười
19	Du khách ở Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
20	HNV, Đền Dinh Đô	Hà Tĩnh	7/4/2025	Đền Cả
21	NV Đền Chợ Củi	Hà Tĩnh	9/11/2024	Đền Chợ Củi
22	TĐ ĐTL 45 tuổi	Nam Định	7/4/2024	Đền Ông Hoàng Mười
23	TĐ TVH 38 tuổi	Bắc Giang	7/4/2025	Đền Cả
24	Cung văn NTH 35 tuổi	Thanh Hóa	7/4/2025	Đền Chợ Củi
25	Cung văn LVS 42 tuổi	Ninh Bình	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
26	Du khách nữ lớn tuổi	Nam Định	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
27	NV BQLDT	Nghệ An	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
28	Thanh đồng KT 70 tuổi	Nghệ An	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
29	Cung văn TTL	Hà Tĩnh	7/4/2025	Đền Ông Hoàng Mười
30	Cậu H	Hà Tĩnh	8/4/2025	Đền Cả
31	Đồng thầy Ba, 43 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	Phỏng vấn trực tuyến

32	Thầy NVC, 61 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
33	Thầy PVC, 54 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
34	Cô đồng KD, 65 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
35	Cô HTH, 66 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
36	TĐ KM, 51 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
37	TĐ TTT, 38 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
38	TĐ GTT, 46 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
39	Thanh đồng (cung văn) NVT, 54 tuổi	Phúc Thọ	18/7/2025	nt
40	Thầy DVT 56 tuổi	Hà Nội	18/7/2025	nt
41	Thầy Trần	http://www	21/7/2025	Gỡ video clip
42	Thầy Trần	http://www	21/7/2025	nt
43	Trang phục VHTN T Linh	http://www	21/7/2025	nt
44	Thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng Linh Thảo	http://www	21/7/2025	nt
45	Thầy đồng PVH	http://www	21/7/2025	nt
46	Đồng nhân PQ – TA	http://www	21/7/2025	nt

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN

Các phỏng vấn được ghi âm, tốc ký và lược gọn. Số thứ tự của các phỏng vấn là số thứ tự phỏng vấn dẫn trong luận án.

1. Phỏng vấn nhân viên Ban quản lý di tích, ngày 24/10/2023, đền Ông Hoàng Mười, Hưng Nguyên, Nghệ An.

Hỏi: Ông Hoàng Mười là ai?

Trả lời: Ông Hoàng Mười là con của Vua Cha Bát Hải Động Đình. Hiện nay có tổng cộng 21 đạo sắc phong, nhưng hiện chỉ còn lưu giữ được 18 đạo. Các đạo sắc hiện đang được bảo quản tại bảo tàng, do một người họ Nguyễn cất giữ.

2. Phỏng vấn nhân viên Ban quản lý di tích, ngày 23/3/2024, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Anh có thể chia sẻ về quá trình quản lý nghi lễ hầu đồng tại đền không?

Trả lời: Khi nghiên cứu về tục thờ Ông Hoàng Mười, tôi thấy rất khó khăn. Mặc dù có Ban quản lý di tích, nhưng người về hầu đa phần từ nơi khác đến, nên việc kiểm soát rất khó. Chúng tôi không thể chủ động trong việc quản lý hình thức hầu đúng hay sai, thời gian dài hay ngắn.

Ban quản lý không kiểm soát nghiêm ngặt việc các thanh đồng hành lễ đúng quy tắc hay không. Chúng tôi chỉ quản lý để đền hoạt động bình thường, còn việc hầu đúng hay sai là trách nhiệm giữa họ và Thánh, chúng tôi không can thiệp vào nội dung hay lời hát.

Tôi phụ trách hành chính, quản lý không gian, chứ không can thiệp vào nội dung hành lễ của các thanh đồng. Việc kiểm soát chất lượng hoạt động văn hóa phi vật thể là rất khó. Còn di tích thì vẫn vậy, cố định.

Muốn quản lý tốt thì cần có quy chuẩn rõ ràng, hiện tại nhà nước cũng chưa có luật nào quy định cụ thể.

3. Phỏng vấn gia đình anh NSH, chủ đền Chợ Củi, ngày 23/3/2024

Hỏi: Việc chuyển đổi mô hình từ gia đình quản lý sang Ban quản lý di tích có vướng mắc gì không?

Trả lời: Ban đầu, họ cũng có làm công tác dân vận, nhưng chỉ nói qua thôi. Quá trình mất gần một năm.

Hỏi: Khách quen trước đây có phản ứng gì không?

Trả lời: Một số vẫn về lễ nhưng cũng có những người không còn đến nữa.

Hỏi: Gia đình có được vào khu vực cung cấm không?

Trả lời: Gia đình phải đăng ký, hiện tại mọi việc đều do Ban quản lý đảm nhiệm. Gia đình chỉ được nhận một vài thùng giọt dầu để giữa đền. Từ khoảng 15/1 là Ban quản lý tiếp nhận hoàn toàn.

Hỏi: Những người quen biết muốn đăng ký hầu lễ thì sao?

Trả lời: Họ phải đăng ký qua Ban quản lý di tích, gia đình tôi chỉ hỗ trợ nếu cần.

Hỏi: Từ sau chuyển đổi, lượng người hầu có giảm không?

Trả lời: Năm nay dịch ổn hơn nên đông hơn.

Hỏi: So với các năm trước, năm nay khác biệt ra sao?

Trả lời: Tùy từng đoàn, có đoàn thì hầu lớn, có đoàn thì hầu nhỏ. Nhưng nhìn chung năm nay đông hơn, ổn định hơn năm ngoái.

Hỏi: Gia đình đã quản lý đèn bao lâu rồi?

Trả lời: Từ năm 2013, hơn mười năm. Trong 4 năm dịch, việc quản lý bị gián đoạn. Chính quyền xã từng yêu cầu gia đình giao chìa khóa đèn, kể cả khóa công đức. Ban đầu, gia đình giữ một khóa đèn và một khóa cung cấm, nhưng sau này huyện lên làm việc, yêu cầu giao hết cho Ban quản lý. Chúng tôi phản đối vì dân không đồng tình, nhưng họ vẫn thay khóa, buộc gia đình giao lại toàn bộ quyền quản lý.

Hỏi: Lễ lớn trong năm tại đền là ngày nào?

Trả lời: Các ngày giỗ quan trọng gồm: mừng 3 tháng 3, 17 tháng 7 (ky Hoàng Bảy), mừng 10 tháng 10 (ky Ông Hoàng Mười), 20 tháng 8 âm lịch (ky năm vị quan lớn). Đồ lễ thường gồm hoa quả, các vật phẩm đại diện cho các vị quan. Lễ lớn nhất trong năm là vào ngày mừng 10 tháng 10.

4. Phỏng vấn ông TVC, người viết sớ, 69 tuổi, ngày 7/4/2024, đền Quan Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Chú làm nghề viết sớ lâu chưa?

Trả lời: Tôi mới viết sớ được 2 năm. Trước đó làm nghề khác, nay đi viết sớ để xin lộc rơi lộc vãi.

Hỏi: Nội dung các bản sớ thường là gì?

Trả lời: Chủ yếu xin tài lộc, công danh, sức khỏe, bình an, cầu tự, cầu duyên...

Hỏi: Chú có thể chia sẻ về truyền thuyết Ông Hoàng Mười không?

Trả lời: Theo truyền thuyết, Ông cai quản Nghệ An, từng đánh giặc và bị thương, sau đó bơi qua sông rồi mất. Mộ ông hiện ở cạnh đền. Lư hương của đền trước đây từng được gửi sang đền Cũ, giờ mới lấy về lại.

5. Phỏng vấn anh H, nhân viên đền Dinh Đô (đền Cả), 49 tuổi, ngày 5/5/2024

Hỏi: Ai là chủ đền hiện nay?

Trả lời: Là cậu Hồng. Cậu được Mẫu cất cử về đây. Ban đầu cậu vào nhà văn hóa tỉnh xin phép trùng tu đền. Lúc đó chưa có kinh phí, nên cậu kêu gọi mọi người cùng chung tay dựng tạm, sau này xây dần dần.

Hỏi: Đền được xây từ khi nào?

Trả lời: Từ năm 2013. Trước kia đền thấp như công ngoài, sau đắp nền cao để tránh lụt. Đền nằm ở ngã ba sông, phía sau là bờ đê.

Hỏi: Việc quản lý đền hiện nay như thế nào?

Trả lời: Đền hoạt động dưới sự giám sát và phối hợp của chính quyền. Chính quyền và người dân đều ủng hộ hoạt động tín ngưỡng ở đây.

6. Phỏng vấn bà NTN, ngày 5/5/2024, nhà thờ họ Nguyễn, làng Xuân Am, Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An

Hỏi: Nhà thờ họ Nguyễn có từ bao giờ?

Trả lời: Đất nhà thờ có từ lâu rồi. Năm 2021, theo một dự án, người dân cùng góp tiền xây lại và lưu giữ sắc phong. Hằng năm vẫn trùng tu.

Hỏi: Gia phả, sắc phong của dòng họ còn được lưu giữ không?

Trả lời: Có 21 sắc phong, hiện đã chụp lại được 16 tấm ảnh. Tên các con cháu dòng họ đặt theo quy tắc: con gái họ Nguyễn Thị..., con trai là Nguyễn Đình..., Nguyễn Ngọc..., Nguyễn Văn..., Nguyễn Thanh...

7. Phỏng vấn bà NTN, ngày 9/10 âm lịch năm 2024, đền Cúi

Hỏi: Cô đi lễ đền Cúi từ đâu và từ mấy giờ?

Trả lời: Cô đi từ Thanh Hóa, xuất phát lúc 4 giờ sáng, đến đền Cúi lúc 7 giờ. Đoàn đi một xe 29 chỗ.

Hỏi: Đoàn đi lễ vào dịp nào và có thường xuyên không?

Trả lời: Năm nào vào dịp giỗ Quan Hoàng Mười, từ mùng 1 đến mùng 10 tháng 10 âm lịch, đoàn cũng tổ chức đi lễ. Đoàn đủ mọi lứa tuổi.

Hỏi: Việc đi lễ xuất phát từ căn số hay tín tâm?

Trả lời: Đoàn đi lễ theo tâm chú không ai có căn số. Trước đi lễ là chính, sau kết hợp du lịch.

Hỏi: Dự kiến hành trình hôm nay như thế nào?

Trả lời: Sau khi lễ ở đền Cũ, đoàn sẽ đi thăm lăng mộ Hoàng Mười, rồi về quê Bác.

Hỏi: Đoàn chuẩn bị đồ lễ như thế nào?

Trả lời: Hương hoa, trà quả đầy đủ. Chị em trong đoàn mỗi người đóng góp một ít. Đồng thầy ở làng là người tổ chức và hướng dẫn đoàn đi.

8. Phỏng vấn đoàn khách đi từ Thanh Hóa, ngày 9/11/2024, đền Dinh Đô

Hỏi: Đoàn mình hôm nay có bao nhiêu người?

Trả lời: Khoảng 40 người, đi 3 xe 16 chỗ.

Hỏi: Đoàn đã từng đi đền này trước đây chưa?

Trả lời: Năm nay là lần đầu tiên đi đền này, thường thì chúng tôi đi đền Cũ, đền Mẫu.

Hỏi: Đền Mẫu ở đâu?

Trả lời: Đền Mẫu Còn.

Hỏi: Đoàn có đi Nghệ An không?

Trả lời: Có đền có mộ, thầy thì đi, có thầy không đi. Thầy thường đi hầu, đến đêm mới xong.

Hỏi: Điều kiện vật chất ở các đền có khác nhau không?

Trả lời: Đền Cũ chật, mượn mỗi cái chiếu mà cả 40-50 người ngồi, vất vả lắm. Năm nay thời tiết nắng nên đỡ hơn, chứ mấy năm trước còn bị mưa. Đền này (Dinh Đô) thì rộng, thoáng, cơ chế cũng thoáng hơn. Chúng tôi đi từ 3 giờ sáng, 4 giờ chiều là xong.

Hỏi: Năm nay đền Cũ và Nghệ An có gì thay đổi?

Trả lời: Năm nay họ không cho hầu vào buổi tối, chỉ cho hầu ban ngày thôi.

9. Phỏng vấn đoàn khách đi hầu đồng tại đền Cả (Dinh Đô), ngày 9/11/2024

Hỏi: Hôm nay đoàn đến đền từ mấy giờ và làm gì?

Trả lời: Đoàn đến từ 1 giờ để chuẩn bị hầu. Đây là năm đầu tiên đoàn hầu ở đền Cả. Trước đó đoàn từng hầu ở đền Chợ Cui và đền Nghệ An, tức là cả ba nơi.

10. Phỏng vấn đoàn khách hầu đồng tại đền Cả (Dinh Đô), Hà Tĩnh, ngày 9/11/2024

Hỏi: Vì sao hôm nay đoàn chọn hầu tại đền Cả?

Trả lời: Hôm nay chúng tôi hầu tại đền Cả vì lễ hội ở đền Cui (ngày 5-10) và đền Nghệ An (ngày 7-10) không đăng ký hầu được nữa. Người muốn hầu phải đặt lịch từ rất sớm. Năm nay họ cũng không cho hầu vào ban đêm. Đoàn đi lễ các đền vào các ngày tiệc, lễ hội trong năm.

11. Phỏng vấn người bán hàng tại đền Cả (Dinh Đô), Hà Tĩnh, ngày 9/11/2024

Hỏi: Khách đến lễ có thuê dịch vụ sắp mâm lễ không?

Trả lời: Có. Khách mang đồ lễ đến thì em sắp hộ. Nếu mua lễ trọn gói thì mâm như thế này giá 450.000 đồng. Ngựa mã lớn 350.000 đồng, loại vừa 250.000 đồng.

12. Phỏng vấn nhân viên tại đền Cả (Dinh Đô), Hà Tĩnh, ngày 9/11/2024

Hỏi: Hôm nay tại đền có hoạt động gì đặc biệt không?

Trả lời: Sáng nay làm lễ dâng hương. Ngày mai là ngày tế lễ, chính giỗ. Dịp lễ hội nên khách đông hơn hẳn ngày thường.

Hỏi: Người muốn hầu đồng thì phải làm thủ tục gì?

Trả lời: Phải đăng ký trước với đền. Không thể tự ý đến rồi hầu được.

13. Phỏng vấn ông L.Đ.D, 50 tuổi, ngày 9/11/2024, đền Cui

Hỏi: Đoàn của anh có bao nhiêu người?

Trả lời: Khoảng 35 người.

Hỏi: Có bao nhiêu người trong đoàn dâng mã ngựa?

Trả lời: Khoảng 30 người dâng mã ngựa.

Hỏi: Anh có đi lễ Ông Hoàng Mười thường xuyên không?

Trả lời: Không. Cách đây mấy năm có đi, sau này thì không thường xuyên nữa.

Hỏi: Đoàn anh thường đi vào dịp nào?

Trả lời: Dịp lễ hội.

Hỏi: Đoàn có đi cùng đồng thầy không?

Trả lời: Có. Thầy làm sớ cho từng người trong đoàn.

Hỏi: Anh có phải là con nhang đệ tử không?

Trả lời: Không. Tôi chỉ là thành viên trong đoàn đi lễ hội thôi.

Hỏi: Anh đến từ đâu?

Trả lời: Tôi ở làng Triệu Sơn, thị trấn Nưa, Thanh Hóa. Ai đi lễ chùa, cầu cúng cũng mong những điều tốt lành, sức khỏe, tài lộc, công danh.

14. Phỏng vấn ông NQH, nhân viên đền Hoàng Mười, ngày 7/4/2024, Nghệ An

Hỏi: Anh làm việc ở đền Hoàng Mười đã bao lâu rồi?

Trả lời: Tôi làm ở đây được 6 năm.

Hỏi: Công việc của anh bao gồm những gì?

Trả lời: Tùy theo tổ chức, tôi đảm nhiệm các công việc như an ninh, ghi công đức và hướng dẫn cho khách đến lễ đền.

15. Phỏng vấn ông TVH, chuyên viên Sở Văn hóa, ngày 7/4/2024, Nghệ An

Hỏi: Ông có thể cho biết về vị trí của đền Chợ Củi trong hệ thống thờ Mẫu không?

Trả lời: Đền Chợ Củi là đền thờ Mẫu. Bàn thờ Ông Hoàng Mười và Châu Mười mới được đưa vào trong khoảng 10–15 năm trở lại đây. Nguyên tắc là: vị thần nào được thờ ở hậu cung thì đó là thờ chính, còn thờ bên ngoài là phối thờ.

Hỏi: Việc cúng lễ ở đền Hoàng Mười có cần thông qua hội đồng không?

Trả lời: Có. Muốn cúng tiến gì ở đền Hoàng Mười thì cần hội đồng xem xét.

Hỏi: Về sắc phong của Ông Hoàng Mười, ông có thể cho biết chi tiết?

Trả lời: Đền Hưng Nguyên hiện còn giữ sắc phong. Trong sắc, ông có chức vụ gần giống như trong truyền thuyết: Khâm sai tiết chế Nghệ An, Quảng Nam, Thuận Hóa; Đặc sứ; Bình chương quân quốc trọng sự; Thái úy nhị quốc công. Những chức này phù hợp với truyền thuyết về Ông Hoàng Mười cai quản vùng Nghệ An đến Quảng Nam.

Hỏi: Sắc phong này được bảo quản như thế nào qua các thời kỳ?

Trả lời: Trước năm 1945, các sắc phong do các gia đình trong làng giữ luân phiên. Sau năm 1945, do thay đổi chính quyền, sắc do họ Nguyễn giữ luân. Việc này có ghi trong hương ước của làng.

Hỏi: Ngoài Ông Hoàng Mười, còn vị thần nào khác được phong sắc không?

Trả lời: Có bốn vị thần được phong sắc: Thái úy Vệ quốc công, Thái bảo Quốc quận công, Tham đốc Tuần lộc hầu Nguyễn Duy Lạc, và Song Đồng Ngọc Nữ.

16. Phỏng vấn ông L, 50 tuổi, du khách từ Hà Nội, ngày 7/4/2025, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Bác đi lễ Ông Hoàng Mười từ bao giờ và với mục đích gì?

Trả lời: Tôi đi lễ ở đây đầu năm và cuối năm, không theo đạo nào cả. Có năm đi đúng dịp lễ hội. Tôi làm kinh doanh nên thường cầu sức khỏe, tài lộc và buôn bán thuận lợi.

Hỏi: Bác đã từng đi lễ tại đền Cũ chưa?

Trả lời: Tôi chưa đi đền Cũ. Thật ra tôi cũng không hiểu nhiều về Ông Hoàng Mười, chỉ biết ông là một vị tướng tài.

17. Phỏng vấn nam thanh niên 18 tuổi, du khách từ Hà Nội, ngày 7/5/2024, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Em đi lễ đền Ông Hoàng Mười để cầu gì?

Trả lời: Em cầu cho công việc làm ăn có lộc, gặp may mắn. Mẹ cháu đi lễ nhiều, một năm có khi đi chục lần. Còn em thì chỉ đi Hoàng Mười một lần thôi.

18. Phỏng vấn ông NĐS, doanh nhân từ Hà Nội, ngày 7/4/2024, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Anh tổ chức đi lễ như thế nào?

Trả lời: Tôi làm kinh doanh, hằng năm sau Tết công ty tôi tổ chức đi lễ. Mỗi năm chọn một điểm khác nhau: đền Mẫu Lạng Sơn, Lào Cai, Bắc Ninh... Năm nay đi hai đền Hoàng Mười.

Hỏi: Mục đích chính của chuyến đi là gì?

Trả lời: Đi lễ là một truyền thống văn hóa, lịch sử. Tôi mong Ông phù hộ cho dân nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp, gia đình mạnh khỏe, biết đường biết lối.

19. Phỏng vấn du khách từ Hà Tĩnh, ngày 7/4/2024, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Anh đến đền Ông Hoàng Mười vào dịp nào và với mục đích gì?

Trả lời: Tôi làm ở công ty, hôm nay được nghỉ nên đi lễ. Tôi thường đi vào ngày mùng 1 Tết, ngày rằm hoặc chủ nhật. Nghe nói đền linh thiêng nên đến cầu phúc, bình an và làm ăn thuận lợi. Tôi có biết đến đền Chợ Củi nhưng chưa đi.

20. Phỏng vấn anh H, nhân viên đền Cả (Dinh Đò), ngày 7/4/2025

Hỏi: Đền hiện nay được quản lý như thế nào?

Trả lời: Cậu Hồng là người chủ nhang. Nhà nước quản lý hoạt động của đền theo đúng tôn giáo đạo Mẫu, có giám sát tài chính. Người làm ở đền chủ yếu là công quả.

Hỏi: Các lễ hội ở đền tổ chức ra sao?

Trả lời: Có hai lễ chính: rước thủy và rước bộ. Lượng khách đông vào thứ bảy, chủ nhật, ngày rằm và mùng 1.

Hỏi: Việc hầu đồng diễn ra vào thời điểm nào?

Trả lời: Ngày thường thì tùy, nhưng tháng lễ hội thì hầu đồng suốt ngày đêm. Tuy nhiên, trong cung cấm, bàn thờ Phật thì không hầu đồng.

Hỏi: Khai hội và tạ hội là ngày nào?

Trả lời: Khai hội ngày 1/10 âm lịch và tạ hội ngày 30/10 âm lịch.

Hỏi: Đền có cung văn và thầy cúng không?

Trả lời: Có. Đền có thầy viết sớ, làm lễ cho khách có nhu cầu và một đội cung văn phục vụ tại chỗ.

21. Phỏng vấn nhân viên Ban quản lý di tích đền Củi, Hà Tĩnh, ngày 9/11/2024

Hỏi: Ban quản lý hiện có bao nhiêu người?

Trả lời: Có 35 người lao động, trong đó 5 người làm hành chính.

Hỏi: Năm nay là năm đầu tiên chuyển đổi mô hình quản lý từ dân sang nhà nước. Anh có thể chia sẻ về điều này?

Trả lời: Đúng vậy. Chúng tôi đang tổ chức lễ hội ngày 10/10 âm lịch lần đầu tiên dưới mô hình quản lý mới.

Hỏi: Có tài liệu nào chính thống về đền Củi không?

Trả lời: Hiện chưa có tài liệu chính thống. Trước đây khoảng 5 năm có bán một số sách về đền nhưng giờ thì không còn. Gần đây mới tổ chức một buổi tọa đàm.

Hỏi: Vì sao đền được gọi là “đền Chợ Củi”?

Trả lời: Vì ngày xưa gần đền có một chợ buôn bán than củi, đốt cây thành than rồi đem bán. Địa danh gắn với hoạt động đó.

Hỏi: Ở Hà Tĩnh có bao nhiêu đền thờ Ông Hoàng Mười?

Trả lời: Có hai đền: đền Cả và đền Chợ Củi.

Hỏi: Người dân đến đền chủ yếu cầu gì?

Trả lời: Cầu tài, cầu làm quan là chủ yếu.

Hỏi: Tên chính thức của Ban quản lý là gì?

Trả lời: Ban quản lý dịch vụ công ích và các điểm du lịch. Đây là tên do cơ quan chức năng đặt.

Hỏi: Dịch vụ công ích có nghĩa là gì?

Trả lời: Là những dịch vụ phục vụ cộng đồng, dân không phải đóng kinh phí. Chúng tôi quản lý cả điểm du lịch lẫn di tích.

Hỏi: Ai phụ trách việc tụng kinh, gõ mõ, dâng hương?

Trả lời: Có một đội nội tự ký hợp đồng lao động, họ phụ trách dọn dẹp và thực hiện nghi lễ.

Hỏi: Việc mở hòm công đức được thực hiện thế nào?

Trả lời: Từ 15 tháng 1 đến nay đã được gần 20 tỷ đồng. Việc mở hòm có sự chứng kiến của các phòng ban chức năng.

Hỏi: Vàng mã có đốt nhiều không?

Trả lời: Hiện nay chúng tôi đang cố gắng hạn chế đốt vàng mã lãng phí.

Hỏi: Thủ tục đăng ký hâu đồng như thế nào?

Trả lời: Có thể đăng ký trực tiếp, qua điện thoại hoặc online. Số tiền tùy tâm, gọi là công đức. Vị trí đặt đàn tùy theo: nơi rộng rãi thì ở xa các ban lớn. Cung cấm chỉ vái, không hầu.

Hỏi: Mỗi bàn lễ có bao nhiêu thầy?

Trả lời: Mỗi bàn có 4 thầy lễ thay nhau làm việc. Tổng cộng có gần 60 thầy lễ ở đền Cũ.

Hỏi: Trang phục có quy định không?

Trả lời: Hiện tại chưa có quy định chính thức.

Hỏi: Làm sao để được vào danh sách 60 thầy lễ?

Trả lời: Các thầy do làng xã giới thiệu và đăng ký với Ban quản lý. Họ sẽ được cấp thẻ. Thầy từ nơi khác đến cũng có thể được sắp xếp nếu đáp ứng yêu cầu.

Hỏi: Các thầy có phải đóng góp gì không?

Trả lời: Không bắt buộc, công đức tùy tâm.

Hỏi: Các thầy này phần lớn là người địa phương?

Trả lời: Đa số là người địa phương. Thầy từ nơi khác đến phải được xem xét kỹ, tránh ảnh hưởng thầy bản địa.

Hỏi: Năm nay có thay đổi gì về đội văn?

Trả lời: Năm nay không cho đội văn từ Thanh Hóa ngồi hát tại đây như trước.

Hỏi: Có hai bàn thờ họ Nguyễn, họ có công gì với đền?

Trả lời: Vấn đề này còn nhiều câu chuyện phía sau, cần tìm hiểu thêm.

Hỏi: Trong 10 ngày đầu tháng 10 âm lịch có bao nhiêu đoàn đăng ký hầu?

Trả lời: Trung bình mỗi ngày khoảng 10 đoàn. Hiện chỉ hầu ở sân đền, không hầu trong cung.

Hỏi: Phản ứng của dân với mô hình quản lý mới thế nào?

Trả lời: Năm nào cũng có phản ứng nhưng chúng tôi luôn cố gắng hạn chế tối đa.

22. Phỏng vấn thanh đồng ĐTL, 45 tuổi, quê Nam Định, ngày 7/4/2025, đền Ông Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Chị bắt đầu theo đồng từ khi nào?

Trả lời: Tôi theo căn theo số từ năm 27 tuổi. Từ đó theo hầu thánh và đi lễ ở nhiều nơi.

Hỏi: Chị có thường về hầu đền Ông Hoàng Mười không?

Trả lời: Có chứ, hằng năm tôi đều về đây ít nhất một lần, thường vào dịp lễ lớn như ngày giỗ 10/10 âm lịch.

Hỏi: Khi về đền chị thường làm những gì?

Trả lời: Nếu có căn thì hầu, còn không thì chỉ lễ bái, dâng hương. Có năm thì được hầu chính, có năm thì không kịp đăng ký.

Hỏi: Đăng ký hầu có khó không?

Trả lời: Cũng khó đấy. Phải đăng ký trước cả tháng, nhất là ở đền lớn như Cúi hoặc Hoàng Mười Nghệ An. Đôi khi phải nhờ quen biết mới được xếp lịch.

23. Phỏng vấn thanh đồng TVH, 38 tuổi, quê Bắc Giang, ngày 7/4/2025, đền Cả (Dinh Đô), Hà Tĩnh

Hỏi: Anh đến đây hầu từ bao giờ?

Trả lời: Tôi hầu từ sáng nay, làm một đàn lễ lớn. Năm nào cũng về đây vì cảm thấy đền rất thiêng.

Hỏi: Đền Dinh Đô có gì khác biệt so với các đền khác không?

Trả lời: Đền này thoáng, rộng, và thoải mái. Không gian yên tĩnh, phù hợp làm lễ. Nhiều nơi quy định gò bó, còn ở đây thì thuận tiện hơn.

Hỏi: Khi hầu đồng anh thường cầu điều gì?

Trả lời: Cầu bình an cho gia đình, cầu cho bản thân có sức khỏe, thuận lợi trong công việc và giúp được mọi người.

24. Phỏng vấn cung văn NTH, 35 tuổi, quê Thanh Hóa, ngày 7/4/2025, đền Chợ Cúi

Hỏi: Chị theo nghề cung văn bao lâu rồi?

Trả lời: Tôi hát văn từ năm 18 tuổi. Trước theo mẹ đi hầu, sau quen dần rồi theo nghề.

Hỏi: Một buổi hầu đồng thường kéo dài bao lâu?

Trả lời: Thường từ 3 đến 6 tiếng, tùy vào số giá hầu. Có người hầu 12 giá, có người chỉ 6 hoặc 7 giá.

Hỏi: Mỗi giá có đặc trưng gì?

Trả lời: Mỗi giá gắn với một vị thánh, có trang phục, âm điệu, điệu múa khác nhau. Mình phải học kỹ để không sai lệch.

Hỏi: Đền Chợ Củi có gì khác so với các nơi chị từng biểu diễn?

Trả lời: Ở đây đông khách, lễ lớn. Nhưng năm nay thay đổi cơ chế, không cho đội văn ngoài vào biểu diễn cố định như trước nên chúng tôi chỉ biểu diễn khi có đoàn mời riêng.

25. Phỏng vấn cung văn LVS, 42 tuổi, quê Ninh Bình, ngày 7/4/2025, đền Hoàng Mười, Nghệ An

Hỏi: Anh gắn bó với nghề hát văn bao lâu?

Trả lời: Tôi theo nghề được hơn 20 năm. Từng biểu diễn ở nhiều nơi, từ Nam Định, Ninh Bình đến Nghệ An, Hà Tĩnh.

Hỏi: Anh có cảm nhận gì khi hát văn ở đền Hoàng Mười?

Trả lời: Đền rất linh thiêng, khách kính cẩn, nghi lễ trang trọng. Mỗi lần được biểu diễn tại đây là một vinh dự.

Hỏi: Gần đây có sự thay đổi gì trong cách tổ chức lễ tại đền không?

Trả lời: Có chứ. Việc kiểm soát lễ nghi, chọn đội cung văn, tổ chức các đàn lễ đều chặt chẽ hơn. Nhưng điều này cũng giúp hoạt động tôn nghiêm, không bị biến tướng.

26. Phỏng vấn khách hành hương lớn tuổi, nữ, từ Nam Định, ngày 7/4/2025, đền Ông Hoàng Mười

Hỏi: Cô đi lễ ở đây bao lâu rồi?

Trả lời: Mỗi năm tôi đi một vài lần, có năm đi hai ba lần. Cô đi để tạ lễ và cầu sức khỏe, bình an cho con cháu.

Hỏi: Cô đi theo đoàn hay cá nhân?

Trả lời: Lúc thì đi theo đoàn, lúc đi riêng với gia đình. Nhưng đi đâu cũng chuẩn bị lễ rất cẩn thận.

Hỏi: Cô thấy không khí lễ hội năm nay ra sao?

Trả lời: Năm nay đông vui, thời tiết đẹp, không mưa nên khách đến đền rất đông. Ai cũng thành tâm.

27. *Phỏng vấn nhân viên Ban quản lý di tích đền Ông Hoàng Mười, 10h sáng, ngày 7/4/2025. Đền Ông Hoàng Mười, Hưng Nguyên, Nghệ An*

Hỏi: Hằng ngày, nhà đền tổ chức việc thờ phụng và hương khói như thế nào?

Trả lời: Hằng ngày, những người trông nom nhà đền thực hiện công việc quét dọn, lau chùi các cung và thắp hương đều đặn. Đây là việc làm thường xuyên nhằm giữ gìn sự tôn nghiêm và linh thiêng cho không gian thờ tự.

Hỏi: Việc cúng lễ các vị Thánh trong đền được tổ chức ra sao?

Trả lời: Ngoài các ngày mừng Một và ngày Rằm âm lịch hằng tháng, nhà đền còn tổ chức lễ cúng vào các ngày giỗ kỵ của các vị Thánh được thờ tại đây. Cụ thể: Ông Hoàng Mười kỵ ngày 10/10 âm lịch, ông Nguyễn Duy Lạc kỵ ngày 10/2 âm lịch, Song Đồng Ngọc Nữ kỵ ngày 26/12 âm lịch, riêng Đức Thánh Ba thì chưa xác định được chính xác ngày kỵ. Ngoài ra, còn có các vị Thánh khác trong điện thờ Tứ phủ cũng được thờ phụng theo lịch riêng.

Hỏi: Lễ vật và nghi thức trong các ngày giỗ kỵ được chuẩn bị như thế nào?

Trả lời: Lễ vật bao gồm cả lễ chay và lễ mặn như: mâm xôi gà, rượu, hoa quả, trầu cau, tiền vàng, hương hoa, nước chè... Riêng trong ngày giỗ Mẫu thì có thêm mâm chè đậu hoặc chè nếp. Lễ nghi tương đối đơn giản: thắp hương, khấn mời các vị Thánh về hưởng lễ, cầu mong phù hộ cho dân làng được bình an, mạnh khỏe, làm ăn thịnh vượng. Sau lễ mời, sẽ làm lễ tạ, hạ lễ và hóa vàng.

Hỏi: Người dân đến lễ tại đền trong năm như thế nào?

Trả lời: Người đến lễ Ông Hoàng Mười rất đông, gồm đủ mọi thành phần trong xã hội như: nam nữ, già trẻ, người có chức quyền, doanh nhân, công chức, tiểu thương, học sinh – sinh viên... Khách đến từ khắp các miền đất nước.

Hỏi: Mục đích của người dân khi đến lễ là gì?

Trả lời: Mục đích phổ biến là cầu bình an, sức khỏe, gia đình hạnh phúc, con cái học giỏi, cầu tài lộc và công danh. Mỗi người có mong nguyện khác nhau, tùy theo hoàn cảnh và nhu cầu.

Hỏi: Họ thường đến lễ vào những dịp nào trong năm?

Trả lời: Thường là vào các ngày mừng Một, ngày Rằm và đặc biệt là dịp lễ hội đền Ông Hoàng Mười (10/10 âm lịch). Ngoài ra, nhiều người cũng đến lễ vào những thời điểm riêng, khi có việc cần cầu xin hoặc trả lễ.

Hỏi: Hình thức dâng lễ và đồ lễ có gì đặc biệt?

Trả lời: Hình thức cầu cúng, sắm sửa lễ vật rất đa dạng, tùy theo nhu cầu và điều kiện tài chính của từng người. Có người đi theo bản hội thì một người sẽ đứng ra chuẩn bị đồ lễ và viết sớ cho cả đoàn, nhờ thầy cúng tại đền hành lễ. Có người đi riêng thì tự chuẩn bị lễ vật để cầu xin những điều cụ thể như học hành, thi cử, sức khỏe, làm ăn...

Hỏi: Đồ lễ phổ biến là gì?

Trả lời: Thông thường gồm: mâm hoa quả, bánh kẹo, tiền vàng, trầu cau, hương hoa. Những người lễ giải hạn thì chuẩn bị thêm mã hình nhân thể mạng, mâm xôi gà, bánh chưng, trứng, rượu, gạo muối... Những người kinh doanh buôn bán lớn thì sắm lễ lớn hơn: mâm xôi gà, hoa quả, bánh kẹo, rượu bia, thuốc lá... tất cả đều thể hiện lòng thành.

Hỏi: Việc chuẩn bị lễ có theo hướng dẫn cụ thể nào không?

Trả lời: Có người nghe theo chỉ dẫn của các thầy, có người tự chuẩn bị theo tâm nguyện. Lễ to hay nhỏ tùy vào hoàn cảnh kinh tế và niềm tin tâm linh của từng người. Tựu chung lại, tất cả đều thể hiện lòng thành kính đối với Thánh và mong muốn được che chở, phù hộ.

28. Phỏng vấn thanh đồng KT, 70 tuổi, tại đền Quan Hoàng Mười, Nghệ An, ngày 7/4/2025

Hỏi: Cô đăng ký vấn hầu như thế nào?

Trả lời: Tôi phải đặt trước với nhà đền một tháng. Một vấn hầu kéo dài khoảng 6 tiếng, chi phí khoảng 1,5 triệu đồng.

Hỏi: Mục đích của việc hầu đồng lần này là gì?

Trả lời: Tôi hầu để cầu bình an, sức khỏe cho bản thân và gia đình. Đồng thời cũng là dịp để báo ơn, thể hiện lòng thành với Thánh.

Hỏi: Việc chuẩn bị cho buổi hầu được tổ chức ra sao?

Trả lời: Tôi tự mình sắm sanh lễ bái, mời cung văn từ đền Chợ Củi về. Ngoài ra, cũng mời bạn bè, người thân cùng tham dự. Mong cầu một ván hầu thật bóng, đúng căn, đúng giá.

29. Phỏng vấn cung văn TTL, tại đền Quan Hoàng Mười, Nghệ An, ngày 7/4/2025

Hỏi: Hát văn trong giá Ông Hoàng Mười có đặc trưng gì không, thưa chị?

Trả lời: Hát văn ở giá Ông Mười là sự kết hợp tinh hoa của các làn điệu dân gian khắp cả nước. Riêng với Văn Ông Mười, lời ca được điều chỉnh sao cho phù hợp với phong cách địa phương.

Hỏi: Chị có thể cho ví dụ về các làn điệu được sử dụng không?

Trả lời: Có chứ. Ví dụ như ví dặm, hò Xứ Nghệ, hát thiên thai – tỳ bà hành, lý Mười Thương, lý Mỹ Hưng, thơ Đường, cải lương... đều được đưa vào khi phù hợp với không khí và nội dung giá đồng.

Hỏi: Trong quá trình hát văn, chị chú trọng điểm nào nhất?

Trả lời: Phải hát đúng phần khai quang để mở lễ. Nếu hát sai phần đó, lễ sẽ không linh thiêng và mất đi tính trang trọng.

30. Phỏng vấn thanh đồng cậu PQH, tại đền Cả, 20h30 ngày 8/4/2025

Hỏi: Theo Cậu, Ông Hoàng Mười là ai trong tín ngưỡng dân gian?

Trả lời: Ông Hoàng Mười là một vị thiên thần, không phải người thường. Nếu là vị thần mà bị chém đầu hay chết chìm thì không thể gọi là thần được. Có truyền thuyết nói ông là con vua cha Bắc Hải, thuộc Thủy phủ. Ông mặc áo vàng, tượng trưng cho sự trọn vẹn, tròn đầy.

Hỏi: Ông Hoàng Mười có lai lịch như thế nào?

Trả lời: Ông ra đời cách đây trên 600–700 năm, trấn thủ vùng Hoan Châu, Nghệ An. Khi đất này bị giặc Chiêm xâm lấn, ông cùng các tướng lĩnh đánh đuổi giặc. Có người tin rằng ông giáng sinh vào các danh tướng như Lê Khôi, Nguyễn Xí, Lý Nhật Quang. Tuy nhiên, họ không phải là Ông Hoàng Mười, mà chỉ là hóa thân, tái sinh của ông.

Hỏi: Vai trò của ông trong hệ thống tín ngưỡng như thế nào?

Trả lời: Ông là con thứ Mười của vua cha Bắc Hải. Cái tên “Mười” tượng trưng cho sự viên mãn. Ông không chết mà tam sinh tam hóa – sinh ra ba lần. Ông phù trợ cho đất này trở nên linh thiêng, giúp vua và các tướng đánh giặc. Ông không có mộ, vì là thiên thần sinh hóa.

Hỏi: Các hoạt động lễ hội ở đền Cả có điểm gì đặc biệt?

Trả lời: Có hai lễ rước lớn gọi là lễ rước cấp Thủy. Một là rước nước từ ngã ba sông về để tắm tượng và thờ quanh năm. Hai là rước Thánh vân du trong làng để ban phúc cho dân. Ngày 10 tháng 10 âm lịch là ngày kỵ của ông, trùng với ngày cúng cơm mới. Còn ngày sinh của ông rơi vào khoảng giữa tháng Quý Đông.

Hỏi: Cậu có nhận xét gì về đền Dinh Đô và đền Chợ Cui không?

Trả lời: Đền Dinh Đô nằm trong kinh đô xưa – Kinh đô Ngàn Hồng. Câu hát văn có nói: “Đền Hoàng lập ở nơi mô – Đền Hoàng lập ở chôn Kinh đô”. Bến Thủy xưa chia đôi dòng sông Lam, nay có cầu nối. Còn đền Chợ Cui vốn là nơi thờ Thánh Mẫu Linh Từ, hay còn gọi là Độc Linh Từ – xưa kia là nơi bán củi.

Hỏi: Cậu đánh giá như thế nào về tín ngưỡng hầu đồng?

Trả lời: Hầu đồng là sự tái hiện các vị thần. Khi người đồng mặc áo vàng là biết giá Hoàng Mười; khi nghe hát văn là biết Thánh giáng. Đó là văn hóa tín ngưỡng rất đẹp của dân tộc – vừa tâm linh, vừa nghệ thuật, đa màu sắc.

31. Phỏng vấn đồng thầy Ba, 43 tuổi, lúc 20h ngày 18/4/2025

Hỏi: Thầy bắt đầu mở phủ và hành nghề đồng thầy từ bao giờ?

Trả lời: Tôi căn Nhà Trần, đã mở phủ trình đồng hơn 20 năm và làm đồng thầy gần 20 năm.

Hỏi: Trung bình mỗi năm thầy hầu bao nhiêu lần?

Trả lời: Một năm tôi hầu khoảng 2 lần cho bản thân, mỗi lần có hơn 20 giá. Nếu tính cả lần hầu cho đệ tử thì có thể hơn 20 lần, tùy vào thời điểm và kinh tế của họ.

Hỏi: Thầy thường hầu ở đâu?

Trả lời: Tôi thường hầu ở phủ của mình, nhưng cũng có khi đi nơi khác nếu có lời mời. Tôi từng hầu ở Nghệ An, Hà Tĩnh – mỗi hai năm một lần vào tháng tiệc của ngài.

Hỏi: Trang phục hầu được chuẩn bị ra sao?

Trả lời: Tôi có trang phục riêng. Còn các bộ cho đệ tử thì thường mua ở làng nghề Thường Tín hoặc Hàng Quạt, giá khoảng 30–35 triệu đồng mỗi bộ.

Hỏi: Cảm giác của thầy sau mỗi lần hầu Thánh như thế nào?

Trả lời: Rất hoan hỉ. Nhất là khi hầu giá Ông Hoàng Mười – cảm giác lâng lâng, khoan khoái. Nếu sát căn thì nhập vai rất sâu. Hát văn, người hầu dâng, phong cảnh đèn... tất cả đều nâng bóng rõ rệt. Khi hầu ở Nghệ An, Hà Tĩnh tôi có cảm giác như trở về quê.

32. Phỏng vấn thầy Nguyễn Văn Châu, sinh năm 1964, tại kênh Đào, Mỹ Đức, Chùa Hương, lúc 19h ngày 18/4/2025

Hỏi: Thầy bắt đầu hành nghề đồng thầy từ khi nào?

Trả lời: Tôi bắt đầu hầu từ năm 1993 và làm đồng thầy từ năm 2000.

Hỏi: Thầy thường hầu ở đâu?

Trả lời: Tôi hầu ở nhà, tại đền Ông Hoàng Mười và nhiều nơi khác. Tôi đã từng hầu ở cả đền Ông Hoàng Bảy và Ông Hoàng Mười.

Hỏi: Trung bình một năm thầy hầu bao nhiêu lần?

Trả lời: Hai lần cho bản thân (đầu năm và cuối năm). Ngoài ra, tôi hầu cho khách – có thể vài lần đến hơn chục lần tùy thời điểm.

Hỏi: Thầy thuộc căn Thánh nào?

Trả lời: Tôi căn Hoàng Bơ.

Hỏi: Trang phục hầu được chuẩn bị như thế nào?

Trả lời: Tôi có đủ đồ cho 30–40 giá. Nếu hầu lẻ thì mua riêng hoặc mượn từ thầy khác.

Hỏi: Sắm lễ cho giá Ông Hoàng Mười thì thế nào?

Trả lời: Tôi sắm đầy đủ quả lễ. Riêng giá Ông Mười phải có ngựa, vàng, tiền vàng, chè thuốc...

Hỏi: Giá Ông Mười có trong tất cả các vắn hầu của thầy không?

Trả lời: Có, luôn luôn có mặt.

33. Phỏng vấn thầy đồng Phạm Văn Cường, sinh năm 1972, Kênh Đào, Mỹ Đức, Hà Nội, lúc 19h55 ngày 18/4/2025

Hỏi: Thầy hầu đồng được bao nhiêu năm rồi?

Trả lời: Tôi hầu đồng được 35 năm, làm đồng thầy khoảng 30 năm.

Hỏi: Mỗi năm thầy hầu bao nhiêu vắn?

Trả lời: Tôi thường hầu vào mừng Năm Tết, các dịp tiệc Mẫu, tiệc Cha tháng 3, 8 – khoảng 3–4 vắn. Nếu mở phủ thì có thể lên tới 10–20 vắn.

Hỏi: Trước khi hầu, thầy chuẩn bị những gì?

Trả lời: Chuẩn bị đầy đủ đồ lễ: hương hoa, trà quả, cúng Phật – Mẫu – Thánh, mời các ngài ngự đàn, chứng ghê. Mỗi cung có một lễ riêng. Lễ Phật thì xôi chè; Thánh và hội đồng Quan thì xôi giò, ngan hoặc vịt (tam sinh); hạ ban có thịt sống và 7 quả trứng, tùy khả năng từng người.

Hỏi: Về vàng mã thì sao?

Trả lời: Một mâm vàng kim ngân, đàn mã dâng ngựa. Có sớ vắn, đàn sớ Phật, Tam Tòa Thánh Mẫu...

Hỏi: Một canh hầu thường có bao nhiêu giá?

Trả lời: Thường có đủ Tam Tòa Thánh Mẫu, Đức Thánh Trần, Vương Cô, một Chúa, Năm Quan Lớn, Châu Bà, ông Hoàng (Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, Hoàng Mười...), và các Cô – tùy điều kiện từng vắn.

34. Phỏng vấn cô đồng thầy Kim Dung, Thanh Nhàn, Hà Nội, lúc 20h ngày 19/4/2025

Hỏi: Cô bắt đầu hầu đồng từ năm nào?

Trả lời: Tôi bắt đầu hầu từ năm 2008. Khi đó cơ thể yếu, bị ung thư và bác sĩ trả về. Nhưng sau khi hầu vào ngày 9/9, tôi như được hồi sinh. Sau trình đồng, tôi có khả năng nói được cho người khác.

Hỏi: Một năm cô hầu mấy vắn?

Trả lời: Tôi không hầu nhiều như mọi người. Năm 2020 tôi hầu tạ ơn, từ đó đến nay vẫn chưa hầu lại được.

Hỏi: Cô thường hầu ở đâu?

Trả lời: Tôi hầu tại điện của nhà.

Hỏi: Trang phục hầu của cô thế nào?

Trả lời: Tôi có đủ trang phục. Mỗi vấn thường khoảng 21–22 giá, trong đó thường có giá Quan Hoàng Mười.

Hỏi: Cô đã từng đi lễ ở các đền như Nghệ An, Chợ Củi chưa?

Trả lời: Tôi đã đi hành hương ở đó, nhưng chưa có duyên được hầu đồng ở các nơi đó.

Hỏi: Cảm giác khi hầu đồng của cô thế nào?

Trả lời: Bình thường thôi, ít khi có truyền phán. Tôi chỉ ban khen cho những người giúp đỡ vấn hầu. Thầy pháp là người thỉnh mời và làm lễ tạ.

35. Phỏng vấn cô Hàm Thị Hoa, sinh năm 1959, Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội, lúc 18h ngày 19/4/2025

Hỏi: Cô thuộc căn Thánh nào?

Trả lời: Tôi căn Quan.

Hỏi: Cô đã hầu đồng được bao nhiêu năm? Và làm đồng thầy bao lâu?

Trả lời: Tôi hầu đồng được 20 năm, làm đồng thầy khoảng 15 năm.

Hỏi: Trung bình một năm cô hầu bao nhiêu vấn?

Trả lời: Tùy từng năm, nếu có khách thì hầu nhiều, khoảng hơn 15 vấn, chủ yếu vào các tháng 1, 2, 3 âm lịch.

Hỏi: Mỗi vấn hầu thường có bao nhiêu giá?

Trả lời: Khoảng 20 giá.

Hỏi: Cô thường hầu ở đâu?

Trả lời: Tôi thường hầu ở các đền Quan Đệ Tam, Quan Đệ Ngũ.

Hỏi: Cô đã từng hầu tại đền Quan Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh chưa?

Trả lời: Chưa.

Hỏi: Giá Quan Hoàng Mười có trong vấn hầu của cô không?

Trả lời: Lúc nào cũng có.

Hỏi: Trang phục hầu của cô thế nào?

Trả lời: Tôi có đủ trang phục. Một bộ khoảng 40–50 triệu.

Hỏi: Đồ lễ cho gia Ông Hoàng Mười gồm những gì?

Trả lời: Tùy khách. Có thể là sách bút, hoa quả, lễ chay, lễ mặn, vàng mã, ngựa... Thường xin công danh, tài lộc.

Hỏi: Trang phục hầu có thay đổi theo thời gian không? Mua ở đâu?

Trả lời: Vài năm có điều kiện thì thay đổi. Thường đặt mua ở Thường Tín hoặc phố Hàng Quạt.

Hỏi: Cảm xúc sau khi hầu Thánh thế nào?

Trả lời: Rất phấn khởi, mang lại niềm tin và hoan hỉ.

Hỏi: Có năm nào cô không hầu không?

Trả lời: Năm nào tôi cũng hầu.

36. Phỏng vấn thanh đồng Kiều Mừng, 51 tuổi, Mỹ Đức, Chùa Hương, lúc 20h30 ngày 19/4/2025

Hỏi: Anh hầu đồng được bao nhiêu năm rồi?

Trả lời: Tôi đã hầu được 25 năm. Trang phục khi hầu chủ yếu là mượn.

Hỏi: Năm ngoái anh hầu mấy lần?

Trả lời: Năm ngoái tôi chỉ hầu 1 lần vì nhà có việc. Trước đó không hầu 3 năm liền.

Hỏi: Một lần thường có bao nhiêu giá?

Trả lời: Khoảng 16–17 giá, có giá Quan Hoàng Mười, Hoàng Bảy. Tôi hay hầu bóng hàng cô nhiều hơn.

Hỏi: Khi hầu, cảm nhận bóng dáng Thánh thế nào?

Trả lời: Ít thấy bóng về. Nhưng giá Quan Hoàng Mười thì có cảm giác lâng lâng. Tôi cũng từng mơ thấy cô Bơ, cô Chín.

Hỏi: Chi phí hầu đồng thường khoảng bao nhiêu?

Trả lời: Khoảng 20 triệu, có khi ít hơn vì ké đàn.

Hỏi: Anh đã từng hầu ở đâu ngoài quê chưa?

Trả lời: Tôi chỉ hầu ở quê, chưa đi tảo mộ nơi khác.

Hỏi: Cảm giác khi không được hầu đồng thì sao?

Trả lời: Con người rất nóng nảy. Khi được hầu thì thấy thanh thản hơn. Tôi bị bóng, 8 vía, nóng tính nên phải ra hầu đồng. Năm nào không hầu thì tôi vẫn đi lễ.

37. Phỏng vấn TTT, ngõ 239 Bùi Xương Trạch, lúc 19h ngày 19/4/2025

Hỏi: Em hầu đồng được bao lâu rồi?

Trả lời: Em hầu đồng được 11 năm.

Hỏi: Trước khi hầu đồng, em chuẩn bị lễ ra sao?

Trả lời: Em chuẩn bị đầy đủ lễ, mã và sớ: 3 bộ Mẫu, 5 Quan Lớn (mũ ngựa tráp), 3 Hoàng, Châu (nón tráp), Cô (nón tráp), Cậu (ngựa tráp)...

Hỏi: Một ván thường có bao nhiêu giá?

Trả lời: Khoảng 21 giá.

Hỏi: Em thường hầu ở đâu?

Trả lời: Ba năm đầu em hầu ở chôn Tổ, sau đó đi hầu ở nhiều nơi khác.

Hỏi: Trang phục hầu của em được chuẩn bị như thế nào?

Trả lời: Em chuẩn bị đầy đủ khăn áo nghi lễ cho các giá, tổng chi phí khoảng 200 triệu, đặt mua ở Thường Tín.

Hỏi: Cảm giác khi hầu như thế nào?

Trả lời: Em chưa nhập đồng lắm khi hầu.

38. Phỏng vấn thanh đồng GTT, sinh năm 1980, Hà Nội, ngày 18/5/2025

Hỏi: Em hầu đồng được bao nhiêu năm rồi?

Trả lời: Khoảng 19 năm.

Hỏi: Một năm em mở mấy ván?

Trả lời: Lúc mới ra hầu thì năm nào em cũng hầu. Bây giờ, là con nhà Thánh rồi thì cũng tùy.

Hỏi: Có năm nào em không hầu không?

Trả lời: Có chứ chị. Năm nào nhiều việc, không lo được kinh tế thì em xin khát.

Hỏi: Việc hầu có quy định gì không?

Trả lời: Chỉ do nhân duyên thôi.

Hỏi: Về trang phục, em chuẩn bị thế nào?

Trả lời: Mới đầu chưa có thì mượn của đồng anh lính chị, đồng thầy. Khi có ngân xuyên thì tự sắm cho mình một bộ. Áo bản mệnh, khăn phủ diện tổ vương là không mượn được. Khi hầu thì em hầu một canh, bao gồm cả giá Chúa vì em ở gần Chúa. Bình thường thì bắt đầu từ hàng Quan Lớn đi xuống.

Hỏi: Trong hàng Quan Hoàng, em thường hầu giá nào?

Trả lời: Giá Quan Hoàng Bảy, Hoàng Bơ, Hoàng Mười.

Hỏi: Em thường hầu ở đâu?

Trả lời: Lúc đầu em hầu ở chốn Tổ, sau 3 năm thì tùy điều kiện mà đi các nơi.

Hỏi: Em đã bao giờ hầu ở đền Nghệ An, Hà Tĩnh chưa?

Trả lời: Em chưa. Nhưng sau 3 năm thì em cũng đi cửa Cha cửa Mẹ, Côn Sơn Kiếp Bạc, Vua Cha Bắc Hải, Phủ Giày, Mẫu Đông Cuông.

Hỏi: Khi hầu giá Hoàng Mười, em cảm thấy thế nào?

Trả lời: Cái bóng của Quan Hoàng trông rất sang.

Hỏi: Cảm ơn em!

39. Phỏng vấn thanh đồng (cung văn) NVT (tên khác: Đỗ Tuấn), Phúc Thọ, sinh năm 1972, lúc 19h30 ngày 18/5/2025

Hỏi: Anh hầu Thánh được bao nhiêu năm rồi?

Trả lời: 12 năm.

Hỏi: Một năm anh hầu mấy lần?

Trả lời: Một năm có điều kiện thì hầu một lần, hoặc hai năm một lần.

Hỏi: Trang phục hầu của anh thế nào?

Trả lời: Đủ hết.

Hỏi: Giá trang phục dao động thế nào?

Trả lời: 250 triệu cũng có, 25–30 triệu cũng có. Một quả áo cũng có thể lên đến 80 triệu.

Hỏi: Đồ lễ trong một canh đàn gồm những gì?

Trả lời: Có đủ lễ: dâng trà, quả thực, bánh kẹo, rượu bia, nước ngọt...

Hỏi: Đối với giá Ông Mười thì sao?

Trả lời: Trang phục gồm áo, khăn xếp, cờ, quạt, đề thơ (du xuân văn cảnh)...

Vàng mã có ngựa.

Hỏi: Một vắn thường bao nhiêu giá?

Trả lời: 18–21 giá. Có Đức Ông, Cô Đôi Nhà Trần, Chúa Đệ Nhất, Chúa Đệ Tam, 5 Quan Lớn, 4 Châu, 3 giá Hoàng (Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, Hoàng Mười), Cô Đôi, Cô Bơ, Cô Sáu, Cô Chín, Cô Bé, Cậu Bé (Cả, Bơ).

Hỏi: Cách thỉnh giá Quan Hoàng Mười như thế nào?

Trả lời: Thỉnh hát theo điệu Dục. Lên khăn áo màu vàng. Dâng hương theo điệu Lưu Thủy, múa cờ trống trận, đề thơ bằng điệu Còn Xuân nhịp một. Chuốc rượu, hò Xứ Nghệ, khúc Nam Giao nhịp một, hò Nghệ...

Hỏi: Cảm ơn anh!

40. Phỏng vấn thầy Dương Văn Trung sinh năm 1970, lúc 21h30 ngày 18/5/2025

Hỏi: Thầy hầu đồng từ năm nào?

Trả lời: Tôi hầu đồng từ năm 8 tuổi, đến nay đã hơn 40 năm.

Hỏi: Năm nào thầy làm đồng thầy?

Trả lời: Năm 2000.

Hỏi: Một năm thầy hầu bao nhiêu vắn?

Trả lời: Một hoặc hai vắn.

Hỏi: Nếu hầu mở phủ thì bao nhiêu vắn?

Trả lời: Tùy duyên.

Hỏi: Một vắn thường bao nhiêu giá?

Trả lời: Trên 10 giá.

Hỏi: Một canh hầu kéo dài bao lâu?

Trả lời: Khoảng 6 tiếng là nhiều rồi.

Hỏi: Trong các canh hầu đồng, có giá Quan Hoàng Mười không?

Trả lời: Có.

Hỏi: Cảm ơn thầy!

41. Phỏng vấn Thầy Trần về chủ đề: Hiện tượng ảo tưởng tâm linh trên mạng – Nguyên nhân và cách giải quyết

Nguồn: <https://www.facebook.com/share/v/1LdPXHJ4mP/?mibextid=wwXlfr>

Thời gian truy cập: 21/5/2025,

Có 16K lượt xem, 375 like, 30 bình luận và 14 lượt chia sẻ.

Giới thiệu nhân vật: Thầy Trần – Người thực hành tâm linh và chia sẻ giáo dục tín ngưỡng trên nền tảng số

Thầy Trần là một người thực hành tâm linh uy tín, được cộng đồng biết đến thông qua các hoạt động giảng giải, chia sẻ và hướng dẫn về tín ngưỡng dân gian, đặc biệt trong lĩnh vực thờ Mẫu và thực hành nghi lễ Tứ Phủ. Bên cạnh việc tham gia trực tiếp vào nghi lễ, Thầy còn là người có nhiều trăn trở về thực trạng lệch chuẩn trong thực hành tín ngưỡng trên môi trường mạng.

Trong video phỏng vấn có tiêu đề “Hiện tượng ảo tưởng tâm linh trên mạng – Nguyên nhân và cách giải quyết”, Thầy Trần đã thẳng thắn chỉ ra các biểu hiện đáng báo động như: khoe căn quả, giả đồng, buôn thần bán thánh, lạm dụng danh nghĩa tâm linh để trục lợi. Từ đó, Thầy đề xuất những giải pháp cốt lõi như: nâng cao nhận thức, học tập nghiêm túc, giữ đạo tâm và biết chọn lọc thông tin.

Với phong thái điềm đạm, giọng nói mạch lạc và cách lý giải dễ hiểu, Thầy Trần nhận được sự tôn trọng từ nhiều người thực hành tín ngưỡng cũng như giới trẻ quan tâm đến tâm linh dân gian. Thầy thường xuyên nhấn mạnh rằng tâm linh là con đường đi vào nội tâm, chứ không phải nơi để thể hiện quyền năng hay chạy theo sự công nhận ảo.

Video phỏng vấn Thầy Trần được chia sẻ rộng rãi trên Facebook, với 16.000 lượt xem, 375 lượt thích, 30 bình luận và 14 lượt chia sẻ (thời điểm truy cập 21/7/2025). Dù không viral như các trào lưu tâm linh đang nổi, video vẫn được đánh giá là giàu tính giáo dục, định hướng và giữ vững giá trị nền tảng của đạo Mẫu trong không gian mạng.

Câu hỏi: Hiện nay con thấy nhiều người tu theo Phật – Thánh có biểu hiện rất “ảo”. Vậy nếu đệ tử ở nhà mình mà bị như vậy thì thầy xử lý thế nào ạ?

Thầy Trần trả lời: Ví dụ như có một người con nhang đệ tử nằm mơ thấy mình xuống âm phủ, bị trói trong ngục, kêu cứu. Sau đó lại thấy mẹ mình cũng bị nhốt, bị rút lưỡi, bị đánh đập, bỏ đói. Con muốn cứu mà không thể cứu được. Sau đó về kể lại với thầy, hỏi cách nào để cứu mẹ khỏi ngục.

Với người bình thường, người ta sẽ bảo: “Con mơ như thế là ảo, là hoang tưởng”. Nhưng nếu là người có đạo, họ sẽ xử lý theo kiểu của người có đạo. Còn người không có đạo thì sẽ bác bỏ ngay: “Thời buổi 4.0 rồi, con kể mấy chuyện như thế là ảo tưởng”.

Nếu đặt trường hợp đó vào thầy, thì thầy sẽ đưa ra ba cách giải quyết. Đây là một ví dụ nhưng là chuyện có thật – đó là câu chuyện của Đức Mục Kiền Liên và Đức Phật. Thời đại bây giờ, nếu con kể chuyện này cho một người đồng tu có hiểu biết, người ta sẽ xác nhận rằng điều đó không phải là ảo. Dù người thường bảo con ảo, nhưng người theo đạo sẽ hiểu đó là tín hiệu cần soi chiếu.

Phật từng dạy Mục Kiền Liên cách cứu mẹ khỏi ngục. Thầy cũng sẽ dạy con như vậy – dùng trí tuệ để áp chế vọng tưởng. Giấc mơ đó có thể là thật, có thể là ảo, nhưng bằng trí tuệ của mình, con cần nhận diện để an định lại tâm. Học cách của nhà Phật, của tiền nhân tổ tiên, của các vị Tổ đồng... để làm sao tâm con được an trú. Khi tâm an, con sẽ mơ thấy mẹ mình được cứu khỏi ngục tù. Thậm chí những oan hồn khác cũng được con giúp giải thoát. Đó là cách mà người thầy có đạo dẫn dắt.

Còn thầy không có đạo sẽ bác bỏ: “Làm gì có chuyện đó, làm gì có ai bị giam giữ sau khi chết, làm gì có chuyện con đi xuống âm cứu các vong hồn!” Dù có là ảo, người đạo sư chân chính cũng không bao giờ phản bác. Tâm linh không nên bị phủ định. Con mơ thấy chứ thầy đâu có mơ thấy – nên thầy không được quyền bác bỏ điều con trải qua.

Vì vậy, hướng giải quyết đầu tiên là theo Phật pháp. Nếu con tín Thánh, thì thực hành theo nghi lễ vớt vong của nhà Thánh. Hoặc con tu tập, hành trì theo các thủ pháp, luật đạo, theo chân – thiện – mỹ để giải thoát mẹ khỏi ngục. Khi đó, con sẽ mơ thấy các vong hồn được cứu rồi. Như vậy, cái “ảo” đó – nếu có – cũng phần nào trở nên “thật”.

Rất nhiều người có trải nghiệm tương tự. Mười người nói sai, nhưng nói đi nói lại nhiều lần, thì nó cũng thành cái đúng. Tâm linh là cõi tưởng – nếu cùng tưởng giống nhau, sẽ hình thành một thực tại tinh thần chung. Một cộng đồng tưởng, một tín ngưỡng tưởng, một tôn giáo tưởng – lâu dần cũng thành chân lý nội tại với họ.

Ví dụ: con nhìn sang đạo Thiên Chúa, nếu không theo đạo thì con sẽ thấy vong hồn lang thang, vất vưởng, không có chỗ thờ tự – vì không thờ cúng như bên mình. Con sẽ thấy “ảo”. Nhưng trong tín lý của họ, điều đó là thật. Hay như người Việt Nam ta bảo dân tộc Nhật là con của thần Mặt Trời – người khác sẽ bảo “ảo”. Nhưng đó là truyền thống tín ngưỡng của họ.

Ở đạo khác lại phủ nhận: làm gì có địa ngục, làm gì có đầu thai, làm gì có đánh đập sau khi chết. Nhưng với người tin, họ thấy hoàn toàn có thật. Tâm linh là cõi tưởng. Có thể là truyền thống tín ngưỡng lâu đời, giờ bị sai lệch một chút, bị hòa trộn văn hóa ngoại lai, nên sinh ra điều gọi là “ảo”.

Có người tôn vinh hầu đồng của sư Tây Tạng là “thánh cốt”, nhưng lại bảo hầu Thánh Việt Nam là “ma nhập” – đó là sự xúc phạm, là võ đoán. Thanh niên Việt Nam được hầu ở cửa đình, ở cửa đền – đó đều là bậc anh linh, hộ quốc cứu dân từ khi sống đến khi mất. Không thể xem nhẹ các giá trị tín ngưỡng bản địa như vậy.

Niềm tin tôn giáo là thiêng liêng, không ai có quyền động chạm. Người ta bảo: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân gian” – vì khi đã tin vào cõi tâm linh, họ xem đó là sự thật tuyệt đối. Không thể phản bác bằng lý trí thuần túy. Bao gia đình, bao đình đền đều có chuyện “ảo” – nhưng từ đó mà ra các truyện cổ tích, huyền thoại, truyền thuyết, chuyện ma... Từ ảo mà sinh.

Thực tế: mười người nói sai, cứ nói mãi cũng thành đúng. Một người nói đúng, nếu bị đám đông bác bỏ cũng thành sai. Như Galileo nói trái đất hình tròn – bị giáo hội kết tội. Vì vậy, chỉ khi nào con thấy bằng mắt, bằng tay, bằng lưỡi... thì mới dám gọi là sự thật. Mà ngay cả trái đất – có chắc đã “tròn” chưa? Nó là hình cầu elip, chứ đâu có tròn so với đất liền, với hai cực?

Tâm linh cũng vậy. Mỗi người có một cõi tưởng riêng. Người theo Phật ở Nga bị đạo Cơ đốc bảo là ảo. Người tiểu thừa bảo đại thừa là sai. Trong tôn giáo cũng có

chia rẽ, khác biệt niềm tin. Tôn giáo, tín ngưỡng, trên dòng thời gian, đều từ “ảo” mà ra. Vì con người luôn tò mò về cái chưa biết, chưa thấy, chưa sờ. Họ tưởng tượng – rồi gọi đó là chân lý.

Các nhà bác học cũng thế, ban đầu họ không ai hiểu, họ bị chê là ảo, nhưng rồi chứng minh được, thì thành người phát minh. Vậy thì: từ ảo mà hóa thật.

Tâm linh, tín ngưỡng – ban đầu cũng là ảo tưởng, là niềm tin. Ai cũng có niềm tin riêng, ảo riêng. Loài người không bao giờ chấm dứt được sự ảo. Chỉ có điều: ảo ít hay nhiều, ảo của một người hay ảo của cả cộng đồng. Khi ảo của cộng đồng trở thành hệ thống thì nó thành “sự thật tập thể”.

Vấn đề là có những hiện tượng tâm linh đang bị lợi dụng, bị biến tướng. Nhiều ông thầy lập đạo mới, gây băng hoại đạo đức xã hội. Những thứ như vậy cần phải lên án. Nhưng không nên đăng ký, áp đặt hay gò bó tâm linh – hãy để truyền thống tốt đẹp của dân tộc tự phát triển. Tôn thờ anh hùng dân tộc, lan tỏa điều tốt – thì cái xấu sẽ dần lùi xa. Hòa nhập mà không hòa tan.

Có những người đi sai đường, gặp những ông thầy “ảo” hơn mình, tung hô lên tận trời – cũng là chuyện thường. Ảo và thật – đôi khi chỉ cách nhau một lần ranh mờ. Với con là ảo, nhưng với người khác là thật. Với con là thật, nhưng với người khác chưa chắc đã đúng.

Tóm lại: Tâm linh là như vậy. Những điều đang bị băng hoại thì cần có biện pháp xử lý, thậm chí cần sự quản lý từ phía nhà nước để giữ gìn sự trong sạch của môi trường tín ngưỡng.

42. *Phỏng vấn Thầy Trần về chủ đề: Nguồn gốc tín ngưỡng cầu học hành, công danh thi cử với ông Hoàng Mười.*

Thời gian truy cập: 21/5/2025.

Nguồn: <https://www.facebook.com/share/v/16jTBQE65h/?mibextid=wwXIf>

Có 23K lượt xem, 469 like, 44 bình luận và 32 lượt chia sẻ

Giới thiệu nhân vật: Thầy Trần – Người nghiên cứu và thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, chuyên sâu về văn hóa tâm linh Việt

Thầy Trần là một người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu có nền tảng nghiên cứu

bài bản, được cộng đồng biết đến nhờ các chia sẻ sâu sắc và chuẩn mực về văn hóa dân gian, đặc biệt là trong lĩnh vực nghi lễ, lịch sử thờ phụng và căn gốc các giá đồng. Thầy được đánh giá cao không chỉ bởi sự hiểu biết mà còn ở khả năng truyền đạt dễ hiểu, mang tính định hướng cho giới trẻ và người mới tìm hiểu tín ngưỡng.

Trong video phỏng vấn mang chủ đề “Nguồn gốc tín ngưỡng cầu học hành, công danh thi cử với ông Hoàng Mười”, Thầy Trần đã phân tích kỹ lưỡng về vai trò và hình tượng ông Hoàng Mười trong đời sống tâm linh người Việt – người được coi là vị thánh bảo trợ cho đường học vấn, công danh, thi cử và chính đạo. Qua đó, Thầy lý giải sự hình thành của tập tục cầu công danh đầu năm, dâng lễ tại các đền ông Hoàng Mười, cũng như những điều nên – không nên trong nghi lễ.

Thầy nhấn mạnh rằng, lòng thành và sự cố gắng cá nhân vẫn là gốc rễ, còn tín ngưỡng chỉ là nguồn lực tinh thần hỗ trợ. Đây là cách tiếp cận văn minh, giúp tín ngưỡng không bị hiểu lầm thành mê tín hoặc lợi dụng dịp thi cử để “xin đỗ, xin đậu” một cách hình thức.

Video phỏng vấn đạt 23.000 lượt xem, 469 lượt thích, 44 bình luận và 32 lượt chia sẻ (thời điểm truy cập 21/5/2025), thu hút sự quan tâm đặc biệt từ phụ huynh, học sinh và những người quan tâm đến đời sống tâm linh gắn với giáo dục.

Thầy Trần đang dần trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu kết nối tín ngưỡng truyền thống với tư duy hiện đại, đóng góp tích cực vào việc giữ gìn và truyền bá giá trị văn hóa tâm linh Việt một cách đúng đắn và có chiều sâu.

Câu hỏi: Ông Hoàng Mười là ai? Tại sao người ta lại cầu xin ông về đường học hành, công danh thi cử?

Thầy Trần trả lời: Ở Hà Nội có một ngôi làng khoa bảng rất nổi tiếng – làng Đông Ngạc, tên nôm gọi là làng Vẽ. Tại đây có một vị tên là Phan Phù Tiên. Bố ông ấy gốc ở huyện Thiên Lộc, Hà Tĩnh, sau này chuyển ra sống ở làng Vẽ. Ông Phan Phù Tiên đỗ tú tài, làm quan dưới triều Trần.

Khi Lý Thái Tổ khởi nghĩa thành công, bố ông – hoặc chính ông, theo lời các cụ kể lại – đã trở về quê. Tại đó, ông gặp tướng Lê Khôi, chính là ông Hoàng Mười mà ta thờ hiện nay. Ông Phan Phù Tiên được ông Mười khuyên rằng: “Làm

quan dưới triều mới thì phải đi thi lại, không nên dùng bằng cấp khoa bảng của triều Trần để lập nghiệp dưới triều Lê”. Sau đó, ông thi lại và đỗ tiến sĩ dưới thời nhà Lê.

Theo sử sách, năm 1445, ông Lê Khôi đánh thắng trận nhưng bị thương và mất, được an táng tại đền Chiêu Trưng. Trước đây, Nghệ An và Hà Tĩnh là một tỉnh, chưa chia tách như bây giờ. Khi ông Phan Phù Tiên về quê, ông đã đến đền thờ Lê Khôi xin chân nhang, rước về lập bàn thờ tại làng Vẽ. Ngoài ra, ông cũng đến đền Độc Cước ở Thanh Hóa – quê gốc của ông Lê Khôi – để rước chân nhang về thờ.

Sau khi thờ cúng ông Hoàng Mười tại làng Đông Ngạc, làng này trở nên phát đạt, khoa bảng hưng thịnh: có hơn 20 tiến sĩ, và rất nhiều cử nhân. Dân gian đồn rằng, ai đến lễ đền Hoàng Mười xin học hành, thi cử đều được đỗ đạt. Tuy sử sách không ghi lại việc này, nhưng truyền miệng nhân dân vẫn lưu giữ, và dân mình tin vào những gì tốt đẹp.

Không rõ người ngoài đến xin có khó khăn gì không, nhưng người dân vẫn về đền Chiêu Trưng để cầu công danh học hành. Sau này, người ta còn đến các đền ở Nghệ An và Hà Tĩnh để cầu xin.

Thực chất, ông Hoàng Mười là đại vương trấn thủ Nghệ An, được thờ tại đền Chiêu Trưng. Ngày xưa chưa có đường bộ như bây giờ, muốn sang đó phải vòng ra cửa biển, đi thuyền rất vất vả. Nên nhiều người lễ luôn ở đền Cũ (nay thờ Mẫu nhưng cũng tôn ông làm thần chủ đền). Về sau, bên Nghệ An mới chính thức xây đền thờ ông Hoàng Mười.

Việc cầu xin học hành đỗ đạt vốn bắt nguồn từ làng Đông Ngạc ở Hà Nội, nhưng quê ông Hoàng Mười lại ở Hà Tĩnh. Nên mới có người ra Đông Ngạc cầu xin, cũng có người vào Chiêu Trưng. Cũng có sự nhầm lẫn – ngoài Bắc gọi Lê Khôi là Thừa tướng, trong khi ở đây gọi là ông Hoàng Xứ Nghệ, chữ nghệ nó giao nhau như dấu thập quay ra gọi là Ông Mười. Các cụ cổ vẫn gọi là Ông Hoàng Xứ Nghệ.

Người Hà Nội xưa muốn cầu học hành đỗ đạt thì đi vào Xứ Nghệ, đến đền thờ ông Hoàng Mười mà lễ. Dần dà, ông trở thành một biểu tượng cho con đường công danh, thi cử.

43. *Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT, Chủ trang facebook Tiệm Lynh, Khanchauaonguthietke*

Chủ đề: Hầu đồng – Ý nghĩa và vai trò trong đời sống tâm linh

Nguồn: Facebook Video.

<https://www.facebook.com/share/r/19xjTuUqM5/?mibextid=wwXIfr>

Thời gian truy cập: 25/5/2025. 109K lượt thích, 2,3K thích

LT là một nhà thiết kế trẻ chuyên về trang phục phục vụ nghi lễ tín ngưỡng, đặc biệt trong lĩnh vực thờ Mẫu Tứ Phủ. Cô là người sáng lập và quản lý trang Facebook Tiệm Lynh – Khăn châu áo ngự thiết kế, nơi chuyên cung cấp các sản phẩm thủ công cao cấp như áo ngự, khăn châu, đạo cụ hầu đồng với tinh thần tôn trọng nghi lễ và chuẩn mực văn hóa.

Với nền tảng mỹ thuật bài bản và niềm đam mê sâu sắc dành cho di sản tâm linh dân tộc, Linh Thảo không chỉ thiết kế trang phục mà còn góp phần truyền bá tri thức văn hóa tín ngưỡng đến cộng đồng. Cô thường xuyên chia sẻ các bài viết, video giải thích về giá trị nghi lễ, thần thái người hầu, và cách hiểu đúng về trang phục trong hầu đồng.

Cô khẳng định: *“Mỗi bộ trang phục không chỉ là vải vóc, mà là cả tâm lòng và tinh thần tôn vinh tín ngưỡng”*. Với Thảo, thiết kế trang phục là một sứ mệnh gìn giữ vẻ đẹp văn hóa dân tộc, không chỉ phục vụ nghi lễ mà còn nuôi dưỡng lòng biết ơn, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.

Các bài phát ngôn của Linh Thảo trên mạng xã hội thường thu hút lượng tương tác lớn, với video phỏng vấn gần nhất đạt 109 nghìn lượt thích và 2,300 lượt chia sẻ (thời điểm truy cập 25/5/2025). Nhờ lối nói chuyện dung dị nhưng sâu sắc, cô được xem là một trong những gương mặt trẻ góp phần làm sống dậy và lan tỏa giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu trong giới trẻ hiện đại.

Câu hỏi: Hầu đồng để làm gì ạ? Có những người hầu đồng cả đời cũng không biết hầu để làm gì. Vậy hầu đồng thực sự là để làm gì?

CLThảo trả lời: Thứ nhất, hầu đồng là để kết nối với cội nguồn tâm linh của người Việt. Nó không chỉ đơn thuần là một nghi lễ mà còn là một hành trình trở về với căn duyên của chính mình – hành trình để con người trở về với gốc rễ tâm linh, với những giá trị đã nuôi dưỡng tâm hồn dân tộc suốt bao đời nay.

Thứ hai, hầu đồng là để tri ân các bậc tiền nhân – những người đã có công với đất nước. Hầu đồng là hình thức diễn xướng linh thiêng của các vị Thánh, thể hiện lòng biết ơn, sự thành kính và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” qua những nghi lễ trang trọng.

Thứ ba, hầu đồng là nơi để con người gửi gắm ước nguyện – cầu an, cầu may, cầu phúc lộc và phước lành. Không chỉ cầu cho bản thân, mà còn cho gia đình, cộng đồng. Đây là niềm tin rất đẹp, rất đời và cũng rất Việt – rằng điều thiện sẽ được chở che, và điều lành sẽ được hồi đáp.

Thứ tư, hầu đồng góp phần giữ gìn và lan tỏa một di sản văn hóa tín ngưỡng của người Việt Nam. Đây là một diễn xướng tổng hòa – từ tâm linh, âm nhạc, trang phục, đến nghi lễ – tạo thành một không gian linh thiêng, mở ra một kho tàng lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và thẩm mỹ dân gian. Và tôi tin rằng, tất cả những giá trị đó đang được trân trọng, gìn giữ và trao truyền.

Với tôi – một nhà thiết kế trang phục trong lĩnh vực văn hóa tín ngưỡng, hầu đồng chính là nơi tôi tìm thấy lý do cho công việc mình đang làm. Mỗi bộ trang phục không chỉ là vải vóc, mà là cả tấm lòng và tinh thần tôn vinh tín ngưỡng – là chút công sức nhỏ bé góp phần giữ gìn vẻ đẹp văn hóa dân tộc, thể hiện lòng biết ơn, sự thành kính với thế hệ ông cha đã có công với đất nước. Đó không chỉ là niềm tự hào, mà còn là một sứ mệnh.

44. Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT, Chủ đề:

Trang phục hầu đồng – Biểu tượng linh thiêng hay vật phẩm xa xỉ?

Nguồn: Facebook Video.

https://web.facebook.com/share/r/19SrLNkTbC/?mibextid=wwXIfr&_rdc=1&_rdr

Thời gian truy cập: 25/5/2025. Có 72 K lượt thích, 1,9 K bình luận

Giới thiệu nhân vật: LT – Nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng, sáng lập Tiệm Lynch

LT là một nhà thiết kế trẻ chuyên sâu trong lĩnh vực trang phục nghi lễ thờ Mẫu, đồng thời là người sáng lập trang Facebook “Tiệm Lynch – Khăn châu áo ngự thiết kế”, nơi chuyên cung cấp các sản phẩm thủ công cao cấp dành cho nghi lễ hầu đồng như áo ngự, khăn châu, đạo cụ linh thiêng.

Không chỉ là người làm nghề, Linh Thảo còn là một trong những tiếng nói tiêu biểu đại diện cho thế hệ trẻ gìn giữ và tôn vinh văn hóa tâm linh Việt Nam. Các phát biểu của cô luôn thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về nghi lễ Tứ Phủ, kết hợp giữa tinh thần chuẩn mực truyền thống và quan điểm hiện đại. Cô từng khẳng định: *“Trang phục không đơn thuần là để mặc – đó là một lễ vật, là lòng thành dâng lên bề trên”*.

Trong video phỏng vấn mang chủ đề “Trang phục hầu đồng – Biểu tượng linh thiêng hay vật phẩm xa xỉ?”, Linh Thảo đã chia sẻ quan điểm rõ ràng: nghi lễ hầu đồng không yêu cầu trang phục phải đắt tiền, nhưng đòi hỏi sự trang nghiêm, chuẩn mực và thành tâm. Cô phản đối việc biến hầu đồng thành sân khấu thời trang, và cho rằng giá trị thật nằm ở lòng thành – chứ không ở giá trị vật chất.

Với hơn 72.000 lượt thích và 1.900 lượt bình luận trên video phỏng vấn (thời điểm truy cập 25/5/2025), Linh Thảo đã cho thấy sức ảnh hưởng rộng rãi không chỉ trong giới đồng nhân mà còn trong cộng đồng yêu thích văn hóa dân gian Việt. Cô đang dần khẳng định mình như một gương mặt tiên phong trong việc kết nối thẩm mỹ đương đại với chuẩn mực nghi lễ truyền thống, góp phần lan tỏa tín ngưỡng thờ Mẫu một cách đúng đắn và có chiều sâu.

Câu hỏi: *Có nhất thiết phải mặc quần áo đắt tiền khi hầu đồng không?*

Cô Linh Thảo trả lời: Hầu đồng chứ đâu phải trình diễn thời trang hàng hiệu để khoe tiền bạc mà cần đắt hay rẻ hả em? Trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Tứ phủ, hầu đồng là một nghi lễ linh thiêng – nơi người thực hành tái hiện hình ảnh các vị thánh để tưởng nhớ công lao và thể hiện lòng biết ơn, tôn kính với bề trên.

Trang phục trong hầu đồng mang tính biểu tượng, không chỉ cần đẹp mà phải

chuẩn mực, đúng giá đồng, đúng ý nghĩa văn hóa. Nó còn là một loại lễ vật, một cách dâng hương bằng tâm. Ngày xưa người ta dâng trà quả, hương hoa, vàng mã, thì nay, trang phục cũng là một hình thức dâng lễ bằng sự đầu tư, bằng lòng thành.

Tất nhiên, trong bối cảnh hiện đại, không phải ai cũng có điều kiện như nhau. Có người chọn gấm cao cấp, đính kết cầu kỳ để thể hiện lòng thành theo cách riêng. Nhưng cũng có người chỉ đủ may những bộ đơn giản – miễn là sạch sẽ, trang nghiêm, hành kính – điều đó hoàn toàn đáng trân trọng.

Hầu đồng không bắt buộc phải mặc đồ đắt tiền, nhưng nhất định phải nghiêm túc, tôn trọng nghi lễ và thể hiện sự thành tâm. Trang phục là một phần của lòng thành. Dù công phu hay giản dị, điều thiêng liêng nhất vẫn là sự nhất tâm, chứ không phải giá trị vật chất.

45. Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT,

Chủ đề: Khăn châu áo ngự – Có nên mặc ra đời sống thường nhật?

Nguồn: Facebook Video.

https://web.facebook.com/share/r/1FthVVy2mh/?mibextid=wwXIfr&_rdc=1&_rdr

Thời gian truy cập: 25/5/2025. 68 K lượt thích, 1,4 K bình luận

Giới thiệu nhân vật: LT – Nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng, sáng lập Tiệm Lynch

LT là một trong những nhà thiết kế trẻ tiêu biểu đang góp phần làm sống lại vẻ đẹp của trang phục nghi lễ đạo Mẫu, với tinh thần kết hợp giữa mỹ thuật truyền thống và sự chuẩn mực trong tín ngưỡng. Cô là người sáng lập thương hiệu “Tiệm Lynch – Khăn châu áo ngự thiết kế”, chuyên cung cấp các sản phẩm thủ công dành riêng cho nghi lễ hầu đồng như áo ngự, khăn châu, đạo cụ tâm linh.

Bên cạnh công việc thiết kế, LT còn là một người thực hành nghiêm túc trong không gian văn hóa tín ngưỡng, với mong muốn lan tỏa sự hiểu biết đúng đắn về vai trò của trang phục trong diễn xướng tâm linh. Các chia sẻ của cô trên mạng xã hội không chỉ thu hút sự quan tâm của cộng đồng đồng nhân, mà còn được đông đảo giới trẻ theo dõi nhờ ngôn ngữ gần gũi, tinh tế và đầy tính định hướng.

Trong video phỏng vấn mang chủ đề “Khăn châu áo ngự – Có nên mặc ra đời sống thường nhật?”, Linh Thảo đưa ra quan điểm rõ ràng: khăn châu áo ngự là trang phục dành riêng cho không gian linh thiêng, không phải để sử dụng tùy tiện trong đời sống thường ngày hay mục đích thương mại hóa. Cô nhấn mạnh rằng, mỗi bộ lễ phục đều mang ý nghĩa tâm linh gắn với các giá đồng, và việc đưa ra khỏi không gian nghi lễ mà thiếu sự hiểu biết sẽ dễ dẫn đến hiểu lầm, phản cảm và tổn thương giá trị văn hóa.

Với hơn 68.000 lượt thích và 1.400 lượt bình luận (tính đến thời điểm truy cập 21/7/2025), phát ngôn của Linh Thảo tiếp tục tạo tiếng vang trong cộng đồng yêu văn hóa dân tộc. Cô đang khẳng định vai trò của mình như một người gìn giữ tinh thần nghi lễ qua thiết kế, góp phần nâng cao nhận thức thẩm mỹ và đạo lý trong việc tiếp cận tín ngưỡng thờ Mẫu.

Câu hỏi: Khăn châu áo ngự có được đi ra ngoài đường không chị?

Linh Thảo trả lời: Chị không đồng tình với một số bạn mang trang phục văn hóa tín ngưỡng mặc ra ngoài đường. Nếu mà có thì phải trong ngữ cảnh phù hợp. Khăn châu áo ngự là trang phục dành riêng cho nghi lễ, chứ không phải là trang phục mặc thường nhật. Đây là trang phục dành riêng cho thực hành tín ngưỡng, được sử dụng trong diễn xướng văn hóa hầu đồng – hoạt động tâm linh trong phạm vi đền phủ hoặc là trong các chương trình văn hóa nghệ thuật được cấp phép và được tổ chức nghiêm túc.

Mỗi bộ trang phục đều mang ý nghĩa thiêng liêng, gắn với từng giá đồng, từng vị thánh và từng nghi lễ. Vì vậy, việc sử dụng sai ngữ cảnh hay là tùy tiện đưa ra ngoài đời sống thường nhật – đặc biệt là trong không gian không tôn nghiêm – sẽ dễ gây phản cảm, hiểu lầm và có thể gây tổn thương đến giá trị văn hóa tín ngưỡng.

Trong những năm gần đây, nhiều chương trình về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh lấy cảm hứng từ tín ngưỡng thờ Mẫu đã góp phần truyền bá nét đẹp này đến công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Việc sử dụng khăn châu áo ngự trong các không gian văn hóa hiện đại là có thể, nhưng phải đi kèm với sự nghiên cứu kỹ lưỡng, thái độ tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc tâm linh cần thiết. Từ màu sắc, cách phối đồ, thần

thái người mặc đến mục đích sử dụng – đều cần rõ ràng và cân trọng. Không nên sử dụng chỉ vì thị hiếu, hiệu ứng thị giác hay mục đích thương mại đơn thuần.

Khăn châu áo ngự thì không phải là trang phục để mặc đi chơi, mà nó là một biểu tượng thiêng liêng của một di sản văn hóa tâm linh. Muốn đưa trang phục hầu đồng ra đời sống đại chúng, nhất định phải có sự hiểu biết, sự chuẩn mực và sự gìn giữ – không trưng bày.

46. *Phỏng vấn đồng nhân PQuang – TA. Chủ đề: Trào lưu chụp ảnh studio trong trang phục hầu đồng – Giao thoa hay lệch chuẩn?* Nguồn: Facebook Video. https://web.facebook.com/share/r/19SrLNkTbC/?mibextid=wwXIfr&_rdc=1&_rdr
Thời gian truy cập: 25/5/2025, Có 72 K lượt thích, 2,3 K chia sẻ, 1,6 K bình luận

Giới thiệu nhân vật: Pháp Quang – Tịnh An – Đồng nhân trẻ lan tỏa tín ngưỡng thờ Mẫu trong thời đại số.

PQ – TA là một đồng nhân trẻ thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ Phủ, nổi bật trên mạng xã hội với hình ảnh chuẩn mực, phát ngôn sâu sắc và tinh thần gìn giữ văn hóa tâm linh dân tộc. Không chỉ là người thực hành nghi lễ, Tịnh An còn là một “người chia sẻ có trách nhiệm” trong cộng đồng tín ngưỡng, thông qua các video hướng dẫn, giải thích và phản biện các hiện tượng lệch chuẩn trên không gian số.

Trang Facebook cá nhân của Tịnh An thu hút hàng chục nghìn lượt tương tác, đặc biệt từ giới trẻ quan tâm đến văn hóa tâm linh Việt. Các video của anh thường nhận được hàng nghìn lượt yêu thích và chia sẻ, tiêu biểu như video trong Phỏng vấn số 46 đạt 72.000 lượt thích, 2.300 lượt chia sẻ và 1.600 lượt bình luận (thời điểm truy cập 25/5/2025). Điều này thể hiện mức độ ảnh hưởng và sức lan tỏa của Tịnh An trong không gian cộng đồng.

Là một người thực hành đạo Mẫu nghiêm túc, Tịnh An đặc biệt nhấn mạnh đến “hiểu biết – chuẩn mực – tôn kính” trong tiếp cận tín ngưỡng. Anh cho rằng: *“Đẹp cũng là một cách lan truyền tín ngưỡng, nhưng vẻ đẹp đó phải xuất phát từ sự hiểu đúng về nghi lễ, thần thái và không gian tâm linh”*. Một trong những quan điểm tiêu biểu của Tịnh An – *“Sống trên đất Việt phải tôn trọng tín ngưỡng Việt”* – đã trở thành thông điệp mang tính định hướng cho cả người hành đạo và cộng đồng ngoài tín ngưỡng.

Sự hiện diện của Tịnh An trong các cuộc đối thoại về tín ngưỡng không chỉ làm cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, mà còn góp phần định hình lại cách giới trẻ nhìn nhận và tham gia vào di sản văn hóa linh thiêng của dân tộc.

Câu hỏi: Hiện nay có trào lưu chụp ảnh mặc đồ hầu đồng trong studio mà không thực hành nghi lễ. Anh/chị nghĩ sao về hiện tượng này?

Tịnh An trả lời: Trào lưu không có đồng mà vẫn chụp ảnh mặc đồ hầu đồng ở studio thì hiện nay khá phổ biến. Phần nhiều mọi người sẽ cảm thấy điều này thiếu sự tôn nghiêm, động chạm đến tín ngưỡng. Nhưng quan điểm của tôi thì không hoàn toàn như vậy.

Đẹp cũng là một cách để lan truyền tín ngưỡng. Nếu các bạn hay các studio thực sự mong muốn lan truyền nét đẹp dân tộc, thì đó là điều vô cùng tuyệt vời. Tuy nhiên, ít nhất các bạn phải hiểu rõ: từ bộ trang phục cho thuê, phong thái, cách lên khăn áo, cho đến việc tư vấn thần thái cho khách hàng – đều không thể làm qua loa.

Không thể lên áo chúa rồi nói là chụp giá cô, trang điểm theo kiểu tuồng chèo mà lại tung hô là quảng bá văn hóa. Chiếc áo đồ hầu thánh cũng là tín ngưỡng trong lòng đồng nhân. Sống trên đất Việt, phải biết tôn trọng tín ngưỡng văn hóa – tìm hiểu, hiểu đúng, và nếu muốn phát dương thì dù không hầu đồng, cũng nên thể hiện được nét đẹp của thánh thần.

Tôi là một người con của Tứ phủ. Tôi xin cảm ơn nếu các bạn thực sự hiểu, và làm đúng – để đưa tín ngưỡng thờ Mẫu đến với mọi người bằng hình ảnh chuẩn mực.

47. Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT,

<https://www.facebook.com/share/r/19TuQLjrZm/?mibextid=wwXIf>

Truy cập ngày 26-5-2025. 11K lượt xem 308 lượt thích 15 bình luận, 6 chia sẻ.

Hỏi: Lăn hóa thân thứ nhất của Thánh Hoàng 10 như thế nào hả chị?

Tiệm Linh trả lời: Theo thần tích tại đền Mỏ Hạc Linh Từ thì Hoàng giáng sinh là ông Nguyễn Duy Lạc tức Nguyễn Xí, một vị tướng tài có công dẹp giặc nhà Minh. Được vua giao trấn giữ Nghệ An, Hà Tĩnh. Ông hết lòng vì dân, từng mở kho cứu trợ. Dựng nhà khi dân gặp thiên tai. Trong một lần đi thuyền trên sông Lam, Ngài

gặp cuồng phong và hóa tại đó. Khi đưa tiễn, mây ngũ sắc kết thành xích điều. Vua Lê thương tiếc, lập đền thờ ở Thượng Xá. Dân cảm phục tấm lòng đức độ, tôn ông là Thánh Minh Hoàng 10.

48. . *Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT,*

https://www.facebook.com/share/r/19s2Q68opR/?mibextid=wwXIfr&_rdc=2&_rdr.

Truy cập ngày 27-5-2025. 128 lượt thích, 6 lượt bình luận 7 lượt chia sẻ.

Hỏi: Và lần hóa thân thứ 2 của Thánh Hoàng 10 như thế nào hả chị?

Tiệm Linh trả lời: Tiếp theo là sự tích tại Khu Độc Linh Từ hay còn gọi là đền Chợ Củi thì Hoàng 10 giáng sinh làm tướng Lê Khôi, một công thần khai quốc nhà Lê Sơ. Ông cũng là tướng lĩnh trong cuộc chiến Nam Sơn lưng lầy. Lê Khôi chính là cháu ruột của vua Lê Lợi, được vua giao chức trấn thủ Hóa Châu. Ông luôn hết lòng trần thủ, giúp dân an yên ấm no. Bên cạnh đó, ông còn luôn đem quân tiếp ứng cho vua dẹp loạn, quân Bé Khắc Thiệu, quân Chiêm Thành và lập được nhiều công lao cho nước nhà. Ông mất vào năm 1446 tại núi Lam Giới, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

49. . *Phỏng vấn nhà thiết kế trang phục văn hóa tín ngưỡng LT,*

<https://www.facebook.com/reel/24820854277532098>

Truy cập ngày 28-5-2025. 149 lượt thích, 2 lượt bình luận 9 lượt chia sẻ.

Hỏi: Và lần hóa thánh thứ ba của Thánh Hoàng 10 như thế nào vậy chị?

Tiệm Linh trả lời: Lại có thần tích cho rằng ông giáng sinh là Uy Minh Vương, Lý Nhật Quang, con trai thứ 8 của vua Lý Thái Tổ là anh cùng cha khác mẹ với vua Lý Thái Tông. Ông nổi tiếng thông minh, chính trực từ nhỏ, được vua cha dạy dỗ nghiêm khắc. Khi trưởng thành, ông được cử làm quan ở Nghệ An, hết lòng vì dân. Giúp vùng đất loạn lạc trở nên yên bình phát triển. Ông còn góp công xây dựng trại Bà Hoa. Hỗ trợ quân Lý đánh thắng Chiêm Thành, dù được phong tước vương, Ông vẫn sống giản dị, hướng dẫn dân làm nông, dệt vải, phát triển kinh tế. Ông là tổ sư nhiều nghề thủ công ở Nghệ An. Khi mất, ông được nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh lập đền thờ.

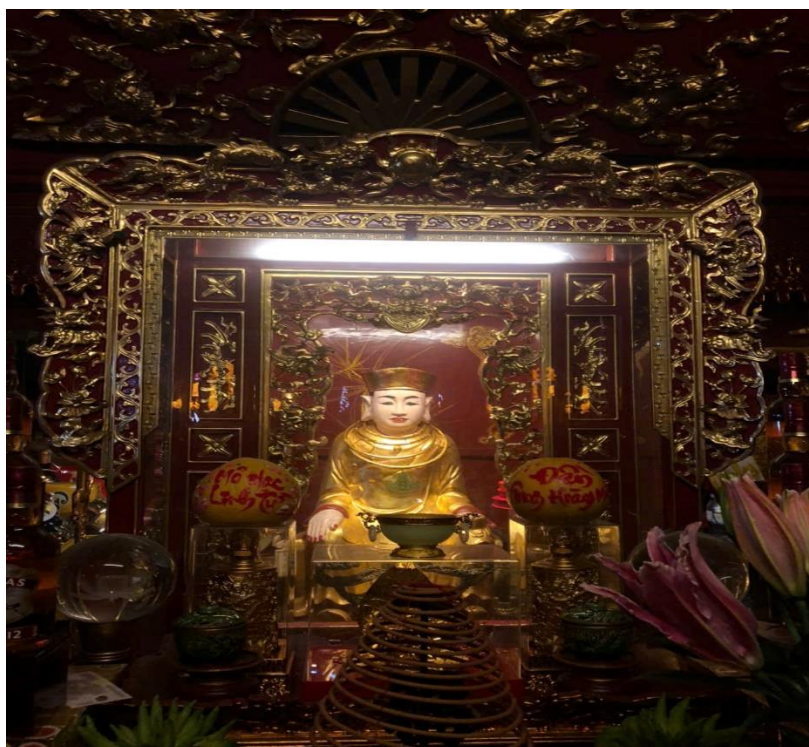
PHỤ LỤC 2
HÌNH ẢNH ĐỀN THỜ VÀ CÁC SINH HOẠT
VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG TẠI ĐỀN ÔNG HOÀNG MƯỜI,
ĐỀN CHỢ CÚI, ĐỀN CẢ



Hình 1: Đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
 (Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 2: Cột nanh đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
 (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 3: Ban thờ Ông Hoàng Mười tại cung cấm đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 4: Ban thờ bà Chúa bản đền, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 5: Ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 6: Ban thờ Vua cha, ngũ vị quan lớn, đền Ông Hoàng Mười
tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 7: Ban thờ tứ phủ quan Hoàng, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 8: Mộ Ông Hoàng Mười, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 9: Thầy pháp lễ trước khi hầu đồng tại đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 10: Khách dâng lễ đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 11: Khách dâng mã hầu đồng, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2023)



Hình 12: Giá Ông Hoàng Bơ, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 13: Giá Ông Hoàng Mười, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 14: Giá Ông Hoàng Mười, đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 15: Hình ảnh Ông Hoàng Mười đề thơ,
đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An (Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 16: Đua thuyền trong lễ hội tại đền Ông Hoàng Mười tỉnh Nghệ An
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 17: Cổng đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 18: Ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu trong cung cấm, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 19: Ban thờ Ông Hoàng Mười trong cung cấm, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 20: Ban thờ Châu Mười, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 21: Giá Ông Hoàng Mười tại đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 22: Giá Ông Hoàng Bảy tại đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 23: Nghi lễ dâng đồ mã tại đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 24: Lễ vật dâng Thánh, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 25: Lễ vật dâng Ông Hoàng Mười, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 26: Lễ vật dâng Ông Hoàng Mười, đền Chợ Củi
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 27: Đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 28: Ban thờ Tam tòa Thánh mẫu đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 29: Ban thờ Ông Hoàng Mười tại đền Cả - Đình Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 30: Ban thờ thập vị Ông Hoàng tại đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 31: Lễ tại Ban thờ Ông Hoàng Mười
đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2025)



Hình 32: Giá đồng Ông Hoàng Bảy tại đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 33: Giá đồng Ông Hoàng Mười tại đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 34: Giá đồng Ông Hoàng Mười tại đền Cả - Dinh Đô Quan Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)



Hình 35: Giá đồng Ông Hoàng Mười tại đền Cả - Dinh Đô Ông Hoàng Mười
(Ảnh tác giả chụp năm 2024)

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ SẮC PHONG TẠI NHÀ THỜ HỌ NGUYỄN

1. Sắc 211: Ngày 20 tháng 2 năm Thành Thái thứ 2 (1890)

- Sắc ban cho làng Xuân Am xã Âm Công huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An đang thờ thần: Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân chi thần, rất linh thiêng đến nay chưa được phong (a). Trẫm kể thừa mệnh sáng, nhớ công phù giúp của thần, phong là Dực bảo trung hưng linh phù chi thần, cho phép làng được thờ phụng, ngõ hầu thần phù hộ dân ta.

Kính vậy!

Người dịch: Thái Huy Bích [20, tr 92,93]

2. Sắc 212: Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909)

Dịch nghĩa: Sắc chỉ cho làng Xuân Am phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An, từ trước đến nay thờ phụng các thần Dực bảo Trung hưng Linh phù Thái úy Vị quốc công chi Thần, Dực bảo Trung hưng Linh phù Đặc tiến quốc công chi Thượng tướng chi Thần, đã từng được ban cấp sắc phong cho phép thờ phụng. Năm Duy Tân thứ nhất đại lễ tấn quang, trẫm đã ban bảo chiếu mở rộng ân trạch, lễ long trọng tặng phẩm hàm đặc chuẩn cho dân làng được thờ phụng như cũ ghi nhớ ngày lễ mừng của nước và tỏ rõ phép tắc thờ tự.

Kính vậy!

Người dịch: Thái Huy Bích [20, tr 93,94]

3. Sắc 213: Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định năm thứ 9 (1924)

Dịch nghĩa: Sắc ban cho làng Xuân Am phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An, từ trước đến nay thờ phụng các thần Linh phù Dực bảo trung hưng Thái úy Vị Quốc Công tôn thần, Linh phù Dực bảo Trung hưng Thái úy Bảo phúc quận công tôn Thần, Linh phủ Dực bảo Trung hưng Thái bảo phúc quận công, Linh phủ Dực bảo Trung hưng Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân tôn thần. Các ngài đã giúp nước, che chở cho dân rất linh thiêng, từng được ban cấp sắc phong cho phép thờ phụng. Nay vào dịp Trẫm mừng thọ 40 tuổi đã ban bảo chiếu mở rộng ân trạch. Lễ long trọng, lễ tặng phẩm hàm gia phong cho các thần sau:

Thái úy Vị Quốc Công tôn Thần gia tặng Quang ý Trung đẳng Thần, Thái bảo phúc quận công tôn Thần và Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân

tôn Thần đều gia tặng Đoan túc tôn Thần. Đặc chuẩn cho làng được thờ phụng như cũ ghi nhớ ngày lễ mừng của nước và tỏ rõ phép tắc thờ tự.

Năm Duy Tân thứ nhất đại lễ tấn quang, trẫm đã ban bảo chiếu mở rộng ân trạch, lễ long trọng tặng phẩm hàm đặc chuẩn cho dân làng được thờ phụng như cũ ghi nhớ ngày lễ mừng của nước và tỏ rõ phép tắc thờ tự.

Kính vậy!

Người dịch: Thái Huy Bích [20, tr 95]

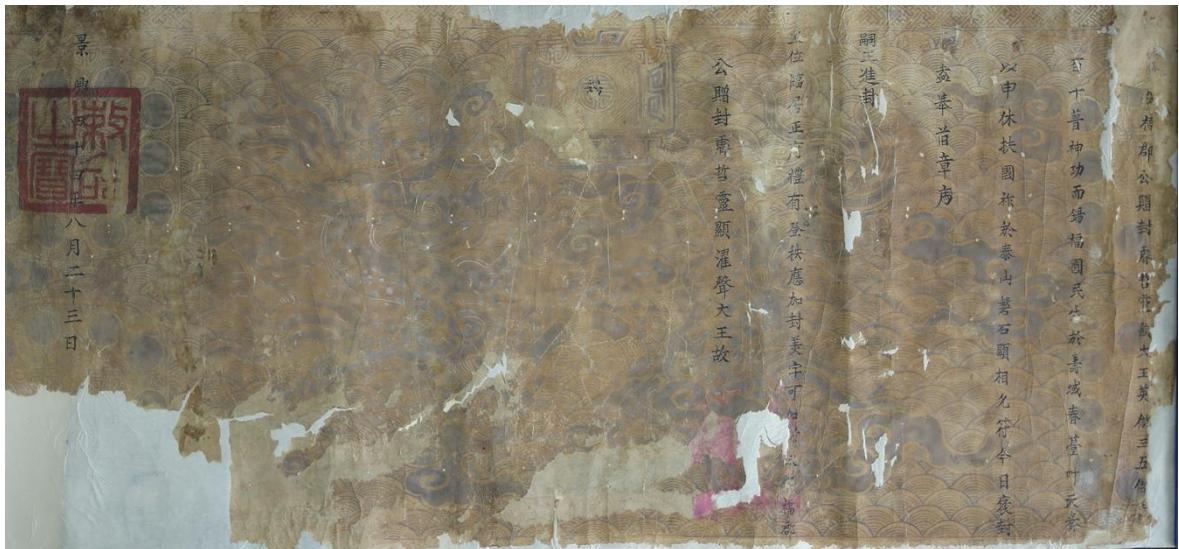
4. Sắc 215: Ngày 15 tháng 11 năm Tự Đức thứ 3 (1850)

Dịch nghĩa: sắc phong Song Đồng Ngọc Nữ tặng Nhân thực Diễm quyền Khiết tĩnh chi thần, từng giúp đỡ đất nước, che chở cho dân rất linh thiêng, đã được ban tặng sắc cho phép thờ tự. Nay Trẫm nhận lấy mệnh sáng, ghi nhớ công che chở của thần, gia tặng là Nhân thực Diễm quyền Khiết tĩnh Nhân uyển chi thần, cho phép làng Xuân Am xã Am Công huyện Hưng Nguyên được thờ phụng thần như cũ, ngõ hầu thần tiếp tục phù hộ dân ta.

Kính vậy!

Người dịch: Thái Huy Bích [20, tr.97]

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẮC PHONG



Hình 1: Sắc phong năm Cảnh Hưng thứ 44.



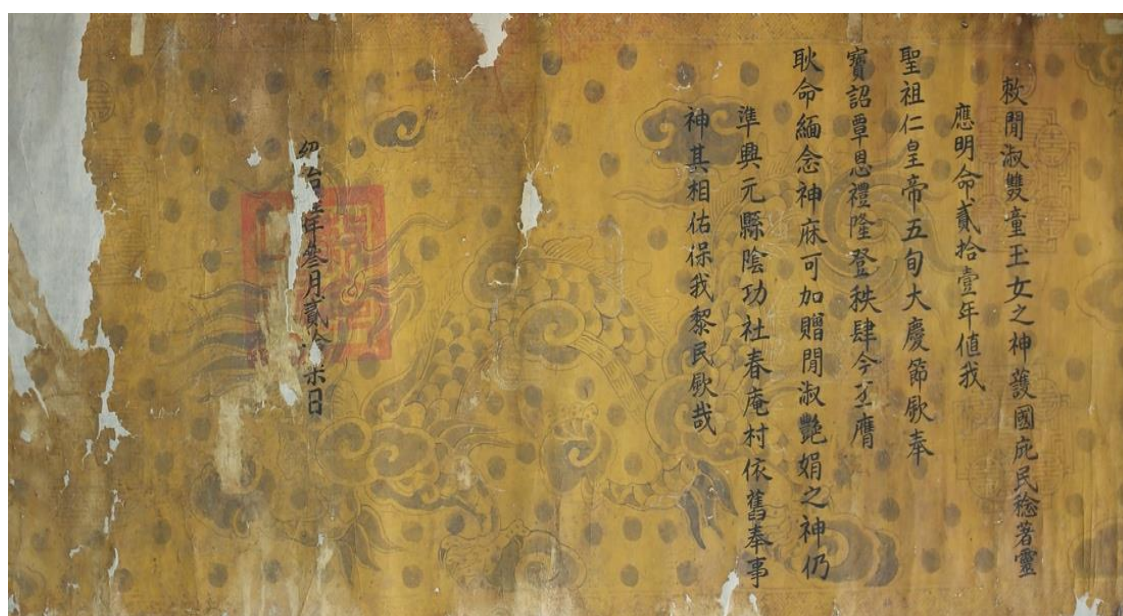
Hình 2: Sắc phong năm Khải Định thứ 9



Hình 3: Sắc phong năm Duy Tân thứ 3



Hình 4: Sắc phong năm Cảnh Thịnh thứ 4.



Hình 5: Sắc phong năm Thiệu Trị thứ 6

PHỤ LỤC 4
CHỨC VĂN YẾT CÁO, CHỨC VĂN CHÍNH TẾ
ĐỀN ÔNG HOÀNG MUỖI

1. CHÚC VĂN YẾT CÁO NGÀY 9 THÁNG 10 ÂM LỊCH, ĐỀN ÔNG
HOÀNG MƯỜI

[illegible]

2. CHÚC VĂN CHÍNH TẾ NGÀY 10 THÁNG 10 ÂM LỊCH

ĐỀN ÔNG HOÀNG MƯỜI

CHÚC VĂN CHÍNH TẾ 10/10																			
Phục	Hách	Cung	Bản	Đương	Tả	Thái	Đương	Nam	Văn	Hạo	Nam	Huê	Đệ						
Nguyễn	Nhĩ	Duy	Điện	Hành	Niên	Hoàng	Thắng	Nam	Nhạc	Hương	Thiên	Mô	Hòa	Thấp	Kim	Tư	Nghệ	Công	
Đại	Quyết	Tôn	Tả	Khiển	Gia	Doanh	Quân	Khâm	Giăng	Thiên	Chí	Thấp	Nhân	Hoàng	Ngân	Nhân	Cần	An	Hòa
Đức	Linh	Thần	Hữu	Hành	Tặng	Chánh	Công	Tặng	Đông	Tôn	Phượng	Hùng	Trí	Từ	Ngân	Nhân	Ủy	Tĩnh	Xà
Mặc		Văn	Bình	Linh	Tiền	Tặng	Trang	Đông	Hiển	Tôn	Thường	Hùng	Lược	Quan	Mã	Thần	Chủ	Hung	Hội
Tướng	Ký	Som	Võ	Thái	Phù	Hiệu	Phong	Huy	Quốc	Mẫu	Chúa	Bảo	Nhã	Sai	Âm	Dương	Huyện	Nghĩa	
Âm	Đa	Xuyến	Tướng	Tuế	Dục	Độc	Duyệt	Quốc	Công	Ngũ	Ngọc	Chư	Anh	Tiết	Tư	Nguyệt	Hung	Việt	
Phù	Tý	Anh	Tả	Chi	Bảo	Tiền	Triết	Tặng	Chế	Vĩ	Hoàng	Phật	Nghi	Chế	Thành				
Quốc	Hộ	Dục	Linh	Đức	Trung	Phụ	Linh	Thần	Thái	Tôn	Đại	Chư	Đại	Nghệ	Thứ	Tiết	Xã		
Thái		Quan	Tôn	Hung	Quốc	Hiển	Túc	Sư	Ông	Đề		Đại	Vương	An	Phẩm	Thuộc	Xuân		
Dân	Bảo	Hà	Cấp	Thần	Tái	Thượng	Trạc	Cung	Phu	Thượng	Tư	Bồ	Hoàng	Quảng	Phi	Sơ	Am		
An	Quốc	Hai	Từ	Khâm	Quân	Hiển	Túc	Phu	Thượng	Tư	Bồ	Hoàng	Quảng	Phi	Sơ	Am			
Phong	Yên	Từ	Chung	Tân	Phù	Tặng	Cầm	Ứng	Độc	Y	Châu	Thượng	Gia	Thuận	Kiến				
Điều	Dân	Chung	Tân	Phù	Tặng	Cầm	Ứng	Độc	Y	Châu	Thượng	Gia	Thuận	Kiến					
Vũ	Lịch	Nương	Công	Đoan	Y	Dục	Thực	Phối	Nhữ	Bà		Thượng	Tặng	Hòa	Thành	Nhất	Đồng	Đại	Niên
Thuận	Đại	Thị	Đồng	Túc	Vệ	Vạn	Minh	Tiền	Hưng	Ngũ		Linh	Linh	Đang	Bái	Tuyên	Toàn	Điện	Duy
Từ	Tặng	Đức	Vệ	Vạn	Tôn	Thần	Đại	Biên	Đại	Vĩ		Phù	Phù	Xử	Tiến	Thiểm	Thế	Ủy	
Dân	Phong	Nguy	Thanh	Linh	Thần	Vũ	Vương	Thông	Vương	Hoàng		Bảo	Bảo	Kiểm	Trưởng		Cán	Ban	
Lợi		Nguy	Xá	Thánh	Từ	Hoàng	Đạt	Cương	Đang	Vương		Trung	Trung	Bộ		Tam	Bộ	Nhân	
Lạc	Tư	Bạch	Chung	Vệ	Triều	Gia	Kiến	Trung	Linh	Chư		Hung	Hung	Chư		Dương	Nhân	Huyền	
Tế	Phùng	Công	Xá	Bán	Vu	Phong	Chinh	Tôn	Thần	Khâm		Tân	Tân	Bình		Phục	Nam	Hung	Thập
Ngô	Đông	Thần	Hách	Hồ	Xử	Sư	Dục	Đại	Chinh	Thần		Quang	Quang	Chương		Thủy	Phụ	Chữ	Nguyệt
Vân	Thiên	Hách	Hồ	Xử	Sư	Dục	Đại	Chinh	Thần	Khâm		Quang	Quang	Chương		Thủy	Phụ	Chữ	Việt
Minh	Chánh	Hách	Quân	Long	Độc	Trung	Vương	Hoàng	Triều	Chúa		Trung	Trung	Quốc		Cung	Ấu	Tịch	
Tiến	Tế	Thị	Hưng	Chúa	Lộc	Linh	Gia	Tặng	Tinh	Phong		Thần	Thần	Sư		Thái	Lâm	Thượng	
Bộ	Truy	Thị	Hưng	Chúa	Lộc	Linh	Gia	Tặng	Tinh	Phong		Thần	Thần	Sư		Thái	Lâm	Thượng	
Thực	Tiền	Kiến	Lục	Bán	Phong	Phong	Tinh	Diêm	Quyên	Tuân		Quốc	Quốc	Công		Cần	Đi	Chung	Sóc
Lại	Ấn	Thịnh	Sĩ	Bán	Phong	Phong	Tinh	Diêm	Quyên	Tuân		Quốc	Quốc	Công		Cần	Đi	Chung	Việt
Tôn	Cánh	Phát	Bộ	Miêu	Phong	Phong	Tinh	Diêm	Quyên	Tuân		Quốc	Quốc	Công		Cần	Đi	Chung	Thập
Thần	Ngưỡng	Vân	Hạ	Hậu	Công	Tuân	Tĩnh	Khuyết	Nhân	Sieu		Hung	Hung	Phong		Hàng	Qua	Phù	Nhật
Chi	Dinh	Thịnh	Đang	Thổ	Công	Tuân	Tĩnh	Khuyết	Nhân	Sieu		Hung	Hung	Phong		Hàng	Qua	Phù	
Gia	Thành	Hồ	Chung	Thị	Sáng	Tuân	Tĩnh	Khuyết	Nhân	Sieu		Hung	Hung	Phong		Hàng	Qua	Phù	
Huê		Ký	Tôn	Thần	Sáng	Tuân	Tĩnh	Khuyết	Nhân	Sieu		Hung	Hung	Phong		Hàng	Qua	Phù	
Dã	Phục	Đức	Thần	Thần	Sáng	Tuân	Tĩnh	Khuyết	Nhân	Sieu		Hung	Hung	Phong		Hàng	Qua	Phù	
Phục	Móng	Cầm	Loại	Đức	Đức	Đức	Bảo	Ngọc	Cung	Khuyết	Kim	Ngọc	Túc	Cung	Lưu	Thanh	Chức		
Duy	Đức	Tất	Đức	Đức	Đức	Đức	Bảo	Ngọc	Cung	Khuyết	Kim	Ngọc	Túc	Cung	Lưu	Thanh	Chức		
Cần	Giăng	Thống	Thống	Thống	Thống	Thống	Bảo	Ngọc	Cung	Khuyết	Kim	Ngọc	Túc	Cung	Lưu	Thanh	Chức		
Cáo	Lâm	Cầu	Ấn	Vĩ	Vĩ	Vĩ	Vương	Vĩ	Vĩ	Vĩ									
Hương	Hương	Ứng																	

3. Thiên vận niên nguyệt nhật thần khẩu thủ thượng số. (số cầu tài lộc)

Thiên vận niên Nguyệt nhật. Thần khẩu thủ thượng số cầu tài lộc.

Hồng hưu quân chiêm linh hướng đàn thần hạ tình vô nhậm khích thiết bình doanh chí chí cần số.

Hán sương nội vô quỳ phiếm chí ưu ngoại hữu phụ hồng chí tài cầu chi như ý nguyện giã toàn tâm dĩ mộc

Phật thánh phù thí tỉ dĩ nhật ích vinh hoa tài bảo doanh dư ư chu khổ sử kỳ niên tăng phú quý ngân tiền sùng dật ư.

Hồng từ đồng thùy chiếu dâm phục nguyện.

Bản điện phụng tự nhất thiết uy linh vị tiền cung vọng.

Tam tòa vương Mẫu ngũ vị Hoàng Thái tử vương quan khâm sai công chúa cung quyết hạ.

Tam giới thiên chúa tứ phủ vạn linh công đồng đại đế Ngọc bệ hạ. Nam mô mười phương tam bảo chư đại Bồ Tát kim ngọc bệ hạ.

Nam mô thập phương tam bảo chư đại Bồ Tát Kim liên tọa hạ.

Tu thiết kim ngân hương hoa lễ vật tịnh cúng phu trần cụ hữu số văn kiền thân thượng tấu cung duy.

Phật Thánh khuông phù chi đức tư phùng lệnh tiết, tiến lễ cầu an giản nhất thiết chi tai ương cầu vạn ban chi cát khánh do thị kim nguyệt cát nhật.

Ngọc bệ phủ giám phạm tâm ngôn niệm thân đẳng sinh cư dương thế số hệ. Thiên cung hạ càn khôn phủ tái chi ân cảm.

PHỤ LỤC 5

BẢN NHẠC MỘT SỐ LÀN ĐIỀU HÁT VĂN

GIÁ ĐỒNG ÔNG HOÀNG MƯỜI

Người hát: Trần Viết Trường

Ghi âm: Đoàn Thị Thanh Vân

Kiều

(Hoàng Mười)



Trấn thủ Nghệ An ông hoàng Mười trấn thủ Nghệ An.



Về huyện Thiên Bản ông làm quan đất Phú Dầy.



Trống đất chỉ trời núi hương thiêng, trống



đất chỉ trời. Đánh Đông dẹp Bắc ông ra ngoài bình nhu.

Dọc

(Hoàng Mười)

Đúng bác anh hùng tuổi thanh xuân đúng

bác anh hùng. Tài danh ông nổi tiếng khắp vùng

trời Nam. Nặng gánh cương thường

đôi vai ông Mười nặng gánh cương

thường. Sông Lam sóng cả ú buồm dương i i

i một chèo.

Hát sai

(Hoàng Mười)

Nhịp tự do



Sai trấn trung phương cờ vàng sai trấn trung phương. Tiến lo chính cộ ngự đồng lên chơi.



Phủ nhang Phủ Nghĩa đôi người. Phủ Nghĩa đôi người Phủ nhang phủ Nghĩa đôi người



Phủ Dầy An Thái chớ chày khi chơi kìm mộc hỏa tộc chớ chày.

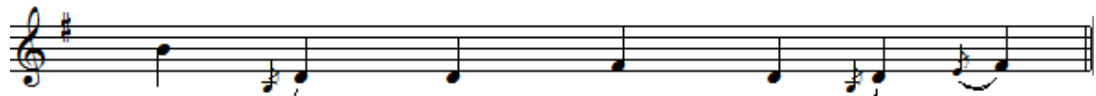
Thơ, vĩa, tòng, chuốc rượu

(Hoàng Mười)

Vĩa



Xem hoa con lại nhớ tới người. Khi tiệc về, chúng con lại nhớ.



Đức hoàng Mười trong tình Nghệ An.

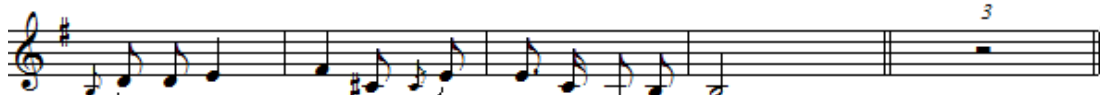
Vào nhịp



Hội quần tiên rót chén rượu đào. Dâng



nhất tuần sơ dâng lên kính Mẫu, các cô dâng mời là mời rượu ông



hoàng Mười xoi. Ớ xoi rượu bóng ông Mười xoi.

Tay tiên rót chén rượu đào. Dâng

nhị tuần á dâng lên kính Mẫu. Các cô dâng mời là mời rước ông

hoàng Mười xoi. á xoi rước bóng ông Mười xoi.

Nhất tuần sơ, nhị tuần á, tam tuần chung dâng lên bộ ngọc dâng

lên kính Mẫu. Các cô dâng mời là mời rước ông hoàng Mười xoi. Các cô, các

cô dâng mời là mời rước ông hoàng Mười xoi.

Phú nói

(Hoàng Mười)

Nhịp tự do



Bởi tiền thế ông hoàng Mười tu nhân tích đức ừ

Khiến xui nên ông hoàng Mười gặp ban tiền cung. Nợ trần hoàng vương vẫn chưa xong.

giục lòng khách mơ màng tưởng nhớ í i. Nay đến lúc ông hoàng Mười về tiền ở

Thôi thôi đành, thôi thôi đành vĩnh khách từng thi. Duyên trăm năm còn lại khúc ca thi.

Dáng hoàng tử để làm thơ khi tiền biệt.

Hò

(Hoàng Mười)

Nhịp tự do (Hò Xứ Nghệ)

O ơ Nói rằng đất Nghệ An có anh hùng hào kiệt
Tiếng ông hoàng Mười lăm liệt ngàn xưa. Ông Mười cũng vung gươm lên ngựa
để cỡi. Ra tay ông gùn giữ cõi bờ, cõi bờ Việt Nam.

(Hò Huế)

ơ ơ ơ ờ, ơ ờ ơ ơ. Khi hội nghị luận bàn việc nước.
Ông hoàng Mười cũng đem tài thao lược để hiến dâng.
Liệt sắc rồng ông hoàng Mười khiến tướng đều quân.
Gươm thiêng ba thước ngựa hồng ông hoàng Mười lên.

Vào nhịp

Hò là hò ơ hò.

Cuối hôm nay chúng con kiêu thành đức hoàng Mười

về Chén trà cũng là chén rượu xin chúc lời

thể hoàng say sưa. Rượu đào xin chúc đức mình

quán. Bấy lâu ghé ông Khao nhất thì tới hôm nay được thỏ

lòng, tới hôm nay được thỏ lòng.

Tỳ bà hành

(Hoàng Mười)

Nhịp tự do

Gặp xuân ta dự xuân chơi câu thơ. Câu thơ trên miệng là nơi thi về.

Xuân về hết cạn chén xuân về. Ngàn năm nét mực thơ để vẫn xuân.

Xuân ơi xuân hỡi vắng xuân lâu ta những đợi chờ mong.

Trải bao ngày nắng hạ thu đông. Dòng dãi nhớ nhớ nhưng xuân có biết.

Hư tuế xuân quý sầu kiu biệt. Nghìn nay xuân đau khách tương phùng.

Gặp ta nay xuân chớ lạ lòng. Sắc có khác, sắc có khác nhưng

tông ta chẳng khác.

Câu kết mỗi giá văn

Xe loan thánh giá hồi cung.